

**PHẬT ĐẠO**

**PHẬT TƯỚNG**

**PHẬT NẠN**

**SỞ HÀNH CỦA ĐỨC PHẬT**



# PHẬT ĐẠO



-----  
\* PHẬT ĐẠO – CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT  
CỦA CHƯ PHẬT

\* PHẬT ĐẠO – CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT  
CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA  
-----

## I. PHẬT ĐẠO – CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT CỦA CHƯ PHẬT

Kính thưa quý Phật Tử, trong Khóa Giáo lý Căn Bản này, Thầy gửi đến lớp mình 60 chủ đề, được chia làm 4 khoá, mỗi khoá là 15 chủ đề. Thưa đại chúng, khi học Giáo lý thường thì quý Phật tử sẽ được tiếp nhận nguồn kiến thức Phật Pháp nhiều hơn, so với khi nghe một bài Pháp, nên lúc học nếu có đủ điều kiện thì mọi người nên ghi chép lại để làm hành trang cho mình sau này. Với mong muốn của Thầy là mong đại chúng hiểu được Phật Pháp, mình đến với Đạo Phật và đến với Giáo Pháp của Ngài vì mình tin và mình hiểu Đức Phật.

*"Con tin Đức Phật nên con quy y nơi Ngài, con làm đệ tử của Ngài, và con thực hành những lời dạy của Ngài vì con hiểu chứ không phải vì con sợ Ngài."*

*Không phải con sợ Phật, không phải vì con không kính nể Ngài, cũng không phải vì con lo lắng bất an gì mà con đến với Ngài, mà vì con hiểu được con người vĩ đại của Đức Phật, trí tuệ, từ bi, đức hạnh của Ngài, và giáo Pháp tuyệt vời của Ngài. Vì con hiểu được ít nhiều như vậy nên con mới tìm đến Đạo Phật và học những lời dạy của Đức Phật."*

Với mong muốn của Thầy là vì quý Phật tử hiểu Đức Phật từ đó mới tin và đến với Phật Pháp. Thầy mở lớp Giáo lý này mong quý Phật tử hiểu được về Đức Phật: cuộc đời Đức Phật, con người Đức Phật, cũng như giáo Pháp của Phật. Lớp Giáo lý này mở ra Thầy rất là vui, đây giống như là một ước mơ của Thầy vậy. Thật ra đại chúng biết Thầy đã giảng cũng khoảng 2.000 bài rồi, và Tâm nguyện của Thầy là dạy một lớp Giáo lý chính thống mà giảng theo từng chủ đề đã từ lâu rồi, nhưng Thầy chưa dạy được vì cứ trực trặc chuyện này chuyện kia. Hôm nay cũng là bài giảng đầu tiên khai giảng cho lớp Giáo lý Căn Bản. Loạt bài đầu tiên Thầy sẽ giảng là bài Phật Đạo, Phật Tướng, đến Phật Nạn và bài Sở Hành Của Đức Phật. Sau 4 bài này, quý Phật tử sẽ hiểu tổng quan sơ lược về Đức Phật. Rồi sau đó ở các bài sau thì chúng ta sẽ vào các bài Giáo lý.

Riêng hai bài giảng đầu tiên, mỗi chủ đề Thầy sẽ giảng hai buổi. Bài tiếp theo là bài PHẬT NẠN - tức là trong cuộc đời Đức Phật Ngài gặp những cái nạn

gì, “*Nam mô hai chữ Từ Bi, Phật còn bị hại hưởng chi là mình*”, người ta nói vậy đó. Đức Phật là bậc từ bi, trí tuệ bậc nhất mà còn bị hại, bị nói xấu, bị vu oan, ... hưởng chi là phàm phu chúng ta, đúng không quý Phật tử? Cho nên sau này chúng ta có gặp những chuyện như vậy thì nhớ niệm câu này nha!

Bây giờ chúng ta sẽ học bài đầu tiên đó là bài PHẬT ĐẠO. “*Phật*” là Đức Phật, “*Đạo*” là con đường. “*Phật Đạo*” tức là con đường, là quá trình tu học để chứng thành quả vị Phật. Khi mình học về “*Phật Đạo*” là học về khoảng thời gian thành Phật là bao lâu? Khi thành Phật thì có những hạng Phật nào? Tu cái gì, tu như thế nào để thành Phật? Trước tiên chúng ta định nghĩa “*Phật Đạo*” là như vậy.

Bây giờ mình định nghĩa “*Phật*” là ai?

Lâu nay mình chỉ hình dung Phật là Phật vậy thôi, chứ mình cũng không biết Đức Phật là ai, mình chỉ biết Ngài là một Người có trí tuệ, có từ bi, có thần thông, có nhiều khả năng. Hôm nay mình định nghĩa “*Phật*” là như vậy: ***Đức Phật là con người giác ngộ, tỉnh thức. Tỉnh thức ở đây là tỉnh thức toàn vẹn nha, tức là Đức Phật luôn luôn tỉnh thức. Ngài giác ngộ chân lý Tứ Diệu Đế, Bát Thánh Đạo, chứng quả vị Phật dưới cội Bồ Đề. Sau khi Ngài đã tìm được con đường giải thoát, giác ngộ chân lý thì Đức Phật chế định ra ngôn ngữ để thuyết Pháp giáo hóa chúng sanh***

hữu duyên. Và chúng sanh ấy nương theo lời dạy của Ngài để giác ngộ, giải thoát.

Vậy ở đây quý Phật tử nhớ giùm Thầy: trước khi Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*) thành đạo thì dĩ nhiên đã có các vị Phật trước đó rồi, nhưng Giáo Pháp của các vị Phật trước đã không còn trên thế gian trong một khoảng thời gian dài thật dài rồi, gọi là “*Mạt Pháp*”. Khi không còn Phật Pháp trên thế gian nữa, thì rất lâu sau mới có một vị Phật ra đời. Cách đây hơn 2.500 năm, tại Ấn Độ không có Đức Phật nào hết, thì lúc này Thái tử Tất-Đạt-Đa (*Siddhattha*) mới bỏ cung điện đi xuất gia để tìm ra chân lý và Ngài chứng được quả vị Phật, trở thành Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*) tại khu rừng Uruvelā. Sau khi tìm ra con đường thì Ngài dạy lại cho chúng sanh. *Vậy con đường giác ngộ, con đường thành Phật của Đức Phật Gotama là con đường không Thầy chỉ dạy.* Hôm nay chúng ta tu trên con đường này là có Thầy! Vị Thầy xa của chúng ta đó là Đức Phật Gotama, vị Thầy gần chính là những vị Thầy mà chúng ta có duyên theo học, là quý Thầy mà chúng ta thường nghe Pháp, đọc sách. Còn riêng Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*) là Ngài tự tìm ra chân lý và giác ngộ nơi tự thân của Ngài, sau khi Ngài giác ngộ thì Ngài dạy lại cho chúng sanh hữu duyên. Hôm nay Thầy không giảng riêng về Đức Phật Thích Ca mà Thầy giảng chung về con

đường, quá trình tu học thành Phật của tất cả Chư Phật là như thế nào.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (*Cấp-cô-độc*), trở thành vị thí chủ cúng dường Jetavana (*Kỳ-viên tịnh xá*) nhân lúc đi đến Rājagaha (*thành Vương Xá*) để yết kiến Đức Phật Gotama sau khi nghe được tiếng **“Phật”** từ miệng của người em vợ nói ra. Vừa nghe được tiếng **“Phật”**, ông ta sung sướng thốt lên:

*Ghoso’ pi kho eso gahapati dullabho lokasmim,  
yad idam ‘Buddho Buddho’ ti”.*

Nghĩa là: *“Này hiền giả, quả thật hy hữu thay trong thế gian này được nghe tiếng “Buddha”.*

Trong khi Đức Phật đang lưu trú ở thị trấn Āpāna trong nước Aṅguttarāpa thì Sela, một vị giáo chủ Bà-la-môn, nghe đạo sĩ tóc búi Keniya nói tiếng **“Phật”**, vị ấy vui mừng thốt lên rằng: *“Thật hy hữu thay, trong thế gian này được nghe tiếng “Buddha.”* Chẳng bao lâu sau, vị ấy cùng ba trăm đệ tử của mình xuất gia theo Đức Phật Gotama bằng câu: *“Thiện lai tỳ khuru - Ehi Bhikkhu”*, và bảy ngày sau tất cả đều chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Từ những trích đoạn này của Kinh tạng, chúng ta thấy rằng trong thế gian này được nghe tiếng *“Buddha”* là điều rất hy hữu, càng hy hữu hơn là sự xuất hiện của một vị Phật.

**"Buddha"** nghĩa là chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhân. Trong bộ chú giải *Udāna* phân loại ra 3 hạng *Buddha*:

- *Sāvakabuddha*: Bậc Thánh Thanh Văn Giác.
- *Pacceka*buddha: Đức Phật Độc Giác.
- *Sammāsambuddha*: Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

### **1. Bậc Thánh Thanh Văn Giác (*Sāvakabuddha*):**

Là những Bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, đã được lắng nghe chánh Pháp trực tiếp từ Đức Phật, hoặc các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, rồi tiến hành Pháp hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Để trở thành bậc Thánh Thanh Văn Giác, vị Bồ Tát cần phải thực hành đầy đủ *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ* trong thời gian *trên dưới 100 ngàn đại kiếp*. Bậc Thánh Thanh Văn Giác có 3 hạng:

1. Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác (*Aggasāvaka*)
2. Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác (*Mahāsāvaka*)

### 3. Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường (*Pakatisāvaka*)

#### **1.1. Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác (*Aggasāvaka*) hay còn là Thượng Thủ Thanh Văn**

Là bậc Thánh đệ nhất trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Để trở thành Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác thì vị Bồ tát Tối Thượng Thanh Văn Giác phải thực hành *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ* trong thời gian 1 A-tăng-kỳ và *100 ngàn đại kiếp*. Mỗi vị Phật Chánh Đẳng Giác chỉ có 2 vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác mà thôi. Đức Phật Thích Ca (Gotama Buddha) có 2 vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác đó là:

- Bên phải là Ngài Đại Trưởng lão Sāriputta (*Xá-Lợi-Phất*) có Trí tuệ đệ nhất.

- Bên trái là Ngài Đại Trưởng lão Mahāmoggallāna (*Mục-Kiền-Liên*) có Thần thông đệ nhất.

#### **1.2. Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác (*Mahāsāvaka*):**

Là bậc Thánh có đức hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Để trở thành Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác thì vị Bồ tát Đại Thanh Văn Giác phải thực hành *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ* trong thời gian

*100 ngàn đại kiếp.* Đức Phật Gotama có 80 vị Thánh Đại Thanh Văn Giác.

\*Các vị Tỳ-kheo:

-Ngài Xá Lợi Phất (*Sāriputta*) có trí tuệ đệ nhất.

-Ngài Mục Kiền Liên (*Mahāmoggalāna*) có thần thông đệ nhất.

-Ngài A-nan (*Ānanda*) đa văn đệ nhất.

-Ngài Đại Ca Diếp (*Mahākassapa*) hành Hạnh Đầu Đà đệ nhất.

-Ngài Phú Lâu Na (*Punna*) thuyết Pháp đệ nhất.

...

\*Các vị Tỳ-kheo Ni:

-Tỳ-kheo Ni Khemā có trí tuệ đệ nhất.

-Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc (*Uppalavannā*) thần thông đệ nhất.

-Tỳ-kheo Ni Sonā tinh cần, tinh tấn đệ nhất.

-Tỳ-kheo Ni Paṭācārā trì Luật đệ nhất.

-Tỳ-kheo Ni Dhammadinnā thuyết Pháp đệ nhất.

...

*(Kinh Tăng Chi - Chương Một Pháp - Phẩm Người Tối Thắng)*

### **1.3. Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường (*Pakatisāvaka*):**

Là bậc Thánh không có đức hạnh nào xuất sắc trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Để trở thành Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường thì vị Bồ tát Thanh Văn Giác hạng thường phải thực hành *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ* trong thời gian dưới *100 ngàn đại kiếp*.

### **2. Đức Phật Độc Giác (*Pacceka*buddha):**

Là Bậc đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, và cũng không có Giáo Pháp của Ngài. Đức Phật Độc Giác có thể có hàng trăm, hàng ngàn vị cùng trong một thời kỳ, nhưng mỗi vị đều do tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế. Tuy nhiên, các Ngài không có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết Pháp tế độ chúng sinh để cùng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế mà các Ngài đã chứng ngộ.

Để trở thành Đức Phật Độc Giác, vị Bồ Tát Độc Giác ấy cần phải tạo đầy đủ 20 Pháp hạnh Ba-la-mật: “*10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ và 10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc trung*”, ít nhất trong suốt 2 *A-tăng-kỳ* và *100 ngàn đại kiếp Trái Đất*. Đức Phật Độc Giác còn gọi là *Viên Giác Phật* hay *Bích Chi Phật*.

### 3. Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác (*Sammāsambuddha*):

Là bậc tự chính mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế đầu tiên, không Thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt tận tất cả mọi phiền não – tham ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-la-hán đầu tiên trên toàn cõi giới chúng sinh, nên gọi là *Đức Phật Chánh Đẳng Giác* độc nhất vô nhị. Sau đó Ngài thuyết Pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành nên tế độ, chúng sinh ấy cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo năng lực Ba-la-mật của mỗi chúng sinh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có 3 hạng:

1. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có *trí tuệ siêu việt*
2. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có *đức tin siêu việt*
3. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có *tinh tấn siêu việt*

Con đường để trở thành một vị Phật Chánh Đẳng Giác quả thật không dễ dàng. Khoảng thời gian để thành tựu địa vị này trải qua ba thời kỳ:

| Thời kỳ                | Trí tuệ siêu việt | Đức tin siêu việt | Tinh tấn siêu việt |
|------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Phát nguyện trong tâm: | 7 A-tăng-kỳ       | 14 A-tăng-kỳ      | 28 A-tăng-kỳ       |

|                                       |                                          |                                          |                                          |
|---------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| Phát<br>nguyện<br>ra lời nói:         | 9 A-tăng-kỳ                              | 18 A-tăng-<br>kỳ                         | 36 A-tăng-<br>kỳ                         |
| Thọ ký<br>thành Phật:                 | 4 A-tăng-kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp      | 8 A-tăng-kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp      | 16 A-tăng-<br>kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp |
| Thời gian<br>thành tựu<br>quả vị Phật | 20 A-tăng-<br>kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp | 40 A-tăng-<br>kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp | 80 A-tăng-<br>kỳ<br>100 ngàn<br>đại kiếp |

Thời gian kéo dài của một Đại kiếp (*mahakappa*) sẽ là bao lâu? Trong *Samyuttanikāya* (Kinh Tương Ưng Bộ Tập 2, Chương 4, Phần V, VI), Đức Phật đã cho ví dụ khi giải thích vấn đề này:

*“Ví như, này Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bề dài, một do tuần bề rộng, một do tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tám vải kāsī. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một đại kiếp.”*

Hoặc *“Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do tuần, rộng một do tuần, cao một do tuần, chứa đầy hạt cải cao như chóp khăn đầu. Một*

*người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hạt cải. Nay Tỷ-kheo, đóng hạt cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một đại kiếp.”*

A-tăng-kỳ (*Asaṅkheyya*): là khoảng thời gian rất lớn không thể tính bằng số. Học giả Childers trong quyển “Tự Điển Pali” đã định nghĩa một A-tăng-tỳ (Đại) Kiếp (*asaṅkheyya kappas*) = 10140 (đại) kiếp, là một con số vô cùng lớn về thời gian, thách thức cả trí tưởng tượng!

Thầy nói thêm về *sự phân loại của đại kiếp (maha-kappa)*. Có hai loại:

– *Suñña-kappa* (kiếp trống không): tức là kiếp không có Đức Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, hoặc Chuyển Luân Vương xuất hiện; kiếp không có những nhân vật có đức hạnh sanh lên.

– *A-suñña-kappa* (kiếp không trống không): hay còn gọi là *Buddha-kappa* (Phật kiếp), là kiếp có một hay nhiều vị Phật xuất hiện, có năm kiếp không trống không:

• *Sāra-kappa* (Kiếp hương): có một vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

• *Maṇḍa-kappa* (Kiếp tinh tú): có hai vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

- *Vara-kappa* (Kiếp ân huệ): có ba vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

- *Sāramaṇḍa-kappa* (Kiếp tinh túy hương): có bốn vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

- *Bhadda-kappa* (Kiếp hiền): có năm vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

Khoảng thời gian giữa một vị Phật Toàn Giác xuất hiện và một vị Phật khác xuất hiện có thể là một Đại Kiếp hoặc một A-tăng-tỳ-Kiếp.

Như thế Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là một điều vô cùng hy hữu. Trong quá khứ, có khi trải qua thời gian 1 A-tăng-kỳ kiếp Trái Đất thành-trụ-hoại-không mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Thật vô cùng diễm phúc, trong kiếp Trái Đất mà chúng ta đang sống, có 5 Đức Phật đã tuần tự xuất hiện trên thế gian:

Trong quá khứ có 3 vị Phật đã xuất hiện đó là Đức Phật Kakusandha (*Câu Lưu Tôn*), Đức Phật Koṇāgamana (*Câu Na Hàm Mâu Ni*), Đức Phật Kassapa (*Ca Diếp*). Trong hiện tại Đức Phật Gotama (*Thích Ca*) xuất hiện và đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.565 năm, nhưng Giáo Pháp của Ngài vẫn còn được lưu truyền. Trong thời vị lai, Đức Phật Metteyya (*Di Lặc*) sẽ xuất hiện trên thế gian cũng trong kiếp Trái Đất Bhaddakappa (*Kiếp Hiền*) này.

Quý Phật tử thấy một vị Phật ra đời thật khó biết đường nào! Hiện tại chúng ta đang trong thời kỳ còn Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca, không phải thời kỳ nào cũng có đầy đủ ba ngôi Tam Bảo: Phật – Pháp – Tăng nha đại chúng. Và Thầy nói rằng chúng ta một phần vô phước và một phần có phước: Mình vô phước ở chỗ là không có cơ hội gặp trực tiếp Đức Phật. Và mình có phước tuy không được gặp Ngài nhưng mình đang sống trong thời kỳ còn Giáo Pháp của Đức Phật. Xin thưa quý Phật tử: Phật Pháp, Tứ Diệu Đế, Bát Thánh Đạo là gì? Đó là những tinh túy của một vị Phật Chánh Đẳng Giác còn sót lại. Và sau thời gian nữa chúng ta sẽ đến thời kỳ Mạt Pháp. Bài MẠT PHÁP Thầy sẽ dạy ở Khóa 3.

Thưa quý thiện hữu, Đức Phật Chánh Đẳng Giác là bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế đầu tiên không Thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn và chế định ra ngôn ngữ giáo huấn chúng sinh. Khi đã thành Phật Chánh Đẳng Giác thì các Ngài có 9 hoặc 10 Ân đức: Ứng Cúng (*Arahant*), Chánh Biến Tri (*Sammāsambuddho*), Minh Hạnh Túc (*Vijjācaraṇasampanno*), Thiện Thệ (*Sugato*), Thế Gian Giải (*Lokavidū*), Vô Thượng Sĩ (*Anuttaro*), Điều Ngự Trượng Phu (*Purisadammasārathi*), Thiên Nhân Sư (*Sattā devamanussānaṃ*), Phật (*Buddho*), Thế Tôn (*Bhagavā*). Có chỗ thì nói Đức Phật có 9 Ân đức đó

là hai Ân đức Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu gộp lại thành một Ân đức.

Thầy nhắc lại chi tiết này, Đức Phật Chánh Đẳng Giác có 3 hạng: *trí tuệ siêu việt, đức tin siêu việt và tinh tấn siêu việt*. Quý Phật tử có biết Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*) nghiêng về gì không? Ngài là Đức Phật Chánh Đẳng Giác nghiêng về *Trí Tuệ* nha. Và thời gian thành tựu quả vị Phật của Ngài là 20 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái Đất.

Khoảng thời gian để thành tựu quả vị Phật trải qua ba thời kỳ: *1-Phát nguyện trong tâm, 2-Phát nguyện ra lời nói, 3-Thọ ký thành Phật*. Thời gian Đức Phật Thích Ca phát nguyện trong tâm là 7 A-tăng-kỳ, Ngài phát nguyện ra lời nói là kéo dài 9 A-tăng-kỳ, đến giai đoạn thọ ký gặp Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṅkara*) kéo dài 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn Đại kiếp. Quý Phật tử nhớ giùm Thầy chi tiết này: Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác thời kỳ Phát nguyện trong tâm và phát nguyện ra lời nói thì các Ngài có thể thay đổi lời nguyện được, gọi là **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác bất định** (*Anita Bodhisatta*). Thời gian dài như vậy nếu như các vị Bồ Tát Chánh Đẳng Giác bất định ấy vẫn giữ nguyên lời nguyện và tiếp tục thực hành các Pháp hạnh Ba-la-mật thì trở thành **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác cố định** (*Niyatha Bodhisatta*).

*Sự khác nhau giữa Đức Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha) và Đức Phật Độc Giác (Pacceka-buddha) là gì?*

- **Giống nhau:** Cả hai Đức Phật đều không Thầy chỉ dạy mà tự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt tận tất cả mọi phiền não - tham ái không còn dư sót.

- **Khác nhau:**

|                                                                                           |                                                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>-Thời gian trở thành Đức Phật Độc Giác là <b>2 A-tăng-kỳ và 100 ngàn Đại kiếp.</b></p> | <p>-Thời gian trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có <i>trí tuệ siêu việt</i> là <b>20 A-tăng-kỳ và 100 ngàn Đại kiếp.</b></p>                                                           |
|                                                                                           | <p>-Thời gian trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có <i>đức tin siêu việt</i> là <b>40 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp.</b></p>                                                           |
| <p>-<b>Không chế định</b> ra ngôn ngữ giáo</p>                                            | <p>-Thời gian trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có <i>tinh tấn siêu việt</i> là <b>80 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp.</b></p> <p>-<b>Chế định</b> ra ngôn ngữ giáo hóa chúng sanh.</p> |

|              |       |  |
|--------------|-------|--|
| hóa<br>sanh. | chúng |  |
|--------------|-------|--|

Vậy sau khi giác ngộ chân lý và chứng quả vị Phật. Đức Phật Chánh Đẳng Giác đã chế định ra ngôn ngữ và dạy lại được con đường cho chúng sanh. Ngài như *“người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.”* (Trung Bộ Kinh – Bài Kinh số 80: Kinh Vekhanassa). Còn Đức Phật Độc Giác không thuyết Pháp tế độ chúng sanh chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài được.

Do nhân nào mà Đức Phật Độc Giác không thuyết Pháp tế độ chúng sanh?\_Vi Đức Phật Độc Giác không thể chế định ra ngôn ngữ để thuyết Pháp tế độ chúng sanh.

Giống như hôm qua quý Phật tử nằm mơ đi đến một khu vườn rất đẹp. Nhưng buổi sáng thức dậy thì biết khu vườn đó đẹp nhưng không thể nói ra được cái đẹp đó.

Đức Phật Độc Giác chỉ thành Phật khi trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác và không còn Giáo Pháp của Ngài. Nếu trong thời kỳ có Đức Phật Chánh Đẳng Giác và còn Giáo Pháp của Ngài,

thì các vị sẽ chứng quả Thánh trở thành Bạc Thánh Thanh Văn Giác (Thánh Nhập Lưu, Thánh Nhất Lai, Thánh Bất Lai, Thánh A-la-hán). Vậy quý Phật tử phân biệt được giùm Thầy các khái niệm về Thánh Thanh Văn Giác, Đức Phật Độc Giác và Đức Phật Chánh Đẳng Giác nha!

Để chắc chắn được thọ ký thành tựu quả vị Phật Toàn Giác trong ngày vị lai, điều cần phải có của vị Bồ Tát là sự phát nguyện ban đầu (*abhinīhāra*). Lời phát nguyện ban đầu chỉ có hiệu quả khi nào vị Bồ Tát hội đủ tám điều kiện trong lần thọ ký đầu tiên:

- 1/- Là loài người thật
- 2/- Là người nam thật
- 3/- Có khả năng chứng đắc quả vị A-la-hán trong kiếp sống ấy
- 4/- Nhìn thấy bậc Đạo Sư (phải sanh vào lúc vị Phật đang còn tại tiền)
- 5/- Là vị xuất gia (sống đời ẩn sĩ)
- 6/- Hội đủ đức hạnh (chứng đắc về thiên và thần thông)
- 7/- Có hành động hướng thượng đến vị Phật đương thời (chẳng hạn quyết định cúng dường sinh mạng đến một vị Phật)

8/- Có ý nguyện (*chanda*) rất mạnh mẽ để thực hiện mục tiêu, dù biết rằng mình có thể phải chịu nhiều kiếp tái sinh, ngay cả vào những cảnh giới xấu.

Vị Bồ Tát thể hiện hành động hướng thượng (*adhikāra*) đến Đức Phật đương thời và được vị Phật ấy chú nguyện. Sau khi được chính thức thọ ký, trải qua thời gian dài đằng đẳng không biết bao nhiêu kiếp sống trôi nổi luân hồi tiếp theo, vị Bồ Tát cần phải thực hành 10 Pháp Ba-la-mật theo ba cấp bậc thượng, trung, hạ để đạt đến sự toàn hảo **30 Pháp hạnh Ba-la-mật, 5 Pháp đại thí** và **3 Hạnh đức**, làm nhân lành thành tựu quả vị Phật tương lai.

Đại chúng thấy để trở thành một vị Phật có khó không ạ? Rất khó để trở thành Phật đúng không? Hôm nay chúng ta mới học bài một thôi mà thấy hết muốn thành Phật rồi đúng không? Chúng ta học Giáo lý là như vậy, mình cứ học từ từ, từng chút một rồi dần qua các bài sau, lúc đó sẽ có cái nhìn, cái hiểu sâu hơn. Anh phải như thế nào thì anh mới được ngồi ở vị trí đó, anh mới có thứ đó. Cũng vậy, Đức Phật đã cho những cái khó cho, Ngài hành những điều khó hành nên Ngài đắc những gì khó đắc. Còn mình thì cho cái mình không dùng nữa, mình nói những câu khó nghe nên bây giờ mình mới "*te tua, tàn tạ*" vậy nè, không phải tự nhiên đâu mà phải có lý do hết. Khi nói về luân hồi thì cái gì cũng công bằng hết, có thiện nghiệp và ác nghiệp, có nhân quả, tội phước, ...

Khi mọi người học Phật thì trí tuệ mình mới mở ra, mình sẽ có thái độ về cuộc đời hay lắm quý Phật tử. Chúng ta học để biết tận dụng những thời gian còn lại để làm việc có ích. Máy hôm nay, có mấy vị Phật tử trong mùa dịch tình trạng sức khỏe rất là nguy hiểm. chúng ta có thể giúp bằng cách ở nhà, tụng Kinh, đọc sách, nghe Pháp, hoặc ở trong nhà thôi cũng giúp người khác rồi. Bên ngoài thì có những vị nấu từng bữa ăn, lo từng thang thuốc cho người bệnh. Mặc dù biết dịch bệnh sẽ ảnh hưởng tính mạng của bản thân nhưng các vị ấy đã bỏ lợi ích riêng để làm lợi ích chung cho chúng sanh. Những ngày này Phật tử gửi danh sách cầu siêu mai táng về chùa, Thầy nhận tin buồn rất nhiều trong thời kỳ dịch bệnh này. Kiếp người thật quá mong manh nên chúng ta cố gắng tận dụng thời gian để tu tập, làm phước.

Thầy qua nội dung tiếp theo. Sau khi được thọ ký, vị Bồ Tát cần phải thực hành đầy đủ **30 Pháp hạnh Ba-la-mật**. Vậy Ba-la-mật (*Pāramī*) là gì? Không phải đơn giản là: *“Thầy ơi, con cúng cho Thầy bao gạo, thùng mì, nhưng Thầy đừng nói ai nha”*, đó không phải là Ba-la-mật nha quý Phật tử. **“Ba-la-mật”**: là đến bờ kia, tức là công đức mình làm giúp mình đến bờ giác ngộ, bờ làm Thánh, chấm dứt Tham Sân Si, chấm dứt luân hồi, phiền não, khổ đau. Là *“Con làm công đức để dứt Tham Sân Si, để con gửi vô*

*tài khoản làm Thánh", chứ không phải làm mà im im là Ba-la-mật.*

***\*10 Pháp Ba-la-mật là:***

- |                              |                                 |
|------------------------------|---------------------------------|
| 1- <i>Bố thí Ba-la-mật</i>   | 6- <i>Nhẫn nại Ba-la-mật</i>    |
| 2- <i>Trì giới Ba-la-mật</i> | 7- <i>Chân thật Ba-la-mật</i>   |
| 3- <i>Xuất gia Ba-la-mật</i> | 8- <i>Phát nguyện Ba-la-mật</i> |
| 4- <i>Trí tuệ Ba-la-mật</i>  | 9- <i>Tâm từ Ba-la-mật</i>      |
| 5- <i>Tinh tấn Ba-la-mật</i> | 10- <i>Tâm xả Ba-la-mật</i>     |

- *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc hạ (pāramī):* tạo Pháp hạnh Ba-la-mật thuộc về sự hy sinh của cải, vợ con... *bên ngoài thân mình.*

- *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc trung (upapāramī):* tạo Pháp hạnh Ba-la-mật nào thuộc về sự hy sinh những *bộ phận trong thân thể.*

- *10 Pháp hạnh Ba-la-mật bậc thượng (paramatthapāramī):* tạo Pháp hạnh Ba-la-mật liên quan trực tiếp đến *sự hy sinh sinh mạng* của mình.

*\*Năm hạnh đại thí:* bố thí tài sản, bộ phận cơ thể, vợ yêu quý, con yêu quý và sinh mạng của mình.

***\*Ba hạnh đức:***

- *Thế gian lợi ích hạnh* (sự thực hành vì lợi ích cho tất cả chúng sanh)

- *Thân thích lợi ích hạnh* (sự thực hành vì lợi ích cho thân bằng quyến thuộc)

- *Giác ngộ lợi ích hạnh* (sự thực hành và tinh tấn vì mục đích giác ngộ).

Điều cần lưu ý là các vị Bồ Tát không có cách nào chứng đắc đạo quả Phật sớm hơn thời gian được thọ ký (là 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp, 8 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp, 16 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp) cho dù vị ấy có siêng năng thực hành các Pháp Ba-la-mật. Giống như lúa trồng xuống phải mất 3-6 tháng mới chín, không cách nào làm lúa chín trong 15 ngày – 1 tháng dù siêng tưới nước và làm cỏ hằng ngày.

Chỉ sau khi thực hành viên mãn các Pháp Ba-la-mật trong thời gian dài như vậy mà không có sự gián đoạn, có sự tôn kính hết mức, nhiệt tâm, thái độ nghiêm chỉnh và cẩn trọng, một người mới có thể giác ngộ thành Phật được. Như vậy cũng đủ cho chúng ta mừng tượng được công hạnh của một vị Phật Toàn Giác đối với chúng sanh là như thế nào!

## **II. PHẬT ĐẠO – CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA**

Kính thưa quý Phật tử thân mến! Hôm nay chúng ta học tiếp tục Phần 2 của bài Giáo lý chủ đề: PHẬT ĐẠO. Hôm trước Thầy giảng về Phật Đạo là

con đường, quá trình tu của chư Phật. Thầy đã nói về thời gian, nội dung tu tập để trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác là như thế nào, và một số khái niệm cơ bản cho đại chúng.

Có một chi tiết Thầy nhắc lại đó là: trong khoảng thời gian dài có những kiếp Trái Đất không có vị Phật nào hết, có những kiếp Trái Đất có 1 vị Phật, 2 vị Phật, 3 vị Phật, 4 vị Phật, và nhiều nhất có những kiếp Trái Đất có 5 vị Phật, và chúng ta may mắn ở trong kiếp Trái Đất có 5 vị Phật. Bốn vị Phật quá khứ là Đức Phật Kakusandha (*Câu Lưu Tôn*), Đức Phật Koṇāgamana (*Câu Na Hàm Mâu Ni*), Đức Phật Kassapa (*Ca Diếp*) đã xuất hiện. Trong kiếp hiện tại của chúng ta có Đức Phật Gotama (*Thích Ca*) xuất hiện và đã nhập Niết bàn. Một vị Phật trong thời vị lai sẽ xuất hiện là Đức Phật Metteyya (*Di Lặc*). Sau thời Phật Di Lặc, kiếp Trái Đất này sẽ **không còn** vị Phật nào nữa hết. Và Thầy xin nhắc lại thật may mắn là ở kiếp Trái Đất hiện tại của chúng ta có 5 vị Phật đó thừa quý Phật tử. Hôm nay chúng ta sẽ học phần tiếp theo của bài PHẬT ĐẠO nghiêng về con đường thành Phật của Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*).

**Đức Phật Gotama** của chúng ta là *Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt*, trí tuệ của Ngài nhiều năng lực hơn *đức tin* và *tinh tấn*, cho nên thời gian tạo 30 Pháp hạnh Ba-la-mật của Ngài bằng 1/2 thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có *đức tin*

*ưu việt*, và bằng 1/4 thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có *tinh tấn ưu việt*.

**Tiền kiếp của Ngài tạo 30 Pháp hạnh Ba-la-mật qua 3 Thời kỳ:**

**(1). Thời kỳ đầu phát nguyện trong tâm:** trải qua 7 A-tăng-kỳ (đại) kiếp Trái Đất.

**(2). Thời kỳ giữa phát nguyện bằng lời nói:** trải qua 9 A-tăng-kỳ (đại) kiếp Trái Đất, để cho chúng sinh có thể nghe và hiểu biết rằng: “Đức Bồ Tát có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”.

Hai thời kỳ đầu và giữa, Đức Bồ Tát vẫn còn là **Đức Bồ Tát bất định** (*Aniyatabodhisatta*,) có thể thay đổi ý nguyện, không còn muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác mà muốn trở thành Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác.

Nếu Đức Bồ Tát vẫn không thoái chí, có tâm đại bi thương xót chúng sinh, có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác để tế độ cứu vớt chúng sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, thì Đức Bồ Tát tiếp tục tinh tấn tu tập tạo 30 Pháp hạnh Ba-la-mật bước sang đến thời kỳ cuối.

**(3). Thời kỳ cuối:** Đức Bồ Tát được Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký, xác định thời gian còn lại trải qua 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái Đất nữa chắc chắn sẽ là Đức Phật Chánh Đẳng Giác

thời vị lai. Khi ấy, Đức Bồ Tát trở thành **Đức Bồ Tát cố định** (*Niyatabodhisatta*) và Ngài tiếp tục tu tập tạo đầy đủ 30 Pháp hạnh Ba-la-mật cho đến kiếp chót.

Trong thời gian suốt 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp ấy chỉ có **24 Đức Phật Chánh Đẳng Giác** tuần tự xuất hiện trên thế gian mà thôi. Mỗi khi Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện, thì Đức Bồ Tát tiền kiếp của *Đức Phật Gotama* đều đến hầu Chư Phật ấy và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Trong đó có: 9 kiếp Ngài là vị Tỷ khuru, 5 kiếp Đạo sĩ, 5 kiếp là người tại gia, 2 kiếp Long vương, 1 kiếp là Đức vua trời Đế Thích (*Sakka*), 1 kiếp là Thống tướng Dạ Xoa (*Yakkha*), 1 kiếp là Sư tử chúa được thọ ký.

### **1. Vị Phật đầu tiên thọ ký cho Ngài là Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṅkara*)**

Khi ấy, Ngài là Đạo sĩ Sumedha (*Thiện Huệ*) sinh ra trong gia đình thuộc dòng dõi Bà-la-môn thuần khiết. Sau khi cha mẹ qua đời đã để lại cho Ngài một gia sản vô cùng đồ sộ. Tuy nhiên Ngài làm phước thiện, bố thí hết tất cả cho những ai cần đến chúng vì suy xét rằng “*sẽ có ngày thân này tan rã, ta ra đi với hai bàn tay trắng, chẳng đem theo được gì*”. Rồi Ngài từ bỏ đời sống thế tục, xuất gia làm ẩn sĩ. Trong thời gian ngắn tinh tấn tu tập, Ngài đã chứng Bát Thiền và Ngũ Thông, an hưởng sự an lạc trong khi nhập

thiền (*Jhānasamāpatti*) nên không hề hay biết rằng Đức Phật Nhiên Đăng đã xuất hiện trên thế gian.

-Bát Thiên: bao gồm Tứ thiên Sắc giới (Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên) và Tứ thiên Vô Sắc (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ).

-Ngũ Thông: gồm Thiên Nhãn thông, Thiên Nhĩ thông, Tha Tâm thông, Túc Mạng thông, Thần Túc thông.

Một hôm, Đạo sĩ Sumedha du hành bay trên hư không, nhìn thấy dân chúng xứ Rammavati đang vui mừng hoan hỷ sửa sang con đường. Muốn biết do nguyên nhân nào khiến người ta làm việc một cách hoan hỷ như vậy, Đạo sĩ liền đáp xuống bèn hỏi những người ấy rằng:

- *Thưa quý bà con, quý bà con sửa sang con đường này để cho ai đi, mà thấy quý Phật tử vui mừng hoan hỷ đến như thế?*

- *Kính thưa Ngài, Đức Phật Dīpaṅkara cao thượng nhất trong toàn cõi giới chúng sinh đã xuất hiện trên thế gian rồi, chúng tôi đang sửa sang con đường này để đón rước Đức Phật cùng 400 ngàn chư Thánh A-la-hán sẽ ngự qua con đường này.*

Đạo sĩ Sumedha vừa lắng nghe danh từ “*Buddha*” (Đức Phật), niềm hỷ lạc vô biên liền

tràn ngập khắp thân tâm vị ấy. Vị ấy suy nghĩ: “Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều hiếm có, thật vô cùng hy hữu. Ta nên cố gắng gieo phước thiện, tạo duyên lành nơi Đức Phật”. Vị Đạo sĩ liền thưa với bà con mong muốn được tham dự vào một phần công việc của họ.

Dân chúng biết Đạo sĩ có nhiều oai lực thần thông, nên họ chỉ cho Ngài đoạn đường bùn lầy khó khăn, Đạo sĩ nghĩ rằng: “Nếu ta dùng phép thần thông để sửa đoạn đường này thì quá dễ, phước thiện ta được sẽ không nhiều. Vậy, ta nên tự dùng sức mình để sửa sang, thì chắc chắn ta được phước thiện nhiều hơn”. Đức Bồ Tát dùng sức của chính mình lấy đất từ nơi khác đến để san bằng, công việc sửa đoạn đường còn độ một sải tay nữa là hoàn thành.

Khi ấy, nghe mọi người reo hò vui mừng đón Đức Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư Thánh A-la-hán sắp đến, Đức Bồ Tát Sumedha quyết định rằng: “Hôm nay ta xin cúng dường sinh mạng của ta đến Đức Phật Dīpaṅkara, bằng cách nằm sấp trên đoạn đường còn lại. Nguyên lấy tám thân này làm như một chiếc cầu, để cúng dường Đức Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư Thánh A-la-hán ngự đi qua. Chắc chắn ta sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài”.

Đức Bồ Tát Sumedha suy tư rằng: “Hôm nay, nếu ta từ bỏ ý nguyện muốn trở thành Đức Phật

*Chánh Đăng Giác, thì chắc chắn ta sẽ trở thành một bậc Thánh A-la-hán trong giáo Pháp của Đức Phật Dīpaṅkara, rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới chỉ một mình ta; nhưng còn bao nhiêu chúng sinh khác vẫn đang chìm đắm trong biển khổ tử sinh luân hồi. Ta không đành giải thoát khổ riêng một mình ta”. Nghĩ vậy, với tâm đại bi vô lượng thương xót chúng sinh, nên Đức Bồ Tát Sumedha phát nguyện rằng:*

*“Khi ta tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác rồi, khi ấy ta sẽ thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh A-la-hán y theo ta vậy (**tự giác - giác tha**).*

*Khi ta tự mình giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc của tham ái, phiền não, chứng ngộ Niết Bàn rồi, khi ấy, ta sẽ dẫn dắt chúng sinh cùng giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc của tham ái, phiền não, chứng ngộ Niết Bàn y theo ta vậy (**tự độ - tự tha**).*

*Khi ta tự mình vượt qua được biển khổ tử sinh luân hồi, đạt đến Niết Bàn an lạc rồi, khi ấy, ta sẽ cứu vớt, dẫn dắt chúng sinh cùng vượt qua biển khổ tử sinh luân hồi, đạt đến Niết Bàn an lạc y theo ta vậy (**tự độ - độ tha**).*”

Trong khi Đạo sĩ Sumedha đang lập nguyện thành Phật thì một thiếu nữ Bà-la-môn tên là Sumittā (tiền thân *Yasodharā* tương lai) trên tay cầm 8 đóa hoa sen hòa nhập với đoàn người đi đến để cúng dường Đức Phật Dīpaṅkara. Khi nhìn thấy Đạo sĩ Sumedha nằm sấp lấy thân mình làm chiếc cầu trên đoạn đường ấy, cô liền phát sinh đức tin trong sạch, kính dâng đến vị Đạo sĩ 5 đóa hoa sen, còn 3 đóa hoa sen để lại cho mình và bày tỏ ước muốn: *“Trải qua suốt thời gian dài thực hành viên mãn Ba-la-mật để thành đạt đạo quả Phật của Ngài, con nguyện sẽ làm người cộng tác trong cuộc đời của Ngài.”*

Đạo sĩ Sumedha nằm sấp, hai tay cầm 5 đóa hoa sen để trên trán và dâng cúng cho Đức Phật. Khi ấy, Đức Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư vị Thánh A-la-hán ngự đi ngang qua bằng phép thần thông một cách nhẹ nhàng trên tám thân của Đạo sĩ Sumedha, cho nên sinh mạng của Đức Bồ Tát vẫn an toàn, chẳng hề gì cả.

Về sự xuất hiện hy hữu của một vị Phật, không ai trong đám đông mà không phát nguyện thành Phật khi trông thấy oai lực vĩ đại của Ngài. Tuy nhiên, không phải ai trong số đó cũng đủ nhân tố để chứng đắc Phật quả. Không như đại chúng, Đạo sĩ Sumedha có đủ tám yếu tố cần thiết để được thọ ký (*xem phần trên*). Vì đạo quả cao thượng, Ngài sẵn sàng phục vụ đến Đức Phật mà không do dự, không

nản lòng, cho dù biết trước có thể mình không sống nổi nếu Đức Phật và 400 ngàn vị A-la-hán đi lên lưng mình tựa như đi trên một chiếc cầu. Vì đạo quả Phật, cho dù toàn thể thế giới rải đầy than hồng nóng đỏ và cắm đầy gươm đao bén nhọn, vị ấy sẽ không nhụt chí mà vẫn bước lên chúng.

Biết vị Đạo sĩ Sumedha có đủ đặc tánh cần thiết, Đức Phật Dīpaṅkara ngự đứng phía trên đầu của vị ấy, bằng trí tuệ thấy rõ biết rõ, Ngài vận dụng thần thông quán xét xem trong thời vị lai, ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác của Đạo sĩ Sumedha có thành tựu hay không. Sau khi thấy rõ, biết rõ chắc chắn sẽ thành tựu, nên Đức Phật Dīpaṅkara thọ ký xác định thời gian còn lại rằng: *“Trong thời vị lai, còn 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái Đất nữa, Đạo sĩ Sumedha này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”*.

Khi Đức Bồ Tát lắng nghe lời thọ ký xác định thời gian của Đức Phật Dīpaṅkara, tâm vô cùng hoan hỷ. Tất cả nhân loại, chư Thiên, chư Phạm thiên đồng hoan hỷ chấp tay lễ bái Đức Bồ Tát Đạo sĩ, tán dương ca tụng rằng: *“Đạo sĩ Sumedha chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai”*.

Rồi Đức Phật cũng tiên tri về cô gái Sumittā giữa đại chúng như sau: *“Này Sumedha,*

*cô gái Sumittā này sẽ là người tham dự vào cuộc đời của con, trợ giúp con bằng hành động và sự nhiệt tình không kém gì con để giúp con thành đạt Phật quả. Trong thời kỳ giáo Pháp của con, khi con là một vị Phật trong kiếp cuối cùng, nàng sẽ trở thành nữ đệ tử nhận lãnh di sản tinh thần của con, là đạo quả A-la-hán cùng với sáu Thắng trí.”*

## **2. Sự thực hành các Pháp hạnh Ba-la-mật trong những kiếp kế tiếp**

Cần lưu ý rằng, hành động phát nguyện của Đạo sĩ Sumedha được tròn đủ là đại thiện tâm khởi sanh do kết quả quán niệm của vị ấy về những Ân đức của Đức Phật, và lòng bi mẫn của vị ấy vì lợi ích của chúng sanh trong toàn thể thế gian. Đại thiện tâm này có năng lực phi thường giúp vị ấy suy xét các Pháp Ba-la-mật cần được hoàn thành và quyết định thứ tự của các Pháp Ba-la-mật để thực hành. Vị ấy làm như vậy bằng trí tra xét các Pháp Ba-la-mật (*Ba-la-mật Tư trạch trí - Paramī-pavicaya-ñāṇa*), loại trí này giúp vị ấy có thể thâm nhập các Pháp mà không cần sự chỉ dạy của vị Thầy. Đây là loại trí báo trước sự chứng đắc *Nhất thiết trí*, theo sau nó là sự thực hành viên mãn lần lượt các Pháp Ba-la-mật.

Theo bộ Nhân Duyên Luận (*Nidāna-kathā*) của Hạnh tạng Chú giải (*Cariyā-Piṭaka Commentary*), sau khi được chính thức thọ ký, Bồ tát Sumedha cố gắng

vượt bậc và không ngừng để thực hành viên mãn các Pháp Ba-la-mật (*pāramī*), các Pháp Xả thí (*cāga*) và Hạnh đức (*cariya*) bằng bốn Pháp tu tập, đó là:

1. Sabbasambhāra-bhāvanā: tu tập đầy đủ các Pháp Ba-la-mật.
2. Nirantara-bhāvanā: tu tập không gián đoạn
3. Cirakāla-bhāvanā: tu tập trong thời gian lâu dài
4. Sakkacca-bhāvanā: sự thực hành một cách cẩn trọng và đầy tôn kính.

Ngài tinh tấn tu tập như vậy trong khoảng thời gian dài 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp Trái Đất và nhận thêm lời chú nguyện thọ ký của 23 vị Phật tiếp sau đó nữa. ***Vị Phật cuối cùng thọ ký cho Ngài là Đức Phật Ca Diếp (Kassapa Buddha).***

Ngài chấp nhận chịu đựng kéo dài từ sinh luân hồi với mong muốn thành đạt quả vị Phật Chánh Đẳng Giác. Có những kiếp Ngài tái sinh làm chư Thiên có thọ mạng lâu dài do quả phước to lớn đã tạo, nhưng Bồ Tát lại chọn rút ngắn thọ mạng của mình ở cõi chư Thiên bằng cái chết do nguyện lực (*Thắng giải tử - adhimutti maraṇa*) vì khó thực hành viên mãn các Pháp Ba-la-mật ở trong các cõi ấy. Ngài chọn con đường khó khăn hơn, đó là tái sinh nhiều lần trong cõi

nhân loại để có thể tiếp tục hạnh nguyện của mình với tâm đại bi vô cùng tận.

Đại dương mênh mông đến đâu thì nó vẫn hữu hạn vì nó có đáy, có bề mặt và có những dãy núi bao bọc xung quanh. Thế nhưng, những Pháp Ba-la-mật mà Bồ-tát đã tích tạo thì rộng lớn vô cùng. Người ta không thể xác định giới hạn tài sản đã cho đi, cũng như máu thịt, thân, mắt, đầu... mà Ngài đã thí xả đến chúng sanh. Điều này được tán dương ở trong bài Kinh Jinālaṅkāra như sau:

*Mahāsamudde jolabinduto 'pi*

*Tad antare jāti anappakā va*

*Nirantataṃ puritapāraminam*

*Kathaṃ pamāṇam upamā kuhiṃ va.*

“Những kiếp sống dài đằng đẳng

Từ kiếp của ản sĩ Sumedha

đến kiếp của thái tử Vessantara

Số kiếp ấy thật vô số

Nhiều hơn những giọt nước trong đại dương,

Những Ba-la-mật đã được thực hành

suốt thời gian ấy, không bỏ sót một kiếp nào.

Ai có thể tính ra được?

Lấy gì để so sánh?”

Ngoài ra, trong Chú giải và Phụ chú giải của bài Kinh *Pātheyya*, Phụ chú giải của bài *Jinālaṅkāra*, ở đó những đặc tánh của hàng trăm loại Phước (*satapuññalakkhaṇa*) được bàn đến: “Sau khi gộp lại thành một nhóm tất cả những việc phước như bố thí, v.v... được làm bởi vô số chúng sanh trong vũ trụ bao la suốt thời gian dài, từ lúc ẩn sĩ Sumedha phát nguyện thành Phật dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṅkara*) cho đến kiếp thái tử Vessantara, đã bố thí luôn cả vợ là hoàng hậu Maddī. Rồi gộp chung thành một nhóm khác tất cả những việc phước được làm bởi một vị Đương lai Phật cũng trong cùng thời gian ấy, thì số việc phước của tất cả chúng sanh kể trên không thể bằng ngay cả một phần trăm, đúng hơn là một phần ngàn số phước của một vị Đương lai Phật.”

Chưa tính kể đến những Pháp hạnh khác, chỉ riêng Pháp bố thí Ba-la-mật thôi mà Đức Bồ Tát Sumedha đã thực hành viên mãn được ca ngợi ở trong bài *Jinālaṅkāra* như sau:

“Hương về Trí tuệ vô biên, tràn trề niềm tin và nhiệt huyết, vị Bồ-tát ấy đã bố thí máu của mình nhiều hơn những giọt nước trong bốn biển.

Hương về Trí tuệ vô biên, tràn trề niềm tin và nhiệt huyết, vị ấy đã bố thí thịt mềm trong thân, số

*lượng nhiều hơn đất trên quả địa cầu rộng 240.000 do-tuần.*

*Hướng về Trí tuệ vô biên, tràn trề niềm tin và nhiệt huyết, vị ấy đã nhiều lần bỏ thí đầu của mình kèm theo vương miện lấp lánh chín viên ngọc nếu số đầu chất đống sẽ cao hơn núi Tu-di.*

*Hướng về Trí tuệ vô biên, tràn trề niềm tin và nhiệt huyết, vị ấy đã nhiều lần bỏ thí đôi mắt sáng rực, màu đen tuyền như cánh con bọ cứng, số mắt nhiều hơn các vì sao trong vũ trụ bao la.”*

Thời gian thực hành đại nguyện cùng những đau khổ mà Bồ tát đã chịu đựng trong vô lượng kiếp sống dù chỉ là nghĩ thôi cũng không dám tưởng tượng đến, vậy mà lòng bi mẫn và sự nhẫn nại của Ngài đối với chúng sanh thật vô cùng bền bỉ. Ngài luôn cố gắng tìm nhiều phương sách để có thể cứu độ muôn loài thoát vòng trầm luân. Cho nên đối với những kẻ mù quáng gây tổn hại đến thân thể và sinh mạng của Ngài, chưa bao giờ Ngài khởi lên chút sân hận nhỏ nào. Ngài suy nghĩ rằng: “*Nếu ta cư xử quấy với kẻ càn quấy thì ta chẳng khác gì họ, như thế sao ta có thể độ được họ? Bằng Pháp Nhẫn nại, ta sẽ tiếp nhận hành động sai quấy của chúng sanh; với Pháp Từ bi ta sẽ thực hành viên mãn các Ba-la-mật...*” Khi quan sát như vậy, Bồ Tát thực hành các Pháp Ba-la-mật một cách phi thường cho đến ngày thành tựu.

### **3. Đại nguyện viên thành, Đức Phật ra đời là hạnh phúc của toàn nhân loại**

Như giọt nước nhỏ lâu ngày cũng đầy bình, công hạnh của Bồ Tát cũng tới ngày viên mãn, thời khắc vàng nhật nguyệt xuất hiện chiếu sáng khắp trần gian cũng đã đến. Năm 623 TCN, vào ngày trăng tròn tháng Vesakha, Đức Bồ Tát đản sanh tại vườn Lumbīnī (*Lâm-tỳ-ni*), thành Kapilavatthu (*Ca-tỳ-la-vệ*), phía Bắc Ấn Độ, con vua Suddhodana (*Tịnh Phạn*) và hoàng hậu Mahāmāyā, Thái tử hiệu là Siddhattha, dòng họ Gotama.

- Theo truyền thống Nam truyền: Lễ Vesakha (Vesak - 15/4 Âm lịch) là kỉ niệm ngày Đức Bồ Tát đản sanh, thành đạo, nhập Niết Bàn.

- Theo truyền thống Bắc truyền: 15/4 Âm lịch là Đức Bồ Tát đản sanh, 8/12 Âm lịch là Đức Phật thành Đạo và 15/12 Âm lịch là ngày Ngài nhập Niết Bàn.

Sau khi đản sanh, Ngài bước đi bảy bước và đồng dục tuyên bố:

*“Ta là Bậc cao cả nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!*

*Ta là Bậc vĩ đại nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!*

*Ta là Bậc Tối Thượng nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!*

*Kiếp này là kiếp chót của ta  
Ta không còn tái sinh kiếp nào khác nữa!”*

Lúc ấy quả địa cầu rung động, cây cối nở hoa, mười ngàn thế giới vui mừng hoan ca, chấp tay đánh lễ tán dương Đức Bồ Tát.

Tuy sống trong nhung lụa và nhận được sự nuôi dưỡng tốt nhất của vua cha, nhưng Thái tử Siddhattha vẫn luôn băn khoăn, trầm tư về kiếp sống mong manh giả tạm này. Năm 29 tuổi sau khi dạo quanh bốn cửa thành, nhận thấy cảnh Sanh - Già - Bệnh - Chết đầy khổ lụy mà không ai có thể tránh khỏi, và con đường xuất thế từ cuộc gặp gỡ với một vị Sa môn, Ngài quyết định từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, quyết chí xuất gia tìm đạo giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, bấy giờ là lúc nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch.

Bên cạnh bờ sông Anoma, Đức Bồ Tát Siddhattha cởi bỏ trang phục vương giả, khoác lên mình chiếc áo ẩn sĩ chôn rừng sâu, lấy gươm báu cắt tóc và bắt đầu hành trình tìm kiếm chân lý của mình. Ngài tìm đến vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta và Udaka Rāmaputta (*Uất-Đầu-Lam-Phất*) nổi tiếng đương thời để thọ giáo. Chỉ trong thời gian ngắn Ngài đã chứng đắc được Vô sở hữu xứ thiền và Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền đồng bậc với hai vị Đạo sư nhưng nhận ra đây chưa phải con đường giải thoát Ngài cần tìm.

Sau khi từ giã vị Đạo sư Udaka Rāmaputta, Đức Bồ Tát đi đến khu rừng Uruvela gần con sông Nerañjarā, nơi đây có nhóm 5 Tỷ khưu: Ngài Kondanna (*Kiều-trần-như*) là trưởng nhóm, Ngài tinh tấn hành *Pháp khổ hạnh* (*Dukkaracariyā*). Đó là phương pháp nín thở ra - vô bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai; rồi tiếp tục nín thở ra - vô bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đậm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đậm xuống bụng đau tức tối, hơi nóng phát ra toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Ngài chết ngất.

Có số chư thiên tưởng rằng: “*Sa-môn Gotama đã chết rồi!*”, số khác tưởng rằng: “*Sa-môn Gotama đang gần chết!*”, số khác cho rằng: “*Sa-môn Gotama không phải chết, cũng không phải đang gần chết, mà Sa-môn Gotama đang hành Pháp bậc Thánh Arahán!*”.

Ngài tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen, hạt mè... Do đó, kim thân của Ngài gầy ốm chỉ còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng, thì đụng phải đường xương sống. Trước kia kim thân của Đức Bồ Tát có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời; đến nay, các tướng tốt chính và các tướng tốt phụ đã biến mất, còn làn da đã trở thành màu đen sẫm.

Trong Kinh Trung Bộ, Ngài đã diễn tả sự thực hành khổ hạnh của Ngài như sau: *“Này Sāriputta, trong khi Ta chỉ sống ăn một hột gạo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo...bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà...xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh...các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát...con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu...da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo, khô cằn.*

*Nếu Ta nghĩ: “Ta hãy sờ da bụng”, thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: “Ta hãy sờ xương sống”, thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Sāriputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống.”*

Đức Bồ Tát đã hành Pháp khổ hạnh, đó là Pháp khó hành suốt 6 năm trường ròng rã, mà không đạt đến mục đích chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, nên Ngài đã từ bỏ hành Pháp khổ hạnh.

Đức Bồ Tát suy xét: *“Ta đã hành Pháp khổ hạnh đến chỗ cùng tột rồi. Trong quá khứ, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn nào đã hành Pháp khổ hạnh*

*đến mức như ta đang hành. Hiện tại và vị lai cũng sẽ không có Samôn, Bàlamôn nào có thể hành Pháp khổ hạnh như ta; thế mà, ta không thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Như vậy, chắc chắn phải còn có một Pháp hành nào khác”.*

Đức Bồ Tát hồi tưởng lại rằng: “*Khi còn nhỏ cùng Phụ vương ra đồng làm lễ hạ điền, Phụ vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây mận (đào). Ta đã ngồi niệm đề mục hơi thở vô - hơi thở ra, và ta đã chứng đắc nhất thiền hữu sắc. Vậy, chắc chắn Pháp hành thiền định này làm nền tảng, ta có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cũng nên”.*

Vì vậy Bồ Tát quyết định thọ thực trở lại cho có sức khỏe rồi mới tiến hành thiền định, đi theo con đường Trung Đạo. Năm anh em ông Kiều-trần-như tướng Ngài lui sụt đạo tâm nên rời bỏ Ngài về thành Ba-la-nại.

Sau khi thọ nhận cơm sữa của nàng Sujātā, Ngài ngự đến cội cây Assattha. Cùng lúc ấy, một người cắt cỏ tên Sotthiya, trên đường đi nhìn thấy Ngài, liền phát sinh đức tin trong sạch, nên dâng cúng Ngài tám nắm cỏ. Quan sát các hướng xong, Ngài trải tám nắm cỏ tại hướng Đông của cội Assattha. Thật phi thường thay! Tại ngay chỗ ngồi ấy bỗng nhiên trở thành ngôi Bồ đoàn quý báu, có chiều cao 14 hắc tay thật nguy

nga lộng lầy! Bởi vì, ngôi Bồ đoàn quý báu này phát sinh do phước báu Ba-la-mật tròn đủ của Đức Bồ Tát sắp trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Ngài ngôi kiết già vững vàng trên ngôi Bồ đoàn quý báu, quay mặt về hướng Đông rồi phát nguyện rằng:

*“Dầu cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dầu sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi Bồ đoàn này.”*

Lúc ấy, từ cung trời Tha Hoá Tự Tại, Ác Ma Thiên hoá ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cưỡi voi Girimekhala cầm đầu đoàn thiên ma binh, thiên ma tướng rầm rộ, dày đặc hiện xuống vây quanh cội Assatthala hét ầm ĩ, âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động mọi nơi, quyết tranh giành ngôi Bồ đoàn của Đức Bồ Tát.

Ác Ma Thiên vô cùng căm uất chỉ tay về Đức Bồ Tát nói như ra lệnh: “- *Này Sa-môn Gotama, nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi Bồ đoàn ấy, vì ngôi Bồ đoàn ấy là của ta, không phải của ngươi!*”

Đức Bồ Tát từ tốn đáp lại: “*Này Ác Ma Thiên, ngôi Bồ đoàn quý báu này phát sinh do phước thiện của 30 Pháp hạnh Ba-la-mật, 5 hạnh đại thí, 3 Pháp hành mà Như Lai đã tạo từ vô số kiếp. Do đó, ngôi Bồ*

*đoàn này thuộc về của Như Lai, không phải của người.”*

Ác Ma Thiên lại hỏi: *“Vậy ai làm chứng cho Ngài!”*

Nhìn xung quanh đều không có một chư Thiên, Phạm Thiên nào cả, Đức Bồ Tát bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất như truyền dạy bằng lời chân thật rằng:

*“Trong những tiền kiếp, Như Lai đã từng tạo 30 Pháp hạnh Ba-la-mật, 5 hạnh đại thí, 3 Pháp hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng sinh nào đứng ra làm chứng cho Như Lai, chỉ có mặt đất, mặt đất không có tâm thức này có thể làm chứng cho Như Lai được không?”.*

Thật phi thường thay! Lời chân thật của Đức Bồ Tát vừa chấm dứt. Lập tức, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho Ác Ma Thiên kinh hoàng khiếp đảm, giục voi Girimekhala cùng đám ma binh hốt hoảng bỏ chạy trở về cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Đức Bồ Tát ngự trên Bồ đoàn quý báu dưới cội cây Assattha đã toàn thắng Ác Ma Thiên. Khi ấy, mười ngàn thế giới, vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực Ba-la-mật của

Đức Bồ Tát rằng: “Đức Bồ Tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!”

Sau đó vào canh đầu đêm Rằm tháng tư âm lịch, Ngài tiến hành *Thiền định (samathabhāvanā)* với *đề mục niệm hơi thở vô - hơi thở ra (anāpānassati)* tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền hữu sắc như sau:

- **Đệ nhất thiền hữu sắc:** Có 5 chi thiền (*hướng tâm, quan sát, hỷ, lạc, định*), do chế ngự được 5 Pháp chương ngại (*tham dục, sân hận, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận, hoài nghi*).

- **Đệ nhị thiền hữu sắc:** Có 3 chi thiền (*hỷ, lạc, định*), do chế ngự được 2 chi thiền (*hướng tâm, quan sát*).

- **Đệ tam thiền hữu sắc:** Có 2 chi thiền (*lạc, định*), do chế ngự được 1 chi thiền (*hỷ*).

- **Đệ tứ thiền hữu sắc:** Có 2 chi thiền (*xả, định*), do chế ngự được 1 chi thiền (*lạc, thay bằng chi thiền xả*).

Đức Bồ Tát có đệ Tứ thiền hữu sắc làm nền tảng, định tâm trong sáng, thiền tâm không lay động, Ngài hướng tâm đến chứng đắc **Túc mạng minh**. Đó là trí tuệ nhớ rõ tiền kiếp, từ 1 kiếp đến hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn kiếp, ... cho đến vô lượng kiếp không giới hạn, thuộc loại chúng sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, Ba-la-mật,

thọ lạc, thọ khô, tuổi thọ... đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

Vào lúc canh giữa, Đức Bồ Tát có đệ Tứ thiền hữu sắc, định tâm trong sáng thanh tịnh, thiền tâm không lay động, làm nền tảng để Ngài hướng tâm đến chứng đắc **Thiên nhãn minh**: *Trí tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá khứ, kiếp vị lai của tất cả chúng sinh như mắt của chư thiên, phạm thiên*. Thiên nhãn minh có 2 loại: **Tử sanh minh** và **Vị lai kiến minh**. Chư Phật dùng Vị lai kiến minh này để thọ ký chúng sinh trong những kiếp vị lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại kiếp Trái Đất này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoặc Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác...

Tiếp theo, Đức Bồ Tát dùng đệ Tứ thiền hữu sắc làm nền tảng, để tiến hành **Thiền tuệ (Vipassanā)**, quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh - Thập Nhị Nhân Diệt** theo chiều **thuận** - chiều **ngịch**, chiều **sanh** - chiều **diệt**, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ **sự sinh** - **sự diệt** của mỗi Pháp, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ **trạng thái Vô thường, trạng thái Khổ, trạng thái Vô ngã**, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt 4 **Pháp trảm luân (āsava)** bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tuần tự như sau:

- **Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 Pháp là **tà kiến trầm luân** (*ditthāsava*), đồng thời các tà kiến khác.

- **Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 Pháp là **tham dục trầm luân** (*kāmāsava*) trong ngũ trần loại thô (*còn loại vi tế chưa diệt được*), đồng thời các tâm tham loại thô khác.

- **Bất Lai Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 Pháp là **tham dục trầm luân** (*kāmāsava*) trong ngũ trần loại vi tế không còn dư sót, đồng thời các tâm tham loại vi tế khác.

- **A-la-hán Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 2 Pháp là **kiếp trầm luân** (*bhavāsava*) và **vô minh trầm luân** (*avijjāsava*), đồng thời diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn mọi tham ái, phiền não, và các ác Pháp không còn dư sót. Đặc biệt diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi **tiền khiên tật** (*vāsanā*) tích lũy từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ.

Như vậy, Đức Bồ Tát đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh A-la-hán cao thượng đầu tiên trên thế gian. Do đó, Đức Thế Tôn có danh hiệu là **“Sammāsambuddha: Đức Phật Chánh Đẳng Giác”**.

**Lậu tận minh** là *minh thứ 3* mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh chót của đêm Rằm tháng tư (Âm lịch), vào lúc rạng đông. Ngài đã trở thành **Đức Phật Chánh Đẳng Giác** cao thượng trong toàn cõi thế giới chúng sinh, tại cội cây Assattha, lúc ấy Ngài 35 tuổi.

Mười ngàn thế giới chúng sinh từ mặt đất lên đến cõi Sắc giới Phạm Thiên tột đỉnh, chư Thiên, Phạm Thiên vô cùng vui mừng hoan hỷ thốt lên lời:

“- *Sādhū! Sādhū! (Lành thay! Lành thay!)*

- *Buddho uppanno! (Đức Phật xuất hiện trên thế gian rồi!)*

- *Dhammo uppanno! (Đức Pháp xuất hiện trên thế gian rồi!)*

- *Samgho uppanno! (Đức Tăng cũng sẽ xuất hiện trên thế gian này!)*”

Tiếng tung hô vang dội khắp toàn cõi 10 ngàn thế giới chúng sinh. Khi ấy, Đức Thế Tôn tự thuyết ở trong tâm bằng 2 bài kệ rằng:

|                                                                                |                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| -<br>“ <i>Anekajātisamsāram<br/>Sandhāviṣsam<br/>anibbisam<br/>Gahakāram</i> ” | - <i>Này người thợ “tham ái” xây<br/>nhà “thân”<br/>Như Lai cố tìm người mà chưa<br/>gặp,</i> |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|



Phật thành Phật thì vô minh và tham ái không còn nữa, chuyện luân hồi sanh tử với Ngài đã chấm dứt. Vậy ai hỏi quý Phật tử tại sao còn luân hồi? Thì quý Phật tử trả lời do phiền não, do nghiệp cũng đúng, do Cha là vô minh, do Mẹ là tham ái cũng đúng. Ngày nào chúng ta còn ngồi đây là còn vô minh và tham ái.

*Câu Phật ngôn cuối cùng của Đức Phật* trước khi Ngài nhập Niết Bàn trong Kinh Trường Bộ - Kinh Đại Bát Niết Bàn:

|                                                                                                             |                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Handa dāni bhikkhave<br/>āmantayāmi vo,<br/>vayadhammā<br/>saṅkhārā,<br/>Appamādena<br/>sampādettha”</i> | - Các Pháp hữu vi (ngũ uẩn) có sự diệt là thường. Các con hãy nên cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự từ Thánh đế, bằng Pháp không dễ duôi, thực hành Tứ niệm xứ.” |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

“*Dễ duôi*” có nghĩa là ngày nào chúng ta còn tái sanh, dù là tái sanh xuống Địa ngục, hay hóa sanh lên cõi Trời Sắc giới, cõi Trời Vô Sắc, miễn là ngày nào mình còn tái sanh là ngày đó còn khổ. Chúng ta luân hồi xuống cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì gọi vui là “*luân hồi hạ cấp*”, còn chúng ta có phước sanh lên các cõi Trời gọi là “*luân hồi đẳng cấp*”, nhưng vẫn còn nằm trong Tam giới, trong vòng luân hồi.

Thầy xin kết luận bài này ở đây: Con đường để trở thành một vị Phật quả là một hành trình đầy gian lao vất vả, đòi hỏi phải có một dũng lực kiên cường, một chí nguyện bền bỉ mới dám hy sinh bản thân mình vì lợi ích của chúng sanh qua nhiều kiếp như thế. Chỉ riêng với cuộc đời của Đức từ phụ Gotama thôi, Ngài đã phải trải qua thời gian 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp thực hành viên mãn các Pháp hạnh Ba-la-mật mới thành tựu quả vị Phật Chánh Đẳng Giác. Cho nên thấy rằng, lòng từ bi thương xót chúng sanh của một vị Phật là vô cùng tận, không thể lấy ngôn ngữ hạn hẹp của thế gian mà diễn đạt được.

Trong Kinh Tăng Chi, Chương Một Pháp, Phẩm Một người, Đức Thế Tôn dạy như sau:

*“Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

*Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào ? Của Như Lai,*

*bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.”*

Thật vậy, sự xuất hiện của một vị Phật Chánh Đăng Giác là một sự kiện rất hy hữu khó nghĩ bàn, khó gặp được trên đời! Thế mà ngày nay chúng ta được sanh làm người ở trong thời kỳ mà Giáo Pháp của Đức Phật đang hưng thịnh, có Chánh kiến, có đầy đủ các căn, là điều hiếm có được. Cơ hội tái sanh nhằm Tám kiếp không may mắn thì rất nhiều và thường xuyên, nhưng cơ hội tái sanh nhằm thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật thì rất xa vời và hạn hữu. Chỉ một lần, trong thời gian dài vô số đại kiếp mới có một vị Phật xuất hiện, và có được kiếp sống nhằm thời kỳ Phật xuất hiện quả thật khó vô cùng.

Thầy đọc cho đại chúng một bài Kinh, Đức Phật có nói về Tám kiếp sống bất hạnh nhất trong vòng sanh tử luân hồi (*Samsāra*). Trong Kinh Thập Thượng (*Dasuttara Sutta*) thuộc Trường Bộ Kinh (*Dīghanikāya*) và Chú giải Tăng Chi Bộ Kinh (*Anguttaranikāya Aṭṭhakathā*) đã ghi rõ tám kiếp sống thật vô cùng bất hạnh hay không may mắn vào lúc Đức Phật Toàn Giác xuất hiện trên thế gian này. Bất hạnh vì khi có Đức Phật xuất hiện thì những chúng sanh đó không được đang làm người để gặp Phật hay nghe và học được Giáo Pháp của Đức Phật. Tám kiếp sống bất hạnh đó là:

1) Kiếp sống liên tục đau khổ và đầy đọa trong Địa ngục, không làm được điều gì công đức vì đang liên tục chịu những cực hình đau đớn.

2) Kiếp sống súc sanh, luôn luôn sợ hãi và không làm được điều gì công đức, vì không có tri giác để biết được điều gì tốt, xấu.

3) Kiếp sống ngựa quỷ (Peta) hay ‘hồn ma’, không thực hiện được điều gì công đức, vì luôn luôn chịu đau khổ vì đói và khát liên tục của kiếp quỷ đói.

4) Kiếp sống của chúng sanh vô thức (asanna-satta) ở cõi Trời Phạm Thiên và không làm được việc gì công đức hoặc có thể nghe được giáo Pháp (Dhamma), vì không còn thức hay tri giác, ngoài sắc thân.

5) Kiếp sống của một Trời Phạm Thiên ở cõi Vô Sắc giới và không thể gặp được Đức Phật hay nghe được Giáo Pháp của Đức Phật, bởi vì những chúng sanh này không có các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

6) Kiếp sống ở những vùng xa xôi hẻo lánh không tiếp cận được Tăng Đoàn hay bất cứ một đệ tử nào của Đức Phật để được nghe giáo Pháp và vì thế cũng không thực hiện được việc công đức nào.

7) Kiếp sống của người luôn dính chấp vào Tà Kiến (cách nhìn hay quan điểm sai lầm, lạc lối). Đây

có thể gọi là một kiếp sống bất hạnh nhất trong 8 kiếp sống bất hạnh đang nói. Vì sao? Vì những người này đang sống ngay giữa trung tâm thế gian này, thậm chí ngay giữa “*Miền Phật Giáo*” (kể cả những xứ Miền Trung Bắc Ấn Độ vào thời có Đức Phật tại thế đi thuyết giảng), nhưng vì dính chấp vào Tà kiến mà cũng không được nghe Giáo Pháp (Dhamma) hay làm được những việc công đức ngay lúc Đức Phật truyền dạy khắp đất nước.

8) Kiếp sống của những con người tật nguyên, hay những thiên thần, quỷ thần dị dạng trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương (*Catumahārājikā devā*), đó là những chúng sinh mang Thức tái sinh không có căn thiện. Vì vậy họ không thể nào hiểu được hay thực hành Giáo Pháp Đức Phật, ngay cả khi họ đang sống giữa “*Miền Phật Giáo*” và không hề bị dính chấp vào Tà Kiến sai lạc. Chỉ đơn giản là trong Thức tái sinh của họ không có gốc rễ hay căn hướng thiện.

Được ở trong thời kỳ tốt đẹp như thế, người Phật tử cần suy xét nghiêm chỉnh và đứng đắn như vậy: *“Bằng cách nào để chúng ta biết được Giáo Pháp của Đức Phật? Chúng ta không nên đánh mất thời kỳ vàng son - thời kỳ có Phật xuất hiện. Nếu chúng ta bỏ qua, thời chúng ta sẽ chịu khổ lâu dài trong bốn đọa xứ. Nếu chúng ta không thực hành các Pháp tu tập về Giới - Định - Tuệ, thực hành nghiêm chỉnh lời dạy của Đức Phật thì quả thật không biết khi nào chúng ta mới có*

*ơ hội ấy lần nữa, không biết bao giờ chúng ta mới được an vui, giải thoát vòng trầm luân mãi mãi?”*

Thưa đại chúng! Hôm nay Thầy đã giảng xong bài Phật Đạo Phần 2. Thầy xin nhắc lại ở Phần 2 này Thầy giảng về quá trình từ lúc được thọ ký của Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*) cho đến khi Ngài thành Phật. Hôm trước ở Phần 1 Thầy giảng về con đường thành Phật chung của tất cả chư Phật, hôm nay Thầy giảng riêng về con đường thành Phật của Đức Phật Thích Ca một cách tổng quan nhất, súc tích nhất, ngắn nhất có thể. Thầy mong đại chúng có thể đọc thêm bài giảng Thầy gửi trong group để quý Phật tử hiểu thêm. Thầy xin kết thúc bài Giáo lý ở đây. Xin cảm ơn quý Phật tử!

# PHẬT TƯỚNG



- 
- \* 8 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT
  - \* 24 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT
- 

## I. 8 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT

Kính thưa quý Phật tử! Tối nay chúng ta tiếp tục chương trình học giáo lý cơ bản. Ở bài 1 với chủ đề **“Phật Đạo”** – Con đường thành Phật của Chư Phật, cũng như con đường, quá trình thành Phật của Đức Phật Thích Ca. Chúng ta đã học súc tích trong hai buổi để tạm có một cái nhìn căn bản. Hôm nay chúng ta tiếp tục học xoay quanh cuộc đời của Đức Phật. Bài học tối nay sẽ nói về những tướng tốt của Ngài, Thầy lấy chủ đề là **“Phật Tướng”**, tức là những tướng tốt của Đức Phật. Ngài có đầy đủ 32 tướng tốt, bài giảng này Thầy trích trong **“Kinh Tướng - Trường Bộ Kinh”**.

Hôm nay, trong 32 tướng thì Thầy sẽ chia làm hai buổi, có thể buổi đầu mình hy vọng học được từ 8 đến 10 tướng. Sau khi học xong Thầy sẽ gửi bài soạn của Thầy về 10 tướng này cho quý Phật tử. Ví dụ trong 10 tướng thì có tướng thứ nhất là *“Bàn chân Đức Phật*

*bằng phẳng*”, với tướng này thì ở quá khứ Ngài đã tạo thiện nghiệp nào và hiện tại thì được quả báu nào. Nói chung hôm nay học được mấy tướng thì Thầy sẽ gửi vào group bấy nhiêu tướng, mà học xong thì Thầy mới gửi. Quý Phật tử biết tại sao không? Thầy cũng ngại một phần là quý Phật tử đọc rồi lo tập trung vào tài liệu mà không chú ý bài đang giảng, nên Thầy chỉ gửi tài liệu căn bản trước thôi, khi học xong Thầy sẽ gửi bài chi tiết sau. Và kết hợp thứ hai là chỗ phần trả lời câu hỏi, quý Phật tử cứ đưa ra những câu hỏi, những thắc mắc rồi Thầy trả lời ở sau buổi giảng. Hôm trước, quý Phật tử hỏi: “*Chư Phật ba đời giống nhau và khác nhau ở điểm nào?*”, thế là mình học được thêm kiến thức là chư Phật giống nhau ở 30 thông lệ, chư Phật khác nhau ở 8 điều và có 4 điểm bất di bất dịch trong hiện kiếp.

Chư Phật ba đời tức là các vị Phật Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, ở hiện tại và vị lai. Tuy các Ngài khác nhau về tuổi thọ, phương tiện đi xuất gia, thời gian hành khổ hạnh, chiều cao bồ-đoàn, ... nhưng các Ngài cũng có nhiều điểm chung, được gọi là “thông lệ chư Phật”. Theo sự ghi lại của Chú giải, có tất cả ba mươi thông lệ như sau:

1/ Khi giảng trần nhập thai trong lòng mẹ, vị Bồ-tát tỉnh giác rằng đây là sanh hữu cuối cùng của Ngài trên đời này – *pacchimabhavikabodhisattassa sampajānassa mātukucchiokkamanam*,

2/ Bò-tát ngồi trong bụng mẹ với tư thế kiết già (tréo chân) và xoay mặt về phía trước – *mātukucchiyaṃ pallaṅkena nisīditvā bahimukholokanaṃ,*

3/ Bò-tát lọt lòng mẹ trong tư thế người mẹ đang đứng vì như thế Ngài mới có thể lọt lòng mẹ như là một vị pháp sư rời khỏi pháp tòa – *ṭhitāya bodhisattamātuyā vijāyanaṃ,*

4/ Luôn lọt lòng mẹ tại khu rừng – *araññeyeva mātukucchito nikkhamanaṃ,*

5/ Khi xuất khỏi mẫu thai, chân Ngài được đặt trên miếng vải, và bước bảy bước hướng về phía Bắc, nhìn bốn phương thiên hạ, rống lên một tiếng sư tử rống – *kañcanaapaṭṭesu patiṭṭhitapādānaṃ uttarābhimukhānaṃ sattapadavītiḥārānaṃ gantvā catuddisaṃ oloketvā sīhanādanadanaṃ,*

6/ Sau khi thấy bốn cảnh động tâm và có đứa con đầu lòng, Bò-tát ra đi xuất gia – *cattāri nimittāni disvā jātamattaputtānaṃ mahāsattānaṃ mahābhinikkhamanaṃ,*

7/ Sau khi xuất gia, Bò-tát mặc chiếc y kāsāva màu vàng hoại sắc, biểu tượng của vị A-la-hán và phải thực hành khổ hạnh ít nhất một tuần lễ và nhiều nhất là bảy năm– *arahaddhajamādāya pabbajitvā*

*sabbahetṭhimena paricchedena sattāhaṃ  
padhānacariyā,*

8/ Bữa cơm cuối cùng trước khi giác ngộ là bữa  
cơm sữa – *sambodhiṃ pāpuṇanadivase  
pāyāsabhojanaṃ,*

9/ Chứng đắc trí toàn tri đang khi ngồi trên Bồ-  
đoàn – *tiṇasanthare nisīditvā  
sabbaññutaññānādhigamo,*

10/ Bồ-tát hành thiền với đề mục hơi thở trước  
khi giác ngộ –  
*ānāpānassatikammaṭṭhānaparikammaṃ,*

11/ Cảm thắng các đạo quân ma vương –  
*mārabalaviddhamsanaṃ,*

12/ Đắc được Tam minh rồi mới chứng quả Vô  
thượng Chánh giác – *bodhipallaṇkeyeva tisso vijjā  
ādiṃ katvā asādhāraṇaññādiguṇapaṭilābho,*

13/ Sau khi giác ngộ, Ngài ngự ở bảy nơi gần cội  
Bồ-đề suốt bảy tuần lễ – *sattasattāhaṃ  
bodhisamīpeyeva vītināmanaṃ,*

14/ Đại phạm thiên thỉnh cầu đức Thế Tôn  
thuyết pháp – *mahābrahmuno dhammadesanattāya  
āyācanaṃ,*

15/ Bài kinh Chuyển Pháp Luân được thuyết tại Vườn Nai ở Isipatana – *isipatane migadāye dhammacakkapavattanaṃ*,

16/ Vào ngày rằm tháng Giêng (Māgha) Thế Tôn thuyết Kinh giáo giới Patimokkha đến chư Tỷ-khuru Thánh Tăng hội đủ bốn yếu tố – *māghapūṇṇamāya caturaṅgikasannipāte pātimokkhuddeso*,

17/ Các Ngài luôn có một ngôi tự viện là nơi cư trú chính, với đức Phật Gotama thì Ngài thường trú ở Jetavana – *jetavanaṭṭhāne nibaddhavāso*,

18/ Thi triển Song thông ngay tại cổng thành phố Sāvattthī để thu phục ngoại đạo – *sāvattthinagaradvāre yamakapāṭihāriyakaraṇaṃ*,

19/ Thuyết giảng Abhidhamma ở trời Tāvātimsa để tiếp độ Phật mẫu – *tāvātimsabhavane abhidhammadesanā*,

20/ Trở lại cõi Người bằng chiếc thang ngọc tại cổng thành Saṅkassa – *saṅkassanagaradvāre devalokato otaraṇaṃ*,

21/ Mỗi đêm Ngài đều an trú trong thiền tịnh – *sataṭaṃ phalasamāpattisamāpajjanaṃ*,

22/ Vào lúc gần sáng, Ngài quán xét duyên lành của chúng sinh hai lần: lần một quán xét về duyên

lành, lần hai quán xét về cơ tánh của chúng sinh ấy –  
*dvīsu vāresu veneyyajanāvalokanaṃ,*

23/ Khi có vấn đề khởi lên thì Ngài mới chế định  
học giới – *uppanne vatthumhi*  
*sikkhāpadapaññāpanaṃ,*

24/ Thuyết về chuyện tiền thân khi thích hợp –  
*uppannāya aṭṭhuppattiyā jātakakathanaṃ,*

25/ Kể về lịch sử chư Phật khi hội họp những  
thân quyến của Ngài – *ñāṭisamāgame*  
*buddhavaṃsakathanaṃ,*

26/ Các vị Tỳ-khuru từ phương xa đến đánh lễ,  
Ngài luôn sách tấn và thuyết pháp khích lệ –  
*āgantukehi bhikkhūhi paṭisanthāraकरणाṃ,*

27/ An cư ba tháng mùa mưa nơi được thỉnh mời  
và chưa từ biệt thì Ngài không ra đi – *nimantitānaṃ*  
*vutṭhavassānaṃ anāpucchā agamaṇaṃ,*

28/ Mỗi ngày đều thực hiện năm Phật sự của  
mình trước mỗi bữa ăn, sau bữa ăn, ở các canh đầu,  
canh giữa và canh cuối của đêm– *divase divase*  
*purebhattapacchābhattapaṭhamamajjhimapacchima*  
*yāmakiccakaraṇaṃ,*

29/ Trước khi viên tịch Níp-bàn, luôn dùng bữa  
com thịt – *parinibbānādivase maṃsarasabhojanaṃ,*

30/ Trước khi viên tịch, nhập xuôi ngược hai triệu bốn trăm ngàn lần thiền – *catuvīsati koṭṭisatasahasasamāpattiyo samāpajjitvā parinibbānanti.*

*Đây là ba mươi thông lệ của chư Phật Chánh đẳng giác.”*

*(Chú Giải Phật Tông – Tiểu Bộ Kinh)*

Và đây 8 điểm khác biệt của Chư Phật:

*1/ Thọ mạng sai biệt - Ayu vematta*

*2/ Xích lượng sai biệt (Sự khác biệt về chiều cao)  
- Pamāṇa vematta*

*3/ Tộc tánh sai biệt (sự sai biệt về dòng họ) -  
Kula vematta*

*4/ Tinh cần sai biệt (sự khác biệt về thời gian  
thực hành khổ hạnh) -Padhāna vematta*

*5/ Hào quang sai biệt (sự khác biệt về hào quang  
từ thân - Rasmi vematta*

*6/ Xa thừa sai biệt (sự khác biệt về các phương  
tiện chuyên chở trong việc xuất gia) - Yana vematta*

*7/ Bồ-đề thọ sai biệt (sự khác biệt về cây giác  
ngộ) - Bodhi vematta*

8/ *Bảo tọa sai biệt (sự khác biệt về chiều cao bồ đoàn giác ngộ) - Pallanka vematta*

*(Theo Đại Phật Sử tập 1B)*

Có bốn điểm bất di bất dịch trong hiền kiếp này. Khi nhắc đến “hiền kiếp”, quý Phật tử biết trong kiếp Trái đất của mình, gọi là hiền kiếp là tại sao? Hiền kiếp tức là kiếp có 5 vị Phật và chúng ta đang sống trong hiền kiếp này có 5 vị Phật là **Phật Câu Lưu Tôn** (*Kakusandha Buddha*), **Phật Câu Na Hàm Mâu Ni** (*Koṇāgamana Buddha*), **Phật Ca Diếp** (*Kassapa Buddha*) và **Phật Thích Ca** (*Gautama Buddha*) là vị Phật thứ tư và sắp tới tương lai sẽ có **Đức Phật Di Lặc** (*Metteyya*) nữa. Vì có 5 vị Phật trong cùng một kiếp Trái đất nên mình gọi là hiền kiếp. Trong hiền kiếp này có bốn điểm bất di bất dịch, không có thay đổi. Bốn điểm đó là:

1/ Điểm thứ nhất: Chỗ cội bồ đoàn mà Đức Phật ngồi thành Phật, chỗ đó sau này nó vẫn vậy, chứ không thay đổi, không có dịch chuyển, ví dụ như có động đất, núi lửa, bão tố,...thì chỗ đó vẫn bất di bất dịch. Đó là nơi Đức Phật ngồi thành đạo.

2/ Điểm thứ hai: Vườn Nai (Lộc Uyển – Isipatana) ở Sarnath, Varanasi, nơi mà Ngài thuyết Pháp.

3/ Điểm thứ ba: trong Đại Tự Kỳ Viên, nơi Trưởng giả Cấp Cô Độc (*Anāthapindika*) cúng dường Tinh xá Kỳ Viên (*Jetavana*), thì trong đó có Hương thất của Đức Phật (*Gandha Kuṭi*), và trong Hương thất đó, có chỗ kê giường ngủ của Ngài, chỗ này cũng bắt di bất dịch, không có thay đổi.

4/ Điểm thứ tư: kinh thành Saṅkassa, nơi Đức Phật thuyết Pháp trên cung Trời Tam Thập Tam Thiên trở về trong mùa hạ thứ bảy, chỗ cầu thang đi xuống, đó cũng là bất di bất dịch.

Thầy nói lướt qua vậy để những ai mà lần trước không có học bài thì chúng ta sẽ biết. Và hôm nay thì bài học này rất đặc biệt, mình học 32 tướng tốt mà. Bài này nếu chúng ta theo dõi kỹ, Thầy nói vui là sau này quý Phật tử sẽ trở thành những nhà xem tướng. Nghe xong bài này tự nhìn mình thử coi mình có tướng nào không. Theo Thầy thấy khéo trước rồi đó, là thấy không có cái tướng nào. Khi học các tướng tốt của Đức Phật, để mình biết là không phải tự nhiên mà Ngài có được 32 tướng tốt đâu.

Đây là câu chuyện vui, ví dụ khi mình đi xem bói tướng, thầy tướng nói: “*Con sau này có cái nghề là cầm đầu thiên hạ*”. Coi ra mới biết là sau này mình làm nghề hót tóc, nghề hót tóc toàn là mình cầm đầu người ta mình hót. Rồi có khi thầy tướng nói: “*Tướng con sau này sẽ làm trụ cột*”, thế là sau này mình leo

lên mấy cây trụ, cây cột làm trên đó, là làm thợ điện. Thầy tướng nói: “*Con sau này cầm đầu mấy trăm sinh mạng, cả ngàn sinh mạng*”. Vậy là sau này mình đi về quê chăn vịt, chăn gà, cầm đầu mấy trăm ngàn con. “*Số con sau này rất đào hoa*”, đúng luôn, sau này mình về quê trồng đào với trồng hoa, nên là đào hoa. Đây là Thầy nói vui nha. Thầy tướng nhìn nói số mình có lộc ăn, chuyện này là có, đúng là mình đi đâu cũng có người cho ăn hết. Nhưng cũng có người có lộc ăn chỗ này. Sáng con ăn thứ gì? Sáng con “*ăn không ngồi rồi*” vì con không biết làm gì. Trưa nay mình gọi điện cãi nhau “*ăn miếng trả miếng*” với bà hàng xóm. Chiều thì con “*ăn cháo đá bát*”. Thôi thì ngày đó có ba cái ăn: ăn không ngồi rồi, ăn miếng trả miếng, ăn cháo đá bát, giờ mình biết Phật Pháp rồi thì tối nay “*ăn năn sám hối*”. Thôi đó là Thầy nói vui như vậy.

Bài Kinh này đặc biệt là chúng ta sẽ học về các tướng tốt của Đức Phật - 32 tướng tốt. nhớ chi tiết này, thời Đức Phật chỉ có hai người có đầy đủ 32 tướng tốt thôi, một người là Đức Phật. Còn người thứ hai đó là Ngài La-Hầu-La (Rāhula) - con của Thái tử Tất-Đạt-Đa, là con của Đức Phật nhưng khi Đức Phật đi xuất gia thì chúng ta gọi là con của Thái tử Tất-Đạt-Đa. Đây là hai vị có đầy đủ 32 tướng tốt thôi, chứ không có ai ngoài hai vị này có đầy đủ 32 tướng tốt vào thời Đức Phật. Chúng ta nên nhớ chi tiết này.

Khi nói về tướng của mỗi người ở cõi nhân loại, cõi người thì theo kinh nghiệm của nhiều người, khi thấy người có dáng đi, nghe âm thanh giọng nói thì người ta nói “*nhất thanh nhì tướng*”. Nhìn cái tướng, nghe giọng nói, nhìn đôi mắt, nhìn qua thế ngồi, nhìn dáng bước đi... một số người có thể đoán được căn bản người đó ra sao. Dĩ nhiên có một số thầy tướng giỏi nha quý Phật tử, Thầy không phủ nhận. Vị đó có một khả năng đặc biệt nào đó, có thần thông thiên định. Vị đó nhìn cái tướng biết người này về sau sẽ rất giàu hay sau này rất là nghèo; biết là vị này sau này chết trẻ hoặc 80 – 90 tuổi mới chết; biết là vị này sẽ tha phương cầu thực, chết ở đâu xa quê hương; hoặc người này sau này sẽ có con cháu nhiều; người này sống một đời sống cô độc và biết sau này người đó đi xuất gia,...ví dụ vậy. Có nghĩa là người ta nhìn vào cái tướng đó, người ta biết được ít nhiều về sang, hèn, nghèo, giàu, gia đình quyền quý, tuổi thọ, sức khỏe, thông minh này kia, họ biết được căn bản nha quý Phật tử. Việc này có chứ không phải không có, nhưng việc biết đó thuộc về kinh nghiệm và nó không có cái gì gọi là sự cố định, nó thuộc về kinh nghiệm nhiều hơn. Và kinh nghiệm đó tùy vào mỗi người.

Xin thưa quý Phật tử, chúng ta đang sống trong cõi gọi là cõi Dục. Cõi Dục bao gồm 6 cõi: cõi Trời, cõi Người, cõi Atula, cõi Địa ngục, cõi Ngạ quỷ và cõi Súc sanh. Riêng cõi Trời ở cõi Dục Giới chia làm

6 tầng Trời, vậy tính ra cõi Dục có 11 cõi. Nếu nói chi tiết là 11 cõi, còn nếu nói ngắn gọn thì là 6 cõi. Cõi Trời Dục giới chia làm 6 cõi đó là: cõi Tứ Đại Thiên Vương (*Cātummahārājikā*), cõi Đao Lợi (*Tāvātimsa*), cõi Dạ Ma (*Yāmā*), cõi Đâu Suất (*Tusita*), cõi Hóa Lạc (*Nimmāmuratī*) và cõi Tha Hóa Tự Tại (*Paranimmitavasavatī*). Vậy thành ra cõi Dục có 11 cõi nếu tính chi tiết.

Nơi lưu lại hình tướng rõ nhất tức là các cõi Dục này đây, ở thân người này, ở các loài bàng sanh, ngay cả Chư Thiên cũng lưu lại hình tướng. Và quý Phật tử biết qua hình tướng này nó nói lên ít nhiều nghiệp của chúng sanh đó, ngay cả Chư Thiên nha quý Phật tử! Chư Thiên trên cung Trời Đao Lợi, hình tướng của những vị này cũng lưu lại để nói về một phần nghiệp của vị ấy. Giống như trường hợp Thầy từng kể quý Phật tử nghe: Vua Trời Đế Thích (*Sakka*) có một thiên nam hầu cho ông. Vị này là thiên thần âm nhạc. Hình tướng của vị thiên nam này quý Phật tử thấy lạ lắm, đó là có mấy chỏm tóc trên đầu. Mà tại sao vị này lại có cái chỏm tóc trên đầu? Vì trong tiền kiếp, vị thiên nam này chết lúc trẻ. Khi còn sống thì vị này có đi bố thí, cúng dường, phục vụ, làm các công đức. Và với những việc phước thiện đó nên tái sanh làm chư Thiên. Nhưng lúc mất còn rất trẻ nên khi tái sanh làm chư Thiên rồi, hình tướng lúc đó vẫn là có những

chôm tóc trên đầu y như thời còn trẻ vậy đó. Chúng ta thấy đặc biệt như vậy.

Thầy xin nhắc lại để quý Phật tử nhớ là khi chúng ta học về 32 tướng tốt thì vào thời Đức Phật Thích Ca chỉ có hai vị có đầy đủ 32 tướng tốt thôi. Ngài Ma-Ha-Ca-Điếp (*Đại Ca Diếp - Mahākassapa*) có 7 tướng. Vị Bà-la-môn Bavari, ông cũng có 7 tướng. Còn 32 tướng thì chỉ có Đức Phật và Ngài La-Hầu-La thôi.

Thầy kể quý Phật tử nghe câu chuyện này về Ngài La-Hầu-La. Ngài là con của Thái tử Tất-Đạt-Đa, xuất gia năm 7 tuổi, và đắc quả vị Thánh năm 20 tuổi. Sau này có dịp Thầy sẽ giảng một bài riêng chi tiết về Ngài La-Hầu-La. Quý Phật tử biết Ngài La-Hầu-La là đệ nhất về hạnh gì không? Ngài là đệ nhất về hạnh hiếu học trong các vị đệ tử của Đức Phật, Ngài ham học lắm. Trong Kinh nói như thế này: Mỗi sáng Ngài thức dậy thật sớm, ra ngoài bốc lên tay một nắm cát, Ngài quăng nắm cát lên không trung và nguyện: “*Trong nắm cát này có bao nhiêu hạt cát thì ngày hôm đó sẽ học bấy nhiêu chi Pháp*”. Ngài hiếu học như vậy đó. Mình là phải học hạnh hiếu học của Ngài La-Hầu-La nha quý Phật tử! Mình chỉ nghe đến cái gì mà phải học là mình ngán lắm. Cho nên vị nào mà chịu học Phật Pháp, Thầy rất mừng là như vậy đó. Ngài nhập Niết bàn rất sớm, năm Ngài hơn 50 tuổi.

Có một chi tiết này cũng rất là đặc biệt, trước khi Ngài La-Hầu-La nhập Niết bàn thì Ngài quán xét nên nhập Niết bàn ở đâu, và Ngài chọn nơi nhập Niết bàn là trên cõi Trời. Lý do Ngài chọn như vậy là vì Ngài thấy chư Thiên các tầng Trời rất thương kính Đức Phật và muốn nhìn thấy dung nhan của Đức Phật. Và Ngài biết hình tướng của Ngài cũng có 32 tướng tốt đẹp như Đức Phật. Vì vậy Ngài mới nguyện nhập Niết bàn trên cung Trời Đạo Lợi ở Vườn Hoan Hỷ.

Sẵn đây Thầy nói một chút về cái vườn gọi là Vườn Hoan Hỷ (*Nandavana*). Vườn này ở trên cung Trời Đạo Lợi, nơi có 33 tầng Trời và Vua Trời Đế Thích là Vua cõi Trời này. Ngài quyết định nhập Niết bàn trên đó để chư Thiên được lợi ích và thấy hình tướng của Ngài. Các vị Thánh nhập Niết bàn, gọi theo đời là “chết”, các Ngài mất ở đâu thì các Ngài cũng quán xét để đem lại lợi ích cho chúng sanh nơi ấy. Và Ngài La-Hầu-La nhập Niết bàn trên cung trời Đạo Lợi tại Vườn Hoan Hỷ. Chư thiên Đạo Lợi nói với nhau như thế này: “*Ở trên cung trời Đạo Lợi mà không biết vườn Nandavana thì giống như là chưa biết Đạo Lợi là gì*”. Giống như việc mình tới một thành phố nào đó, Người ta nói nếu đi ra Nha Trang mà không biết biển Nha Trang thì giống như chưa từng đi Nha Trang vậy. Hoặc đi Đà Nẵng mà không biết Bà Nà Hills thì như chưa ra Đà Nẵng...Thầy ví dụ vậy. Vì vậy nếu lên cung Trời Đạo Lợi mà chưa đến vườn Nandavana

này thì giống như là chưa lên được cung Trời Đao Lợi vậy đó. Nghĩa là cái vườn đó rất là đẹp cho nên Ngài La-Hầu-La nhập Niết bàn ở đây. Sẵn đây Thầy nói luôn, nếu mình thích đi du lịch thì phát nguyện đi du lịch trên đó luôn nha, nguyện đi trên đó mới ghê đúng không quý Phật tử? Vườn Nandavana có thêm chi tiết này rất đặc biệt: nơi đây có một bàn đá, mình gọi là nơi chư Thiên thường tụ hội, và nơi đó là nơi thờ Xá Lợi Răng của Đức Phật và cũng là nơi Ngài La-Hầu-La nhập Niết bàn. Có nhiều lần Đức Phật lên cung Trời thuyết Pháp ở tại cung Trời Đao Lợi và ở chỗ vườn Hoan Hỷ này, chúng ta nên biết thêm thông tin đó nữa. Trong **Kinh Tương Ưng I – Phẩm Vườn Hoan Hỷ** có nhắc đến khu Vườn Nandavana:

*“Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”*

*-"Thưa vâng, bạch Thế Tôn".*

*Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:*

*-Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị Thiên thuộc cõi trời Ba mươi ba, với chúng Thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ, thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bấy giờ, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này:*

*“Chúng không biết đến lạc,  
Nếu không thấy Hoan Hỷ,  
Chỗ trú cả Trời, Ngươi,  
Cõi ba mươi lòng danh.”*

*Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị  
Thiên khác đáp vị Thiên ấy với bài kệ:*

*Kẻ ngu, sao không biết,  
Vị Ứng cúng đã nói:  
"Mọi hành là vô thường,  
Tự tánh phải sanh diệt,  
Sau khi sanh, chúng diệt,  
Nhiếp chúng là an lạc.”*

Trong **Kinh Tướng – Trường Bộ Kinh**, chúng ta thấy có chi tiết này: Một người có 32 tướng tốt thì chuyện gì xảy ra? Chỉ có hai con đường để đi thôi: Một là vị đó nếu như không đi xuất gia thì sẽ trở thành vị Chuyển Luân Thánh Vương. Còn nếu đi xuất gia thì vị đó sẽ trở thành Phật Chánh Đẳng Giác.

*“Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvattthi (Thành Xá Vệ), rừng thái tử Jeta (Kỳ Đà), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Bạch Thế*

*Tôn", các vị Tỷ-kheo đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:*

*- Nay các Tỷ-kheo, những ai có đầy đủ ba mươi hai tướng Đại Trượng phu này, những vị ấy sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác.*

*- Nếu sống tại gia sẽ làm vị Chuyển luân Thánh vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, chiến thắng, thân thể đồng kiên, nhiếp phục địch quân. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao.*

*- Nếu vị này, từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời."*

**(Trường Bộ Kinh - Tập 1 – Bài 30: Kinh Tướng)**

Bây giờ Thầy sẽ nói một chút về vị Vua Chuyển Luân là như thế nào. Vua Chuyển Luân là vị Vua cai trị đất nước bằng đạo đức, cho nên trong thời kỳ mà

đất nước nào có vị Chuyển Luân Thánh Vương này cai trị thì dân chúng rất hạnh phúc và dân chúng sẽ thực tập theo những điều đạo đức. Và khi người dân thực tập theo những điều đạo đức thì thường họ sẽ sanh Thiên. Bởi vì Vua này cai trị bằng đạo đức nên dân chúng rất hạnh phúc, và họ sẽ làm theo những điều thiện điều lành, và đây là nhân lành để sanh làm chư Thiên.

Các vị biết không, trong các đệ tử của Đức Phật, có một vị đệ tử được chư Thiên rất kính trọng, đó là Ngài Pilindavaccha, tức là chư Thiên rất ái mộ và kính mến vị này. Lý do vì trong tiền kiếp, có kiếp Ngài đã từng làm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Và khi Ngài làm Chuyển Luân Vương như vậy, Ngài cai trị bằng đạo đức nên người dân sống dưới sự cai trị của Ngài thì sống rất đạo đức, họ sanh lên cõi Trời rất nhiều. Và ở kiếp khi Ngài làm một vị Tỷ Kheo thì lúc này các vị chư Thiên đó mới quán xét lại, họ thấy là vị Tỷ kheo này có kiếp đã từng là Vua Chuyển Luân và đã dạy cho họ sống đạo đức vì vậy họ mới có phước được sanh Thiên. Cho nên đến thời Đức Phật Thích Ca thì Ngài Pilindavaccha là đệ nhất hạnh chư Thiên kính mến.

Người có 32 tướng tốt, một là ở ngoài thì làm Vua Chuyển Luân, sau này đọc trong các bản Kinh sẽ thấy nhắc nhiều đến Chuyển Luân Thánh Vương. Đại ý chúng ta có thể hình dung là trong cõi nhân loại của

---

mình, người mà đầy đủ quyền lực, uy quyền, hạnh phúc, đầy đủ nhất của cõi Người có thể nói đó chính là Vua Chuyển Luân. Và trong Kinh nói, một vị Chuyển Luân Vương sẽ có được bảy thứ báu. Bảy báu đó là gì quý Phật tử? Thứ nhất là xe báu, tức là mỗi lần vị Vua Chuyển Luân cần đi đâu, có bánh xe báu, ông chỉ cần quay bánh xe đó thì muốn đi tới đâu là đi tới đó, đó giống như là phước của ông vậy, gọi là xe báu. Thứ hai là tượng báu, là ông có những con voi quý rất quý hiếm. Thứ ba là ông có mã báu, là con ngựa quý. Ông có mani báu, tức là có những hạt ngọc, hạt châu như ý, đó là bốn. Thứ năm là nữ báu, là những người nữ nhân trung thành, xinh đẹp, hiền thực và rất hiểu ý của Vua, gọi là nữ báu. Thứ sáu, là ông có những vị quan, mà mình gọi là những vị gia chủ, những vị quan coi những kho tàng cho ông và có thể giúp ông tìm kiếm những kho báu, kho tàng trên núi, dưới biển, ông có người đi tìm cho ông những kho báu. Những người ấy gọi là gia chủ báu. Thứ bảy là binh báu, tức là ông có những vị tướng giúp cho ông nắm binh quyền và giúp ông chinh phục thiên hạ. Vị Vua Chuyển Luân đặc biệt là ông có bảy báu như vậy, đó là: mã báu, tượng báu, xe báu, ngọc báu, nữ báu, những vị tướng báu và những vị gia chủ đi tìm kho tàng cho ông. Phước của ông Vua này là như vậy đó.

Sẵn đây Thầy kể câu chuyện ở thời Đức Phật. Câu chuyện này kể về một vị Thánh đệ tử của Đức

Phật, Ngài tên là Bhaddaji. Vị Thánh đệ tử này là con của một vị trưởng giả rất giàu có. Ngài giàu lắm, cha mẹ Ngài xây lên rất nhiều những cung điện cho nên có lúc mùa nắng Ngài ở chỗ này, lúc mùa mưa thì Ngài ở chỗ khác, đại ý là Ngài ở những kinh thành khác nhau. Hôm đó, Đức Phật về khu chỗ Ngài ở, Đức Phật nhập hạ ở đó. Khi đến ngày ra hạ, dân chúng trong thành mới tập trung lại cúng dường cho Đức Phật và chư Tăng. Sau khi cúng dường xong thì Đức Phật thuyết Pháp và chúc phúc cho dân chúng. Thì Ngài Bhaddaji này, khi ông có những lâu đài đẹp như vậy, người ta hay tập trung đến chỗ ông để xem nhưng ngày đó ông không thấy ai tập trung đến cả. Quý Phật tử biết tại sao không? Vì người ta đi đánh lễ Đức Phật, nghe Đức Phật thuyết Pháp, cúng dường cho Đức Phật và chư Tăng rồi, nên ông mới ngạc nhiên. Và sau đó ông mới tìm đến Đức Phật và ông nghe Pháp. Vì duyên lành Ba-la-mật (Pārami) đã tích lũy đầy đủ nhiều kiếp rồi nên sau khi nghe Pháp xong thì vị Bà-la-môn Bhaddaji này đắc đạo, đắc Thánh quả A-la-hán.

Và quý Phật tử nhớ giùm Thầy chi tiết này, đây là chi tiết giáo lý tiếp nha: là người cư sĩ, ở thân cư sĩ vẫn có thể đắc được các tầng Thánh, đắc được Sơ Quả Tu-Đà-Hoàn, Nhị Quả Tư-Đà-Hàm, Tam Quả A-Na-Hàm và đắc được Tứ Quả A-la-hán. Nhưng có chi tiết này, đó là người cư sĩ nếu đắc quả vị A-la-hán ở thân

cur sĩ thì trong ngày hôm đó vị này phải xuất gia, không được để qua ngày hôm sau. Nếu vị này xuất gia thì mới duy trì được tuổi thọ, còn vị không xuất gia thì cũng được nhưng phải nhập Niết bàn trong ngày hôm đó, tuổi thọ không kéo qua được đến ngày mai. Lý do vì sao vậy? Vì về những phiền não khi các vị đã chứng đắc rồi là đoạn tận những phiền não, không có sợ chết, không khổ đau nữa. Nhưng nếu để duy trì quả vị A-la-hán thì phải trong hình tướng của người xuất gia. Cho nên người cư sĩ đó, nếu muốn tiếp tục duy trì mạng sống cho đến hết tuổi thọ thì vị đó phải chuyển qua hình tướng của người xuất gia. Còn nếu không thì vị đó có thể nhập Niết bàn.

Vị trưởng giả Bhaddaji này đắc được quả vị A-la-hán và sau đó Ngài mới xin xuất gia. Sau khi xin xuất gia xong, Ngài đi theo Đức Phật một thời gian thì Ngài mới thỉnh Đức Phật về lại quê của Ngài để hoằng Pháp, thuyết Pháp độ sanh cho dân chúng. Sau khi thuyết Pháp xong, lúc Đức Phật đang chia phước cho dân chúng thì Tỳ kheo Bhaddaji mới ra một bên nước ở bờ sông Hằng (*Ganga*). Nghe câu chuyện này rất là cảm động, Thầy đọc câu chuyện này Thầy thích lắm. Ngài mới ra một bên nước ở bờ sông Hằng ngồi giống như Ngài chiêm nghiệm, lúc này Ngài là bậc Thánh A-la-hán rồi. Sau đó khi Đức Phật và chư Tăng đi ra chiếc thuyền để qua bờ thì thấy Ngài ngồi đó, Ngài

mới lên thuyền để qua sông cùng với Đức Phật và chư Tăng. Lúc đi qua sông trên chiếc thuyền đó, Ngài nhìn xuống dưới dòng sông. Trên thuyền có một số vị chưa chứng Thánh quả thì khi họ thấy Ngài cứ đắm chiêu như vậy thì nói Ngài biểu hiện giống như là Thánh vậy đó. Quý Phật tử hiểu không? Tức là các vị kia chưa có chứng Thánh, cho nên nói Ngài đắm chiêu như vậy làm ra vẻ mặt giống như Ngài là bậc Thánh vậy đó. Nhưng thực sự là Ngài là Thánh rồi, tại vì các vị kia chưa có chứng Thánh cho nên không biết được. Lúc này Đức Phật mới nói, một là để cho người khác đừng hiểu lầm về Ngài, cũng như là đừng có những lời bất thiện về một vị Thánh sẽ mang tội và cũng là giải mối nghi cho những người đó nên Đức Phật hỏi Tỳ-kheo Bhaddaji: “*Này Bhaddaji, con thấy gì dưới dòng sông*”. Đại chúng biết chuyện gì xảy ra không? Ngài mới lấy hai ngón tay đưa xuống dòng sông, Ngài móc lên nguyên một tòa lâu đài. Và khi lấy lên tòa lâu đài đó thì có rất nhiều con ốc, ếch, nhái, tôm, cua, cá, rùa ... lúc nhúc ở trong đó.

Ở đây Thầy nói thêm chi tiết giáo lý này: Ngài Bhaddaji là vị Thánh A-la-hán, mà là Thánh A-la-hán có lục thông, có những vị A-la-hán không có lục thông, có những vị A-la-hán có tam minh, Tứ tuệ phân tích và có những vị A-la-hán không có cái nào hết, không có Tam minh, không có lục thông, và không có Tứ tuệ phân tích. Tứ tuệ phân tích là vị đó “Pháp –

Nghĩa - Từ - Biện” về Phật Pháp, mọi Pháp là Ngài thông suốt hết, mọi nghĩa lý Ngài thông suốt hết, mọi ngôn từ không có bị cản trở và có khả năng đối chất, khả năng ứng khẩu Pháp. Ngài Bhaddaji là Thánh A-la-hán lục thông.

Quý Phật tử nghe duyên sự tại sao có lâu đài này ở dưới dòng sông. Trong tiền kiếp của Ngài, có một kiếp đó có hai cha con nghèo và đi đốn củi trong rừng thì mới thấy bảy vị Phật Độc Giác. Quý Phật tử nhớ Phật Độc Giác là ai không? Hôm trước mình học rồi, Đức Phật Độc Giác là Bạc đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh để không thầy chỉ dạy, chứng đắc Bốn Thánh đạo, Bốn Thánh quả và Niết bàn, diệt tận được mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán và **không** chế định ra ngôn ngữ thuyết Pháp tế độ chúng sanh khác để cùng chứng ngộ chân lý tứ Thánh để y theo Ngài, cho nên gọi là Đức Phật Độc Giác (Pacceka-buddha).

Khi thấy bảy vị Phật Độc Giác này thì hai cha con mới đóng những cái cốc, mình gọi là cốc liêu cho các vị này ở, rồi sắp xếp, chăm nom, cúng dường hộ độ cho bảy vị Phật này. Mà nếu mình được hộ độ, hộ trì, cúng dường, rồi được đánh lễ cho bảy vị trong tám mùa hạ liên tục là phước phần của mình đó. Cho nên hai cha con làm suốt tám mùa hạ, sau đó thì cả hai chết và đều sanh lên cõi Trời.

Sau khi sanh lên cõi Trời thì lúc này ở cõi nhân loại có hai vợ chồng vị Vua này rất đức độ, và đặc biệt người vợ rất đức hạnh. Đức Vua tên Suruci và Hoàng hậu là Sumedha. Quý Phật tử biết vị Hoàng hậu này là ai không? Đó là tiền thân của bà Visākha. Lúc này bà không có con. Mặc dù bà rất đức hạnh nhưng đã một thời gian dài không sinh được con. Vì vậy Vua mới làm một nghi lễ cầu con vào dịp lễ Trai giới ngày Rằm trong tháng, Hoàng hậu giữ hạnh nguyện Bát quan Trai giới và ngồi trầm tư về các công đức của mình. Vì công đức sáng chói của hoàng hậu Sumedha nên cung điện của Vua Trời Đế Thích rung động. Vua Trời Đế Thích là Vua của cõi Trời thứ ba mươi ba. Nhưng đức vua Trời thời này là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Ngài mới ra lệnh cho người thỉnh người cha (hai cha con cúng dường cốc liêu cho Phật Độc Giác ở kiếp quá khứ), lúc này là Thiên nam Nalakāra, Ngài cho thỉnh xuống làm con của vị Hoàng hậu đức độ này. Sau khi thỉnh xuống, Ngài mới cho xây một lâu đài. Tức là Vua Trời Đế Thích ra lệnh xây thôi, chứ còn xây là người khác. Giống như quý Phật tử là sắp ra lệnh cho người kỹ sư đứng ra xây. Vị kỹ sư này, trong thuật ngữ gọi là Thiên thần Kiến trúc. Quý Phật tử học ở những bài giảng đầu tiên sẽ nghe Thầy nhắc rất nhiều về nhân vật đặc biệt này. Đây là một vị Thiên nam chuyên về xây dựng. Vua Trời Đế Thích là một vị Vua, ở dưới trướng thì có vị chuyên về âm nhạc, có

vị chuyên về xây dựng. Đức Vua Trời cho một vị gọi là Thiên thần Kiến trúc xây dựng tòa lâu đài.

Đại chúng thấy không? Đặc biệt thứ nhất là người này được Vua Trời Đế Thích thỉnh xuống làm con của đức Vua và Hoàng hậu. Vị Hoàng hậu này là tiền thân của bà Visākhā, Vua Trời Đế Thích là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, vị Thiên thần Kiến trúc xây dựng tòa lâu đài đó là tiền thân của Thầy Ānanda và vị được thỉnh xuống làm chủ của lâu đài đó, làm con của đức Vua và Hoàng hậu chính là tiền thân của Ngài Bhaddaji. Và đặc biệt thế này nữa, lâu đài được Vua Trời Đế Thích cho xây dựng, sau khi Ngài Bhaddaji ở kiếp là Thái tử chết thì lâu đài đó mới chìm sâu xuống sông.

Có một kiếp tiền thân của Ngài Bhaddaji và người cha của Ngài sống chung trong lâu đài đó. Ở kiếp hiện tại thời Đức Phật Thích Ca thì Ngài Bhaddaji là bậc Thánh A-la-hán, Ngài dùng thần thông móc lên lâu đài đó. Hỏi này Thầy kể không? Trong lâu đài có tôm, có cua, có cá và đó chính là những thân quyến của Ngài, chính vì đam mê chấp trước, luyến ái vào tòa lâu đài nên hiện là thân súc sanh sống trong đó. Còn đặc biệt hơn một chi tiết nữa. Sau khi Đức Phật nói: *“Thôi con bỏ tòa lâu đài đó xuống lại dưới dòng sông đi”*. Khi Ngài bỏ xuống lại dòng sông, thì Quý Phật tử biết chuyện gì không, lâu đài không hề mất đi, nó vẫn ở đó và chìm sâu dưới

dòng sông. Đến thời Đức Phật Di Lặc (*Metteyya*) sẽ có một vị Chuyển Luân Vương xuất hiện, cũng đầy đủ 32 tướng tốt sẽ làm chủ tòa lâu đài đó. Và đại chúng biết vị Chuyển Luân Vương làm chủ tòa lâu đài đó là ai không? Vị ấy chính là người con - tiền thân là con của người đốn củi mà xây cốc cúng dường bảy vị Phật Độc Giác trong suốt 8 mùa hạ. Tiền thân của Ngài Bhaddaji là cha và ở thời Đức Phật Thích Ca đã đắc Thánh quả và nhập Niết bàn rồi, còn con của Ngài đến hôm nay lạc ở đâu mình không biết, nhưng đến thời Đức Phật Di Lặc thì người con sẽ xuất hiện lại. Ông là Chuyển Luân Vương và sẽ ở trong tòa lâu đài. Vị này sẽ đi xuất gia và đắc Thánh quả vào thời Đức Phật Di Lặc. Sau đó tòa lâu đài sẽ bị biến mất. Câu chuyện này rất đặc biệt, liên quan đến Chuyển Luân Vương. Thời Đức Phật Thích Ca thì không có Chuyển Luân Vương, tới thời Đức Phật Di Lặc sẽ có Vua Chuyển Luân.

Bây giờ mình đặt câu hỏi, hôm nay chúng ta học bài **Phật Tướng** để làm gì? Mình học để thấy rằng mỗi tướng tốt của Đức Phật là công đức của Ngài. Đó là những thiện nghiệp mà nhiều kiếp Ngài đã làm và khi tròn đủ những công đức đó thì bây giờ mới có tướng tốt đó, chứ không phải tự nhiên muốn có là có tướng tốt như vậy. Mình biết rằng, mỗi tướng tốt của Đức Phật, ở đây nói về 32 tướng tốt, có chỗ thì nói thêm 80 vẻ đẹp nữa. Rồi từ từ chúng ta học từng

tướng, quý Phật tử sẽ thấy tướng tốt nào là do công hạnh gì. Ví dụ: mình học thấy tay Ngài dài hơn đầu gối; răng của Ngài có 40 cái; bàn chân thì bằng phẳng; ngón tay và ngón chân thì thon dài; lưỡi của Ngài dài, nếu Ngài muốn có thể liếm tới lỗ tai hoặc lên tới trán; giữa trán của Ngài có sợi lông trắng, gọi là bạch hào. Mình thấy có nhiều tướng tốt rất đặc biệt như vậy. Những tướng tốt đó là những phước đức mà Ngài đã làm ở nhiều kiếp quá khứ. Và với phước đức đó thì khi mình học từng tướng giống như là một pháp tu cho mình. Đó là những lý do mình học được qua bài **Phật Tướng** là như vậy.

Thầy xin nhắc lại, trong bài Kinh này, phần đầu tiên Đức Phật nói một vị có đầy đủ 32 tướng tốt chỉ có hai con đường để đi, thứ nhất là ở đời thì vị đó sẽ là Chuyển Luân Thánh Vương có đầy đủ bảy báu cai trị thiên hạ, cai trị đất nước bằng đạo đức, vị này sẽ giúp cho dân chúng rất hạnh phúc, an lạc và làm những điều thiện lành. Thứ hai, nếu vị đó đi xuất gia thì sẽ là một vị Phật Chánh Đẳng Giác. Đó là hai con đường mà vị có đầy đủ 32 tướng để đi mà thôi. Đức Phật Thích Ca là vị có đầy đủ 32 tướng tốt, và Ngài chọn con đường xuất gia, trở thành một vị Phật Chánh Đẳng Giác. Và Thầy cũng xin nhắc lại một chi tiết là ở thời Đức Phật thì chỉ có Đức Phật Thích Ca và Ngài La-Hầu-La là đầy đủ 32 tướng tốt. Đến thời Đức Phật Di Lặc thì sẽ có Đức Phật Di Lặc và vị Chuyển Luân

Vương ở phần trên Thầy nói đến sẽ có đầy đủ 32 tướng tốt.

Mỗi tướng tốt của Bạc Đại Nhân là quả của thiện nghiệp quá khứ mà các Ngài đã tạo. Ngoài ra, thiện nghiệp ấy còn cho quả rộng lớn đặc biệt đối với các Ngài và những chúng sanh liên quan. Bây giờ chúng ta sẽ đi vào học từng tướng tốt của Đức Phật Thích Ca.

### **1. Tướng tốt thứ nhất: Lòng bàn chân bằng phẳng, vững vàng khi chạm đất.**

Tướng tốt đầu tiên của Đức Phật là lòng bàn chân bằng phẳng, vững vàng khi chạm đất. Ở tướng tốt này Ngài đã làm thiện nghiệp gì mà cho Ngài tướng tốt như vậy?

- Thiện nghiệp quá khứ: Trong tiền kiếp, Ngài là người kiên trì, không dao động với các thiện pháp và thiện hành về thân, khẩu, ý. Tức là sao quý Phật tử? Nghĩa là trong thời quá khứ, một khi Ngài đã làm thiện Pháp thì thân, khẩu, ý của Ngài là luôn luôn kiên trì. Giống như Ngài đã phát nguyện làm điều đó rồi thì có chết Ngài cũng làm. Ngài làm phước bố thí, thọ trì giới luật, giữ gìn trai giới, hiếu kính Cha Mẹ, cúng dường Sa môn, Bà-la-môn, tôn kính các bậc Trưởng thượng trong dòng họ và trong đời. Thử nhìn xem bàn chân của mình ra sao, lồi lõm đúng không, đâu có bằng phẳng đâu. Đó là những công đức Ngài làm nên

có tướng này, khi quả trở thì lòng bàn chân của Ngài bằng phẳng. Có một chi tiết là Ngài kiên trì trong thiện Pháp, tức là không bỏ cuộc giữa chừng, khi đã phát nguyện làm rồi, sống chết cũng làm.

Xin thưa quý Phật tử, khi nghe tới đây mới thấy rằng các vị đệ tử cư sĩ thời Đức Phật tuyệt vời như thế nào. Cách những vị cư sĩ thỉnh Đức Phật (*Gotama Buddha*), Ngài Xá Lợi Phất (*Sāriputta*), Ngài Mục Kiền Liên (*Mahāmoggalāna*) và các vị Thánh rất hay:

*“Thưa Ngài, Ngài cho con thỉnh Ngài, con thỉnh một lần thôi, mà một lần này, không phải là thỉnh một lần, mà con thỉnh thay cho cả một đời, cho đến hết cuộc đời con. Bất cứ lúc nào Ngài cần, Ngài muốn gì là có con hộ trì cho Ngài. Con thỉnh Ngài một lần là một đời trừ một trong ba trường hợp xảy ra thì chuyện con thỉnh này mới dừng lại. Thứ nhất là Ngài nhập Niết bàn, thứ hai là con chết và thứ ba là con tán gia bại sản. Ngài còn, con cũng còn. Khi con chết hay con tán gia bại sản thì việc thỉnh này con mới dừng lại. Ngày nào mà một trong ba điều này vẫn còn thì còn xin thưa Ngài, con thỉnh Ngài đến hết đời luôn”.*

Các vị cư sĩ đệ tử thời Đức Phật thỉnh như vậy đó, nhớ giữ Thầy chi tiết này nha, kiên trì trong thiện pháp coi vậy khó lắm. Yên tâm khi làm thiện pháp, mình làm người tốt thì khó lắm mà làm người xấu dễ ợt. Mình học Phật Pháp rồi sẽ thấy chuyện này rất là

bình thường. Làm người tốt rất khó nhưng làm người xấu dễ lắm. Làm thiện rất khó, học Pháp còn khó hơn. Bữa nào quý Phật tử vô tu còn khó hơn nữa. Bởi vì mình đang làm chuyện “*đi ngược dòng đời*”, ngược với những bản năng tham, sân, si của chúng sanh. Và chính bản thân mình cũng vậy thôi. Mình thích ăn, thích ngủ, thích hưởng thụ hơn là thích tu tập, thích học Pháp, thích làm thiện. Vì vậy làm người tốt không dễ nên thấy người ta chìm trong điều bất thiện là chuyện bình thường, người ta làm được điều tốt là chuyện khác thường. Cho nên ai làm được điều tốt, mình nên cổ động, khuyến khích, tùy hỷ. Còn bản thân mình làm không được thì đừng cản trở người khác. Người ta làm từ thiện, học Phật Pháp, bố thí, giữ giới, nghe Pháp...đó là những điều tuyệt vời và người ta chịu tu nữa thì quá tuyệt vời luôn. Mình làm được thì tốt, mình không làm được thì mình tùy hỷ theo họ. Khi quý Phật tử phát nguyện làm một thiện pháp nào đó thì mình học theo Đức Phật đó là kiên trì với thiện pháp đó, mình không bỏ giữa chừng.

Thưa đại chúng, có một kiếp này cảm động lắm. Kiếp này cũng không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác (*Sammāsambuddha*), chỉ có Đức Phật Độc Giác (*Paccekabuddha*) thôi. Lúc này, Ma Vương (*Māra*) có mặt. Trong ngày hôm đó, Ma Vương mới dung uy lực của mình cản trở không cho bất kì ai cúng dường đến vị Phật Độc Giác này hết, nghĩa là Ma Vương

muốn làm cho vị này bị đói. Vị Phật Độc Giác này có một người đệ tử cư sĩ rất thuần thành, và biết rằng người cư sĩ này sẽ không bỏ Ngài, cho nên vị Phật Độc Giác mới đi tới cửa nhà chỗ vị cư sĩ này ở. Quý Phật tử biết chuyện gì không? Ma Vương cũng tìm cách cản trở không cho vị cư sĩ này cúng dường đến Đức Phật. Người cư sĩ này vẫn quyết tâm cúng cho Ngài. Nhưng khi vị cư sĩ đem phần thức ăn cúng dường đến gần Đức Phật chỉ còn khoảng 5 mét thôi thì Ma Vương mới dùng thần thông làm đoạn đường 5 mét phía trước thành cái hố lửa. Bây giờ Ma Vương cản trở tất cả không có cho ai được cúng nhưng vẫn còn vị này quá thuần thành, rất kiên trì với thiện pháp nên nếu vị này vẫn muốn cúng dường thì ông sẽ bị lọt xuống hố than chết. Lúc này, vị cư sĩ đệ tử thuần thành mới nghĩ rằng:

*“Nếu bây giờ được đối diện với một vị thánh thiện như vậy, một vị Phật Độc Giác như vậy, nhiều kiếp của mình cũng đã khổ rồi, trong luân hồi này vẫn còn có mặt của Ngài và nay mình phát tâm như vậy mà bị cản trở. Thôi thì bây giờ nếu mình không cúng cho Ngài thì Ngài bị đói, và bị cản trở như vậy là thử thách cái tâm đạo của mình. Cho nên giờ mình có chết thì chết nhưng cũng cúng dường cho Ngài”.*

Kinh khủng vậy đó! Người cư sĩ sẵn sàng chết dù có hố than phía trước thì vẫn đi qua hố than để cúng đến Ngài rồi chết luôn cũng được. Và rồi vị này tiếp

tục đi và bị lọt xuống hồ. Quý Phật tử biết chuyện gì không? Ngài là một vị Phật Độc Giác có thần thông nên Ngài đã dùng thần thông cứu vị cư sĩ này lên. Vị cư sĩ này chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Có những kiếp Đức Phật Thích Ca đã phát nguyện cúng dường nên ở kiếp làm vị cư sĩ này dù có chết cũng phải cúng.

Cho nên Thầy nói, khi mình học về 32 tướng tốt là mình học vậy đó. Thì ở đây tướng đầu tiên là lòng bàn chân của Ngài bằng phẳng chứ không phải như mình là nhấp nhô, lồi lõm nha. Vì Ngài đã kiên trì trong thiện pháp, Ngài phát nguyện không bỏ và làm các công đức bố thí, trì giới, hiếu kính với Cha Mẹ, cung kính các bậc Trưởng thượng, bậc Sa môn, Bà-la-mô nên kiếp hiện tại quả của thiện nghiệp trở là lòng bàn chân của Ngài bằng phẳng, vững vàng khi chạm đất.

- Quả của thiện nghiệp ở những kiếp sau đó:  
Trước khi tạo tròn đủ 30 Pháp hạnh Ba-la-mật (Pāramī) để đến kiếp chót trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác thì Đức Phật Thích Ca trong những kiếp đó đã tái sanh cõi Thiện Thú (Trời hay Người), Ngài có 10 thắng điểm hơn các chư Thiên khác đó là: Thiên giới thọ mạng, Thiên sắc, Thiên lạc, Thiên giới danh xưng, Thiên giới uy lực, Thiên giới sắc tướng, Thiên giới âm thanh, Thiên hương, Thiên vị và Thiên xúc. Đó là quả của thiện nghiệp quá khứ Ngài đã tạo.

- Quả của thiện nghiệp ở kiếp hiện tại: Ngài đầy đủ tướng này nếu sống tại gia, là một người cư sĩ ở đời thì làm Chuyển Luân Thánh Vương, chiến thắng mọi quân thù không bị trở ngại. Và nếu thành Phật thì không còn kẻ thù bên trong. Kẻ thù bên trong nghĩa là Ngài chiến thắng được tham, sân, si, phiền não trong tâm mình. Và Ngài không có kẻ thù bên ngoài như Sa môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm Thiên...không ai hại được Ngài hay có thể làm trở ngại Ngài được. Đây là tướng rất đặc biệt. Học một tướng này thôi là có biết bao nhiêu hạnh lành để học rồi. Trong cuộc đời này không ai hại được Đức Phật. Tại sao vậy? Vì trong vô số kiếp, Ngài đã tạo rất nhiều công đức rồi, và khi quả của thiện nghiệp trở với tướng bàn chân bằng phẳng, vững vàng khi chạm đất thì không ai hại được Đức Phật hết.

Khi Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) lăn đá xuống và làm ngón chân cái của Đức Phật bị chảy máu khi Ngài đang đi kinh hành tại núi Linh Thứu (*Gijjhakūṭa*). Đó là mình nói chảy máu nhưng ở đây thực ra là không ai có khả năng làm cho chân của Đức Phật chảy máu được. Chẳng qua là Đề-Bà-Đạt-Đa lăn tảng đá lớn xuống thì một mảnh đá nhỏ bề ra mới lăn trúng ngón chân của Đức Phật. Lúc này ngón chân của Ngài chỉ bị bầm thôi chứ không bị chảy máu. Sau đó Đức Phật mới cho phép thần y Jīvaka mổ sống vết thương của Ngài. Lúc này thì chân Phật mới chảy máu. Nghĩa là

chỉ khi được Đức Phật cho phép chứ không ai đủ khả năng để làm Ngài chảy máu, huống chi là giết Ngài. Bữa nào khi chúng ta học qua bài **Phật Nạn**, Thầy sẽ kể cho quý Phật tử nghe trong cuộc đời Đức Phật, Ngài đã gặp những nạn nào. Vậy là chúng ta đã học tướng thứ nhất: “*Lòng bàn chân bằng phẳng, vững vàng khi chạm đất*”.

**2. Tướng tốt thứ hai: Dưới hai bàn chân có hình bánh xe, với trục xe ngàn cãm đầy đủ các bộ phận.**

Tức là sao quý Phật tử? Dễ hiểu vậy nè, dưới lòng bàn chân của Đức Phật như có những cãm xe vậy, như một bánh xe mà có cả ngàn cãm. Ở đây Thầy kể một câu chuyện liên quan đến tướng dưới bàn chân của Đức Phật. Đó là sau khi Thái tử Tất Đạt Đa (*Siddhattha*) đản sanh, Vua Tịnh Phạn (*Suddhodana*) cho mời cả trăm vị tiên tri Bà-la-môn về xem tướng cho Thái tử. Sau đó chốt lại trong 100 vị còn lại tám vị xem tướng tài ba. Trong tám vị này, có bảy vị đưa lên hai ngón tay, và có một vị đưa lên một ngón tay thôi. Bảy vị đưa hai ngón tay, thấy Thái tử có 32 tướng tốt mới nói rằng khi trưởng thành Ngài sẽ có một trong hai đường để đi. Một là Ngài ở tại gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, còn Ngài xuất gia thì trở thành Phật Chánh Đẳng Giác. Nhưng vị tiên tri còn lại chỉ đưa lên một ngón tay nói rằng Ngài chỉ chọn một con đường duy nhất đó là Ngài không ở tại gia mà

Ngài sẽ đi xuất gia. Và đại chúng biết ai là người đưa một ngón tay không? Đó chính là Ngài Kiều Trần Như (*Annāsi Kondañña*) sau này là đệ tử của Đức Phật đó. Vì Ngài nhìn thấy chi tiết là ở dưới bàn chân của Thái tử Siddhattha có hình bánh xe, với trục xe ngàn căm đầy đủ các bộ phận. Với những gì mà Ngài được học và biết qua những sách vở thời đó để lại thì Ngài quả quyết rằng với 32 tướng tốt và có tướng dưới bàn chân này, sau này Thái tử chỉ chọn con đường duy nhất là xuất gia thành Phật, chứ không chọn con đường ở ngoài làm Vua Chuyển Luân. Quý Phật tử thấy đặc biệt chưa?

Ở mỗi tướng chúng ta sẽ học theo cách này! Đầu tiên chúng ta học về tướng tốt đó là tướng như thế nào. Sau đó mình học về thiện nghiệp quá khứ là Ngài đã làm gì mà Ngài được tướng đó. Và với tướng đó thì hiện tại Ngài sẽ như thế nào. Bây giờ chúng ta học qua phần thiện nghiệp quá khứ.

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài là người sống vì hạnh phúc cho chúng sanh, trừ diệt mọi sợ hãi kinh hoàng, che chở hộ trì, bảo vệ cho họ một cách đúng Pháp, làm phước bố thí là chính, thường kèm những thứ phụ khác... Tức là sao ạ? Ngài là người thường làm những công đức, thường làm những điều mà bảo vệ cho người khác và cho họ được hạnh phúc, giúp cho họ vượt qua những sợ hãi và thường đứng ra che

chờ cho những người khó khăn, dĩ nhiên là Ngài giúp đúng Pháp.

- Quả lành ở hiện tại: Nếu như một người dưới lòng bàn chân có cả ngàn cãm như vậy thì hiện tại người đó sẽ như thế nào? Đức Phật có đầy đủ tướng này, nếu sống tại gia thì Ngài là Vua Chuyển Luân. Chúng ta sẽ nghe Thầy nhắc hoài chi tiết này trong các tướng. Vì nếu là cư sĩ có đầy đủ 32 tướng tốt chỉ có Chuyển Luân Thánh Vương mới đủ thôi. Ở đây nếu có tướng bàn chân có hình bánh xe, trục xe có ngàn cãm, nếu ở tại gia vị này sẽ làm Vua Chuyển Luân. Nếu vị này thành Phật sẽ có hội chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-Ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư Thiên, Long Vương, chư Phạm Thiên.

Bây giờ Thầy kể câu chuyện liên quan đến tướng bàn chân của Ngài. Câu chuyện này dài lắm mà Thầy kể tóm tắt như thế này: Có một lần Đức Phật khát thực ở một ngôi làng. Ngài biết rằng ở làng này có hai vợ chồng Bà-la-môn có duyên với Ngài, họ có duyên đắc quả vị Thánh. Hai vợ chồng này có một người con gái tên Māgandiyā, cô này rất xinh đẹp. Ông chồng cũng biết xem tướng căn bản. Và ông từng xem tướng cho cô con gái và biết sau này con gái của mình sẽ lấy một vị Vua.

Hôm đó Đức Phật đi khát thực cố ý ngang qua nhà ông vì Ngài biết là hai ông bà này có duyên để

đắc đạo rồi. Khi ông chồng nhìn thấy Đức. lúc đó Ngài có ý để lại dấu bàn chân nơi Ngài đi ngang đó. Đức Phật muốn để dấu bàn chân ở đâu thì thứ nhất đó là quyền của Ngài, Ngài muốn để chỗ nào mà Ngài muốn hóa độ, muốn tạo duyên lành cho chúng sanh nơi đó thì Ngài sẽ để lại dấu bàn chân ở chỗ đó. Thứ hai là khi Ngài để lại dấu bàn chân, Ngài muốn cho người nào thấy thì người đó mới thấy thôi. Ở đây thì Ngài để lại dấu bàn chân này và Ngài muốn cho ông bà Bà-la-môn này thấy. Sau khi Đức Phật đi ngang qua, ông chồng thấy tướng tốt của Đức Phật và đặc biệt là Ngài có dấu bánh xe dưới bàn chân mà ông lại đang tìm người con rể xứng đáng cho đưa con gái xinh đẹp của ông. Thế là ông sắp xếp để hai vợ chồng và người con gái tới nghe Đức Phật thuyết Pháp. Đức Phật muốn độ hai ông bà Bà-la-môn này nên thuật lại lúc Ngài thành đạo và chiến thắng ba cô con gái của Ma Vương như thế nào.

Khi kết thúc bài Pháp, cả hai vợ chồng Bà-la-môn đều đắc Thánh quả A-Na-Hàm. Đại ý trong bài Pháp đó, Đức Phật nói về thân tướng tứ đại này, hình sắc, cơ thể này thật ra bản chất của nó vốn là bất tịnh. Quý Phật tử biết không, cô con gái Māgandiyā sau khi nghe Pháp xong thì không đắc gì cả. Còn hai vợ chồng đã đắc Thánh quả thì có niềm tin chắc chắn với Tam Bảo, và có một chi tiết là sau này hai vợ chồng đi xuất

gia vaftu tập một thời gian sau cả hai đắc Thánh quả A-la-hán.

Riêng về cô gái, sau này cô hận thù Đức Phật vì cô hiểu lầm rằng Đức Phật chê cô xấu xí, chê cô bất tịnh, tấm thân này như là một đái da hôi thối. Thật ra Đức Phật không nói xấu cô, Đức Phật chỉ nói lên sự thật nhưng cô bị chạm tự ái, cho đó là lời sỉ nhục, nên lấy làm tức giận, cô nghĩ: *“Nếu người này không cần đến ta thì cứ nói thật ra. Tại sao ông ta lại nói thể xác ta đầy nước tiểu và phần dơ? Hay lắm, đến chừng ta có một người chồng danh giá ta sẽ có cách đối xử với sa môn Gotama”*. Cô đem mối thù hận với Đức Phật. Đúng như lời ông cha đoán qua tướng của con gái mình, sau này cô Māgandiyā được làm thứ hậu của một vị Vua, đó là Vua Ưu Điền (*Udayana*) trị vì đất nước Kosambi rộng lớn.

Vào mùa Hạ thứ chín, Đức Phật cùng chư Tỳ-kheo Tăng khát thực trong thành phố thì bà thứ hậu Māgandiyā vì ôm hận khi xưa Đức Phật đã sỉ nhục bà nên dùng tiền mua chuộc ngoại đạo và xúi giục những người nô lệ mắng chửi, xua đuổi Đức Phật và Tăng đoàn ra khỏi thành phố Kosambi. Thầy A-nan thấy vậy mới bạch Đức Thế Tôn: *“Bạch đức Thế Tôn, người ta đang chửi rủa và nhục mạ chúng ta thậm tệ. Xin Ngài cho dời đi nơi khác”*. Đức Phật hỏi rằng: *“Này A-nan, bây giờ ta nên đi đâu?”*. *“Bạch Đức Thế Tôn, đến một thị trấn khác”*, Thầy A-nan trả lời. Đức

Phật hỏi tiếp: “*Nếu ở đó người ta cũng chửi rửa và nhục mạ ta như vậy thì ta sẽ đi đâu?*”. Thầy A-nan trả lời: “*Bạch đức Thế Tôn, lại đi đến một nơi khác nữa*”. Đức Phật dạy:

*“Này A-nan, không nên nói như vậy. Nơi nào chúng ta gặp chuyện khó khăn thì chúng ta phải dàn xếp ổn thỏa ngay tại nơi ấy. Và chỉ khi dàn xếp xong ta mới có quyền đi nơi khác”.*

Quý Phật tử biết đó, riêng về Đức Phật, ai có cố ý chửi Ngài thường thì chửi xong bảy ngày sẽ hết, qua ngày thứ tám họ sẽ im lặng. Đức Phật nhân cơ hội này dạy Thầy A-nan thực hành pháp nhẫn bằng ba câu kệ như sau:

*“Nư voi chiến xông ngoài trận mạc,  
Hứng lần tên, mũi đạn toi bời,  
Nư Lai chịu phỉ báng mọi lời  
Của những người vẫn còn đức bạc.  
Voi, ngựa thuần mới đem dự hội.  
Con nào nhuân nhã được Vua cỡi.  
Quý nhất, người đã luyện tinh thông  
Nhẫn nhịn chịu mọi lời chửi bới.  
Ngựa rặc giống, la con thuần nét,  
Đại-tượng ngà dài, đều quý hết.  
Nhưng tối thượng lại chính là người  
Trang nghiêm giới đức, tự điều tiết.”*

(Theo Kinh Pháp Cú – Phẩm Voi – Kệ 320,321,322)

Câu Pháp cú trên duyên sự của thứ hậu Māgandiyā hiểu lầm Đức Phật. Và có thêm một chi tiết này nữa, Thầy chỉ nói lướt qua thôi, hôm nào trong bài giảng **Rải Tâm Từ**, Thầy sẽ kể cho quý Phật tử nghe. Vua Ưu Điền (*Udayana*) có một Chánh hậu tên Sāmāvatī là người rất cung kính và tin tưởng Đức Phật. Vị Hoàng hậu này rất thánh thiện và bà được Đức Phật tán thán là “Đệ nhất về tâm từ”. Nhưng thứ hậu Māgandiyā bày mưu để hãm hại và vu oan cho Hoàng hậu Sāmāvatī muốn ám sát Vua Ưu Điền. Đức Vua tin lời bà thứ hậu và dùng cung tên muốn bắn chết Hoàng hậu nhưng khi mũi tên bắn đến thì Hoàng hậu rải tâm từ đến Đức Vua và bà thứ hậu nên cây cung rớt xuống đất trước mặt Hoàng hậu, bà không hề oán trách Đức Vua.

Hoàng hậu Sāmāvatī là cư sĩ đệ tử của Đức Phật, lúc này bà đã chứng Sơ Quả rồi và thường sống trong tâm từ. Sau này bà cũng bị thứ hậu Māgandiyā hại chết. Bà thứ hậu thù hận Đức Phật, bà muốn hại Ngài nhưng không được nên chuyển qua hại đệ tử của Ngài đó là Hoàng hậu Sāmāvatī. Đó là lần bà thứ hậu bày mưu sắp xếp cho Hoàng hậu cùng với 500 người hầu ở trong một nơi, bà chặn các cửa ra vào và các cửa sổ không để cho một người nào thoát ra khỏi rồi phóng hỏa đốt cháy Hoàng hậu và cả 500 người hầu bên

trong. Quý Phật tử biết không, lúc đó lửa bắt đầu cháy lên nhưng trước khi chết Hoàng hậu vẫn rải tâm từ không thù hận với thứ hậu. Sau đó bà hướng dẫn 500 người tỳ nữ cùng rải tâm từ. Trong số những nữ tỳ ấy có số là bậc Thánh Nhập-lưu, có số là bậc Thánh Nhất-lai, có số là bậc Thánh Bất-lai, đều bị chết thiêu vì lúc đó quả ác nghiệp ở kiếp quá khứ trổ.

Thầy sẽ kể sơ về nghiệp tiền kiếp của Hoàng hậu và 500 người này tại sao lại bị chết cháy như vậy. Trong thời quá-khứ, Đức vua Brahmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Ba-la-nại). Hằng ngày Đức vua hộ độ cúng dường đến 8 Đức Phật Độc Giác và lệnh cho nhóm cung nữ gồm có một người nữ trưởng nhóm cùng với 500 cung nữ cúng dường đến 8 Đức Phật Độc Giác. Khi ấy, 7 Đức Phật Độc Giác cùng ngự trở về núi Himavanta (*Hy-Mã-Lạp-Son*), còn một Đức Phật Độc Giác nhập diệt thọ tướng suốt 7 ngày đêm trong đồng cỏ gần bên bờ sông. Hôm đó nhóm cung nữ đi tắm sông, sau khi lên bờ thấy lạnh đến đồng cỏ đốt lửa sưởi ấm, đến lúc đồng cỏ cháy rụi thì họ mới phát hiện Đức Phật Độc Giác đang ngồi nhập diệt thọ tướng trong đồng cỏ ấy. Vì sợ Đức vua trị tội, nên nhóm cung nữ đem củi đến thiêu rụi Đức Phật Độc Giác để không còn tang chứng. Nhưng do năng lực nhập diệt thọ tướng của Ngài nên lửa không thể thiêu rụi được. Đến ngày thứ 7, Đức Phật Độc Giác xả thiền trở lại cuộc sống bình thường. Như vậy, ban đầu nhóm

cung nữ đốt cỏ để sưởi ấm không có tác ý sát sinh, nhưng sau đó, có tác ý thiêu rụi Đức Phật Độc Giác, họ cùng nhau tạo ác nghiệp sát sinh dù Đức Phật không chết. Sau khi nhóm cung nữ chết, quả của ác nghiệp cho quả tái sanh trong cõi địa ngục. Khi được làm người vẫn thường bị chết thiêu hằng trăm kiếp như vậy. Nay kiếp hiện-tại này, người nữ trưởng nhóm là tiền thân của bà Chánh cung Hoàng hậu Sāmavati cùng nhóm 500 nữ tỳ của bà tất cả đều bị chết thiêu.

Và ý Thầy muốn nói ở đây có chi tiết liên quan đến tướng bàn chân của Đức Phật là ở chỗ hai vợ chồng Bà-la-môn thấy tướng bàn chân Ngài có hình bánh xe. Thừa quý Phật tử thêm một chi tiết nữa để Thầy giới thiệu đó là trong các bộ Sử sau này nói đến một chi tiết đó là Đức Phật có qua Tích Lan (*Sri Lanka*) trên một đỉnh núi và Ngài để lại dấu chân bên đó. Chi tiết này quý Phật tử có thể tìm hiểu thêm.

Bây giờ Thầy nhắc lại, cả hai tướng là tướng thứ nhất và tướng thứ hai đều nói về lòng bàn chân. Ở tướng thứ hai nói về lòng bàn chân có hình bánh xe, với trục xe ngàn cãm đầy đủ các bộ phận. Về thiện nghiệp là Ngài thường che chở, làm các thiện Pháp giúp cho chúng sanh. Còn quả lành ở hiện tại, người có tướng lòng bàn chân như vậy sẽ có các chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, nhân loại,

chư Thiên, Phạm Thiên, Long Vương là đệ tử của Ngài.

**3. Tướng tốt thứ ba: Hai gót chân thon dài.**

**4. Tướng tốt thứ tư: Ngón tay, ngón chân thon dài đều đặn.**

Chúng ta học tướng thứ ba và thứ tư chung vì cả hai tướng này đều có chung một thiện nghiệp. Tướng thứ ba là “*hai gót chân thon dài*”, tướng thứ tư là “*ngón tay, ngón chân thon dài đều đặn*”. Vậy phước thiện nào trong quá khứ mà Ngài được trở quả này?

- Thiên nghiệp quá khứ: Ngài từ bỏ và chế ngự sát sanh, tức là trong quá khứ Ngài rất ít sát sanh. Ngài bỏ trượng - kiếm, tức là Ngài không có dùng dao kiếm để mà sát sanh. Ngài biết tà - quý và có lòng từ, tức là Ngài thường sống với tâm từ – tâm quý (tâm hộ thẹn và ghê sợ tội lỗi). Ngài thường sống thương yêu chúng sanh, thương sót với hạnh phúc của chúng sanh và các loài hữu tình. Đại ý là trong quá khứ Ngài không sát sanh, cũng như Ngài thường sống với lòng từ thương yêu chúng sanh, và với phước không sát sanh đó nên trở quả là Ngài có hai gót chân thon dài, ngón tay, ngón chân thon dài đều đặn. Vậy người ở đời được hai tướng tốt này thì đời sống hiện tại sẽ được quả lành gì?

- Quả hiện tại: Người có đầy đủ hai tướng này, nếu sống tại gia thì làm Chuyển Luân Thánh Vương có thọ mạng lâu dài, kẻ thù không thể sát hại. Quý Phật tử sẽ thấy, gần như vị nào mà có đầy đủ 32 tướng tốt nếu ở tại gia thì làm Vua Chuyển Luân. Còn nếu vị này xuất gia thành Phật thì sao? Nếu thành Phật thì Ngài cũng được tuổi thọ sống lâu, mà kẻ thù nào dù là Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Long Vương, Ma Vương hoặc bất cứ một ai trong đời đều không thể sát hại Đức Phật Chánh Đẳng Giác được.

Vậy bây giờ có người đặt câu hỏi: “*Đức Phật sống có 80 năm đâu phải là sống lâu?*” Xin thưa quý Phật tử, thời gian tính từ lúc Đức Phật Thích Ca đản sanh, Ngài xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn trong thời kỳ tuổi thọ trung bình của chúng sanh là 100 tuổi. Nhưng: gần như tất cả chư Phật đều nhập Niết bàn trước tuổi thọ trung bình của chúng sanh thời đó. Ví dụ như thời đó chúng sanh sống 10.000 tuổi thì các Ngài sẽ nhập Niết bàn trước đó, chứ các Ngài không nhập Niết bàn sau 10.000 tuổi. Cứ 100 năm thì tuổi thọ của chúng sanh sẽ giảm một tuổi, bây giờ tuổi thọ trung bình của thời chúng ta khoảng là 70 – 75 tuổi. Tuổi thọ trung bình của chúng sanh thời Đức Phật Thích Ca là 100 tuổi, và Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi, đó là chuyện bình thường. Thầy ví dụ thời này tuổi thọ là 75 tuổi, vì nghiệp nào đó mà vị này sống chỉ có 20 - 30 tuổi thôi, sống tới đó là vị đó mất.

Nhưng Đức Phật thì Ngài sống lâu, sống lâu ở đây có nghĩa là hợp với cái thời kỳ tuổi thọ của cái giai đoạn đó, quý Phật tử nhớ nha!

*“Không có Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma Vương...hoặc bất cứ một ai trong đời có thể hại được Đức Phật”*. xin lưu ý: Ngài không sát sanh, Ngài sống với lòng từ, không đem đau khổ cho chúng sanh và ở vô lượng kiếp đều như vậy nên kiếp hiện tại không có ai hại được Ngài.

Thầy khuyên chúng ta không nên gây thù oán với chúng sanh và hạn chế sát sanh. Và Thầy cũng khuyến khích quý Phật tử, một con kiến hay con muỗi cũng không giết nữa. Thầy đã nguyện trước Đức Phật là dù một con kiến, con muỗi Thầy cũng không giết nữa. đại chúng biết không, nhiều lúc Thầy chuẩn bị nằm ngủ, rồi con muỗi nó có chích thì chích, nhiều khi khổ một cái là chuẩn bị ngủ thì nó cứ vo ve vo ve, khó chịu lắm! Lúc đó bất giác, mình định đưa tay để đập một cái. Lúc trước, Thầy bất giác lâu lâu ngủ là Thầy đưa tay đập. Có khi con muỗi nó chết rồi sự nhớ lại: *“Chết rồi, mình đập con muỗi nó chết rồi!”* Biết rằng là mình không có cố ý cho nên không có thành tội sát sanh. Sát sanh chỉ khi mình cố ý. Sau này Thầy quỳ trước Đức Phật, Thầy phát nguyện trong mọi trường hợp sẽ cố gắng nhất có thể, là Thầy không có sát sanh. Quý Phật tử biết không, nhờ cái phát nguyện đó đó, cho nên mỗi lần nhìn thấy con muỗi nó bay bay, Thầy

định đưa cái tay ra đập, rồi Thầy nhớ: “*Ôi! Mình phát nguyện mà, một con muỗi cũng không được giết mà, một con kiến mình cũng không được giết mà*”. Thế là Thầy để yên cho nó cắn hoặc phui phui nó đi. Cho nên mình nguyện, thì ráng quỳ trước Phật, hay vị Thầy nào đó chứng minh cho mình: “*Trên có Tam Bảo chứng minh, Thầy chứng minh cho con. Con nguyện từ nay đến ngày con nhắm mắt, con kiến con cũng không giết nữa!*”

Còn việc ăn mặn và ăn chay thì sao? Không sao nha quý Phật tử. Mình ăn mặn thì cứ ăn, nhưng đừng có sát sanh thôi. Nếu ăn thịt gà hay ăn con cá thì mình mua con gà, con cá đã chết về ăn. Vậy là quý Phật tử không sát sanh. Ăn mặn, ăn chay là nó mang ý nghĩa khác. Còn sát sanh là chúng sanh đó có sinh mạng mà mình giết chúng sanh đó, cắt đứt mạng sống của nó thì mới gọi là sát sanh. Hôm nào Thầy sẽ giảng kỹ trong bài **Năm giới**, Thầy nói là phạm như thế nào thì mới thành tội sát sanh. Ở đây Đức Phật trong tiền kiếp Ngài đã sống với lòng từ và không sát sanh nên bây giờ quả báu của Ngài là không có chúng sanh nào hại Ngài được.

Hồi này Thầy nói đó, Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) lăn đá từ trên đỉnh núi xuống hại Đức Phật không được nên ông thuê 16 sát thủ bắn Đức Phật những cũng không thành công. Sau đó ông tiếp tục bày mưu với vua A-xà-thế (*Ajātasattu*) chuốc rượu

con voi hung hãn tên Nālāgiri (*Đồi lau*) cho nó say mất tâm trí. Hung tượng này có tên là Đồi Lau vì nó có bộ lông như ngọn đồi lau, từng sợi lông như sợi lau, nó lao đến ai là ủi người đó chết, đằng này nó còn bị cho uống thêm 16 hũ rượu nữa nên nó bị điên loạn lên, mất hết tâm trí.

Quý Phật tử biết không, lúc con voi say chạy thẳng đến trước mặt Đức Phật, Thầy Ānanda là thị giả của Đức Phật, Thầy thương Phật lắm, dù có chết Thầy cũng phải bảo vệ Phật nữa nên Thầy tiến ra phía trước để bảo vệ Ngài. Đức Phật bảo Thầy Ānanda lui ra ba lần mà Thầy không nghe, Thầy không muốn cãi lời Đức Phật nhưng vì quá thương Đức Phật, Ngài là Sư phụ của Thầy, nếu Thầy né ra thì con voi đó sẽ chạy đến gây nguy hiểm cho Đức Phật. Đức Phật nói lần thứ ba nhưng Thầy vẫn không nghe, giống như Đức Phật dùng thần thông làm Thầy đi ra phía sau. Sau đó Đức Phật mới hướng tâm, Ngài rải lòng từ và nhìn voi Nālāgiri, Ngài nói thế này:

*“Này Nālāgiri, ta là Thầy của Trời người, con là chúa tể của các loài Voi, người ta đã cho con uống 16 hũ rượu để con mê loạn tâm trí mà hại Như Lai – Con là Phật sẽ thành. Hãy đến đây với Như Lai”.*

Với lòng từ Ngài đã rải tâm từ đến chú voi Nālāgiri này. Sau đó con voi sụp xuống lạy và hiền như cục bột. Con voi trở nên hiền như cục bột và từ

đó trở đi không còn tâm niệm bất thiện nào nữa, trở thành voi hiền lành dễ mến cho đến trọn đời của nó. Đức Phật nói: *“Con là Phật sẽ thành”* nghĩa là voi Nālāgiri tương lai sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác. Trong thời Đức Phật Thích Ca, có vài vị sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai, đó là voi Nālāgiri này, và thêm một chú voi Pāveyyaka chăm sóc và cúng dường Đức Phật vào mùa Hạ thứ mười trong rừng Pārileyyaka thuộc thành Kosambi; Vua Ba-tư-nặc (*Pasenadi*) và Tỳ kheo Ājita là đệ tử của Đức Phật cũng là Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai. Tỳ kheo Ājita chính là tiền thân của Đức Phật Di Lặc (*Metteyya*).

Chúng ta vừa học xong tướng thứ ba và tướng thứ tư của Đức Phật đó là *“hai gót chân thon dài; ngón tay, ngón chân thon dài đều đặn hai”*. Đại ý là Ngài nhiều kiếp không sát sanh và sống với lòng từ nên với phước đó bây giờ Ngài sống lâu và không có chúng sanh nào hại được Ngài.

## 5. Tướng tốt thứ năm: Tay chân mềm mại

## 6. Tướng tốt thứ sáu: Năm ngón tay (trừ ngón cái) đều bằng, ngón chân bằng khít vào nhau không kẽ hở (Giữa các ngón tay, chân có màng lưới)

Bây giờ chúng ta học tướng thứ năm và tướng thứ sáu chung luôn. Tướng thứ năm là “*tay chân mềm mại*” và tướng thứ sáu là “*giữa các ngón tay, chân có màng lưới*”. Tay chân của Ngài thường mềm mại, năm ngón tay trừ ngón cái đều bằng nhau, ngón chân của Ngài bằng khít vào nhau và không có kẽ hở. Nói cho dễ hiểu là! Các ngón tay là bằng nhau, các ngón chân là bằng nhau, dĩ nhiên trừ ngón cái thì thấp hơn. Ngón tay và ngón chân khít nhau, giữa các mép của các ngón tay, ngón chân thì có màng lưới mỏng, đó là tướng tốt của Đức Phật. Vậy thì với phước nào mà Đức Phật được tướng tốt này vậy?

- Thiên nghiệp quá khứ: Thời quá khứ, Ngài thường thực hành đầy đủ **Tứ Nhiếp Pháp**. “*Tứ*” là bốn, “*Nhiếp*” là nhiếp phục, “*Pháp*” là phương pháp. Ngài thường thực hành Tứ nhiếp pháp là hành bốn điều, đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự. **Bố thí** là Ngài thường sống với tâm hào sảng, giúp đỡ người khác bằng khả năng có thể, là san sẻ, sống với bàn tay rộng mở. **Ái ngữ** là Ngài thường nói lời yêu thương, nói lời từ tâm, nói lời để giúp đỡ chúng sanh

bớt khổ đau. **Lợi hành** là Ngài thường đem lợi ích cho chúng sanh. **Đồng sự** là Ngài cùng đồng cam cộng khổ, cùng đồng vào việc của người đó làm để cùng vượt qua những khó khăn. Có dịp nào đó Thầy sẽ giảng bài Tứ Nhiếp Pháp này cho quý Phật tử hiểu rõ hơn. Vậy nếu chúng ta muốn nhiếp hóa, chuyển hóa được chúng sanh thường là phải dùng Tứ Nhiếp Pháp. Vì đây không phải là bài giảng riêng về chủ đề này cho nên Thầy chỉ nói lướt vậy thôi. Trong thiện nghiệp quá khứ, Đức Phật thường làm phước là dùng Tứ Nhiếp Pháp để đem đến lợi ích cho chúng sanh. Vậy người có phước đời này là *“ngón tay chân mềm mại bằng khít nhau và không có kẽ hở”* thì quả ở hiện tại là gì?

- Quả lành ở hiện tại: Nếu vị này làm cư sĩ tại gia sẽ là Vua Chuyển Luân có các bộ hạ tùy tùng như: hoàng tử, tướng lĩnh, quan cận thần, Bà-la-môn, gia chủ, toàn thể dân chúng...một lòng trung thành, luôn tuân theo lệnh khiến Vua hài lòng. Nếu đi xuất gia thành Phật thì có hội chúng đều tùy thuận nơi Đức Phật, các đệ tử trở thành bậc thiện trí có đức tin trong sạch, lắng nghe chánh Pháp và thực hành theo. Nói dễ hiểu là Đức Phật sẽ có những đệ tử xuất gia và tại gia tin tưởng nơi Ngài, nghe theo và ứng dụng lời Ngài dạy.

Quý Phật tử nghe thấy dễ nhưng không phải đơn giản đâu nha. Các vị nói điều gì đó thử coi người ta có

nghe mình không? Mình không có phước mà nói là không có ai nghe mình đâu, đừng nói là 100 người, chỉ 10 người thôi cũng không nghe mình. Người mà nói cho người khác nghe theo phải có cái phước gì đó, khi nói xong là người ta tin mình, người ta làm theo lời mình. Chúng ta đừng than trách tại sao mình nói mà không ai thèm nghe mình hết, còn ông đó nói là cả 100 người, 1000 người nghe theo. Thôi thì mình nghĩ chắc do mình thiếu phước còn người đó thì có phước. Đức Phật thường làm phước là dùng Tứ Nhiếp Pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự để đem đến biết bao nhiêu lợi ích cho chúng sanh. Từ trong quá khứ vô lượng kiếp Ngài đã giúp chúng sanh rồi cho nên hôm nay, Ngài nói là người ta nghe lời. Đó là cái phước đặc biệt. Còn hôm nay tại sao mình nói mà người khác không nghe, thì mình phải đặt lại câu hỏi. Người ta thường nói thế này:

*“Đừng trách mẹ,  
Đừng trách cha,  
Đừng trách người ta sao thay lòng đổi dạ,  
Đừng trách cuộc đời không đủ rộng bao la.  
Đừng trách gió mùa xa,  
Đừng trách lá nơi này sao cứ hoài rớt vội,  
Đừng trách những con người đã 1 lần làm lỗi,  
Hãy tự trách mình sao không đủ thứ tha...”*

Quý Phật tử thấy không? Nếu phải trách là trách mình thôi, chứ đừng trách người khác, tại sao người

---

đó như vậy, người kia như vậy. Mình là con của Phật là mình không oán trách. Mà nếu có trách, mình học Phật Pháp rồi, mình quán về nhân quả, về nghiệp duyên. Người kia tại sao họ giàu, tại sao họ đẹp, tại sao họ khỏe, tại sao họ nói có người khác nghe mà mình nói có người không nghe... Tất cả đều có nhân duyên cả. Ở đây, khi Đức Phật đi xuất gia, Ngài nói là có người nghe, có người tùy thuận, có người nương theo, là vì thiện nghiệp quá khứ Ngài đã dùng Tứ Nhiếp Pháp để mà giúp đỡ chúng sanh. Đó là quả hiện tại của người có tướng tốt thứ năm và thứ sáu là như vậy.

### **7. Tướng tốt thứ bảy: Mắt cá chân tròn như con sò.**

Vì ở phần đầu Thầy có dẫn chứng và kể về vị Chuyển Luân Thánh Vương, kể về 32 tướng hơi dài nên hôm nay chúng ta sẽ học khoảng 8 hoặc 10 tướng cũng được, còn hôm sau mình học thêm một buổi nữa là hết các tướng còn lại, là đủ 32 tướng tốt.

- Thiện nghiệp quá khứ: “*Mắt cá chân của Đức Phật tròn như con sò*” vì trong quá khứ Ngài nói lời liên hệ đến chúng sanh, Ngài thường nói lời ái ngữ lợi ích cho chúng sanh, Ngài làm các thiện nghiệp về khẩu. Ngài nói những lời liên hệ đến Pháp, và thường hướng dẫn, khuyến khích mọi người làm điều thiện, tạo nên những phước lành. Ngài là người kính trọng

Pháp, cúng dường Pháp và khuyến khích người khác cũng cung kính và cúng dường Pháp như Ngài.

- Quả hiện tại: Nếu người có tướng này sống tại gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương có đầy đủ về các dục lạc, tài vật cao tốt trong thiên hạ ở cõi Người. Ở phần trên Thầy có nói, nếu tính ở cõi Người thì Vua Chuyển Luân là số một. Nếu Ngài xuất gia thành Phật Chánh Đẳng Giác là bậc cao thượng nhất, tối thắng nhất trong toàn cõi giới chúng sanh. Tức là sao? Với “*tướng mắt cá chân tròn như con sò*”, khi Ngài đi xuất gia thành Phật, trong cuộc đời này Ngài là cao tốt nhất, cho nên mình xưng tán Ngài là Thế Tôn. Thế Tôn (*Bhagavā*) có ý nghĩa rộng lớn và trong đó có ý nghĩa là “*được thế gian tôn kính*”.

Nhớ giùm Thầy có một chi tiết này nữa, Ngài là Vô Thượng Sĩ (*Anuttaro*), Vô Thượng Sĩ là trong cuộc đời này không còn ai hơn Ngài nữa. Ngài là Bạc Lưỡng Túc Tôn, “*lưỡng*” là hai, “*túc*” là chân, “*lưỡng túc*” là hai chân, “*tôn*” là tôn kính số một. Nghĩa là trong loài hai chân, Ngài là số một. Cho nên khi nghe nói về ai là bậc Vô thượng là mình phải đặt vấn đề liền. Trong cuộc đời này chỉ có duy nhất một mình Đức Phật là đứng đầu thôi. Ngài đứng đầu về các công hạnh, về các Ba-la-mật, về phước đức, về trí tuệ và về từ bi. Vì vậy mình mới xưng tôn Ngài là Thế Tôn, là Bạc Lưỡng Túc Tôn, là bậc Vô Thượng Sĩ, hay là bậc Thầy của Trời và Người. Vậy Đức Phật có

“*tướng mắt cá chân tròn như con sò*” thì quả ở hiện tại là Ngài đứng đầu trong toàn cõi chúng sanh, toàn cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Trong toàn cõi này thì Ngài là đứng đầu. Đó là tướng thứ bảy.

## **8. Tướng tốt thứ tám: Đôi chân thon như đôi chân sơn dương.**

Thật ra đọc đến tướng này Thầy không hiểu lắm. Đôi chân của Đức Phật thon như chân sơn dương, Thầy cũng không biết con sơn dương là con gì và chân thon thon là như thế nào. Nhưng ở đây mình học thiện nghiệp của Ngài là nghiệp quá khứ là gì.

- Thiện nghiệp quá khứ: Sở dĩ Ngài có “*đôi chân thon như đôi chân sơn dương*” vì ở quá khứ Ngài siêng năng học hỏi các nghề nghiệp, kỹ năng; suy nghĩ phương pháp học, làm sao cho được nhanh chóng, dễ hiểu, mau thành đạt...cho mình và giúp người đỡ vất vả.

Rồi bây giờ Thầy nói cái này là bắt đầu đụng chạm rồi nè. Quý Phật tử thấy chi tiết gì không? Trong tiền kiếp, khi Ngài làm hay học một phương pháp nào đó, một cái nghề nào đó thì Ngài luôn tìm cách nào đó nhanh nhất để học, để dễ hiểu nhất, mau thành nhất để mà làm với mục đích là giúp cho mình và người khác đỡ vất vả. Bây giờ Thầy mới có cái cơ chính đáng để nói cho những người hay đi học Pháp trở nè nha! Người nào làm việc thiện mà hay làm trễ, thì chuyện

gì? Sau này quả lành nó cứ trực trặc hoặc trở quả trẽ. Quả lành đến trẽ, nó cứ cuối cuối rồi mới trở. Tại sao vậy? Vì mình làm thiện mà cứ từ từ, từ từ làm. Không phải Thầy chỉ nói chuyện đi học trẽ thôi đâu. Mình muốn đi bốc thí đúng không? Người ta chuẩn bị đi bốc thí xong hết tron, đến phút 90 + 1, trọng tài chuẩn bị thổi còi kết thúc trận đấu rồi, mình mới bắt đầu “*dạ dạ cho con làm với*”. Dĩ nhiên trước đó mình vẫn có thời gian mà không chịu làm, đợi đến phút cuối cùng mình mới đòi nhảy vô làm. Thầy nói ví dụ vậy ha! Hoặc khi có cơ hội làm điều thiện, mình có điều kiện để làm nhanh nhưng mình không chịu làm, cứ từ từ, đắn đo suy nghĩ, rồi phút cuối cùng mới làm. Vậy sau này khi quả lành trở, quý Phật tử biết không, nó trở phút cuối cùng không hà.

Có những người rất lẹ, người đó cứ hay gặp trực trặc hoải. Trong cuộc sống của họ cứ trực trặc hết chuyện này đến chuyện khác, nó không có thành, hoặc có thành đi chẳng nữa thì cũng trầy da tróc vẩy rồi mới thành, là biết là tại sao chưa? Vì mình cứ làm gì đó, nhất là những điều phước thiện mà mình không có làm nhanh, không có hoan hỷ nhanh nhẩu làm, cứ tà tà, cứ rề rề rồi mới làm cho nên khi phước trở thì nó cũng trở chậm chạp, trầy trật vậy thôi, gặp đủ thứ chuyện trực trặc hết. Rồi chuyện đó cũng xong, cũng được chứ không phải không được, nhưng mà cái được đó cuối cùng nó rất là khó.

Thầy kể chuyện này vui vui nha! Thầy có tổ chức chuyến đi từ thiện, ví dụ 300 người đi 6 xe 50 chỗ. Có một cô đó chuẩn bị đến giờ thì gọi: “*Thầy ơi, Thầy đợi con xíu nha, con tới liền*”. Thầy ví dụ vậy, rồi cứ đợi xíu, đợi xíu, đợi quá giờ của cả đại chúng luôn mà vẫn chưa thấy cô. Cuối cùng, cô cứ đi ra đi vô, làm chuyện này chuyện kia mà để đại chúng gần 300 người chờ có một mình cô. Người đời đã mỉa mai về việc người nào đó chậm chạp, lề mề, quanh quẩn làm gì đó mà không lối thoát bằng câu ca dao này:

*“Vân Tiên công mẹ chạy ra,  
Dụng phải cột nhà, công mẹ chạy vô.  
Vân Tiên công mẹ chạy vô,  
Dụng phải cái bồ, công mẹ chạy ra.  
Vân Tiên công mẹ chạy ra...”*

Từ việc hằng ngày làm chậm chạp nó tạo thành thói quen. Cho nên vị nào tới đây tu tập với Thầy rồi sẽ biết, Thầy rất là quyết liệt chỗ “*sợ dây kinh nghiệm trễ*”, cứ rút hoài mà không hết. Dù có 500 người đi một chuyến từ thiện nào đó, một người Thầy cũng không có chờ nữa, đúng giờ là Thầy đi thôi. Lúc đầu quý Phật tử nói Thầy khó, Thầy chấp nhận luôn, cứ đúng giờ là Thầy cho xe chạy. Thầy không thể nào để 499 người chỉ chờ một người. Mục đích Thầy làm như vậy là muốn hướng dẫn đại chúng về vấn đề giờ giấc. Nhất là giờ giấc của mình mà ảnh hưởng số đông, nếu mình trễ giờ thì âu cũng là tổn phước của mình vì làm

tồn biết bao nhiêu thời gian của người đang chờ mình. Vì vậy Thầy rất khó trong vấn đề giờ giấc, nếu không bắt buộc giờ giấc thì thôi, mà đã quy định ra giờ giấc thì Thầy khuyến khích nên đi sớm chứ đừng có trễ, thà mình ngồi chờ, chứ đừng để người ta chờ mình. Đặc biệt là trong cuộc họp, trong công việc mà mình là nhân vật chính nữa, thì mình phải có mặt sớm hơn mọi người chứ đừng đến trễ. Khi mà mình có một trách nhiệm như vậy thì tự nhiên mình có cái phước. Sau này khi quả của phước nào trở thì nó trở rất nhanh cho mình lắm.

Tướng thứ tám của Đức Phật là có “*đôi chân thon như đôi chân sơn dương*” vì quá khứ của Ngài là làm cái gì là làm mau chóng lắm, Ngài học hành cũng nghĩ ra phương pháp để học nhanh chóng nhất có thể. Vậy ở hiện tại, người có tướng tốt này thì ra sao?

- Quả lành hiện tại: Nếu vị nào có tướng tốt này mà ở tại gia thì làm Vua Chuyển Luân có những thứ đồ dùng xứng đáng với địa vị của Đức vua (long xa, tùy tùng, vật dụng...) được phát sinh như ý. Nếu xuất gia thành Phật thì tất cả sự vật gì xứng đáng vị Sa môn, ví dụ như đặc tướng, tài sản, sở hữu... Ngài đều có được một cách mau chóng, hay vật dụng thích hợp, đệ tử bậc Thánh, đồ dùng đều phát sanh như ý. Nghĩa là với phước lành của Ngài là làm mọi việc một cách mau chóng như vậy nên những phước đó phát sinh đến Ngài. Dĩ nhiên đối với Đức Phật thì vật chất xung

quanh đời với Ngài không có quan trọng. Những cái cần nhất đời với vị Sa-môn đó là tứ sự: cơm ăn, áo mặc, nhà ở và thuốc trị bệnh thì không bao giờ Đức Phật thiếu. Quý Phật tử nên nhớ, thức ăn của Đức Phật có mỹ vị của chư Thiên cúng dường cho Ngài và đặc biệt là Ngài có những cái đó một cách rất mau chóng vì trong quá khứ Ngài cũng làm phước một cách mau chóng.

Bài giảng hôm nay Thầy giảng hơn một tiếng rồi. Chúng ta học được tám tướng tốt của Đức Phật. Hôm sau còn lại 24 tướng mình sẽ ráng học hết trong một buổi. Hôm nay sở dĩ chúng ta học được có tám tướng là vì Thầy dành hết nửa tiếng của bài giảng này để nói tổng quan về 32 tướng tốt, nói về Chuyển Luân Thánh Vương và Thầy kể về chuyện của Ngài Bhaddaji cho nên là nó cũng tốn thời gian. Thầy cho học **Kinh Tướng** để làm gì? Để thấy là ở mỗi tướng tốt này, là những công đức của Đức Phật đã làm trong kiếp quá khứ và mình học những tướng này giống như là mỗi hạnh tu của mình đúng không? Ví dụ ở tướng tốt thứ tám này, vì sao Ngài có “*đôi chân thon như đôi chân của sơn dương*” vì Ngài làm cái gì cũng mau chóng hết. Giờ mình học được hạnh này thì khi làm phước, công quả, bố thí, học Pháp...cũng nên làm mau chóng.

## II. 24 TƯỚNG TỐT CỦA ĐỨC PHẬT (CÁC TƯỚNG TIẾP THEO)

Tối hôm nay chúng ta học phần 2 bài **Phật Tướng**, tức là bài nói về 32 tướng tốt của Đức Phật. Trong bài này thì Thầy lấy gốc của **Bài Kinh Tướng – Trường Bộ Kinh**. Trong group của lớp học Thầy đã gửi nguyên bản gốc của bài Kinh để đọc, sau đó Thầy có gửi thêm bản tóm tắt của Thầy. Hôm trước Thầy đã giảng xong 8 tướng, và đã gửi bản tóm tắt về 8 tướng rồi. Ví dụ như Đức Phật được tướng là “*lòng bàn chân bằng phẳng như có bánh xe ngàn cãm*”, Thầy có nói với tướng tốt đó thì ở quá khứ Ngài đã tạo thiện nghiệp gì và hiện tại người có tướng tốt đó sẽ có quả lành gì. Hôm nay chúng ta cố gắng học xong 24 tướng còn lại và Thầy sẽ gửi tóm tắt 24 tướng cho Quý Phật tử.

### 9. Tướng tốt thứ 9: Tay dài đến gối

Tướng “*tay dài đến đầu gối*” nghĩa là khi Ngài đứng lên, đôi bàn tay của Ngài thông xuống dài đến đầu gối. Thầy nhớ mang máng là trước đây Thầy nghe kể hình như có một cầu thủ đá banh ở bên Châu Âu có tướng tay này, anh đứng lên và tay dài quá đầu gối. Vậy ở hiện tại Ngài có tướng này thì do phước gì, thiện nghiệp quá khứ như thế nào mà được tướng như vậy?

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài là người biết mình, biết người, biết quán sát và biết rõ ràng sự sai biệt giữa mọi người, rồi tùy theo nhu cầu mỗi cái biết của họ mà tế độ. Tức là sở dĩ mà Ngài được cái tướng tay này là do trong quá khứ khi Ngài muốn giúp ai đó, Ngài nhìn coi nhu cầu của người đó là họ cần cái gì, cái gì là hợp thời, cái gì là không hợp thời để mà giúp cho họ.

Thầy hay nói vui vui thế này, ai có quý kính Thầy mà tặng cho Thầy cây lược là coi như xong rồi, đúng không? Giờ ai mua cho Thầy cây lược đẹp cỡ nào, quý giá cỡ nào thì Thầy cảm ơn tấm lòng của quý Phật tử thôi chứ không có kết quả, phải không? Nhiều Phật tử tới thăm Thầy, mua cho Thầy hộp cơm rất là ngon nhưng mà lúc đó Thầy vừa ăn cơm xong. Ví dụ Thầy ở Sài Gòn mà Phật tử tặng cho Thầy một cái áo len, dù cái áo len đó rất là đẹp, rất ấm và rất mắc tiền nhưng Thầy sẽ không dùng nhiều vì nó không có hợp thời, ở Sài Gòn thời tiết rất nóng. Cho nên Thầy nói như thế này, khi mà mình giúp cho ai đó một cái gì, cái đó phải hợp thời, thì kết quả sẽ được lợi ích hơn.

Thầy kể một câu chuyện vui thế này. Có hai ông bà già sống với nhau mấy chục năm rất là hạnh phúc nhưng mà rất nghèo. Ngày hôm sau là đến kỷ niệm ngày cưới của ông bà nên ông bà muốn tặng cho nhau một món quà gì đó để nhắc lại kỷ niệm hạnh phúc của mấy chục năm đi với nhau trong đời không phải là dễ.

Trước đó một hôm, ông mới để ý là mái tóc của bà rất dài và đẹp, nhưng gia đình nghèo đến nỗi không có một cây lược để bà chải tóc. Bà lão cũng để ý là chồng bà thích đeo đồng hồ nhưng từ ngày sợi dây đeo bị hư mà ông không có tiền mua dây mới cho nên ông không có đồng hồ đeo. Nên sáng hôm sau là kỷ niệm ngày cưới của hai ông bà, bà mới âm thầm đi cắt mái tóc đẹp và dài của mình để bán lấy tiền mua sợi dây đồng hồ cho ông. Còn ông thì cũng âm thầm đi bán mặt đồng hồ để mua cây lược tặng bà. Khi về nhà thì bà mới lấy dây đồng hồ ra để tặng cho ông, và ông lấy cây lược ra để tặng cho bà. lúc này làm sao? Mái tóc của bà cắt rồi mà ông tặng cây lược, còn bà tặng sợi dây đeo nhưng lúc này cái đồng hồ ông đã bán rồi. Đây gọi là không hợp thời.

Ở đây thì tướng tốt của Ngài là “tay dài đến đầu gối” vì ở tiền kiếp, trước khi Ngài làm thiện nghiệp gì thì Ngài đều quán xét người đó có nhu cầu gì, họ cần gì thì tặng đúng cái đó, giúp đúng cái đó, và khi giúp đúng thì dĩ nhiên sẽ có lợi ích tốt hơn, và phước trở cũng khác nhau.

Đức Phật có dạy trong Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp – Phẩm Sức Mạnh Hữu Học – Phần 36. Cho Đúng Thời:

*“Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí đúng thời này. Thế nào là năm?”*

*Bồ thí cho người đến, bồ thí cho người đi, bồ thí cho người đau bệnh, bồ thí trong thời đói, phàm có những hoa quả gì mới gặt hái được, dành chúng đầu tiên để cúng dường các bậc giữ giới. Đây các Tỷ-kheo, năm pháp này là năm bồ thí đúng thời.”*

Đức Phật dạy có những lúc việc bồ thí của mình là bồ thí hợp thời đó là bồ thí cho người đang bị bệnh, mình giúp cho họ có thuốc gọi là hợp thời. Mình bồ thí đồ ăn cho người ở xa mới đến hoặc người chuẩn bị đi xa. Bồ thí đến người đang thiếu thốn, gặp hoàn cảnh khó khăn. Ví dụ nhà mình trồng được cây xoài, cây cam...mà nó ra những trái đầu tiên, mình đem cúng dường đến Tam Bảo, cúng dường đến người mà mình cung kính đó là bồ thí cúng dường hợp thời. Và với tướng “*đôi tay đến đầu gối*” thì quả hiện tại là gì?

- Quả hiện tại: nếu Ngài ở ngoài đời thì sẽ là vị Chuyển Luân Thánh Vương, là vị đại triệu phú với kho tàng tràn đầy vàng bạc, tài vật, lúa gạo... Hôm trước chúng ta học rồi, Ngài không chọn sống tại gia mà Ngài chọn con đường đi xuất gia và thành Phật. Nếu thành Phật thì Ngài có nhiều đệ tử, có đầy đủ Thất Thánh Tài: Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ, đặc biệt là của báu Siêu tam giới gồm Tứ Thánh Đạo – Tứ Thánh Quả và Niết Bàn.

Với tướng “*tay dài đến đầu gối*” thì Ngài có đầy đủ Thất Thánh Tài. “*Thất*” là bảy, “*tài*” là tài sản,

“*Thánh*” là bậc Thánh: Bảy tài sản của bậc Thánh nhân. Hôm nào Thầy sẽ nói rộng hơn, hôm nay Thầy đưa cho lớp có một khái niệm trước. Khi học Pháp, từ từ mình sẽ thấy rất nhiều giáo lý Đức Phật dạy, nhất là trong lớp giáo lý này, Thầy sẽ cung cấp cho lớp nhiều nguồn giáo lý. Hôm nay chúng ta có một khái niệm nho nhỏ, một cách tổng quát về Thất Thánh Tài. Tài sản bên ngoài của mình là gì? Đó là xe cộ, nhà cửa, tiền bạc, quần áo này kia phải không? Đó là tài sản của mình. Đối với một phạm phu thì coi đó là tài sản. đối với bậc Thánh thì tài sản của các Ngài là bảy thứ: Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ. Qua bảy thứ tài sản này, Thầy cũng mong trong chúng ta, mình ở ngoài đời, tất nhiên mình vẫn cần những tài sản ở ngoài đời, nhưng cũng nên bắt đầu để dành từ từ những tài sản của bậc Thánh. Dĩ nhiên khi đã đắc Thánh quả rồi thì sẽ có đầy đủ bảy tài sản này, nhưng mình nói là mình để dành. Chúng ta để dành từng chút, từng chút nha quý Phật tử!

Quý Phật tử ráng nhớ bảy tài sản của bậc Thánh: thứ nhất là Tín, thứ hai là Giới, thứ ba là Tàm, thứ tư là Quý, thứ năm là Văn, thứ sáu là Thí, và thứ bảy là Tuệ. “**Tín**” là niềm tin, niềm tin nơi Tam bảo Phật – Pháp – Tăng. “**Giới**” tức là quý Phật tử có đạo đức, giữ 5 giới, 8 giới. “**Tàm**” là sự hổ thẹn, “**Quý**” là sự sợ hãi; “Tàm – Quý” là hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. “**Văn**” là ham học, là đa văn, là quán xét từng câu

Kinh cho nó ra nguồn gốc của vấn đề. Bài học trước Thầy có nói đến chi tiết là trong các Thánh đệ tử của Đức Phật, vị mà hiếu học bậc nhất là ai? Đó là Thầy La-Hầu-La (*Rāhula*) nha. Ngài là đệ nhất về hạnh hiếu học trong các vị đệ tử của Đức Phật, Ngài ham học lắm. Trong Kinh nói như thế này: Mỗi sáng Ngài thức dậy thật sớm, ra ngoài bốc lên tay một nắm cát, Ngài quăng nắm cát lên không trung và nguyện: *“Trong nắm cát này có bao nhiêu hạt cát thì ngày hôm đó sẽ học bấy nhiêu chi Pháp”*. Ví dụ trong nắm cát có 1000 hạt cát thì Ngài học 1000 chi Pháp trong ngày hôm đó. Học như Ngài mới gọi là hiếu học. Thứ sáu là **“Xả”**, ở đây nghĩa là bố thí. Khi chúng ta biết chia sẻ, sống với bàn tay rộng mở, với một tâm hào sảng, tùy khả năng của mình, biết làm phước cúng dường, giúp đỡ... Thứ bảy là **“Tuệ”**, tức là khả năng nhìn nhận cuộc đời này chỉ là Danh - Sắc qua Tam tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã. Khi mình tu học có trí tuệ sẽ thấy cuộc đời này là vô thường, cuộc đời này là khổ và cuộc đời này là vô ngã. Đỉnh cao của trí tuệ tức là chứng các tầng Thánh trí: Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả và Tứ Quả. Đó là bảy tài sản của bậc Thánh.

Thầy nghĩ lâu nay mình đã giữ tài sản cho mình như tiền tài, nhà cửa, quần áo này kia rồi. Bây giờ mình lưu lại kiến thức giáo lý này, đây là tài sản để mình làm Thánh nha. Khi đã là một vị Thánh thì vị đó sẽ có bảy thứ tài sản này. Và ở đây, khi Đức Phật có

tướng tốt là “*tay dài đầu gối*” thì quả lành ở hiện tại thứ nhất là Ngài có đủ bảy tài sản này – Thất Thánh Tài. Thứ hai là Ngài chứng đắc được Tứ Thánh Đạo – Tứ Thánh Quả và Niết bàn.

Bốn Đạo – Bốn Quả là gì? Chúng ta cùng nghe chút xíu về lý thuyết này, ở Khóa 4 Thầy sẽ giảng chi tiết hơn. Bốn Đạo – Bốn Quả tức là Sơ Đạo – Sơ Quả; Nhị Đạo – Nhị Quả; Tam Đạo - Tam Quả và Tứ Đạo - Tứ Quả. Đó là Thầy kể theo từng cặp, nếu kể riêng lẻ ra thì kể Bốn Đạo đó là Sơ Đạo, Nhị Đạo, Tam Đạo, Tứ đạo; Bốn Quả là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. Nói dễ hiểu thêm nữa tức là Tứ Quả Thánh. Sơ Quả tức là Tu-Đà-Hoàn; Nhị Quả Tư-Đà-Hàm, Tam Quả A-Na-Hàm, Tứ Quả A-La-Hán. Đây chính là mục đích, là đích đến cuối cùng, là quả vị mà một người đệ tử của Đức Phật mơ ước. Ở ngoài đời thì chúng ta gọi dễ hiểu là ước mơ, còn đối với trong nhà Phật, đây chính là lý tưởng, là hoài bão của một người tu tập, đích đến cuối cùng đó là chứng các Thánh Quả. Chứng các Thánh Quả tức là hết các phiền não, không còn tạo nghiệp, không còn các kiết sử và chấm dứt luân hồi sinh tử. Chúng ta chứng đắc Quả Thánh cao nhất là A-la-hán. Bài giảng **Tứ Quả Thanh Văn** là bài giảng cuối cùng của Khóa 4. Hôm nay Thầy chỉ nói lướt lướt cho lớp mình nắm cơ bản, vì có những đề tài chúng ta mới học mà Thầy giảng sâu thì Thầy sợ bị rối, cho nên Thầy giảng ở một mức sơ sơ cho có

khái niệm trước để mình tập trung vào bài 32 tướng này. Đây là tướng thứ 9 - tay dài đến đầu gối.

### 10. Tướng tốt thứ 10: Tướng mã âm tàng

“*Mã âm tàng*” là gì? “*Mã*” là ngựa, “*âm tàng*” là giấu kín, ở đây đang nói về cái gì? Đó là nói về bộ phận sinh dục của con ngựa. Riêng với Đức Phật có tướng đặc biệt này. Bộ phận sinh dục của con ngựa thường nó giấu kín đi, bình thường nhìn không thấy, và khi cần dùng thì bắt đầu nó mới xuất hiện. Đây là một tướng đặc biệt của Đức Phật - tướng mã âm tàng.

Bài học sau Thầy sẽ giảng bài **Sở Hành Của Đức Phật** và trong bài đó Thầy sẽ dẫn chứng một bài Kinh trong **Kinh Trung Bộ, bài Kinh thứ 91**. Bài Kinh này có nói về một vị Bà-la-môn già tên Brahmayu trú tại Mithila khi nghe danh tiếng của Đức Phật là Bạc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi nghe những danh hiệu của Ngài tốt đẹp như vậy và ông còn nghe nói Ngài có 32 tướng tốt, cho nên ông Bà-la-môn già này mới cho vị đệ tử của mình là Bà-la-môn Uttara đi theo dõi Đức Phật, thử coi Đức Phật có đúng như tiếng đồn tốt đẹp và Ngài có 32 tướng tốt như vậy không. Quý Phật tử biết không, Bà-la-môn Uttara theo dõi Đức Phật 7 tháng thì ông chỉ thấy được có 30 tướng, có hai tướng ông không thấy cho nên ông

mới nghỉ ngơi. Hai tướng mà ông Uttara không thể thấy, tướng thứ nhất đó là “*tướng mã âm tàng*”, vì tướng này được giấu kín trong người Đức Phật nên không ai thấy được. Tướng thứ hai là “*tướng lưỡi rộng dài*”. Lát nữa quý Phật tử sẽ học đến tướng thứ 27 đó là tướng lưỡi rộng dài. Vì cái lưỡi trong miệng Đức Phật nên ông đâu có thấy được. Đức Phật biết ông Uttara này là do sư phụ phái đến để theo dõi Đức Phật nên Ngài đã dùng thần thông cho ông thấy được hai tướng được giấu kín đó để giải mối nghi trong lòng của ông. Trong Kinh Trung Bộ, bài Kinh số 91 nói như thế này nè: với tướng lưỡi rộng dài của Đức Phật, nếu Ngài muốn thì có thể le lưỡi liếm lên tới mũi, liếm ra tới hai tai và lên tới trán luôn. Bữa nào chúng ta học qua bài giáo lý **Sở Hành Của Đức Phật** thì Thầy sẽ kể câu chuyện này chi tiết hơn cho quý Phật tử. Vậy tướng thứ 10 là “*tướng mã âm tàng*” là nói về bộ phận sinh dục. Ở đây, với tướng tốt này được lấy hình ảnh là tướng mã âm tàng của con ngựa là nó được giấu kín.

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài có được tướng tốt này vì thời quá khứ Ngài thường giúp cho chúng sanh, cho bà con, bạn bè, thân tín, quyến thuộc đã đau khổ,飘泊 lâu ngày; những người mà họ bị chia tay nhau, thất lạc nhau. Ngài thường giúp cho họ được hòa hợp lại, sống hoan hỷ với nhau và cùng vui với niềm vui của họ.

Đây là một điều rất là đặc biệt, cho nên Thầy nói khi chúng ra học **Kinh Tướng** là mục đích để học được từng tướng tốt của Đức Phật và đó như là những pháp tu của mình. Ở đây chúng ta thấy Đức Phật sở dĩ có được “*tướng mã âm tàng*” là vì nhiều kiếp trong quá khứ Ngài đã hành những hạnh lành là giúp những người bị chia ly, thất lạc nhau bằng cách nào đó để cho người ta hòa hợp với nhau. Đại ý là Ngài giúp cho người khác hòa hợp với nhau, gặp gỡ, hạnh phúc với nhau chứ không chia cắt người ta. Quý Phật tử thấy việc này khó lắm, tại vì có những người chỉ cần mở miệng ra là “*nói xiên nói xỏ, nói bóng nói gió, nói đâm nói thọc, nói đâm bị thọc thọc bị gao...*” họ nói một hồi là người ta xa nhau ra. Cái này quý Phật tử để ý thử coi, có những người là vậy đó, giống như họ nói không có khéo nên khi nói xong người ta dễ “*xa ta rê - xê ta ra*” lắm. Đôi lúc họ không có ý xấu nhưng họ nói làm sao mà người ta muốn “*xa lánh – xanh lá*” họ ra. Thứ hai là có một số người cố ý nói làm sao cho người ta chia tay, cho người ta giận ghét nhau, nhìn mặt nhau không được... Có những người giống như có cái nghiệp vậy. Mà chúng ta biết rồi, cái nhân thường làm cho người khác chia tay nhau là không bao giờ mình sống được hạnh phúc, đoàn tụ đâu. Mình thấy cái nghiệp là người đó cứ sống cô độc hoài, không gần gũi hay hạnh phúc được bên gia đình và người thân. Vì có thể trong một tiền kiếp nào đó họ tạo nghiệp bất thiện là hay nói những lời để người ta chia rẽ nhau,

không đến được với nhau, không thương nhau nữa... thì bây giờ nghiệp bất thiện trở là không bao giờ họ được đoàn tụ, được hòa hợp bên người thân. Ở đây sở dĩ Đức Phật có được “*tướng mã âm tàng*” này, vì nhiều kiếp Ngài giúp cho người ta gần với nhau. Đây chính là cái pháp tu của mình. Vậy chúng ta nói làm sao mà để người khác không chia cắt nhau, đừng giận hờn nhau, đừng không nhìn mặt nhau nữa. Nhất là bây giờ mình là Phật tử, quý Phật tử nói làm sao để chúng ta đi về một ngôi nhà chung:

*“Mỗi người mỗi nước mỗi non,  
Bước vào cửa Phật là con một nhà.”*

Chúng ta là con của ai? Mình là con của Đức Phật, là Phật tử. Thầy cũng là Phật tử, nhưng Thầy là con Phật xuất gia, quý Phật tử là con Phật tại gia. Vậy chúng ta nguyện nói những lời làm sao để giúp người ta đến được với nhau, hạnh phúc, bình an trong giáo Pháp của Đức Phật, giúp người ta hiểu, tin nhân quả, thiện ác, tội phước... như vậy mới là những lời thiện. Vậy thiện nghiệp quá khứ của Ngài là như vậy.

- Quả hiện tại: Người có tướng “*mã âm tàng*”, nếu sống đời tại gia là Vua Chuyển Luân có hơn một ngàn người con đều là bậc anh hùng, dũng kiện, nhiếp phục địch quân. Nghĩa là nếu người này sinh con thì họ sẽ có những đứa con rất thông minh, tài trí, là những bậc mình gọi là những anh hùng đế vương, hay

mình gọi là quý tử về tài, về đức, về sự thông minh...nói chung họ sẽ có những phước rất là đặc biệt. Nếu vị có tướng này mà xuất gia thành Phật thì Ngài sẽ có những phước báu gì? Ngài sẽ có rất nhiều đệ tử kiệt xuất, là bậc Thánh Thanh Văn dũng cảm, có oai lực chiến thắng tuyệt đối mọi kẻ thù phiền não, đoạn tuyệt mọi tham ái, lậu hoặc. Như chúng ta đã biết, Đức Phật có những đệ tử xuất sắc như:

\*Các vị Tỳ-kheo:

-Ngài Xá Lợi Phất (*Sāriputta*) có trí tuệ đệ nhất.

-Ngài Mục Kiền Liên (*Mahāmoggalāna*) có thần thông đệ nhất.

-Ngài A-nan (*Ānanda*) đa văn đệ nhất.

-Ngài Đại Ca Diếp (*Mahākassapa*) hành Hạnh Đầu Đà đệ nhất.

-Ngài Phú Lô Na (*Punna*) thuyết Pháp đệ nhất.

...

\*Các vị Tỳ-kheo Ni:

- Tỳ-kheo Ni Khemā có trí tuệ đệ nhất.

- Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc (*Uppalavannā*) thần thông đệ nhất.

- Tỳ-kheo Ni Sonā tinh cần, tinh tấn đệ nhất.

- Tỳ-kheo Ni Paṭācārā trì Luật đệ nhất.

- Tỳ-kheo Ni Dhammadinnā thuyết Pháp đệ nhất.

...

\*Các vị Nam cư sĩ:

- Cấp Cô Độc (Anāthapindika) là vị đệ nhất hạnh bố thí.

- Hatthaka Ālavaka: đệ nhất nhiếp phục hội chúng bằng Tứ Nhiếp Pháp.

- Sūra Ambattha: đệ nhất về lòng tịnh tín bất động.

- Jīvaka được dân chúng kính mến đệ nhất.

...

\*Các Nữ cư sĩ:

- Visākhā là nữ cư sĩ đệ nhất hạnh bố thí.

- Hoàng hậu Sāmāvatī: đệ nhất tâm từ.

- Suppiyā đệ nhất về săn sóc người bệnh

- Uttarā Nandamātā là đệ nhất tu Thiền.

...

Chúng đệ tử của Đức Phật từ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni đến các cư sĩ nam và cư sĩ nữ đều có những vị rất

xuất sắc. Những đệ tử của Ngài thôi cũng đáng để cho chư Thiên quỳ lạy cúng dường. Như Thầy đã nói, có những phước báu mà chỉ cần mình được quỳ lạy, được cúng dường một bát cơm đúng thời cho một vị Thánh thôi thì 1000 kiếp làm Vua đang chờ đợi mình đó quý Phật tử. Thầy nhắc lại, vậy người có tướng “*mã âm tàng*” nếu ở ngoài đời sẽ là Vua Chuyển Luân, sinh nhiều quý tử có tài có đức. Nếu Ngài đi xuất gia thì có những vị đệ tử rất xuất sắc.

### **11. Tướng tốt thứ 11: Da màu vàng đồng sáng chói.**

Tướng này chắc mấy cô thích nên nghe kỹ tướng này nha! Đó là “*da màu vàng đồng sáng chói*”, nghĩa là nước da của Đức Phật có màu vàng đồng sáng chói, là màu da của Ngài rất là đẹp. Có một chuyện liên quan đến tướng màu da này nhưng câu chuyện này không nói về Đức Phật mà nói về đệ tử của Ngài.

Trong các đệ tử của Đức Phật có một vị đệ tử là Ngài Ca-Chiên-Diên (*Mahākaccāna*) đệ nhất nghị luận, Ngài thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách vắn tắt. Ngài đặc biệt thế này, chỉ cần đưa cho Ngài một chủ đề hay một câu Pháp ngắn thôi. Ví dụ Ngài nói một chữ “vô thường”, hay một chữ “chết”, hay chữ “niềm tin” ... chỉ một chữ thôi hay một đề tài Giáo Pháp nhỏ thôi, thì Ngài sẽ phân tích ra rất nhiều tầng nghĩa rộng và sâu khác nhau. Ngài Ca-

Chiên-Diên đặc biệt vậy đó! Và Ngài có tướng tốt đó là da của Ngài có màu vàng ròng sáng chói.

Bây giờ mình nghe qua câu chuyện về Ngài để rút kinh nghiệm về khẩu nghiệp của mình nè. Là có một lần đó, trưởng giả Soreyya đi với một người bạn thân cùng đắm tùy tùng ra ngoài thành đi tắm. Lúc này Soreyya thấy Ngài Trưởng lão Ca-Chiên-Diên đang đắp đại y vào thành khát thực có nước da màu vàng óng sáng rực nên anh Soreyya buộc miệng nói: “Ồ! *Phải chi vị Trưởng lão này là vợ ta! Hoặc giả, vợ ta có nước da được như thế!*”. Sau khi anh ta nói câu đó xong, anh ta từ một người nam mà chuyển hẳn ra thành một người nữ luôn. Lúc này anh đã là một người cha có hai đứa con rồi. Từ thời Đức Phật đã có câu chuyện này rồi, từ thân nam chuyển thành ra thân nữ luôn. Anh Soreyya hoảng sợ và không hiểu chuyện gì đã xảy ra nơi cơ thể của anh. Quý Phật tử biết anh sợ quá nên bỏ đi một nơi khác thì lúc này anh Soreyya đã là một cô gái rồi. Sau đó cô Soreyya mới lập gia đình và có tiếp tục hai đứa con. Tức là lúc này hai đứa con gọi Soreyya là Mẹ, và hai đứa con trước kia gọi Soreyya là Cha. Bởi vì nó liên quan đến khẩu nghiệp đó. Sau có một lần cô Soreyya đứng ở trên lầu của tòa nhà thì mới thấy ở phía dưới là người bạn thân trước kia đi chung với mình lúc Soreyya là thân nam. Cô Soreyya mới mời người bạn vào nhà, sau khi mời nước xong thì cô mới nói: “*Bạn ơi, bạn có biết tôi là*

*ai không?”* Lúc này cô mới kể là trước kia cô chính là người bạn thân của ông và vì có lời nói giễu cợt Ngài Trưởng lão Ca-Chiên-Diên nên bị thành thân nữ và bỏ đi biệt xứ. Người bạn thân sau khi hiểu câu chuyện cô là bạn Soreyya của ông đã xúc phạm một bậc Thánh nên mới nói: *“Thật là may phước cho bạn quá, Ngài Trưởng lão đang ở gần đây, ngay trong thành này”*. Sau đó người bạn mới hướng dẫn cô Soreyya đi đến sám hối với Ngài Ca-Chiên-Diên. Quý Phật tử biết sau khi cúng dường vật thực và sám hối xong thì ngay lập tức cô Soreyya trở lại thành thân nam. Anh Soreyya mới nói với người chồng cũ thế này:

*“Này bạn, tôi đã trải qua hai lần chuyển hóa trong một đời người. Trước tiên tôi là đàn ông, biến thành phụ nữ giờ trở lại làm đàn ông. Ban đầu tôi là cha của hai đứa bé, mới đây là mẹ của hai đứa nữa. Bạn đừng nghĩ rằng sau khi đã trải qua hai lần chuyển hóa trong một kiếp sống, tôi bằng lòng sống đời tại gia nữa. Tôi sẽ đi tu theo Trưởng lão của tôi. Bốn phận của bạn là nuôi dưỡng hai đứa bé này. Chớ xao lãng!”*

Nói xong anh Soreyya ôm hai con vào lòng và xuất gia trở thành tu sĩ. Sau một thời gian tu tập, Tỳ-kheo Soreyya chứng Thánh Quả A-la-hán và các phép thần thông. Các vị Tỳ-kheo trong Tăng đoàn có lần hỏi Ngài Soreyya rằng: *“Bạch Ngài, trước khi xuất gia và đắc Thánh Quả thì giữa hai đứa con lúc Ngài làm*

*Cha và hai đứa con lúc Ngài làm Mẹ thì Ngài thương đứa con nào nhiều hơn? ”. Tỳ-kheo Sorreyya mới trả lời là khi chưa chứng Thánh thì Ngài thương hai đứa con lúc Ngài làm Mẹ hơn. Từ đây, ta thấy tình mẫu tử là số một của đất trời này. Dĩ nhiên là trong cái tình Mẹ thương con đó, nó vẫn có những ái luyến, phiền não, buồn khổ cho người Mẹ nhưng nếu nói về tình thương thế gian, Mẹ thương con là số một. Quý Thầy mới hỏi tiếp: “*Vậy lúc Ngài xuất gia, đắc Thánh Quả rồi thì trong hai đứa con lúc làm Mẹ và làm Cha đó thì Ngài thương đứa nào hơn*”. Ngài trả lời là thương đứa nào cũng như nhau, không đặt tình cảm nặng nhẹ lên đứa nào cả. Quý Phật tử biết tại sao không? Vì đã là bậc Thánh rồi thì không còn ái luyến cá nhân nữa, tức là lúc này khi nhìn ai thì Ngài cũng thương nhưng cái tình thương này là tình thương của tâm từ, thương không có cái ngã “Ta và của ta”. Vị Thánh A-la-hán đã đoạn trừ các kiết sử, không còn phiền não, không còn phân biệt “ta và của ta” nữa. Dĩ nhiên đây vẫn là đứa con của Ngài khi còn ngoài đời nhưng đối với những phiền não, tham luyến, khổ đau về những đứa con đó không còn nữa khi Ngài đã đắc Thánh Quả. Ngài thương tất cả là như nhau.*

Thầy kể câu chuyện này vì muốn nhắc nhở quý Phật tử vấn đề chúng ta phải rất cẩn thận về khẩu nghiệp của mình. Người đã học giáo lý rồi, một lời nói ra nó không có xong:

*“Lời nói không là dao nhưng cắt lòng đau nhói,  
Lời nói không là khói mà nghe mắt cay cay,  
Lời nói không là mây nhưng đưa ta xa mãi...”*

Biết đâu đó, lỡ mình nguyên rửa, nói lời bất thiện, những lời đả đàng cay, ác khẩu... với những lời nói đó mà xúc phạm đối tượng có phước đức, mà người có phước đức càng lớn thì nghiệp ác khẩu của mình càng nặng. Và ở đây, khi chàng thanh niên Sorreyya nhìn thấy Ngài Trưởng lão và chỉ có một chút ý bốn cột thôi, nhưng vị này lại là một bậc Thánh nên anh phải chịu quả xấu như vậy. Cái này không ai phạt anh hết nhưng vì anh gieo nhân xấu là có ý khinh thường, bốn cột với vị Thánh thanh tịnh cao tột, cho nên quả xấu trở ngay tức khắc, đây là Nhân Quả chứ không ai phạt anh hết. Chúng ta là đệ tử Phật, đã học Phật Pháp, học về lý Nhân Quả thì mình phải hiểu là không có thần linh, thượng đế, Đức Phật, Bồ Tát hay vị Thánh nào phạt mình cả, mà ở đây chính là thiện nghiệp và ác nghiệp. Đức Phật đã dạy trong **Kinh Tăng Chi – Chương Năm Pháp – Phẩm Sức Mạnh Hữu Học**:

*“Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy”.*

Nghiệp chính là tài sản của mình. Chúng ta có thương ai thì giúp họ tạo thiện nghiệp, còn mình ghét ai thì việc ghét họ là chuyện của mình, họ có khổ hay không là do họ có tu hay không và do nghiệp bất thiện của họ có nhiều hay không. Họ an vui vì họ có tu tập, có rất nhiều phước đức. Vậy chuyện ghét là chuyện của mình, còn họ vui hay khổ là chuyện của họ. Khi đã học Phật Pháp thì phải rất là cẩn thận khẩu nghiệp của mình. Rồi từ từ trong các bài Pháp tiếp theo Thầy sẽ kể nhiều những câu chuyện liên quan đến vấn đề khẩu nghiệp. Đôi lúc mình hay nói: *“tay nhanh hơn não”*, chưa rõ đầu đuôi câu chuyện là mình đã đánh, chửi, dùng lời nói xúc phạm người khác rồi. Bây giờ mình còn phước và quả của nghiệp bất thiện chưa đủ duyên trở nên mình không sợ, mình vẫn còn có thể nói đồng dục được, còn có thể nói to, nói nhiều được, mà toàn những lời nói bất thiện nhưng khi quả xấu trở thì lúc đó mới thấy cái cảnh khổ khủng khiếp như thế nào. Cho nên ở đây Thầy rất khuyến khích quý Phật tử trân quý những tháng ngày của mình còn lại khi được là thân người, là khi mình còn nói được thì đem lời nói của mình nói những điều thiện lành, giúp đỡ người khác như tiền kiếp Đức Phật đã từng hành nên Ngài có tướng *“mã âm tàng”*, đó là nói làm sao để giúp con người đoàn kết lại với nhau.

Chúng ta là đệ tử Phật nên cố gắng nói những điều thiện giúp đỡ, sách tấn nhau. Dĩ nhiên cũng có

lúc mình giận, mình buồn nhưng cố gắng đừng có thể thốt, đừng nói những lời bất thiện, ác khẩu, trù yểm người ta, nói những lời mong cho người ta khổ đau... việc đó là không nên nha quý Phật tử. Chúng ta quay lại tướng “*màu da vàng đồng sáng chói*” của Đức Phật. Vậy thiện nghiệp quá khứ nào mà kiếp hiện tại Ngài có tướng tốt này?

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài là người không sân hận, không nóng nảy. Dù Ngài bị người khác nói nhiều gây hiềm khích cũng không mất bình tĩnh, không phẫn nộ, không hiển lộ sự phẫn nộ ra ngoài. Một trong những lý do khiến mình dễ có hình tướng xấu từ hiện tại cho đến tương lai là hay giận. Thứ hai là Ngài thường bố thí những món đồ như là những vật phẩm, quần áo, đồ trang sức, các đồ che đấp, mang mặc bằng các loại vải mềm, nhẹ nhàng. Đại ý là Ngài bố thí những loại vải tốt đẹp, đồ trang sức, trang điểm đẹp. Với những phước báu làm phước, cúng dường, giúp cho người khác đẹp hơn cũng là phước để cho mình có một màu da. Bây giờ mấy cô nhớ ghi vô, ngoài chuyện son phấn ra thì nhớ ghi vô chi tiết này để sau này mình có được màu da đẹp.

Khi học mỗi tướng tốt của Đức Phật tức là chúng ta đang học mỗi một Pháp tu. Thứ nhất là chúng ta hạn chế giận hờn, nóng nảy, hiềm khích, mất bình tĩnh, không làm chủ được bản thân. Mình càng bình thản bao nhiêu, càng tỉnh táo bao nhiêu, điềm tĩnh bao

---

nhieu đó là nhân duyên để cho mình đẹp ở hiện tại và tương lai. Thứ hai là khi mình bố thí, làm phước những quần áo, trang sức đẹp để giúp cho người khác đẹp thì đó là phước lành để mình có tướng da màu vàng đồng nha. Vậy quả ở hiện tại là gì nếu Ngài có cái tướng da màu vàng đồng này?

- Quả lành hiện tại: Nếu ở ngoài đời thì người có tướng tốt này sẽ làm Vua Chuyển Luân có nhiều đồ trang phục và đồ lót nằm bằng loại vải tốt, mịn màng. Nếu Ngài xuất gia thành Phật thì Ngài có nhiều tấm y và ngoại cụ đều bằng tấm vải quý giá, tốt đẹp, mịn màng. Ở kiếp hiện tại Ngài không thiếu những thứ này. Vào thời Đức Phật, khi Ngài thuyết Pháp, ngồi nghe Pháp có những đệ tử cư sĩ là Vua, Quan, Tể tướng, Trưởng giả... Các vị toàn là những người đại căn, đại duyên. Chúng ta nói giống như đây là một điểm hẹn vậy. Bởi vì vô lượng kiếp các vị đó đã tạo các công đức Ba-la-mật rồi, chờ đến khi có Đức Phật xuất hiện, giống như là giọt nước cuối cùng tràn ly vậy. Có vị đắc Quả Thánh chỉ sau một câu Pháp, có vị hết bài mới đắc, có vị vài năm sau đắc, có vị thì vài chục năm sau mới đắc... để cái duyên lành cuối cùng như giọt nước tràn ly. Cho nên chúng ta cũng thắc mắc là tại sao vào thời Đức Phật lại có nhiều vị đắc Thánh như vậy. Có lý do hết đó ạ, vì các vị đó giống như là giọt nước tràn ly thôi. Còn bây giờ mình nghe Pháp xong rồi, mình nghe giống như là:

*“Lòng ta là một cơn mưa lũ,  
Đã gặp lòng em là lá khoai  
Mưa biết tha hồ rơi hạt ngọc,  
Lá xanh không ướt đến da ngoài.”*

Nghĩa là mình nghe Pháp xong là lọt từ tai này qua đến tai kia, như mình đổ nước lên lá khoai vậy.

**12. Tướng tốt thứ 12: Làn da mịn màng nên bụi không thể bám vào thân.**

Tướng thứ 12 là *“làn da mịn màng nên bụi không thể bám vào thân”*. Tướng này các cô cũng thích lắm nè. Làn da của Đức Phật đặc biệt như vậy, tức là da của Ngài mịn màng đến nỗi mà bụi không thể bám vào thân được. Nhiều khi mình nói: *“Ủa sao kỳ vậy, sao nó phi khoa học quá vậy, da mịn thì cũng phải có bám bụi chứ Thầy?”*. Thì đó là mình, bụi tất nhiên bám vào da của mình vì mình là phàm phu, còn tạo nhiều bất thiện. Có những con người có những phước đặc biệt lắm! Ở đây Đức Phật có tướng tốt đó là da của Ngài mịn màng và chính sự mịn màng đó mà bụi không thể bám vào thân Ngài được luôn. Chúng ta học tiếp xem là Ngài đã tạo thiện nghiệp gì ở quá khứ để bây giờ có một tướng da mịn màng như vậy.

- Thiên nghiệp quá khứ: nhiều đời nhiều kiếp Ngài thường thân cận, gần gũi các vị Sa môn, khéo nghe và tha thiết học hỏi về: *“Thế nào là thiện? Bất thiện? Có tội? Không có tội? Điều nào nên làm?”*

*Không nên làm? Điều nào làm sẽ đưa đến cho ta bất hạnh và đau khổ lâu dài? Điều nào nếu làm sẽ đưa đến cho ta hạnh phúc và an lạc lâu dài?”. Đại ý là Ngài thường gần gũi các bậc thiện tri thức để hỏi về những điều nào đưa đến đau khổ, điều nào đưa đến hạnh phúc, điều nào là tội, điều nào là phước, điều nào là bất thiện, điều nào là thiện. Ngài học những điều đó xong thì có lợi ích cho Ngài, và Ngài đem những lợi ích đó đến cho chúng sanh.*

Khi học về tướng tốt của Đức Phật thì mình càng thấy thương kính Ngài hơn. Tại vì sao? Hôm nay Ngài được 32 tướng tốt là từ vô thủy quá khứ, vô lượng kiếp về trước Ngài đã tạo biết bao công đức rồi. Hôm nay Ngài có được tướng *“làn da mịn màng mà bụi không bám vào thân được”* vì Ngài đã thường gần gũi các vị thiện tri thức để học hỏi. Đây là bài học cho chúng ta đó, nên gần gũi các bậc Thầy, bậc thiện tri thức, bậc đạo đức, từ bi, trí tuệ. Không có gì bi kịch hơn là khi Cha Mẹ cho mình một tấm thân này có đầy đủ 6 căn, có tay chân đầy đủ, đầu óc thông minh, trí tuệ, bao nhiêu duyên lành trong cuộc sống này mà mình cứ quanh quanh quẩn quẩn *“trong khung cửa sổ có hai nhà cuối phố”* hoài nha.

Và Thầy muốn nói một phước báu đặc biệt là chúng ta đang còn trong thời kỳ có Phật Pháp mà chúng ta lại không tìm đến học hỏi những bậc thiện tri thức, những bậc đạo đức trí tuệ, không tìm đến những

giáo lý cao siêu mâu nhiệm mà cứ quanh quẩn cái cuộc sống “*com áo gạo tiền*”, Thầy nói nó uổng lắm nha! quý Phật tử thấy Loài bàng sanh không? Loài heo, loài gà, loài chó, loài mèo...suốt ngày nó chỉ lo ăn rồi ngủ, việc thứ hai là bản năng duy trì nòi giống và bản năng lớn ăn hiếp nhỏ, bản năng sinh tồn. Nếu các loài bàng sanh có thương nhau thì là Mẹ thương con, con đực thương con cái, con cái thương con đực, nó chỉ thương trong huyết thống một chút nào đó thôi. Và nó ít có được phân trí tuệ lắm, gần như không có trí tuệ vì nó là bàng sanh, chỉ sống theo bản năng thôi. Trong khi đó, có phước duyên nào đó trở quả cho nên hôm nay mình được làm thân người và đặc biệt Thầy nói là chúng ta còn trong thời kỳ Phật Pháp mà mình không chịu gần gũi, thân cận với những bậc thiện tri thức để học Phật Pháp, học những bài đạo lý thì xin thưa, chúng ta uổng kiếp người này lắm! Và ở kiếp hiện tại này chúng ta có đầy đủ các căn, có cái đầu thông minh biết suy nghĩ... mà mình không tận dụng những cơ hội tốt này để học những giáo lý tuyệt vời trong đạo Phật thì Thầy nói rất là uổng! Thầy biết quý Phật tử chịu học Pháp là Thầy rất vui tại vì chúng ta cùng chia sẻ niềm vui là niềm vui của mình được nhân đôi. Có người nói thế này:

*“Em cười, thế gian cười vui lại  
Nhưng khóc, riêng mình em khóc thôi!”*

Nghĩa là nếu mình chia sẻ cái niềm vui của mình với người khác thì niềm vui được nhân đôi, mình và họ cùng vui. Còn với những nỗi khổ, niềm đau, mình là người tu tập, chúng ta ráng thứ nhất là tìm phương pháp nào đó để chuyển hóa những nỗi khổ, niềm đau đó. Điều thứ hai là mình hạn chế, mình đã đau, đã khổ, đã buồn rồi mà mình cứ vung vãi qua cho người khác, đó cũng là một điều không nên. Với một người có tu tập là vậy đó, có khổ đau và khó khăn nhưng vẫn mạnh mẽ, cứng rắn vượt qua. Ở đây, trong lớp của mình, Thầy biết có mấy anh cũng khóc nữa chứ không phải chỉ có mấy cô. Xin ghi nhớ giùm Thầy, giọt nước mắt của mình phải là giọt nước mắt xứng đáng, phải khóc chuyện gì cho thật xứng đáng. Mình được làm thân người rồi là cả một bầu trời hạnh phúc, chúng ta phải tận dụng cái cơ hội quý báu này để làm nhiều điều tuyệt vời nha quý Phật tử! Vậy thiện nghiệp quá khứ của Đức Phật là gần gũi, thân cận các bậc thiện tri thức, để học những điều hay. Ở kiếp hiện tại, quả lành của Ngài là gì nếu Ngài có tướng da mịn màng mà bụi không thể bám được?

- Quả hiện tại: Nếu ở đời thì vị có tướng tốt này là Chuyển Luân Vương, sẽ không có ai bằng về trí tuệ hay tài sản thế tục. Nếu thành Phật Ngài có trí tuệ rộng lớn, trí tuệ ưu việt, trí tuệ nhanh nhẹn, trí tuệ sắc bén, trí tuệ diệt đoạn tuyệt mọi phiền não...trong tất cả mọi

chúng sanh không một ai có trí tuệ sánh được với Ngài.

Quý Phật tử thấy không, ở nhiều kiếp quá khứ, Đức Phật là một người ham học và thường gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe lời dạy của quý Ngài và thường đặt những câu hỏi: *“Thế nào là thiện? Bất thiện? Có tội? Không có tội? Điều nào nên làm? Không nên làm? Điều nào làm sẽ đưa đến cho ta bất hạnh và đau khổ lâu dài? Điều nào nếu làm sẽ đưa đến cho ta hạnh phúc và an lạc lâu dài?”*. Quả lành của việc ham học này cho quả là Ngài có trí tuệ phi thường.

Đến ngày hôm nay có những người rất giàu, họ có thể rất đẹp, có đầy đủ vật chất này kia nhưng không có nhiều phần phước về trí tuệ. Tại sao vậy? Ở đây chúng ta đã học rồi, muốn có trí tuệ là phải học, phải tham khảo, phải nương tựa và tìm đến những bậc thiện tri thức, những bậc trí tuệ có đức và có tài để học về tốt - xấu, thiện - ác, tội - phước. Ở đây, với tướng da mịn màng như vậy thì quả lành hiện tại Ngài là một người có trí tuệ sắc bén.

Chúng ta đã học rồi, Đức Phật Thích Ca là Bạc Chánh Đẳng Giác - Chánh Biến Tri (*Sammāsambuddho*). Chánh Đẳng Giác - Chánh Biến Tri tức là cái hiểu biết của Ngài rất rộng lớn, điều gì Ngài cũng biết. Quý Phật tử phân biệt chi tiết này, các

Thánh đệ tử của Đức Phật thì có những điều các vị ấy không biết dù các phiền não của các Ngài cũng đã đoạn trừ tùy theo mỗi bậc Thánh. Nhưng đối với Đức Phật là điều gì Ngài cũng biết. Tại sao điều gì Đức Phật cũng biết? Vì Ngài đã buông bỏ hết rồi, Ngài đã buông bỏ đến tận cùng. Hôm trước mình đã học bài **“Phật Đạo”**, Ngài đã bỏ những cái gì ở bên ngoài, bỏ những gì ở tứ chi và bỏ sinh mạng luôn rồi. Và đặc biệt là Ngài bỏ cái gì? Đó là Ngài bỏ luôn sự bất tri, “sự bất tri” tức là điều không biết, có nghĩa là điều gì mà Ngài không biết là Ngài cũng bỏ luôn rồi. Vì vậy Ngài là Người xứng đáng với câu nói: *“Buông tất cả thì được tất cả”*. Thầy nói là chỉ có Đức Phật mới xứng đáng nhất với câu này: *“Buông tất cả được tất cả”*. Chỉ có duy nhất Đức Phật ở cuộc đời này là số một về trí tuệ.

Có một chi tiết đặc biệt là với trí tuệ của Đức Phật thì không ai có thể làm khó Ngài được. Vào thời Đức Phật, có nhiều vị luận sư ngoại đạo đã đến đối chất với Ngài để tìm ra những sơ hở về kiến thức của Ngài. Nhưng thưa quý Phật tử, chưa có một ai có thể thắng được Đức Phật hết. Đối với Đức Phật là không cần sự thắng thua, nhưng Ngài sẽ tùy duyên, tùy căn cơ của đối phương như thế nào thì Ngài sẽ trả lời cách nào đó để họ quay lại với con đường Thánh thiện. Ở đây phước hiện tại của Ngài là có *“làn da mịn màng bụi không thể bám vào”* vì trong vô lượng kiếp Ngài

đã thường thân cận, gần gũi các vị Sa môn, khéo nghe và tha thiết học hỏi nên quả lành của Ngài là có trí tuệ sắc bén, rộng lớn và đoạn trừ tất cả phiền não không còn dư sót.

### **13. Tướng tốt thứ 13: Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông.**

- Thiên nghiệp quá khứ: Đây là tướng tốt có liên quan đến lời nói. Chúng ta học 32 tướng tốt đa phần sẽ liên quan đến ba nghiệp: thân - khẩu - ý. Ở đây, nhân lành trong quá khứ Ngài đã làm gì mà hiện tại Ngài có tướng tốt là mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông? Vì Ngài từ bỏ và tránh xa nói láo, nói không đúng sự thật. Ngài thường chỉ nói lời chân thật, y nơi chân thật, chắc chắn đáng tin và đặc biệt là Ngài không có thất hứa với ai. Đây là tướng có liên quan đến khẩu nghiệp của mình đó. Ngài thường nói lời chân thật, không nói lời hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời thị phi, không nói lời đâm thọc và thường những lời nói của Ngài là chân thật và không thất hứa. Ở đây Thầy cũng nhắc luôn cho đại chúng nhớ, chúng ta nhắm làm được thì mới hứa nha, không làm được thì đừng hứa. Chúng ta đừng có hứa suông, hứa mà không làm rồi để cho người ta chờ đợi mình. Nhớ rằng đừng thất hứa tạo khẩu nghiệp nha.

- Quả lành ở kiếp hiện tại: Nếu ở đời vị này làm Chuyển Luân Vương, mọi người tin theo lời truyền

dạy và tuyệt đối tuân theo lệnh của Ngài. Và nếu xuất gia thành Phật thì Ngài sẽ có một hội chúng có đức tin trong sạch và thực hành theo lời dạy của Ngài. Hội chúng gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, chư Thiên, nhân loại... là những đệ tử của Ngài. Vì trong nhiều kiếp quá khứ Ngài đã từng nói lời chân thật và không có thất hứa. Đây là phước tướng thứ 13 của Ngài: *“Mỗi lỗ chân lông chỉ có một sợi lông”*.

#### **14. Tướng thứ 14: Lông màu xanh xoắn tròn bên phải, hướng thẳng lên.**

Đây cũng là một tướng đặc biệt của Đức Phật, *“lông màu xanh xoắn tròn bên phải, hướng thẳng lên”*. Vậy thiện nghiệp quá khứ nào đã cho Ngài có quả lành như vậy?

- Thiện nghiệp quá khứ: Đây là tướng cũng liên quan đến khẩu nghiệp. Vì trong quá khứ Ngài nói lời liên hệ đến chúng sanh, Ngài thường nói lời ái ngữ lợi ích cho chúng sanh, Ngài làm các thiện nghiệp về khẩu. Ngài nói những lời liên hệ đến Pháp, và thường hướng dẫn, khuyến khích mọi người làm điều thiện, tạo nên những phước lành. Ngài là người kính trọng Pháp, cúng dường Pháp và khuyến khích người khác cũng cung kính và cúng dường Pháp như Ngài.

- Quả hiện tại: Với người có tướng *“lông màu xanh xoắn tròn bên phải, hướng thẳng lên”* nếu ở đời thì vị này là Chuyển Luân Thánh Vương có tài vật,

dục lạc đều cao tốt, là bậc vĩ đại trong thân dân thiên hạ. Nếu vị này xuất gia thì Ngài sẽ thành Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, là Bậc vĩ đại nhất, cao thượng nhất, tối thắng nhất trong toàn cõi giới chúng sanh. Quý Phật tử thấy đặc biệt chưa? Tại vì lúc nào Ngài cũng hướng chúng sanh làm điều chánh hạnh, điều thiện nghiệp bằng lời nói chân thành, đem lợi ích đến chúng sanh, lúc nào Ngài cũng muốn cho người ta tốt hết, cuộc đời này là như vậy đó.

Thầy kể một câu chuyện vui thế này: Trên một chiếc thuyền đang ở giữa biển thì nó bị lủng và người ta mới gọi cứu hộ tới. Lúc này mới có một chiếc máy bay tới cứu và thả sợi dây xuống. quý Phật tử biết khi sợi dây thả xuống thì sợi dây này chỉ kéo được 7 người lên thôi, nhưng trên chiếc thuyền lại có 8 người. Vì vậy phải có một người chấp nhận ở lại. Lúc này người thì nói tôi là bác sĩ, tôi là kỹ sư xây dựng... ai cũng nói bản thân là xứng đáng để được cứu sống. Cuối cùng có một cô gái nói thế này: *“Đúng rồi! Con thấy quý Phật tử ai cũng xứng đáng để được leo sợi dây này hết. Thôi thì con không có xứng đáng vì con cũng chẳng làm gì nhiều cho cuộc đời này nên con chỉ cần các cô bác làm cho con một việc thôi thì con sẵn sàng ở lại.”* Lúc này có 8 người nắm lên sợi dây trong khi một người phải ở lại, và lời đề nghị của cô gái là tất cả 7 người kia tán dương cô bằng một tràng pháo tay. Máy người kia nghe lời đề nghị quá đơn giản thì cho

một tràng pháo tay liền. Thế là cả 7 người đều rút hết xuống chỉ còn có một mình cô gái. Đây là một câu chuyện vui thôi, nhưng bài học ở đây muốn nói gì? “*Nghe qua thì thật là hay nhưng suy đi nghĩ lại thì đáng cay muôn phần*”. Tức là nghe qua thì ai cũng thấy cô này chịu hy sinh ở lại nhưng cô muốn mọi người vỗ tay và thế là rút hết.

Cuộc đời này nó lạ lắm! Chính khi mình chịu hy sinh thời gian, công sức, tiền của... của mình để giúp người khác, ngay giây phút đó chính là hạnh phúc của mình. Một kiếp người có ý nghĩa là gì? Đó là bản thân sống trong thiện pháp và mình hướng dẫn người khác đến với thiện pháp. Thiện pháp thì cũng có nhiều cấp bậc lắm, có “*thiện pháp hiệp thế*” (thiện pháp thế gian) và “*thiện pháp siêu thế*” (thiện pháp xuất thế gian). Và dĩ nhiên là thiện pháp xuất thế của Đức Phật là cao tột hơn nữa. Vậy chính mình thực hành thiện pháp và giúp cho những người khác cũng có thiện pháp tùy khả năng của mỗi người thì đây là ý nghĩa của một kiếp người. Một kiếp người mà mình sống cứ loanh quanh cho những điều nhỏ bé của bản thân thì uổng lắm. Khi chúng ta học về những tiền kiếp của Đức Phật, mình thấy là Ngài toàn sống vì lợi ích cho chúng sanh và chính khi sống như vậy thì cuộc sống của một kiếp người mới có ý nghĩa.

Ý nghĩa của kiếp người là không quan trọng mình “*sống bao lâu*” mà quan trọng là “*sống bao*

sâu”, chúng ta phải sống cho sâu sắc, cho ý nghĩa, sống làm sao mà lên “*đồ cổ*” chứ đừng thành “*đồ cũ*”. Ví dụ mình sống lâu cũng được, sống ít cũng được nhưng phải lên “*đồ cổ*”. Đồ cổ nó mới quý, mà điều gì làm cho mình quý giá? Chính là những điều phước thiện mình làm thì mới cho mình thành đồ cổ quý giá được.

Đối với Đức Phật, ở vô lượng kiếp quá khứ Ngài luôn muốn cho chúng sanh tốt, lợi ích và quả lành của Ngài cuối cùng là một vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác cao tột trong toàn cõi giới chúng sanh. Ngài là vô thượng, là cao tột, là tối thắng nhất. Cho nên hôm trước mình đã học, giờ mà nghe ai tự xưng là Bạc Vô Thượng thì tự có sự hiểu biết rồi đó, không có ai là Bạc Vô Thượng trừ Đức Phật. Ngài xứng đáng là Bạc Vô Thượng (*Anuttaro*), là Bạc Lưỡng Túc Tôn, “*lưỡng*” là hai, “*túc*” là chân, nghĩa là trong tất cả loài hai chân Ngài là đứng đầu. Đức Phật là Thầy của Trời, Người, là vị có đầy đủ từ bi và trí tuệ. Xin thưa quý Phật tử, số một của cuộc đời này chỉ có duy nhất Đức Phật vì vô lượng kiếp Ngài đã tu tập, tạo công đức lành và phục vụ chúng sanh nên vị trí cao tột là xứng đáng dành cho Ngài.

Quý Phật tử học Phật Pháp thì thấy cuộc đời này công bằng lắm, không có điều gì là bất công đâu. Sự bất công là cái trước mắt mà mình thấy thôi, thật ra là phía sau có nhân - quả, thiện - ác, tội - phước chi phối

---

hết. Mình không phải tự nhiên nghèo, tự nhiên bệnh. Dĩ nhiên có một số cái hiện tại là do mình lười biếng, không chăm sóc sức khỏe này kia. Nhưng một cái chung chung nào đó, một người ở vị trí đó, họ được giàu, được đẹp đẽ, được thông minh như vậy thì phải có cái gì đó chứ không phải tự nhiên mà họ có được. Có người ăn hoài không hết, có người thì làm hoài vẫn không có ăn, nghĩa là phải có cái gì phía sau mà mình không nhìn thấy. Ở cuộc đời này không có gì là không công bằng hết, cái không công bằng, không bình đẳng là mình thấy trước mắt thôi. Khi học Phật Pháp rồi thì mình biết việc gì cũng có nhân - quả, thiện - ác phía sau cả. Ở đây mình nói thiện nghiệp và ác nghiệp chính là tài sản riêng của mỗi người và chính tài sản riêng đó nó cho người đó được như vậy.

### **15. Tướng tốt thứ 15: Thân hình cao thẳng như Phạm Thiên.**

Quý Phật tử biết Phạm Thiên là ai không? Phạm Thiên ở tướng tốt này là muốn nói về các vị ở tầng Trời Sắc giới. Chúng ta có ba cõi là: Cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô Sắc giới. Cõi Dục giới bao gồm: cõi Trời, cõi Người, cõi A-tu-la, cõi Địa ngục, cõi Ngạ quỷ, cõi Súc sanh. Riêng ở cõi Dục giới thì có 6 cõi, nói rộng ra thành 11 cõi đó là: cõi Người, cõi A-tu-la, cõi Địa ngục, cõi Ngạ quỷ, cõi Súc sanh và 6 tầng trời: Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại.

Cõi Dục giới là cõi chúng ta đang sống nè, tức là chúng ta sống trong Năm dục: Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy đây là cách nói thô. Còn nói tổng quan là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Mình có mặt ở đây thì thế nào cũng dính vô năm cái này. Vấn đề là dính vào cái nào nhiều, cái nào ít thôi. Chúng ta hay nói: “*Ôi sao ông đó tham quá?*”. Vậy mình suy nghĩ thử xem coi ai mà không tham, vấn đề là mình tham thiện hay tham ác. Tham làm điều tốt, điều thiện thì quả trở khác, tham làm điều bất thiện thì quả trở khác. Chúng ta có mặt ở đây vì chúng ta có những nhân tham dục, có người tham ăn, có người tham ngủ, có người tham tài, có người tham sắc, có người tham danh, có người thích ở cái hình sắc, có người thích ở âm thanh, có những người thì thấy hình sắc không quan trọng, ăn ngủ cũng không quan trọng mà lại thích nghe những âm thanh mà họ ưa thích. Lại vậy đó, cũng có những người ngủ không quan trọng, ăn không quan trọng, mặc không quan trọng, tiền không quan trọng nhưng phải cho họ nhìn thấy cảnh sắc mà họ vừa ý. Lại còn có người xem việc đẹp xấu không quan trọng, tiền bạc cũng không quan trọng, họ không cần danh thơm tiếng tốt hay tiền bạc giàu có, miễn sao cho họ ăn ngon, mặc đẹp là được. Vậy những sở thích này tùy thuộc vào tiền nghiệp và liên quan đến khuynh hướng tâm lý của người đó nữa.

Mỗi chúng sanh ở cõi Dục đều thích cái gì đó và ghét cái gì đó, chỉ là nhiều hay ít thôi. Cho nên khi mình nghe nói người đó tham lam hay sân hận thì chúng ta biết đó là chuyện bình thường. Vì vậy ở cõi Dục này thì tu khó, nhưng đặc biệt nếu chúng ta biết Phật Pháp thì sẽ làm điều thiện, tạo các công đức Ba-la-mật vô cùng tuyệt vời luôn. Và nhất là thời kỳ có Phật Pháp.

Trên cõi Dục giới là cõi Sắc giới. Cõi Sắc giới tức là dành cho những vị đã tu đắc một trong bốn tầng thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Đại ý cõi Sắc giới là cõi của bốn tầng thiền. Những vị nào sanh vào cõi Sắc giới này thì mình gọi là Phạm Thiên. Nghĩa là Phạm Thiên không có ở cõi Dục, Phạm Thiên ở cõi Sắc giới thì gọi là Phạm Thiên Sắc giới. Còn có một cõi nữa trên cõi Sắc giới là cõi Vô Sắc giới. “*Vô sắc*” tức là không có hình tướng, có những cõi không có “hình tướng” mà chỉ có “tâm” thôi nha, đó là cõi Vô sắc. Sau này chúng ta học Phật Pháp sẽ thấy có những cõi có “sắc” mà không có “tâm” nữa nha, đó là cõi Vô Tướng ở trong cõi Sắc giới. Cõi Vô Tướng là cõi không có “tâm”. Đặc biệt vậy đó. Thầy sẽ sắp xếp một buổi giảng về hình tướng và cách sinh hoạt của chúng sanh trong ba cõi để mình mở mang hiểu biết của mình ra. Phàm phu mình thì cái gì cũng đòi theo khoa học, thường cái gì mà thấy được, sờ được, nếm được, nghe được thì mới tin. Có những điều không

phải như vậy đâu. Mà ở đây với trí tuệ của Đức Phật, Ngài đã dạy rất nhiều điều mà khoa học chưa thể chứng minh được.

Hôm trước Thầy có nói sơ cho quý Phật tử lâu lâu có hiện tượng Nhật thực, Nguyệt thực nó cũng liên quan đến một nhân vật trong Phật giáo nha. Vị này là Atula tên Asurindarāhu. Vị Thiên tử này to lớn lắm, to lớn nhất trong tam giới. Vị Thiên tử Rāhu này có cái tính lạ là thích đùa vui nên lâu lâu ngậm mặt Trời vậy đó. Và quý Phật tử thấy trên mặt Trăng có tướng con thỏ đúng không? Xin thưa nó liên quan đến Đức Phật Thích Ca của mình. Trong tiền kiếp, tiền thân của Đức Phật là một con thỏ rừng cùng ba người bạn là khỉ, chó rừng và rái cá sống chung với nhau trong một khu rừng. Cả bốn con vật đều rất khôn ngoan và quyết tâm tu tập, giữ giới. Một hôm Đức Vua Trời Đế Thích (Sakka) hóa thành một vị Bà-la-môn vào rừng khát thực. Tiền thân của Đức Phật là con thỏ rừng vì không có thực phẩm cúng dường cho vị Bà-la-môn này nên đã hiến dâng cả mạng sống của mình và nhảy vào đồng lửa để có thịt dâng lên vị Bà-la-môn. Ngay lúc ấy thì ngọn lửa tắt và Đức Vua Trời mới nói thật là đã hóa thành người Bà-la-môn để thử đức hạnh của Ngài. Sau đó Đức Vua Trời vẽ hình một con thỏ trên mặt Trăng nhằm ca ngợi pháp bố thí của Ngài.

Cũng vậy có nhiều điều trên cuộc đời này hay lắm, lạ lắm! Tại sao bầu trời có màu xanh nước biển?

Màu xanh này có liên quan gì đó đặc biệt trong kiếp người này của mình. Tại sao gương mặt của chúng ta giống giống cái quả trứng? Nó không phải tự nhiên đâu. Nhưng nếu mình sanh qua một cõi khác thì có khuôn mặt là hình tứ giác, rồi ở cõi khác lại có khuôn mặt là hình bán nguyệt, hình mặt trăng. Đó là ở các châu khác như Bắc Câu Lâu Châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Còn chúng ta đang ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu. Cho nên ở đây mình học tướng tốt *“Thân hình cao thẳng như Phạm Thiên”* là nói về Phạm Thiên ở cõi Sắc giới nha. Tức là các vị đắc bốn tầng Thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Còn Phạm Thiên Vô Sắc giới là các vị không có hình sắc thì đắc: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như chúng ta biết ở đây Phạm Thiên là hình dáng chuẩn nhất trong tam giới. Hôm nay chúng ta học được thêm một chi tiết, ai đó hỏi: *“Trong cuộc đời này, trong tam giới này, trong vũ trụ này thì ai là đẹp nhất”*. Mình trả lời hình tướng chuẩn nhất là hình tướng của Phạm Thiên. Chi tiết này trong Kinh nói, hình tướng chuẩn là hình tướng của Phạm Thiên. Bài học hôm nay đề cập đến Phạm Thiên tức là đang nói về Phạm Thiên cõi Sắc giới. Và ở đây tướng tốt của Đức Phật là *“thân hình cao thẳng như Phạm Thiên”*. Vậy thiện nghiệp quá khứ nào đã cho quả lành là Ngài có thân hình cao thẳng như Phạm Thiên?

- Thiên nghiệp quá khứ: Ngài từ bỏ việc sát sanh, bỏ trượng - kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương sót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Xin thưa quý Phật tử, vì từ vô thủy kiếp trong quá khứ Đức Phật không sát hại chúng sanh, Ngài thường sống với tâm từ, thương yêu chúng sanh nên Ngài được quả lành như vậy.

Mình không sát sanh có nhiều trường hợp lắm. Thầy nói có những người không sát sanh là vì họ quá giàu, họ suốt ngày làm việc nên không sát sanh. Những người này không phải là họ không có điều kiện tâm lý để sát sanh mà do họ có quá nhiều việc để làm và nghề nghiệp không liên quan đến việc sát sanh nên họ không có điều kiện cũng như thời gian để sát sanh. Và có một số nước mà pháp luật nơi đó, điều kiện cuộc sống nơi đó khiến họ không sát sanh, chứ không phải là vì họ thương chúng sanh, tôn trọng sự sống của chúng sanh mà không sát sanh. Còn mình là Phật tử, chúng ta không sát sanh là vì sao? Vì mình có tâm từ thương yêu chúng sanh. Trên đời này, chúng sanh nào cũng cần mạng sống, ai cũng yêu quý mạng sống của bản thân, khi hiểu như vậy là mình sẽ không sát sanh. Và đặc biệt là mình không muốn kết oán thù, gieo oan trái, tạo ác nghiệp với chúng sanh nào cả. Vậy lý do mình không sát sanh là vì mình hiểu, chứ không phải là mình không có điều kiện nên không sát sanh. Thưa quý Phật tử, ngay lúc suy nghĩ được những điều như

vậy là mình có trí tuệ. Việc mình không sát sanh là vì mình có trí tuệ chứ không phải vì hoàn cảnh. Vậy nhiều kiếp của Đức Phật là Ngài không sát sanh nên hiện tại Ngài có tướng là *“thân hình cao thẳng như Phạm Thiên”*.

- Quả hiện tại: Người được tướng là *“thân hình cao thẳng như Phạm Thiên”* nếu ở đời thì là Vua Chuyển Luân có thọ mạng lâu dài, kẻ thù không thể sát hại. Nếu đi xuất gia thành Phật thì Ngài có tuổi thọ sống lâu, kẻ thù nào dù là Sa môn, Bà-la-môn, Chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, hay bất cứ ai trong đời cũng không sát hại được Đức Phật. Vì vô lượng kiếp Ngài đã từng không sát sanh mà còn giúp đỡ, thương xót đến hạnh phúc của chúng sanh nữa.

Phàm phu sẽ nói như thế này: *“Ở đời tôi làm biết bao nhiêu việc tốt, giúp đỡ biết bao nhiêu người... vậy chẳng lẽ tôi không được tướng tốt đó sao?”*. Ở đây, Đức Phật đã từ bỏ và chế ngự sát sanh, bỏ trượng - kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình từ vô lượng kiếp, nghĩa là từ rất rất nhiều kiếp quá khứ rồi, còn mình mới có kiếp này thôi.

Hôm trước chúng ta đã được học về Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) thả voi say hại Phật, lăn đá hại Phật, thuê sát thủ hại Phật... đúng không? Thật ra đó là những quả của ác nghiệp của Đức Phật trong quá khứ

trở thôi, còn riêng việc giết Đức Phật thì không ai có thể giết được Ngài và cũng không có ai làm Đức Phật chảy máu được. Buổi học trước Thầy kể đó, không ai làm Đức Phật chảy máu được, chẳng qua khi mảnh vỡ của hòn đá văng vào ngón chân cái làm chân Ngài bị bầm tím, Đức Phật cho phép Thần y Jīvaka mổ sống vết thương đó nên mới bị chảy máu thôi. Không ai làm cho Đức Phật chảy máu được huống chi là sát hại Ngài.

Không phải tự nhiên mà Đức Phật được phước tuổi thọ sống lâu và không chúng sanh nào hại được Ngài mà vì vô lượng kiếp Ngài đã thương chúng sanh và dừng lại việc sát sanh lâu rồi. Cho nên Thầy nói quý Phật tử, nếu là Phật tử thì mình nên nguyện. Mình biết là thân mạng ai cũng quý hết. Mình nguyện không sát hại chúng sanh nào dù là nhỏ nhất như con kiến, con muỗi, con ong, con ruồi... miễn là chúng sanh đó có mạng sống thì mình cố gắng không giết. Được gọi là sinh mạng vì nó có tâm và sinh mạng này phát sinh do Nghiệp, còn các loài thực vật, cây cỏ, núi non...đều không có sinh mạng vì chúng không có tâm, không có nghiệp, đó là loài vô tình. Còn mình cắt đứt mạng sống của loài chúng sanh có Danh pháp (tâm) và Sắc pháp (thân) thì gọi là sát sanh. Sắc pháp được hình thành do bốn yếu tố: “*Nghiệp, Tâm, Thời tiết và Vật thực*”. Ở bài sau Thầy sẽ giảng chủ đề **Năm giới**, trong bài đó Thầy sẽ giảng chi tiết như thế nào

mới gọi là phạm giới sát sanh. Nếu quý Phật tử chặt cây thì không gọi là sát sanh. Loài nào có tâm, có nghiệp mà chúng ta cắt đứt mạng sống của chúng sanh đó và hợp đủ Năm chi pháp thì mới cấu thành nghiệp sát sanh. Phạm điều giới sát sanh phải đủ Năm chi pháp:

1/ Chúng sanh có sinh mạng (Pāṇo)

2/ Biết rõ chúng sanh có sinh mạng  
(Pāṇasaññitā)

3/ Tâm nghĩ giết hại chúng sanh  
(Vadhakacittam)

4/ Cố gắng giết hại chúng sanh (Payogo)

5/ Chúng sanh ấy chết do sự cố gắng giết (Tena maraṇam)

Vậy khi chúng sanh bị kết thúc sinh mạng hợp đủ năm chi này thì chúng ta phạm giới sát sanh. Thầy sẽ nói ý này chi tiết hơn trong bài **Năm giới**. Có trường hợp thế này, khóa tu hôm đó kết thúc thì cô này gặp Thầy buồn và khóc. Cô nói thế này: *“Chồng con tội quá Thầy ơi! Vợ chồng con làm nghề buôn bán cá từ xưa rồi, giờ con bỏ bán cá rồi mà nói hoài ông chồng không chịu bỏ nghề.”* Thầy mới hỏi là vợ chồng bán cá sống hay cá chết? Cô này nói là chỉ bán cá chết thôi. Thầy trả lời là như vậy thì vợ chồng không phạm giới sát sanh vì chỉ bán cá chết. chúng tại phân biệt rõ

chi tiết này nha. Chúng sanh phải còn mạng sống mà mình giết thì mới gọi là sát sanh. Vậy thì nhiều kiếp Đức Phật không có sát sanh cho nên bây giờ Ngài được quả báu là thân hình đẹp vậy đó.

Quả lành hiện tại là không có ai hại được Ngài, thứ hai là Ngài sống lâu. Sống lâu ở đây sẽ có người đặt câu hỏi: “*Ưa, Đức Phật sống có 80 tuổi chứ có gì mà lâu?*” chúng ta nên học thêm chi tiết này: tất cả Chư Phật ra đời trong thời gian mà tuổi thọ chúng sanh dài nhất, cao nhất là 100.000 tuổi, và thấp nhất là 100 tuổi và luôn luôn các Đức Phật chỉ ra đời trong thời kỳ kiếp giảm. Các Ngài không ra đời trong thời kỳ tuổi thọ đang tăng. Như hôm trước Thầy có dạy chi tiết này ở tướng thứ 3 và tướng thứ 4 rồi. Đức Phật Thích Ca ra đời trong thời kỳ tuổi thọ chúng sanh là 100 tuổi. Và mình học thêm chi tiết nữa là gần như các vị Phật Chánh Đẳng Giác đều nhập Niết bàn trước tuổi thọ trung bình của chúng sanh thời đó. Vì vậy Đức Phật nhập Niết bàn khoảng 80 tuổi là vậy đó quý Phật tử. Vậy tướng thứ 15 là “*thân hình cao thẳng như Phạm Thiên*” mà mình gọi dễ hiểu ngoài đời là thân tướng đẹp thường không phạm tội sát sanh.

#### **16. Bảy nơi trên thân hình đầy đặn: hai tay, hai chân, hai vai và cổ không nổi gân và xương.**

Bảy nơi trên thân Đức Phật: hai tay, hai chân, hai vai và cổ không có chỗ thõm và những điểm lồi

lỗm, cổ không nổi gân và xương. Sau này có dịp nào đó chúng ta sẽ học về Vua A-Dục (*Asoka*) sanh sau thời Đức Phật là hơn 200 năm. Ông có một người Hoàng hậu và bà này có tướng đặc biệt đó là không thấy các khớp tay, khớp xương, nó liền đẹp vậy đó. Bà phải có phước gì đó mới có cái tướng này. Thì Đức Phật ở đây là hai tay, hai chân, hai vai và cổ của Ngài không có nổi những gân xương, không có lồi lõm gì hết, cân đối và rất đẹp.

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài thường bố thí vật thực thượng vị, thức uống ngon lành, bổ dưỡng. Tức là những món đồ ăn thức uống nào ngon nhất là Ngài đem cho. Dĩ nhiên mình phải hiểu rằng ngon nhất trong khả năng của mình nha.

Có hai vợ chồng Phật tử đó rất là nghèo, một bữa cơm với miếng đậu hủ là ngon nhất với họ rồi. Vậy mà họ đem cái ngon nhất, quý nhất của họ đi cúng dường. Mình phải hiểu ngon nhất là như vậy đó, chứ không phải món ngon nhất, tốt nhất là những món gì mắc nhất của thế gian. Vì thứ mắc nhất của thế gian thì mình đâu có khả năng mua đúng không? Vậy mình đem món ngon nhất đối với mình mà giúp người ta, thì đó là bố thí vật thực thượng vị. Ở đây chúng ta thấy có liên quan đến việc bố thí. Cũng có những người dám cho những cái khó cho nhưng cũng có người cho cái khó xài, cái mình xài không được thì thôi mình cho hoặc mình cho cái đã xài rồi mà nay không xài nữa,

để chắt nhà... Ví dụ có đôi dép mang không hợp hay bị cũ nên mình cho, chứ thôi vài bữa nữa cũng bán mà bán chẳng được bao nhiêu nên cho. cách cho ở đây nó khác không?

Có ba hình thức bố thí đó là: Nô lệ bố thí (*Dāna-dāsa*); Bằng hữu bố thí (*Dāna-sahāya*) và Chủ nhân bố thí hay Cung kính bố thí (*Dāna-sāmi*). **Nô lệ thí** tức là cho những thứ xấu mà mình không dùng hoặc cho thứ có chất lượng kém hơn cái mình đang dùng. **Bằng hữu thí** tức là cho những cái mà mình cũng đang sử dụng, dùng cái nào thì cho cái đó. **Chủ nhân thí** tức là mình cho những cái gì quý giá giống như dành cho chủ của mình vậy, và mình đem dâng cúng bậc Trưởng thượng những món có chất lượng tốt hơn cái mình đang dùng. Cho nên có những cái là chủ nhân thí, có những cái là nô lệ thí và có những cái là bằng hữu thí.

Chúng ta thấy Đức Phật cho cái gì? Trong thời quá khứ, Đức Phật đã cho những cái khó cho. Ngài cho vàng bạc, ruộng vườn, cửa cải, quần áo, thức ăn... tất cả những vật sở hữu ngoài thân gọi là **Ngoại thí** (*Bāhira dāna*). Ngài còn cho cả vợ con, tứ chi và cả sinh mạng của Ngài gọi là **Nội thí** (*Ajjhattika dāna*). Ngài đã hành hạnh bố thí biết bao nhiêu kiếp đúng không? Ngài cho những cái khó cho, Ngài làm những điều khó làm và Ngài hành những cái khó hành, cho nên Ngài đặc những điều khó đặc và khó đặc

---

chính là thành Phật, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Còn mình thì cho những cái không xài nữa nên quả lành trở tương xứng với cái mình cho và tâm lúc cho. Khi học Phật Pháp, mình mới thấy rõ vấn đề, có những cái chi li vậy đó. Thân hình của Ngài có bảy nơi đều đặn và cổ không nổi gân vì Ngài đã từng bố thí những thứ thượng vị.

- Quả lành hiện tại: Nếu ở đời thì vị có tướng tốt này là Vua Chuyển Luân, thường được hưởng dụng các món cao lương mỹ vị. Còn nếu thành Phật thì Ngài cũng được những quả báu là thường có những vật phẩm người ta cúng dường đến Ngài, đó là những vật phẩm thượng vị và đầy đủ chất bổ dưỡng. chúng ta thấy công bằng chưa? Ngài cho như vậy nên Ngài đạt như vậy. nên đừng hỏi là tại sao người ta cúng cho, mà cho ai thì toàn đồ ngon còn đến mình thì còn đồ dở không à. Giờ đã hiểu tại sao chưa? Mình không có than trời trách đất nha. Chúng ta học Phật Pháp là không có than trời trách đất, tại sao người ta được như vậy mà mình lại như vậy, thay vì mình hỏi tại sao người ta như vậy còn mình như vậy thì bây giờ mình cũng biết rồi, vì nhiều kiếp mình toàn cho kiêu “nô lệ thí”, cho những cái mình không dùng nên bây giờ người ta cho mình lại như vậy, không có than trời trách đất nha. Học Phật Pháp rồi, cố gắng bỏ đi cái họ “*than*”, họ “*thở*” nha. Tất cả đều do mình hết. nhớ câu này:

*“Trách người một, trách ta mười,  
Bởi ta tệ trước nên người bạc sau”*

Mình càng nghèo khổ, càng bệnh tật, càng yếu kém, càng thua thiệt thì mình càng phải tu, mình càng phải làm phước. Thay vì bây giờ mình ngồi đó mà than thở thì bây giờ biết rồi, người ta được như vậy vì kiếp trước họ có tu. Còn mình kiếp trước không có tu cho nên kiếp này cứ khổ hoài. Thầy tin rằng sau những bài Pháp này là quý Phật tử bớt than rồi đó.

Và đặc biệt ở đây, Thầy cho quý Phật tử thêm một thông tin nữa là đối với Đức Phật, hằng ngày ngoài bữa ăn mà Ngài được những thí chủ cúng dường thì luôn luôn trong thức ăn của Ngài đều có mỹ vị chư Thiên. Nói điều này là mấy cô thích lắm, mấy cô nấu đồ ăn nhà bếp nên biết nhiều món lắm đúng không? Đối với Đức Phật, những món ăn Phật tử cúng xong thì sau đó có chư Thiên xuống cúng thức ăn mỹ vị cho Ngài nữa. Trong Kinh nói thức ăn có mỹ vị chư Thiên thì một con voi ăn không tiêu được, chỉ có Đức Phật và các vị Thánh mới dùng được loại thức ăn này thôi.

**17. Tướng tốt thứ 17: Thân như sư tử.**

**18. Tướng tốt thứ 18: Hai vai đầy đặn không lõm khuyết.**

Bây giờ chúng ta học qua tướng thứ 17 và 18. Hai tướng này học chung vì có nhân tiền nghiệp quá

khứ chung, và quả hiện tại chung. Tướng thứ 17 là “*thân như sư tử*”. Hình như ở đây là đề cập về phần thân trên của Ngài. Tướng thứ 18 là “*hai vai đầy đặn không lõm khuyết*”. Đức Phật có hai cái lõm trên vai ở hai bên đầy đặn không có lõm khuyết. Vậy quá khứ Ngài đã tạo thiện nghiệp gì mà Ngài được như vậy?

- Thiện nghiệp quá khứ: đó là Ngài tha thiết mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, hạnh phúc, giải thoát ràng buộc cho phần đông chúng sanh. Ngài mong cho chúng sanh làm sao tăng trưởng Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ, thiện pháp và nhiều thiện sự khác; đời sống của họ được phát triển của cải, ruộng vườn, quyền thuộc, bạn bè...Đại ý là Ngài giúp cho chúng sanh có niềm tin, có đạo đức, có trí tuệ, biết làm phước, mong lợi ích đến cho bản thân mình và cho chúng sanh. Ở nhiều kiếp Ngài đều luôn mong như vậy. chúng ta sẽ được học ở rất nhiều kiếp, ở những tướng tốt của Đức Phật có liên quan đến việc mà Ngài thường đem đến lợi ích cho chúng sanh.

- Quả hiện tại: Nếu người có hai tướng tốt này ở đời thì làm Vua Chuyển Luân, không bị suy thoái thiện pháp, không mất mát tài sản, gia súc, con cháu, bà con, bạn bè... Nếu Ngài đi xuất gia thành Phật thì Ngài không bị suy thoái Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ. Nghĩa là sao? “Tín” tức là niềm tin của Ngài, “Giới” là những điều đạo đức, đạo đức của Đức Phật là số một rồi. “Văn” là sự hiểu biết. Sự hiểu biết của Đức

Phật cũng là số một. “Thí” là bồ thí, có tâm hào sảng, chia sẻ rộng rãi, giúp đỡ người khác. “Tuệ” là trí tuệ của Đức Phật cũng là số một. Vì nhiều kiếp Ngài đã giúp cho chúng sanh phát triển Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ cho nên hiện tại Ngài không bị suy thoái những điều này.

Bây giờ Thầy cho quý Phật tử biết một tin này, muốn đạt được những điều cao thượng, tốt đẹp thì mình phải giúp cho chúng sanh có những điều tốt đẹp đó. Còn lâu nay mình chưa tu tập, mình không khéo nên muốn có cái đó thì mình đê chúng sanh xuống để dành sự tốt đẹp cho bản thân. Thầy nói là nếu quý vị không đủ phước thì cũng không có được thứ mình mong muốn đâu. Đó là tướng thứ 17 và 18.

### **19. Tướng tốt thứ 19: Thân hình cân đối (chiều cao của thân bằng chiều rộng của sải tay).**

Tướng tốt thứ 19 là “*thân hình cân đối*” có thiện nghiệp quá khứ và quả lành ở hiện tại giống với tướng tốt thứ 9: “*Tay dài đến gối*” nên Thầy không giảng lại nha.

### **20. Tướng tốt thứ 20: Cổ tròn tựa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ)**

Với tướng tốt này thì có thiện nghiệp quá khứ và quả hiện tại giống tướng thứ 17 và 18.

**21. Tướng tốt thứ 21: Vị giác nhạy bén (bảy ngàn mao mạch ở cuống họng truyền vị vật thực dưỡng nuôi khắp châu thân).**

Tướng thứ 21 rất là đặc biệt nên nghe kĩ. Vị giác của Đức Phật rất nhạy bén. Quý Phật tử có nhớ đọc trong Kinh kể về giai đoạn mà Thái tử Tất-Đạt-Đa thực hành khổ hạnh suốt 6 năm trời. Có những giai đoạn Ngài hành khổ hạnh nên Ngài ăn rất là ít, mà đặc biệt Ngài có một cái phước đó là vị giác của Ngài nhạy bén, trong cuống họng có bảy ngàn mao mạch, cho nên khi vật thực vào thì chất dinh dưỡng được hấp thụ hết và truyền đi khắp châu thân để nuôi dưỡng Ngài. Cho nên Ngài chỉ cần ăn một chút thôi mà vẫn có rất nhiều dinh dưỡng. Khi mình chưa biết Phật Pháp thì nghe đến đây cảm thấy hoài nghi. Như Thầy có nói hôm trước câu “*Thiếu kiến đa quái*”. Vì mình biết ít nên nghe đọc cái gì cũng thấy lạ hết. Khi mình học Phật Pháp và hiểu biết nhiều chuyện trong đời thì sẽ thấy chuyện này là chuyện bình thường. Tại sao là chuyện bình thường? Vì có những con người tuyệt vời như vậy, thì họ mới được những phước báu như vậy.

Bây giờ ở đời thường Thầy nói, có những người cả đời họ không để dành được một cái nhà, chỉ là căn nhà một tỷ thôi. Có người cả đời gia tài không được một tỷ, có người 100 triệu cũng không có. Lại có những người, họ chỉ ngủ một đêm ở khách sạn thôi là tốn hàng tỷ, một đêm họ ngủ ở một khách sạn bằng

người ta làm một đời còn không có. Những điều này ngoài đời có không quý Phật tử? Vẫn cứ có đấy thôi. Đó là mình còn so sánh những thứ mình thấy được hưởng chi đối với Đức Phật, có những công đức Ngài đã tạo từ vô lượng kiếp quá khứ rồi nên kiếp hiện tại Ngài mới có 32 tướng tốt, trong đó có tướng “*vị giác nhay bén*”.

- Thiện nghiệp quá khứ: đó là Ngài không làm điều gì hại đến các loài hữu tình bằng tay, bằng đá, bằng gậy hay bằng đao. Tức là Ngài không muốn làm khổ gì cho chúng sanh hết, nhất là dùng gậy gộc đánh đập, đâm chém các loài hữu tình, từ nhân loại cho đến bàng sanh. Nói tới đây, những người mà hay lấy bình xịt côn trùng để xịt kiến, xịt muỗi thì nhột nha. Thầy nói vậy thôi, ai nhột ráng chịu nha!

- Quả hiện tại: Người có được phước tướng là “*vị giác nhay bén, có bảy ngàn mao mạch ở cuống họng*” nếu ở tại gia thì là Chuyển Luân Thánh Vương, ít bệnh, ít vất vả; đầy đủ chất ẩm trong cơ thể giúp cho sự tiêu hóa vật thực dễ dàng; cơ thể không nóng cũng không lạnh quá. Nếu xuất gia thành Phật thì Ngài ít bệnh, ít náo, tiêu hóa tốt đẹp, nhiệt độ thăng bằng, cơ thể không lạnh cũng không nóng quá, có sức kham nhẫn.

Quý Phật tử thấy rất là đặc biệt nơi Đức Phật. Ngài tiêu hóa tốt, nhiệt độ cơ thể của Ngài cân bằng

không có nóng lạnh như mình. Mình là dễ lạnh và dễ nóng. Cơ thể của mình nói vui vui là: “*Sáng nắng, chiều mưa, trưa lâm râm, tối bão*”. Nó hay phản đối mình lắm, lúc nóng lúc lạnh, khó chịu. Ở đây, nhiệt độ cơ thể của Ngài không lạnh cũng không nóng, cơ thể có sức kham nhẫn, và đặc biệt Ngài ít bệnh, ít nã. Hôm nào Thầy sẽ nói về Đức Phật cho đại chúng nghe, ngoài những chứng bệnh nặng vài lần, thì cơ thể của Ngài ít bệnh lắm. Dĩ nhiên mình biết rằng những lúc Ngài bị bệnh nặng như vậy là tại sao? Đó là do Ngài trả nghiệp nha. Còn không là cơ thể của Ngài rất là ít bệnh. Đây là quả hiện tại của Ngài.

## **22. Tướng tốt thứ 22: Xương quai hàm như sư tử chúa**

- Thiên nghiệp quá khứ: Không biết có vị nào hình dung được tướng này không? “*Xương quai hàm như sư tử chúa*”, trong Kinh nói như vậy, tức là trong quá khứ Ngài cũng đã từng từ bỏ và tránh xa những lời nói ỷ ngữ, chỉ nói đúng thời, nói chân thật, có ý nghĩa, hợp với Chánh Pháp và Luật, nói có mạch lạc, hệ thống mang lại lợi ích thật sự.

Đây là tướng liên quan đến lời nói luôn. Đức Phật không nói những lời ỷ ngữ tức là những lời không đúng sự thật, nói quá lên. Ví dụ hôm đó trời tối, mình đi ngang đoạn đường kia rồi về la lên là mới thấy có một con ma trắng áo trắng bay phất phới phất phới

ở hàng rào. Người ta sợ quá nên kéo ra xem thì thấy cái tàu lá chuối dưới ánh trăng chứ đâu có con ma nào đâu. Hôm khác cô này lại đi ngang đoạn đường kia thì thấy có con rắn rất to nằm giữa đường nên về nói lại làm cho người ta sợ, tôi không ai dám đi ngang đoạn đường đó. Sau đó có mấy người kéo ra thử lấy đèn pin soi thì ra cái khúc cây... Ỡ ngữ là như vậy đó. Khi ai đó nói một chuyện gì đó không đáng mà thêm dệt cho chuyện đó quá lên gọi là ỡ ngữ.

Ở đây, Đức Phật tránh xa những lời nói ỡ ngữ, chỉ nói đúng thời, nói chân thật, có ý nghĩa, và đặc biệt Ngài nói làm sao đưa chúng sanh về với Pháp và Luật, tức là Ngài đưa chúng sanh về điều thiện, mà điều thiện ở đây là có Phật Pháp. Còn trong những kiếp không có Phật Pháp thì Ngài hướng chúng sanh về với điều thiện. Quý Phật tử có thấy cái khẩu của mình sinh vô lượng phước đức chưa? Hôm nay là mình học về 32 tướng tốt của Đức Phật và có nhiều tướng liên quan đến khẩu nghiệp.

- Quả hiện tại: Vị có tướng tốt “*xuong quai hàm như sư tử chúa*” nếu ở ngoài đời thì làm Vua Chuyển Luân không bao giờ bị ai chinh phục, gây tai hại đến. Nếu thành Phật, không ai nhiếp thắng được Ngài dù là nội địch hay ngoại địch, nội oán hay ngoại oán, bởi tham, sân, si, hay vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên ... không ai có thể gây tai hại đến Ngài.

**Nội địch** tức là Tham-Sân-Si, là những phiền não, kiết sử thì Ngài cũng đoạn diệt hết. **Ngoại địch** ở đây là kẻ thì bên ngoài: Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên,...đã nhiều lần phá Ngài nhưng rồi cũng thua và lui thủ đi về. Có rất nhiều lần Ma vương (*Mara*) đến phá Đức Phật. Hôm nào Thầy sẽ kể chi tiết câu chuyện về trận đánh của Ma vương. Đó là trước khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ đề, Ma vương đã đến quấy phá nhằm chiếm ngôi bồ đoàn quý báu, cản trở Ngài thành đạo. Sau đó Ma vương đánh thua và hoảng sợ bỏ chạy về cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên mà bỏ quên cây đàn ngay trước cội Bồ đề. Sau này Vua Trời Đế Thích (*Sakka*) mới xuống lấy cây đàn về cõi Tam-thập-tam-thiên cho chư Thiên cõi ấy đánh. Có nhiều lần Ma Vương quấy phá Đức Phật và đã bỏ lại vô số vũ khí.

### **23. Tướng tốt thứ 23: Bốn mươi cái răng.**

### **25. Tướng tốt thứ 25: Răng đều đặn không khuyết hở.**

Sau đây chúng ta học bốn tướng tốt thứ 23, 24, 25, 26. Cả bốn tướng này đều nói về răng. Ở tướng thứ 23 và tướng thứ 25 là có chung thiện nghiệp quá khứ và quả hiện tại nên chúng ta học chung. Tướng 23 là Đức Phật có “*bốn mươi cái răng*”, tướng 25 là “*răng của Ngài đều đặn không khuyết, không hở*”. Chúng ta có 32 cái răng, còn Đức Phật có 40 cái răng. Thầy kể có một lần, Thầy nhờ bạn Phật tử đăng bài về

tướng tốt của Đức Phật có 40 cái răng. Bạn này dễ thương lắm, bạn nói với Thầy là: *“Thầy ơi, Thầy lộn rồi, làm sao mà có được 40 cái răng, Thầy coi lại, chỉ 32 cái răng thôi...”* Sau đó Thầy mới trả lời là Thầy không lộn đâu, đó là tướng tốt của Đức Phật. Phạm phu mình có 32 cái răng, còn Đức Phật thì có đến 40 cái. Vậy tại sao Ngài có 40 cái răng và răng thì đều đặn không khuyết hở?

- Thiên nghiệp quá khứ: Ngài từ bỏ và tránh xa lời nói hai lưỡi gây chia rẽ, lời nói vô ích làm tranh luận tăng trưởng. Ngài chỉ nói lời làm tăng sự hòa ái và hoan hỷ khiến mọi người đoàn kết, gắn bó, thương yêu nhau. Đặc biệt Ngài tránh xa nói những lời không đem lại sự lợi ích.

Trong **Trường Bộ Kinh - Phẩm Giới Uẩn - Kinh Sa Môn Quả**, Đức Phật dạy về những câu chuyện, lời nói vô ích:

*“...Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về*

*bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại vương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.*

*Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tâm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.”*

**Trong Kinh Tăng Chi – Phẩm Song Đôi – Bài 69: Những Đề Tài Câu Chuyện,** Đức Phật dạy về 10 đề tài nên nói để đem lại lợi ích.

*“Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana trong khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, rất nhiều Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại hội trường. Các vị này đang chú tâm trong nhiều câu chuyện phù phiếm sai khác. Đức Phật dạy:*

*-Này các Tỷ-kheo, thật không xứng đáng cho các Thầy, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại có thể sống chú*

*tâm trong nhiều câu chuyện sai khác, như câu chuyện về vua... câu chuyện về hữu và phi hữu. Nay các Tỷ-kheo, có mười đề tài để nói chuyện này. Thế nào là mười?*

*Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến.*

*Nay các Tỷ-kheo, có mười đề tài để nói chuyện này.”*

Ở đây Thầy biết có nhiều khi chúng ta không có nói gây chia rẽ, không có nói ác khẩu, không có nói bất thiện mà lại nói những lời vô ích. Nói lời vô ích cũng là bất thiện nha. Mình nói một hồi không có kết quả gì hết, mà càng nói là thế nào cũng nói đến chuyện bất thiện. Đức Phật dạy trong **Trường Bộ Kinh – Kinh Thánh Cầu**, khi gặp nhau có hai phận sự nên hành:

*“...Khi các Người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: luận bàn đạo Pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.”*

Đức Phật dạy chúng ta khi gặp nhau có hai việc nên làm đó là nói đúng theo Chánh Pháp nghĩa là học hỏi, trao đổi, thảo luận những lời Đức Phật dạy hoặc

nên im lặng như bậc Thánh nhân tức là hành Thiền. Trong khi thời gian mạng sống của chúng ta thì càng ngày càng giảm dần, mà mình nói những điều vô ích thì nó uổng phí thời gian lắm và tốn sức nữa.

- Quả hiện tại: người có được “*bốn mươi cái răng và răng đều đặn không khuyết hở*” thì nếu ở đời là Vua Chuyển Luân có chúng tùy tùng không bị chia rẽ. Nếu Ngài đi xuất gia thành Phật thì hàng thanh văn đệ tử của Ngài sống trong hòa hợp, không bị chia rẽ bởi vì vô lượng kiếp quá khứ, Ngài dùng lời nói để đưa con người đến với nhau. Ở thời Đức Phật, ở kiếp hiện tại lúc Ngài còn sống, chư Tăng rất là hòa hợp với nhau. Dĩ nhiên sau này đến lúc nào đó thì chư Tăng sẽ từ từ mất hòa hợp đó là chuyện bình thường, nó phải theo quy luật thôi. Ngay cả thời còn Đức Phật cũng đã có bắt đầu manh nha chuyện mất hòa hợp rồi. Càng về sau này, chư Tăng từ từ sẽ mất hòa hợp đến lúc nào đó thì đến thời kỳ Mạt Pháp, chư Tăng cũng không còn nữa. Đó là chuyện phải xảy ra.

**24. Tướng tốt thứ 24: Răng đều đặn trắng sáng.**

**26. Tướng tốt thứ 26: Bốn răng nhọn trắng đẹp.**

Giờ mình học qua tướng thứ 24 và 26 vì hai cái tướng này có cùng thiện nghiệp quá khứ với nhau. Tướng thứ 24 là “*răng của Ngài đều đặn và trắng sáng*”. Tướng 26 là Ngài có “*bốn răng nhọn trắng đẹp*”. Trong 40 cái răng của Đức Phật thì có 4 cái răng

nhọn trắng đẹp. Khi Đức Phật nhập Niết bàn tại khu rừng Sāla xứ Kusinārā, ông Bà-la-môn Doṇa sau khi làm trung gian phân chia các Xá-lợi của Đức Phật thì ông có giấu trong búi tóc của mình một cái răng nhọn của Ngài. Sau đó Vua Trời Đế Thích mới thỉnh cái răng nhọn đó đem về xây tháp thờ trên cung Trời Đao Lợi.

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài từ bỏ lối sống tà mạng, chỉ sống chánh mạng, tránh xa các sự gian lận, bằng cân tiền bạc đo lường, hối lộ, gian dối, lừa đảo. Ngài không làm tổn thương, sát hại, câu thúc, trộm cắp, cướp phá của người khác. Đại ý tướng này có liên quan đến lối sống chánh mạng của Ngài. Như quý Phật tử là người cư sĩ nên làm những nghề liên quan đến đời sống chánh mạng. Đức Phật dạy trong **Kinh Tăng Chi** có Năm nghề nghiệp mà người cư sĩ không nên làm. Người cư sĩ nuôi sống bằng một trong các nghề buôn bán này gọi là người sống tà mạng.

*“1/ Buôn bán vũ khí (Satthavāṇijjā) làm nghề buôn bán vũ khí giết hại chúng sanh.*

*2/ Buôn bán chúng sanh (Sattavāṇijjā) làm nghề buôn bán người để làm nô lệ, làm tôi tớ, buôn bán thú vật...*

*3/Buôn bán thịt (Mamsavāṇijjā) làm nghề giết gia cầm, giết gia súc để bán thịt.*

*4/ Buôn bán chất say (Majjavāṇijjā) làm nghề buôn bán rượu, bia, các chất say như thuốc phiện, ma túy, thuốc lá, ...*

*5/Buôn bán độc dược (Visavāṇijjā) làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng sanh (người, các loài vật, ...)”*

**(Kinh Tăng Chi – Chương Năm Pháp – Phẩm Nam Cư Sĩ – Phần Người Buôn Bán)**

- Quả hiện tại: Người có phước tướng “*răng đều đặn trắng sáng và bốn răng nhọn trắng đẹp*” nhờ phước lành quá khứ sống chánh mạng, nếu vị này sống tại gia là Chuyển Luân Thánh Vương có bộ hạ tùy tùng đều có tâm trong sạch, thân tâm an lạc. Nếu xuất gia thành Phật thì các hàng đệ tử của Ngài đều có tâm trong sạch, không bị phiền não làm ô nhiễm. Dù chưa phải bậc Thánh nhưng họ cũng có đức tin, giới trong sạch, thiện tâm trong sáng, thiện pháp tăng trưởng. Cho nên Thầy nói là phước duyên sâu dày lắm mình mới được gặp trực tiếp Đức Phật, đúng không quý Phật tử? Những vị khi gặp Đức Phật rồi, không ít thì nhiều cũng được hưởng lợi lạc. Vì sau khi gặp Ngài, nghe Ngài thuyết giảng thì có những vị đầy đủ Ba-la-mật thì đắc Thánh luôn, còn những vị không đắc thì cũng nhờ những thiện nghiệp mà gặp Đức Phật nên có đức tin, giới trong sạch, thiện tâm trong sáng, thiện pháp tăng trưởng và có duyên lành đắc Thánh sau này.

**27. Tướng lưỡi rộng dài.****28. Giọng nói như tiếng Phạm Thiên, ngọt ngào như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.**

Ở tướng thứ 10 “*Mã âm tàng*”, Thầy có nói sẽ giảng bài **Sở Hành Của Đức Phật**, và trong bài đó Thầy sẽ dẫn chứng một bài Kinh trong Kinh Trung Bộ, bài Kinh thứ 91 nói về Bà-la-môn Uttara nghe lời vị Thầy là Bà-la-môn già tên Brahmayu đi theo dõi Đức Phật có đủ 32 tướng tốt như mọi người ca tụng hay không. Suốt 7 tháng thì chỉ thấy được có 30 tướng, có hai tướng không thấy được đó là tướng “*mã âm tàng*” và tướng “*lưỡi rộng dài*” này nè quý Phật tử.

Trong Kinh này Đức Phật có nói, nếu Ngài muốn thì Ngài có thể để cái lưỡi liếm lên tới mũi, lên tới trán và qua tới lỗ tai. Còn bình thường thì mình không thể thấy được tướng này, đây là những ẩn tướng của Đức Phật. Tùy trường hợp Ngài sẽ tùy duyên hóa độ và cho hiện lên tướng này. Đây là tướng thứ 27: “*tướng lưỡi rộng dài*”.

Tướng thứ 28 là “*giọng nói như tiếng Phạm Thiên, ngọt ngào như tiếng chim Ca-lăng-tần-già*”. Dù biết bây giờ là trễ rồi mà Thầy không giảng chỗ này là Thầy ngu không được. Thưa quý Phật tử, Thầy rất là mê cái tướng này, dù Thầy không biết và chưa nghe được giọng nói của Đức Phật, Thầy chỉ được học là giọng nói của Ngài như tiếng Phạm Thiên, ngọt như

tiếng chim Ca-lăng-tần-già (*Karavika*) thôi. Loài chim này sống trong các hang núi ở vùng Tuyết Sơn - Ấn Độ, màu giống như chim sẻ, lông cánh mịn đẹp, mỏ đỏ. Chúng đã có thể hót được từ khi còn nằm trong trứng, tiếng hót trong trẻo, hòa nhã, hay tuyệt diệu, không có loài chim nào trong các cõi Trời và cõi nhân loại hót hay bằng. Tiếng loài chim này được miêu tả là khi nó hót lên, con thú dữ đang rượt đuổi con mồi nghe được tiếng hót đó là nó dừng lại luôn, nó quên là đang rượt con mồi. Còn con mồi đang bị rượt, nó đang hãi và sợ mất mạng nhưng nếu nghe tiếng chim Ca-lăng-tần-già hót thì nó cũng dừng lại mà lắng nghe tiếng chim, nó quên đi sự sợ hãi luôn. Quý Phật tử thấy tuyệt vời không? Tức là khi tiếng chim vang lên là chúng sanh mê mẩn, quên sự sợ hãi, sự sợ chết và sự nóng giận luôn.

Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn khoảng hơn 200 năm, vào thời Vua A-Dục (Asoka), ông rất thương vị Hoàng hậu tên Asandhamittā. Bà nghe nói là giọng của Đức Phật như tiếng của loài chim Ca-lăng-tần-già (*Karavika*). Lúc đó có một người tặng bà một con chim Ca-lăng-tần-già. Quý Phật tử biết không, khi bà có con chim này rồi nhưng nó không chịu hót. Có người bày là phải cho chim ăn xoài chín. Đức Vua ra lệnh cho đi tìm xoài chín, con chim ăn xong vẫn không chịu hót. Nó chỉ hót khi gặp đồng loại, nhưng để tìm ra thêm một con nữa là cực kì khó

vì giống chim này rất quý hiếm. Thế là có người bày kế tìm một cái gương cho con chim soi. Khi nó soi vô gương, nhìn thấy mình trong gương, nó tưởng là đồng loại nên nó mới hót.

Lịch sử diễn tả lại là khi Hoàng hậu Asandhamittā nghe được tiếng chim Karavika hót, bà mê mẩn với tiếng hót đó. Bà suy nghĩ:

*“Nghe nói Thế Tôn có âm thanh hay như tiếng chim Karavika. Hôm nay lần đầu tiên ta nghe được một âm thanh kì diệu như vậy. Đây là loài bàng sanh mà còn hát hay như vậy, hướng hồ chi là diệu âm của Đức Phật, âm thanh của một vị đã đoạn tận phiền não...”*

Ngay sau khi suy nghĩ như vậy, niềm tôn kính của bà đối với Đức Phật khởi lên, bà suy xét về Tứ Đế: Khổ Đế - Tập Đế - Diệt Đế - Đạo Đế. Bà suy xét tiếng chim cũng vô thường, khổ và vô ngã, bà quán Danh – Sắc qua Tam tướng và sau đó chứng Sơ Quả Tu-đà-hoàn. Ở đây Hoàng hậu Asandhamittā không phải nghe tiếng chim hót mà đắc quả Thánh mà đó là cả một quá trình ở trong tâm của bà. Chúng ta thì không có phước phần để nghe được giọng nói của Đức Phật. Trong Kinh có nói là giọng của Đức Phật nếu Ngài muốn có thể vang rất xa, Ngài Mục-Kiền-Liên

có thần thông đi khắp mười phương thì chỗ nào vẫn nghe được tiếng nói của Đức Phật.

- Thiên nghiệp quá khứ: Ngài từ bỏ lời nói độc ác, thô tục, náo hại người khác mà chỉ nói lời không lỗi lầm. Lời nói của Ngài là cảm thông, tao nhã, nghe êm tai, đẹp lòng nhiều người. Quý Phật tử thấy thiện nghiệp này cũng liên quan đến cái khẩu đúng không? Ngài nói ra là nói lời ái ngữ, nói nhẹ nhàng để mà giúp người thôi. Vì vậy Ngài có phước về giọng nói như tiếng Phạm Thiên, ngọt như tiếng chim Karavika.

Cho nên đến hôm nay Thầy biết có những người có giọng truyền cảm lắm và cũng biết có những người nói ra là nghe không nổi, nghe khó chịu lắm, dù người đó không có ác ý gì. Có thể họ không có ác ý gì hết nhưng cái giọng khi nói ra là mình nghe nó khó chịu, chát chúa làm sao. Ngược lại có những người nói ra là tự nhiên mình thương, mình quý, mình cảm mến liền. Âu nó cũng là cái phước gì đó. Hiện tại chúng ta học đến tướng thứ 28 rồi, có rất nhiều tướng liên quan đến khẩu nghiệp của mình đúng không?

- Quả hiện tại: Người có tướng “*giọng nói như tiếng Phạm Thiên và tướng lưỡi rộng dài*” nếu ở ngoài đời thì vị này làm Vua Chuyển Luân, lời nói được nhiều người tin tưởng. Nếu Ngài xuất gia thành Phật thì lời dạy của Ngài được các đệ tử nghe theo, được nhiều người tin tưởng.

Khi chúng ta nói người ta có nghe theo không? Không dễ dàng chút nào đúng không? Thầy nói là chúng sanh rất là khó độ. Để thay đổi được tâm tánh, suy nghĩ của một người là cực kì khó. Có người khi được nhắc nhở thì nói: *“Khỏi nhắc lỗi tôi, tôi tự biết, ông khỏi nhắc gì hết trơn”*. Thầy nói chúng sanh khó độ lắm. Mình độ được ai, nói mà người ta nghe theo được là mình và họ cũng có duyên gì đó với nhau. Quý Phật tử biết không, người mà không có duyên thì Đức Phật nói cũng không nghe. Đức Phật *“từ bi vô lượng, Phật tâm vô cùng, Phật lực vô biên, Phật trí vô ngại”* vậy mà có những lúc Ngài nói cho người không có duyên thì họ cũng không nghe. Hôm nay mình nói cho người ta thay đổi, đặc biệt nói mà người ta thay đổi tư tưởng, bỏ ác làm lành được là mình cũng “có vé” lắm nha! “Có vé” ở đây tức là có cái phước gì đó nên nói người ta mới nghe chứ không phải tự nhiên mình nói mà người ta nghe đâu. Có những lúc chưa kịp nói thì người ta đã đi mất không thèm nghe rồi. Đức Phật nhiều kiếp đã nói những lời đẹp như vậy cho nên bây giờ lời nói của Ngài có nhiều người tin theo, quá tuyệt vời phải không quý Phật tử?

**29. Tướng tốt thứ 29: Đôi mắt xanh sẫm, sáng đẹp.**

**30. Tướng tốt thứ 29: Long mi như Ngưu Vương.**

Hai tướng này Thầy giảng chung vì có thiện nghiệp quá khứ chung. Đức Phật có “*đôi mắt xanh sẫm, sáng đẹp và lông mi như Ngưu Vương*”.

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài là người có tâm chánh trực, không ngó liếc, không ngó trộm, không trợn mắt nhìn, mà nhìn thẳng mọi người với tâm từ bi bằng đôi mắt diệu hiền.

Thầy nói ở đây không phải là Thầy khoe, Thầy có một thói quen là khi đi ngang ở đâu đó. Ví dụ ở đây Thầy là trụ trì chùa, Thầy muốn đi vô phòng nào thì Thầy vô. Nhưng không! Mình không có mặt lịch sự như vậy. Thầy muốn đi vô phòng nào là Thầy đi thẳng đến trước phòng đó và gõ cửa xin gặp vị Thầy nào đó, hoặc là mấy chú tập sự, cư sĩ. Thầy tới phòng là Thầy gõ cửa, hoặc xin phép để Thầy nói gì đó, chứ không đi ngang rồi liếc vô cái cửa sổ coi người ta đang làm chuyện gì nha. Thầy là không làm chuyện như vậy. Quý Phật tử tập thói quen, nếu muốn thì đi vô tới nơi gặp người đó chứ đừng liếc liếc vô làm gì. Mình liếc là mình xấu dù người ta có biết mình liếc hay không nhưng cái hành động đi liếc, đi lờm vào phòng người ta là xấu, Từ hành động đó mình phải hiểu thêm ý sâu nữa là chuyện người khác mà mình cứ xía xía vô. Mình tập thói quen là việc không phải của mình thì thôi, không dính vô nha, còn nếu cần thì mình đi tới hỏi thẳng người đó. Những cái này phải tập nha. Thầy nói việc đi ngang phòng người khác mà liếc vô, thứ

nhất là hành động không đẹp dù người đó có biết hay không. Thứ hai hành động đó biểu hiện cái tâm không đẹp, không chính trực. Cho nên phải tập có tâm chính trực, không liếc, ngó gì hết, muốn nhìn là nhìn thẳng trực tiếp, mà không phải nhìn kiêu trợn mắt người ta, mà nhìn bằng đôi mắt dịu hiền, từ ái.

- Quả hiện tại: Người có tướng “*đôi mắt xanh sẫm, sáng đẹp và lông mi như Ngưu Vương*”, nếu vị này ở tại gia làm Chuyển Luân Thánh Vương, thần dân đều ưa thích ngắm nhìn và tôn kính. Nếu Ngài đi xuất gia thành Phật thì phần đông chúng sanh đều kính trọng Ngài, tất cả các hàng đệ tử có đức tin trong sạch luôn kính yêu và thương kính Ngài.

Ở đây dùng từ “phần đông” chứ không dùng từ “tất cả”. Lý do thứ nhất là vì có một số chúng sanh không có duyên với Đức Phật, cho nên những chúng sanh đó không kính trọng Ngài hoặc Đức Phật có nói thì họ cũng không nghe. Thứ hai là có một số chúng sanh có oan trái với Đức Phật. Thầy nói chỉ trừ một số trường hợp nhỏ là có oán kết, oan trái với Đức Phật thì họ nhìn Ngài là ghét thôi, còn phần đông chúng sanh đều thương kính Đức Phật và tất cả các đệ tử của Ngài thì có lòng tôn kính trong sạch nơi Ngài.

**31. Tướng tốt thứ 31: Có sợi lông trắng mọc giữa hai chặng mày, mịn màng như bông nhẹ.**

Phước tướng thứ 31 là Ngài “*có sợi lông trắng mọc giữa hai chặng mày, mịn màng như bông nhẹ*”. Tướng này tức là sợi lông trắng giữa chặng mày mỏng nhẹ, mịn như sợi bông. Thiện nghiệp quá khứ và quả lành hiện tại của tướng này giống với nhân quá khứ và quả hiện tại của tướng tốt thứ 13: “*Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông*”. Quý Phật tử đọc lại ở phần trên nha.

**32. Tướng tốt thứ 32: Có tướng nhục kế trên đỉnh đầu.**

Bây giờ chúng ta học qua tướng cuối cùng trong 32 tướng tốt. Phước tướng cuối cùng đó là Đức Phật có “*tướng nhục kế trên đỉnh đầu*”. Nhục kế trên đỉnh đầu là sao? Các tượng Phật Thích Ca trong Chùa thì thấy trên đỉnh đầu của Đức Phật có một cục nhô cao lên đúng không? Đó là tướng tốt của Đức Phật nha. Vậy nhân quá khứ Ngài đã làm gì mà kiếp hiện tại Ngài có tướng tốt là trên đỉnh đầu có nhục kế?

- Thiện nghiệp quá khứ: Ngài là người dẫn đầu mọi người trong các thiện pháp, thiện hành về thân, khẩu, ý. Nghĩa là về thân, khẩu, ý của Ngài khi làm các điều thiện thì Ngài luôn dẫn đầu. Dẫn đầu ở đây tức là đứng ra bắt một nhịp cầu kêu gọi, sắp xếp, hướng dẫn... đại ý là bất cứ thiện pháp nào Ngài cũng

đi đầu, làm đầu, hy sinh đầu, việc tập trung kêu gọi, khuyến khích mọi người thì Ngài cũng đứng đầu hết. Ngài bố thí, thọ trì giới, phụng dưỡng Cha Mẹ, lễ kính Sa-môn, cung kính các bậc Trưởng thượng trong dòng họ, trong đời,... Nhờ những thiện nghiệp quá khứ này mà Đức Phật có *“tướng nhục kế trên đỉnh đầu”*. Vậy sau này mỗi khi nhìn lên Đức Phật là chúng ta nhớ về nhân quá khứ của Ngài mà làm bài học cho bản thân mình.

- Quả hiện tại: Vị có tướng tốt này nếu ở đời là Vua Chuyển Luân, là người đứng đầu cao cả nhất trong tất cả, thần dân thiên hạ đều tin tưởng trung thành theo Ngài. Còn nếu xuất gia thành Phật Chánh Đẳng Giác thì Ngài là nơi nương tựa duy nhất của hàng đệ tử, tất cả đệ tử có đức tin trong sạch, tôn kính và quy ngưỡng nơi Ngài.

Hôm nay chúng ta đã học xong 32 tướng tốt của Đức Phật. Thầy xin nói gọn lại chút xíu, mình không có mê tín nha, không có đi xem tướng. Dĩ nhiên tướng là biểu hiện của nghiệp, nhưng chúng ta đừng đặt nặng quá vào hình tướng vì mình tu tập, điều quan trọng là những thiện pháp của mình ở hiện tại. Bây giờ dù có cố gắng đi chăng nữa thì cũng không thể quay lại quá khứ để thay đổi một thiện nghiệp hay một ác nghiệp nào đó, phải không? Trong bài giảng Thầy có nói vui chứ không phải học bài này xong để làm thầy xem tướng nha. Tuy nhiên khi học xong bài này thì quý

Phật tử cũng có ít nhiều lòng tôn kính Đức Phật - một con Người với đầy đủ 32 tướng tốt. Và mình hiểu rõ với mỗi tướng tốt như vậy là công đức nào Ngài đã làm ở nhiều kiếp quá khứ nên mới có được phước tướng đó.

Vậy mình học tướng tốt của Đức Phật là để làm gì? Mỗi tướng tốt của Ngài như là một pháp tu cho mình. Tại sao là một pháp tu? Vì mỗi tướng tốt phải có nhân lành nào đó và mình cần học ở đây chính là học cái nhân lành đó như là một pháp tu của mình. Quý Phật tử thấy đại ý có ba nghiệp chính là Thân nghiệp – Khẩu nghiệp – Ý nghiệp, trong những thiện nghiệp quá khứ của Đức Phật thì có rất nhiều nhân lành của Ngài liên quan đến khẩu nghiệp. Vì vậy mình học được bài hôm nay, chúng ta nên tu tập về khẩu nghiệp là mình có nhiều công đức lắm. Vậy mỗi tướng tốt của Đức Phật như là một pháp tu cho mình, và hơn nữa khi chúng ta học bài này để hiểu và biết tôn kính Đức Phật - một con Người đầy đủ công đức lành, Ngài đã hy sinh, làm rất nhiều thiện pháp mang lại lợi lạc cho chúng sanh nên hiện tại Ngài mới có những quả báu lành như vậy. Chúng ta kết thúc bài **Phật Tướng – 32 tướng tốt của Đức Phật** ở đây.

# PHẬT NẠN



- 
- \* DẪN NHẬP
  - \* CÁC KIẾP NẠN CỦA ĐỨC PHẬT (*Phần I*)
  - \* CÁC KIẾP NẠN CỦA ĐỨC PHẬT (*Phần tiếp theo còn lại*)
- 

## I. DẪN NHẬP

Lớp Giáo lý của chúng ta đã đi qua hai chủ đề, mỗi chủ đề học hai buổi, đó là bài Phật Tướng - nói về 32 tướng tốt của Đức Phật và bài Phật Đạo - nói về quá trình Ngài tu thành Phật. Hôm nay chúng ta sẽ học về Phật Nạn, "*Phật nạn*" là những nạn tai, kiếp nạn mà Đức Phật đã gặp trong cuộc đời của Ngài. Trong câu thơ: "*Nam mô hai chữ Từ Bi, Phật còn bị hại huống chi là mình!*", một con người cao quý, trí tuệ, từ bi, đầy đủ các công đức, một con người đã tu lâu như vậy mà kiếp cuối cùng Ngài thành Phật cũng gặp đủ chướng nạn. Cho nên mỗi lần mình nhìn về cuộc đời Đức Phật, mình thấy một con người tuyệt vời như vậy, vĩ đại như vậy mà cũng gặp chướng nạn huống chi là bản thân mình, mình còn tu *lai rai*, tu *ầu ơ ví dẫu*, tu *giậu đổ bìm leo*, tu *kỉ niệm*... cho nên chúng ta gặp những nạn tai là chuyện bình thường.

Học về chủ đề Phật Nạn để quý Phật tử biết chính Đức Phật còn phải trải những nghiệp trong kiếp luân hồi Ngài đã tạo. Khi một nghiệp nào đó trở, dù là Đức Phật hay các vị Thánh có thần thông chẳng nữa thì cũng thua. Vì đủ duyên thì nghiệp trở, Phật cũng không can thiệp được, các vị có thần thông cũng không can thiệp được, lúc đó chỉ có tu tập để tâm mình đón nhận như thế nào. Học Phật Pháp mình hiểu được rằng khi nghiệp nào đó trở thì mình không biết trước được, giống như mình vào thế “*bị động*” vậy. Cho nên khi đại chúng học về cuộc đời Đức Phật thì mình biết khi đủ duyên thì nghiệp tiền kiếp của Đức Phật vẫn trở, hướng chỉ là mình. Thay vì than trời trách đất tại sao lại như vậy mình nên cố gắng tu tập để vững tâm, để khi đối diện với nghiệp đó tâm không tham lam, phiền não và đau khổ.

Quý thiện hữu lưu ý chi tiết này: Khi Đức Phật đã giác ngộ dưới cội Bồ đề, từ giờ phút đó trở đi, Đức Phật không còn tạo nghiệp nữa dù đó là nghiệp thiện. Và tính từ lúc Đức Phật giác ngộ trở về trước cho đến vô số kiếp trước có những nghiệp gọi là “*ngiệp cũ*” (*tiền nghiệp* - nghiệp mà Ngài đã tạo). Quý Phật tử nên nhớ, nếu chúng ta làm ác thì sẽ tạo quả ác, quả khổ trong vòng luân hồi. Khi làm thiện thì tạo quả thiện, sanh lên cõi chư Thiên, được đẹp, được giàu, được khỏe nhưng vẫn còn trong vòng luân hồi. Vì vậy, khi tạo nghiệp thiện thì “*đẳng cấp*” hơn, cao sang hơn,

tạo nghiệp ác - điều bất thiện thì nó đưa mình xuống thấp hơn.

Tóm lại, khi tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác thì chúng ta vẫn còn trong luân hồi. Khi mọi người mới tu tập dĩ nhiên mình tạo nghiệp thiện nhưng khi tu tập giỏi rồi, nghiệp thiện và nghiệp ác cũng không tạo. Và chỉ khi đắc Thánh A-La-Hán trở lên thì quý Phật tử mới không tạo nghiệp nữa. Đức Phật là Phật Chánh Đẳng Giác, là vị Thánh A-La-Hán đầu tiên trong toàn cõi giới chúng sanh, những gì Ngài nói hay việc Ngài làm là điều lành nhưng không gọi là nghiệp lành vì Ngài đã chấm dứt luân hồi không tạo nghiệp thiện ác nữa, hành động và lời nói của Ngài là ***“duy túc nghiệp”***, tức là chỉ có hành động thôi không có thiện ác ở trong.

Ở đây chúng ta thấy người làm ác sẽ đọa vào cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh là ***“luân hồi cấp thấp”***. Làm thiện sẽ sanh vào cõi lành như cõi nhân loại, chư Thiên là ***“luân hồi cấp cao”*** nhưng vẫn còn trong vòng luân hồi vì chúng ta là phàm phu. Đối với Đức Phật và các bậc Thánh A-La-Hán, các Ngài chỉ còn ***“trả nghiệp cũ”*** và ***“không tạo nghiệp mới”*** vì các Ngài đã hết phiền não, tham, sân, si. Khi quý Phật tử làm thiện là vẫn còn đi trong luân hồi, còn việc của các Ngài là chấm dứt luân hồi Trong vô số tiền kiếp của Đức Phật, từ lúc Ngài phát nguyện thành Phật cách đây 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp cho đến khi

giác ngộ, dĩ nhiên Ngài đã tạo vô số điều thiện và điều ác, đến kiếp cuối cùng là Thái tử Tất-Đạt-Đa (*Siddattha*) tại Ấn Độ. Trong 80 năm Ngài có mặt ở cuộc đời, có những nghiệp dư sót đủ duyên mới trở, bên cạnh đó thì có 14 ác nghiệp trở quả mà Thầy sẽ giảng trong bài hôm nay.

### **Đức Bồ Tát kiếp đầu tiên của Đức Phật Thích Ca (Gotama Buddha)**

Duyên lành đầu tiên của Ngài là có một kiếp, Ngài thấy vị Tỳ-kheo tu hạnh đầu đà trong rừng, Ngài phát nguyện lấy *một tấm vải cũ* cúng dường cho vị đó. Ngay khi ấy, Đức Bồ Tát là tiền thân Đức Phật Gotama đã phát sinh đại bi tâm có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác để tế độ, cứu vớt chúng sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Đây là lộ trình đầu tiên tu thành Phật của Ngài. Nếu ai hỏi lần đầu tiên khi Đức Phật phát nguyện lớn sẽ thành Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài đã làm việc thiện nào thì quý Phật tử nhớ là ***Ngài cúng dường tấm vải cũ cho một vị Tỳ kheo tu hạnh đầu đà trong rừng.***

### **Đức Bồ Tát kiếp chót của Đức Phật Thích Ca (Gotama Buddha)**

Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật Gotama đã trải qua vô số kiếp tạo các pháp hạnh Ba-la-mật trong ba thời kỳ: Thời kỳ phát nguyện trong tâm là 7 A-

tăng-kỳ, phát nguyện ra lời nói kéo dài 9 A-tăng-kỳ, và đến giai đoạn thọ ký gặp Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṅkara*) kéo dài 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp. Bắt đầu từ Đức Phật *Dīpaṅkara* đầu tiên cho đến Đức Phật Ca Diếp (*Kassapa*) thứ 24 cuối cùng, Đức Bồ Tát đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh Ba-la-mật, cho đến kiếp chót của Ngài đó là Thái tử Tất-Đạt-Đa (*Siddhattha*) con của Đức vua Tịnh Phạn (*Suddhodana*) và chánh cung Hoàng hậu *Mahāmāyādevī*. Năm 16 tuổi, Thái tử Tất-Đạt-Đa thành hôn với Công chúa Da-du-đà-la (*Yasodharā*), năm 29 tuổi Ngài xuất gia, và năm 35 tuổi Đức Bồ Tát chứng đắc quả vị Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là *Đức Phật Gotama*, năm 80 tuổi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn tại *Kusinārā*.

## II. CÁC KIẾP NẠN CỦA ĐỨC PHẬT (Phần 1)

### 1. Nạn đầu tiên: Đức Phật hành khổ hạnh suốt 6 năm (*Dukkarakiriyā*)

Sau khi Thái tử Tất-Đạt-Đa đi xuất gia, Ngài tu hành 6 năm khổ hạnh. Đây là quả đầu tiên của ác nghiệp còn dư sót mà Đức Phật phải trả. Từ vô thủy kiếp trước Ngài đã tạo biết bao công đức gọi là Ba-la-mật, nhưng rồi kiếp cuối cùng của Ngài – Ngài thông minh và tài giỏi như vậy mà quý Phật tử thấy việc tu sai lầm của Ngài đến 6 năm! Cuộc đời này có nhiều chuyện lạ lắm, có những người như u mê phải chịu trả ác nghiệp

và chính ác nghiệp đó khiến mình sai lầm như vậy. Vậy điều gì khiến Ngài tu khổ hạnh sai lầm suốt 6 năm?

Nguyên nhân liên quan đến tiền nghiệp quá khứ. Vào thời Đức Phật Ca Diếp (*Kassapa*) – vị Phật cuối cùng thứ 24 thọ ký cho Đức Phật Thích Ca thành Phật, tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca là người Bà-la-môn Jotipāla thuộc dòng dõi cao quý. Ngài có một người bạn rất thân tên là Ghatikāra, vị này đã đắc quả Thánh A-na-hàm và có nghề làm đồ gốm thuộc giai cấp thấp, nhưng cả hai vị đều thương quý nhau.

Người bạn luôn muốn Ngài đến nghe Pháp của Đức Phật Ca Diếp, vì muốn gặp Phật là một điều khó nhưng nhiều lần đều bị Jotipāla từ chối. Chàng thanh niên Jotipāla ở gần Tinh Xá, người bạn Ghatikāra cuối cùng phải dùng đến áp lực nắm búi tóc của Ngài kéo Ngài vô nghe Pháp. Không còn cách nào khác, Ngài đành phải đi theo và nói: *“Sa môn ấy không dễ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, để thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác là điều khó khăn lắm”*. Thật ra nội dung câu đó không sai nhưng Ngài đã có ý xúc phạm, xem thường và không tin vị đó là Phật. Sau đó Jotipāla cũng vô nghe Pháp. Thời Đức Phật Ca-Diếp thì Đức Phật Gotama (chàng thanh niên Jotipāla) cũng xuất gia, Ngài là một vị Tam Tạng thuộc lâu Kinh - Luật - Luận nhưng chưa chứng Thánh.

Tiền nghiệp của Đức Phật Gotama là đã xem thường Đức Phật Ca-Diếp, Ngài nói Phật và Thánh không dễ có. Vì vậy khi tu tập để thành Phật, Ngài đã theo Pháp hành sai lầm 6 năm. Cho nên trong cuộc đời chúng ta, lâu lâu cũng bị nghiệp che rồi trở thành người ngu nhất thế giới, nghiệp trở thì mình bị trả nghiệp. Giai đoạn đó tự nhiên mình tính toán một cách sai lầm, mình giống như người u mê, gọi là *bị nghiệp che*. Khi được học Giáo lý thì quý Phật tử mới hiểu và thương những người bị nghiệp trở, lúc trước mình không biết sao người đó lại u mê như vậy. Đại chúng thấy Đức Phật thông minh, trí tuệ như vậy mà Ngài vẫn bị sai lầm trong việc tu khổ hạnh ép xác suốt 6 năm, nếu người bình thường là chết rồi. Dĩ nhiên đó cũng là “*thường pháp*” của chư Phật. Trước khi thành Phật, các Ngài đều phải tu khổ hạnh, vị tu ngắn nhất là 7 ngày, dài nhất là 6 năm.

Có những nghiệp trở trước khi Đức Phật Gotama thành Phật và có những nghiệp trở sau khi thành Phật. Ngài chỉ khác chúng ta một điều: khi trả nghiệp thì Ngài không có khổ, còn mình trả nghiệp thì thấy chưa đủ nên mình muốn khổ thêm, nhân lên cho khổ nặng thêm vì mình không biết tu. Người có phước, có trí tuệ thì chuyện trả nghiệp nhẹ nhàng lắm. Ví dụ khi một người có phước mà bị đau đầu thì chỉ đau 3 ngày, còn không có phước thì đau 3 năm do nghiệp xấu trở. Cũng giống như mình đang khỏe, khi đi ra gió thì

không làm cho bệnh mà chỉ làm mình nhức mỗi chút xíu thôi, nhưng khi mình yếu mà ra gió thì gió nhập mình bệnh luôn.

## **2. Nạn thứ hai: Đức Phật bị cô kỹ nữ Cīṇcāmāṇavikā vu khống giữa tứ chúng (*Abbhakkhāṇa*)**

Trong bài giảng hôm trước Thầy có nói về 32 tướng tốt của Đức Phật, trong đó có rất nhiều tướng tốt của Ngài do hạnh lành từ *Khẩu*, Ngài nói điều thiện.

Thời Đức Phật, có cô kỹ nữ xinh đẹp tên là Chiên Già (*Ciñcā*), cô là đệ tử thuần thành của nhóm tu sĩ ngoại đạo. Đại chúng nhớ là khi Đức Phật thành Phật rồi, chánh Pháp của Ngài được phát triển mạnh nên Vua chúa, hoàng tộc, phú hộ, dân chúng và rất nhiều người thuộc giai cấp Bà-la-môn theo Ngài. Lúc đó các đệ tử xuất gia theo Ngài gần như là Bà-la-môn. Chính vì nhiều người theo như vậy, ngoại đạo bắt đầu đố kỵ và tìm cách hại Đức Phật. Họ xúi giục cô kỹ nữ Cīṇcā vu khống Đức Phật bằng cách mỗi buổi chiều, cô ăn mặc và trang điểm xinh đẹp, tay cầm một bó hoa đi từ nhà đến Tinh xá Kỳ Viên (*Jetavana*). Dân chúng trong kinh thành sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp tại Tinh xá xong, trên đường về nhà họ thường gặp cô Cīṇcā. Có người tò mò hỏi cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy, cô trả lời cố ý tạo ra sự nghi ngờ rằng: “Tôi đi

*đâu là việc riêng của tôi, quý Phật tử biết có ích lợi gì? ”. Nói xong cô đi theo hướng đến Tinh xá Jetavana và nghỉ qua đêm tại một ngôi Chùa ngoại đạo gần đó. Sáng hôm sau, người ta lại thấy cô đi từ hướng Tinh xá về, họ hỏi thì cô trả lời: “Tôi nghỉ ở đâu là chuyện của tôi, quý Phật tử hỏi có lợi ích gì? ”. Và từ đó cứ mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, nàng kỹ nữ đều làm như vậy.*

Khi thấy cơ hội đã chín muồi, cô nói với dân chúng là mỗi đêm cô đều ở cốc Gandhakutī (*Hương thốt*) để phục vụ Đức Phật. Khoảng 3 – 4 tháng sau, khi Đức Phật đang thuyết Pháp, cô đứng trước hội chúng, lúc này nhóm ngoại đạo đã sắp xếp lấy tám gỗ đẽo hình dạng cái thai độn vô, dùng dây thắt cho chắc giả làm bụng bầu cho cô, đợi lúc Đức Phật đang thuyết Pháp, trước mặt mọi người cô nói: “*Ngài là tác giả của bụng bầu này!*”. Cô muốn làm cho Đức Phật mất uy tín, Tăng đoàn mất uy tín, cô đang xúc phạm đến một con người đầy công đức và đức độ mà chỉ có một trong đất trời này. Khi cô hành động như vậy thì ở trên cung Trời Đao Lợi, ghế ngồi của Vua Trời Đế Thích (*Sakka*) nóng lên - sau này quý Phật tử học sẽ thấy khi có những trường hợp quá quan trọng ở dưới cõi nhân loại thì trên cõi Tam thập tam Thiên, ghế ngồi của Vua Trời Đế Thích bị nóng lên. Hôm nào học bài QUY Y, Thầy sẽ kể về vị này, ông là đệ tử của Đức Phật, ông chứng Sơ quả và là Vua cõi Trời thứ 33. Khi cái ghế

đang ngồi bị nóng như vậy, ông nhìn xuống thì thấy cô Ciñcā đang vu oan cho Đức Phật. Lúc ấy, vua Trời Sakka cùng với bốn vị Thiên vương hiện xuống. Bốn vị Thiên vương hóa thành bốn con chuột bò vô người cô kỹ nữ và cắn đứt mấy sợi dây cột tấm gỗ, còn Đức vua Trời hóa thành luồng gió thổi làm tấm gỗ rơi xuống đất đụng trúng đôi bàn chân của cô bầm máu. Lúc này, Đức Phật được giải oan.

Nếu vua Trời không làm chuyện này thì nhiều người thiếu trí, dễ tin sẽ nghĩ xấu về Đức Phật. Quý Phật tử nên nhớ, chỉ cần một niệm bất thiện như vậy thôi sẽ rất là có tội. Vì vậy vua Trời Sakka muốn minh oan cho Đức Phật để mọi người hết nghi ngờ, thôi thất niềm tin, cho nên tác động làm rơi tấm gỗ.

Đại chúng lưu ý điều này: Mình là đệ tử Đức Phật, là đứa con “dễ dạy” chứ đừng “dễ dụ”, muốn nghe gì phải có trí tuệ, phải biết đắn đo, suy nghĩ có đúng lý không. Thầy hay nói thế này: *“Chúng sanh trong cuộc đời này thích dựa, dựa vào một cái gì đó, nhưng mình phải khéo một chút, mình tìm chân lý nào đó để nương tựa vào”*. Ví dụ có một người cầm dao đâm chết vị Thánh, vị ấy đau về thân và chết nhưng không giận vì bậc Thánh A-la-hán không còn giận, không còn buồn, không thù oán ai. Nhưng khi làm việc đó thì giống như mình đang ôm *cục lửa* vậy. Cũng như Đức Phật, Ngài bị vu oan nhưng Ngài không buồn khổ, ngược lại sau khi vu oan cho Đức

Phật, cô Cĩncā đi một đoạn thì bị đất rút, do ác nghiệp quá nặng cô bị đọa thẳng xuống Địa Ngục Avīci (*A-tỳ*).

Và lý do Đức Phật Gotama bị vu khống như vậy vì ở tiền kiếp, Ngài đã vu khống Ngài Trưởng lão *Nanda* – bậc Thánh Thanh văn đệ tử của một Đức Phật quá khứ.

Vì vậy khi học Phật Pháp, lúc quý Phật tử nói mình *bị oan* thì cũng nên xem xét lại, có trường hợp do cách sống của chúng ta, cũng có trường hợp là do tiền nghiệp mình đã vu oan cho ai, nên bây giờ mình bị oan ức lại như vậy. Ví dụ trường hợp mình đứng phía sau âm thầm hãm hại, vu khống, nguyên rủa và nói xấu một người, pháp luật và không người nào biết nhưng rồi chính mình đang ôm cục lửa tự hại bản thân. Có những ác nghiệp trở luôn trong đời này, có ác nghiệp trở ở đời sau. Khi hiểu được Phật pháp, quý Phật tử phải sống thanh cao, không nói xấu ai, nếu cần thì nên gọi người đó đến nói chuyện, đóng góp cho nhau để không tạo ác nghiệp. Nói xấu, vu khống người khác tạo ác nghiệp nặng, vì nghiệp chưa trở nên quý Phật tử chưa sợ, nhưng khi đủ duyên nghiệp ác trở thì mới trả nghiệp, có khi phải bị đọa Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh.

### 3. Nghiệp nạn thứ ba: Đức Phật bị vu không bởi cô tu nữ ngoại đạo Sundarī.

Đức Phật tiếp tục bị vu không bởi một nữ du sĩ xinh đẹp tên Tôn-đà-ly (*Sundarī*). Cũng như trường hợp của cô kỹ nữ Ciñcā, nhóm ngoại đạo cũng lập mưu hãm hại vu không Đức Phật bằng cách cho cô gái xinh đẹp này cứ chiều chiều là đi đến Tinh xá *Jetavana*. Mọi người hỏi thì cô trả lời giống như cô Ciñcā, nhằm tạo cho người ta thắc mắc, tò mò. Một thời gian sau, nhóm ngoại đạo thuê hai người nghiện rượu giết chết cô gái rồi âm thầm đem xác cô chôn trước Tinh xá. Sau đó họ loan tin là cô nữ tu bị mất tích và cho người đi tìm. Họ cố ý tìm trước Tinh xá của Đức Phật thì thấy xác cô nằm trong bãi rác ngay cạnh đó. Với chứng cứ là khi còn sống cô nữ tu chiều tối lại vào Tinh xá, nay mất tích thì tìm thấy xác cạnh đây. Vì vậy họ vu oan cho Đức Phật và chư Tăng đã giết cô Sundarī.

Vua Ba-Tu-Nặc (*Pasenadi*) cai trị nước Kiền-tát-la (*Kosala*) rộng lớn, kinh đô là Xá-vệ (*Savatthi*). Ông rất tôn kính Đức Phật. Trước đó ông đã cho người theo dõi Đức Phật trong 7 năm để tìm hiểu về Ngài. Ông thắc mắc vì sao Đức Phật bằng tuổi ông, trước khi đi xuất gia Ngài cũng là Thái tử sắp lên ngôi Vua như ông nhưng Đức Phật lại được rất nhiều người cung kính như vậy. Sau khi theo dõi 7 năm, ông mới Quy y và ông nói với Ngài: “*Kính bạch Đức Thế Tôn,*

*Đức Thế Tôn là Thầy của con và con là đệ tử của Ngài, ở bên cạnh Ngài con thấy Ngài muốn an thì an, muốn yên thì yên, muốn thanh tịnh thì thanh tịnh. Còn con không được như vậy, con bất an, lo lắng và sợ hãi đủ thứ".* Mỗi lần vào đánh lễ Đức Phật là ông lại hôn lên đôi chân của Ngài với niềm tôn kính. Khi nhận được tin có người vu oan Đức Phật, ông cho người điều tra thì phát hiện hai tên nghiện rượu đang chia tiền và bàn với nhau về chuyện vừa giết cô Sundarī. Chúng đã khai nhóm ngoại đạo là kẻ chủ mưu. Vua Pasenadi liền ra lệnh hành hình nhóm tu sĩ ngoại đạo và hai tên nghiện rượu.

Sau đó Đức Phật mới kể về tiền kiếp của Ngài. Trong thời quá khứ, Ngài sinh trong gia đình thuộc giai cấp thấp tên là *Munāli*, chàng thanh niên thấp hèn này thường thân cận gần gũi với kẻ ác nên sinh thói hư tật xấu. Một hôm, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác *Surabhi*, Ngài liền buông lời vu khống rằng: “*Sa-môn trọc đầu này phá giới! Hành pháp thấp hèn!*”. Ngài đã xúc phạm nặng nề đến Đức Phật Độc Giác nhưng Phật Độc Giác không hề đau khổ, không hề phiền惱. Sau khi chết, ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi Địa Ngục, phải chịu khổ suốt thời gian nhiều ngàn năm. Và do năng lực ác nghiệp cũ ấy còn dư sót chút đỉnh nên trong kiếp hiện tại này Đức Phật bị vu khống do nữ tu sĩ ngoại đạo Sundarī.

Ở đây Thầy muốn quý Phật tử hiểu được điều này, trước khi nói điều gì nhớ phải cẩn thận, vì quả của lời nói ác khẩu rất khủng khiếp. Đôi lúc mình rất giận, rất bức mà nói nhưng nói xong rồi phải biết áy náy sám hối liền. Chúng ta nói xong vậy thôi chứ đâu phải là xong, rồi vài mươi năm sau mình chết nhưng nghiệp đó thì không hết được. Ta thấy Đức Phật tu tập bao nhiêu kiếp, đến lúc thành Phật rồi cũng bị vu khống như vậy là bởi vì trong quá khứ Ngài đã từng vu khống vị Phật Độc Giác là *không thanh tịnh, thấp hèn*. Nay học về PHẬT NẠN đại chúng phải thấy sợ, toàn là nghiệp phải trả.

#### **4. Nghiệp nạn thứ tư: Đức Phật và chư Tỳ Khru Tăng bị vu khống giết cô nữ tu Sundarī để giấu tội lỗi (*Abbhakkhāna*)**

Trong một tiền kiếp, Đức Phật Gotama là vị đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, tinh thông các bộ sách Bà-la-môn. Ngài làm Thầy dạy nhóm đệ tử 500 người tại khu rừng dưới chân núi Hy-Mã-Lạp (*Himavantu*). Một hôm, có vị Đạo sĩ chúng đắc Bát thiền, Ngũ thông có nhiều oai lực đến tu viện của Ngài. Vị này tâm rất thanh tịnh nhưng chưa đắc Thánh. Khi Ngài gặp vị Đạo sĩ này, liền phát sinh tâm ganh tỵ nên vu khống vị này và nói với nhóm đệ tử của mình rằng: “*Vị Đạo sĩ này lừa dối! Vị Đạo sĩ này thích hưởng dục lạc ngũ trần...*”. Sau đó nhóm đệ

tử tin theo lời của Thầy, đi vào xóm làng khát thực và cũng nói xấu vị Đạo sĩ ấy như vậy.

Ở kiếp hiện tại, khi Đức Phật bị cô Sundarī vu oan, ban đầu chỉ một mình Đức Phật, sau đó cả Tăng đoàn đều bị vu oan, đó là tiền nghiệp của Đức Phật và đệ tử của Ngài đã vu oan cho vị Đạo sĩ đó. Quý Phật tử cần nhớ chi tiết này: trong cuộc đời, có những người mà mình đừng bao giờ xúc phạm, lỡ có giận, có buồn hay bực thì nhớ đừng xúc phạm ai cả, đặc biệt là những người mình mang ơn. Mình mang ơn nặng nhất chính là Cha Mẹ, tiếp theo là những người có đức độ cao cả và thanh tịnh, tập thể những người đang làm nghĩa cử cao đẹp hay đang tu tập, đang làm phước, đang giúp đời...Nếu mình xúc phạm, chia rẽ họ là nghiệp rất nặng.

## **5. Nghiệp nạn thứ năm: Nhóm xạ thủ bắn Đức Phật**

Có lần Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) kết hợp với Vua A-xà-thế (*Ajātasattu*) hại Đức Phật. Vua A-xà-thế muốn giết Cha là Vua Tần-Bà-Sa-La (*Bimbisāra*) để cướp ngôi. Còn Đề-Bà-Đạt-Đa đã xuất gia với Đức Phật, ông đắc thiên và có thần thông nhưng chưa chứng Thánh. Ông dùng thần thông để mê hoặc và kết hợp với vua A-xà-thế âm mưu lãnh đạo Tăng đoàn. Sau đó thì Đề-Bà-Đạt-Đa thuê nhóm xạ thủ để giết Phật. Hôm trước mình đã học bài 32 Tướng Tốt Của

Đức Phật, chúng ta biết với những công đức lành của Ngài thì không ai hại Ngài được. Có 16 sát thủ được thuê bắn Đức Phật nhưng không thể bắn mũi tên ra được, sau đó đã đến đánh lễ, sám hối và được Đức Phật thuyết Pháp tế độ, họ đều trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Đó là vì nghiệp tiền kiếp Ngài là đã từng chinh chiến ngoài chiến trận. Ngài làm Tướng và đã giết rất nhiều người. Ở kiếp hiện tại do năng lực của ác nghiệp ấy còn dư sót nên Ngài bị nhóm sát thủ giết lại.

Với những ác nghiệp như vu khống vị Đạo sĩ đắc thiền, vu khống tiền thân của Ngài Nanda, xúc phạm đến Đức Phật Ca Diếp, ... sau những kiếp đó, nhiều kiếp Đức Phật bị đọa Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh chịu quả khổ. Cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi Địa Ngục. Do năng lực của nghiệp ác cũ còn dư sót nên kiếp hiện tại Ngài tu khổ hạnh sai lầm 6 năm, bị ngoại đạo vu khống rồi bị thuê sát thủ giết Ngài.

## **6. Nạn nghiệp thứ sáu: Đức Phật bị Đề-Bà-Đạt-Đa lãn đả (*Silāvedho*)**

Trong kiếp quá khứ, có gia đình đó Cha Mẹ chết và để lại cho hai anh em một số tài sản, tiền thân của Đức Phật là *người anh* và *người em* trai là tiền thân của Đề-Bà-Đạt-Đa. Hai anh em sống với nhau nhưng người anh tham lam nên tìm cách giết người em bằng

cách đẩy người em rớt xuống núi. Với ác nghiệp giết em trai như vậy nên ở kiếp hiện tại, Ngài bị Đề-Bà-Đạt-Đa lặn đá hại Ngài. Sau kiếp Ngài giết người em thì Ngài bị đọa xuống nhiều cảnh giới xấu. Và do quả ác của nghiệp còn sót lại, tuy Ngài đã thành Phật rồi nhưng vẫn bị lặn đá khi Ngài đang đi kinh hành tại núi *Gijjhakūṭa* (núi Linh Thứu). Tuy nhiên với phước của Đức Phật thì Ngài không chết và chỉ bị một hòn đá nhỏ lặn trúng chân thôi.

***\*Oán kết đầu tiên giữa Đức Phật và Đề-Bà-Đạt-Đa:***

Kiếp đầu tiên tạo nên oán kết giữa Đức Phật và Đề-Bà-Đạt-Đa là kiếp quá khứ, khi ấy tiền thân của Đức Phật là thương buôn lương thiện, và tiền thân của Đề-Bà-Đạt-Đa cũng là thương buôn nhưng lại có tính tham lam, gian ác. Có gia đình kia rất giàu có nhưng do làm ăn thất bại trở nên nghèo khổ, gia tài thừa kế của hai bà cháu còn sót lại là một cái mâm bằng vàng bám đầy bụi nên cả hai không biết giá trị thật của mâm vàng này. Khi đó, người thương buôn tham lam ngã giá mua mâm vàng với giá rất rẻ mạt dù biết mâm vàng này vô cùng quý giá. Gia đình không bán, sau đó ông giả vờ bỏ đi.

Ngày hôm sau, người thương buôn lương thiện (là tiền thân của Đức Phật Gotama) đi ngang nhà của hai bà cháu. Người bà vẫn muốn bán mâm vàng, người thương buôn lương thiện phát hiện đây là mâm

bằng vàng ròng có chạm trổ những hoa văn rất đẹp có giá trị trên 100 ngàn *Kahāpana* (đồng tiền vàng Ấn Độ thời xưa) nên ngỏ lời bao nhiêu tiền Ngài cũng sẽ mua. Sau đó Ngài đã mua được mâm vàng với giá 1000 *Kahāpana*. Thật ra số tiền mà Ngài bỏ ra mua chưa hẳn xứng đáng với giá trị của mâm vàng nhưng người bà nhận thấy tấm lòng chân thật của Ngài nên đồng ý bán. Sau khi Ngài đi thì tiền thân của Đề-Bà-Đạt-Đa là thương buôn tham lam quay lại và biết mâm vàng đã được bán cho người khác rồi. Ông tức giận lên và gào thét: *“Ôi! Ta đã bị thiệt hại quá lớn rồi! Tên thương buôn kia đã cướp cái mâm bằng vàng của ta rồi!”* Gào thét đến khô hơi tắt tiếng, tâm uất hận đến cực độ, tên thương buôn nằm lăn xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, như người điên, hắn xả bỏ quần áo, đồ nữ trang vung vãi, với đầu bù tóc rối, hắn chạy đuổi theo để gặp người thương buôn kia nhưng Ngài đã đi ra được nửa dòng sông. Vì quá thất vọng và tiếc của, với nỗi uất hận và cơn nóng giận cực độ làm hắn trào máu ra miệng, lăn ra chết ngay tại chỗ. Trước khi tắt thở, với tâm sân hận, hắn thốt ra lời nguyện độc địa kết oan trái với Đức Phật: *“Ta sẽ kết oan trái với người dù bất cứ ở địa vị nào”*. Đó là lần oán kết đầu tiên trong tiền kiếp của Đề-Bà-Đạt-Đa với tiền kiếp của Đức Phật.

Quý Phật tử nên nhớ là oán kết nhiều đời lắm, chứ không phải một đời này đâu. Như kiếp Đức Phật

đẩy người em xuống núi cho chết để lấy tài sản, kiếp đó là Đức Phật đã làm điều bất thiện, và cho đến kiếp hiện tại thì Đề-Bà-Đạt-Đa nghĩ cách này đến cách khác để hại Ngài.

Từ đó, đại chúng phải nhớ là đừng bao giờ nguyên rửa ai. Ví dụ *"kiếp này tôi không hại được ông, kiếp sau tôi sẽ hại"*... Mình nói như vậy và tưởng là xong nhưng không phải vậy. Vòng luân hồi còn gặp nhau, thì hại nhau rồi hại nhau nữa. Bây giờ mình tu chưa giỏi, mình cố gắng nghĩ *"Thôi điều gì mình tha được thì tha, bỏ được thì bỏ, buông được thì buông, thương được thì thương, nhẫn được thì nhẫn"*. Mình làm những điều lớn chưa được thì cố gắng tu từ những điều nhỏ.

Thầy tóm tắt lại 6 nghiệp nạn của Đức Phật ở Phần I:

- 1/ Đức Phật tu khổ hạnh sai lầm 6 năm: do tiền kiếp đã xúc phạm Phật Ca Diếp (*Kassapa*).
- 2/ Đức Phật bị cô kỹ nữ Cincā vu khống: do tiền kiếp Ngài đã vu khống Thầy Nanda.
- 3/ Đức Phật bị cô Sundarī vu khống: do tiền kiếp Ngài thuộc giai cấp thấp hèn, vu khống cho Đức Phật Độc Giác Surabhi *không thanh tịnh*.
- 4/ Đức Phật là thầy Bà la môn có 500 đệ tử vu khống cho vị Đạo sĩ đắc thiên, đắc thần thông là

*hưởng thụ, không tu được gì nên kiếp hiện tại giữa Đức Phật và chư Tăng cộng nghiệp với nhau mới bị cô Sundarī vu khống lại.*

5/ Đức Phật bị nhóm xạ thủ sát hại: do tiền kiếp Ngài là tướng quân đánh trận và giết hại nhiều người.

6/ Đức Phật bị Đề-Bà-Đạt-Đa lăn đá: do tiền kiếp Ngài là người anh trai đã đẩy người em xuống núi chết để lấy tài sản.

### III. CÁC KIẾP NẠN CỦA ĐỨC PHẬT

Ở bài trước chúng ta đã học 6 nạn của Đức Phật rồi, hôm nay mình học tiếp những nạn còn lại. Như Thầy đã giảng, đại chúng đã biết Đức Phật là người từ bi như vậy, ai Ngài cũng thương, một con người đầy trí tuệ, điều gì Ngài cũng biết, công đức lành nào Ngài cũng có. Ngài đã tu tập suốt 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp mới đắc được Phật quả. Vậy mà khi đã giác ngộ rồi, Ngài vẫn phải trả quả của những ác nghiệp cũ. Có những kiếp Ngài đọa Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh chịu quả khổ, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy mới được thoát ra. Và do năng lực của nghiệp ác cũ ấy còn dư sót nên đến kiếp hiện tại Ngài đã thành Phật rồi vẫn phải trả, cứ đủ duyên là nghiệp sẽ trở.

Vì vậy mong quý Phật tử rút ra được bài học: Sinh ra trong cuộc đời thì chúng ta thường bị động, mình không biết được nghiệp nào sẽ trở, vì đã tạo quá nhiều nghiệp trong quá khứ, dĩ nhiên trong đó có thiện nghiệp và ác nghiệp. Ví dụ chuyện vui là khi thiện nghiệp trở như sự giàu có ập đến bất ngờ mà mình không biết trước được, hoặc ác nghiệp trở thì mình bị bệnh tật, trắng tay bất ngờ cũng không nói trước được. *Chúng ta học Phật pháp để khi nghiệp nào đó trở thì mình vẫn đón nhận với tâm bình thản.* Thứ hai, ngoài việc chúng ta phải rèn luyện tâm để được tỉnh táo và đón nhận nó một cách nhẹ nhàng nhất, thì đồng thời phải tạo thật nhiều thiện nghiệp để xóa mờ các ác nghiệp cũ của mình. "*Xóa mờ ác nghiệp*" không phải là mình quay lại quá khứ để bỏ ác nghiệp, ác nghiệp đã tạo rồi thì không xóa bỏ được. Nhưng nhờ có nhiều phước đức mà ác nghiệp sẽ được vơi bớt nhẹ nhàng. Ví dụ nếu quý Phật tử tạo cho mình cái "*hồ nước công đức*" lớn, hồ nước đó như là kho phước của mình vậy. Khi ác nghiệp trở thì giống như "*một nắm muối*", mà một nắm muối thì quá ít nên không ảnh hưởng đến hồ nước được. Tuy nhiên nếu phước đức của chúng ta ít như nước trong ly, thì khi nghiệp xấu trở mình dễ khổ đau. Ví dụ như người có phước chỉ bệnh nhẹ vài ngày, còn người không có phước thì đau đầu 3 năm, 30 năm, có khi đau cả đời.

Cho nên chúng ta học bài PHẬT NẠN để biết chính Đức Phật còn phải trả những ác nghiệp cũ nhưng Ngài không tiếp tục tạo nghiệp mới, còn mình thì ngoài nghiệp cũ đã tạo ra còn tiếp tục tạo thêm nghiệp mới nữa.

### **7. Nghiệp nạn thứ 7: Đức Phật bị mảnh đá đụng ngón chân cái làm bầm máu (*Sakalikāvedha*)**

Khi Đức Phật đang đi kinh hành tại núi *Gijjhakūṭa* (núi Linh Thứu), do năng lực của nghiệp ác cũ trong quá khứ còn dư sót, Đề-Bà-Đạt-Đa đã xô tảng đá lăn xuống. Tuy tảng đá bị cản lại, nhưng một mảnh đá nhỏ vỡ văng ra đụng vào ngón chân cái của Đức Phật, làm cho bầm máu. Đó là quả của nghiệp ác cũ trong quá khứ của Ngài. Chúng ta nói đây là một trong ngũ nghịch trọng tội: “*làm thân Phật chảy máu*”. Nói thì như vậy nhưng mình nên hiểu không ai làm thân Phật chảy máu được. Ở đây chân Ngài chỉ bị bầm máu. Vậy lý do nào Ngài bị hòn đá lăn xuống chân làm bầm máu?

Lý do là trong tiền kiếp, tiền thân của Đức Phật là một em bé nhỏ tinh nghịch sinh ra trong một gia đình bình thường. Có một lần đang chơi giữa đường lớn, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi khát thực, cậu bé nghĩ: “*Sa-môn trọc đầu đi đâu?*”, rồi cầm mảnh đá ném vào sau lưng Đức Phật Độc Giác, đụng phải gót chân của Ngài làm trầy da, chảy máu.

Khi chúng ta chưa hiểu Phật Pháp, còn mê lầm, chưa hiểu đâu là *thiện và bất thiện* nên khi làm những điều ác mà cảm thấy vui trong lòng. Ví dụ lúc nhỏ mình chửi một người, mình chửi hơn người đó rồi cảm thấy vui nên chửi càng nhiều hơn nữa. Sau này khi đã hiểu Phật Pháp rồi thì mới thấy rõ tâm sân của mình, khi mình chửi, nguyên rửa, nói xấu hoặc làm điều bất thiện càng nhiều thì lúc đó mới thấy khổ nhưng đâu cũng đã vào đó, ác nghiệp cũng đã tạo rồi.

Câu chuyện bàn chân Đức Phật bị bầm máu do tiền kiếp Ngài từng ném hòn đá trúng chân Đức Phật Độc Giác, cũng hòn đá đó, nếu ném vào chân của người bình thường, người có ít phước thì khác, còn ném vào người có phước càng lớn thì tội của mình càng nặng. Ở đây lại trúng chân của vị Phật Độc Giác nên quả của ác nghiệp rất nặng. Vì vậy đối tượng chúng ta xúc phạm càng có phước bao nhiêu thì tội của mình càng nặng bấy nhiêu. Thứ nhất là đối tượng mình mang ơn (Cha, Mẹ, ...) Thứ hai là đối tượng phước đức lớn. Đức Phật Độc Giác là vị Phật thanh tịnh, đã tạo đầy đủ 20 pháp hạnh Ba La Mật ít nhất trong 2 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp mới đắc quả vị Phật. Dù tiền thân của Đức Phật Thích Ca là đứa bé tinh nghịch lấy đá ném vào chân với ý trêu đùa thôi mà Ngài cũng phải trả quả báo là chân bị bầm máu do đá lăn trúng.

## 8. Nghiệp nạn thứ 8: Đức Phật bị mổ vết thương bằng dao (*Satthaccheda*)

Quả của ác nghiệp kế tiếp mà Đức Phật phải trả là Ngài bị mổ vết thương bằng dao. Câu chuyện liên quan đến mảnh đá văng ra từ hòn đá lớn mà Đề-Bà-Đạt-Đa đẩy xuống từ đỉnh núi Linh Thứu để hại Ngài. Mảnh đá văng trúng làm chân Ngài bị bầm chừ không bị chảy máu, nhưng với vết bầm đó thì Đức Phật đồng ý cho Thần y Jīvaka chữa trị.

Vị này rất đặc biệt, chữa bệnh rất giỏi và cũng là một vị đắc Sơ Quả. Trong những bài Pháp sau Thầy sẽ giảng về những vị cư sĩ hộ pháp có sức ảnh hưởng lớn thời Đức Phật, có các vị như Vua Tần-Bà-Sa-La (*Bimbisāra*), Vua Ba-Tư-Nặc (*Pasenadi*), Trưởng giả Cấp-Cô-Độc (*Anāthapindika*), Bà Visākḥā, lương y Jīvaka, Vua A-Dục (*Asoka*)... Trong đó lương y Jīvaka là thầy thuốc chữa bệnh cho Đức Phật và chư Tăng.

Khi vết bầm trong chân của Đức Phật như vậy thì Ngài cho phép Thầy Jīvaka mổ sống vết thương bằng con dao bén để lấy máu bầm ra, lúc này đầu ngón chân cái của Đức Phật mới chảy máu. Vậy Thầy Jīvaka có tội không khi làm thân Phật chảy máu? Thần y Jīvaka không có tội! Lý do thứ nhất vì Ngài được Đức Phật cho phép, thứ hai là Ngài mổ bằng tâm từ thương Đức Phật, mổ để ngón chân của Đức Phật sớm lành. Nếu lúc đó Thầy Jīvaka chỉ cần khởi một tâm

bất thiện dù nhỏ mà đụng vào vết thương của Đức Phật thì coi như Ngài bị đọa xuống 3 cõi 6 đường một cách nhanh chóng. Còn Đề-Bà-Đạt-Đa làm bầm ngón chân Đức Phật bằng mảnh đá với tâm sân, nên phạm phải ác nghiệp gọi là **Nghiệp vô gián** (*anantariyakamma*), chắc chắn sẽ cho quả tái sanh trong cõi Địa Ngục *Avicī* (ngục A-Tỳ). Vì vậy, khi chúng ta học Phật pháp cần phải nhớ là làm thân Phật chảy máu tức là Ngài chỉ bị bầm thôi, còn chuyện mổ chảy máu là Đức Phật đã cho phép Thầy Jīvaka.

*Sự khổ có hai loại khổ: khổ Thân và khổ Tâm.*  
Đại chúng cần nhớ rằng, nếu ai hỏi Đức Phật còn khổ không? Mình trả lời là: Ngài vẫn còn khổ, nhưng Ngài không khổ tâm như mình mà Ngài chỉ khổ ở thân. "*Khổ tâm*" là mình còn có tham, sân, si, buồn giận, phiền não chi phối. Đức Phật và các vị Thánh A-La-Hán không có khổ tâm. Các vị chỉ khổ *Thân* vì ngày nào còn có *Thân* thì còn khổ. Ví dụ có những lúc không muốn ăn vì ăn xong bị no, phải tiêu hóa, phải buồn ngủ... mà ở thân người không lẽ lại không ăn? Cho nên ở cảnh giới chư Thiên không có chuyện già hay bệnh, khi sinh ra rồi đến trước lúc mất thì có vài tướng biểu hiện như: hoa trên đầu héo, trong người ra mồ hôi, không còn thích ngồi vào ghế của mình nữa... Còn cái tám thân thô ở cõi Dục giới này của mình, hễ có thân thì có bệnh, bệnh nặng, bệnh nhẹ cũng tùy theo quả ác nghiệp trở. Có người thì rất khỏe, có người

thì bệnh liên tục do quả của những ác nghiệp trở, nhất là những ác nghiệp liên quan đến sát sanh.

Tại sao Đức Phật bị mổ chân chảy máu? Ở kiếp quá khứ, tiền thân của Đức Phật Gotama là một vị Vua có quyền lực. Ông Vua này có sở thích lạ là lâu lâu ông hứng lên thì ông đi chân không, chạy vòng vòng và đặc biệt là thích giết ai thì giết, giết những người vô tội trong đó có những người già. Đây là sở thích của ông và ông vui với những điều bất thiện này. Sau khi chết, nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi Địa Ngục, chịu quả khổ bị hành hạ thiêu đốt trong Địa Ngục suốt thời gian lâu dài, cho đến mãn nghiệp ác ấy mới thoát ra khỏi cõi Địa Ngục. Do quả của nghiệp ác cũ còn dư sót, kiếp hiện tại Đức Phật bị mổ lấy máu bầm ở vết thương đầu ngón chân cái bởi vì nghiệp cũ còn năng lực cho quả.

Thầy kể câu chuyện này: "*Có mấy đứa nhỏ thấy bày chó con nhỏ xíu, khoảng 5 – 6 con đang đứng cạnh bờ sông chơi, có đứa bắt con chó lên rồi quăng xuống dòng sông cho nước trôi để con chó chết. Đứa nhỏ thích thú nên cười vui lắm, nó hả hê với việc mình vừa quăng con chó chết mà không biết bản thân đang tạo ác nghiệp.*" Cho nên bây giờ quý Phật tử học Phật Pháp là mình phải biết sợ từ từ để dừng tạo ác nghiệp.

## 9. Nghiệp nạn thứ 9: Đức Phật bị voi Nālāgiri rượt đuổi.

Sau khi Đề-Bà-Đạt-Đa lẩn tránh Phật không được, thuê sát thủ giết Phật cũng không thành vì vậy ông kết hợp Vua A-Xà-Thế (*Ajātasattu*) cùng bày mưu kế cho một con voi say hại Đức Phật. Đây là loại voi hung hăng gọi là *hung tượng Nālāgiri* (Đồi lau). Voi này có bộ lông như ngọn đồi lau, từng sợi lông như sợi lau, nó lao đến ai là ủi người đó chết. Hôm đó Đề-Bà-Đạt-Đa ra lệnh cho người quản tượng chuốc say con voi bằng 16 hũ rượu để nó mê loạn tâm trí.

Sáng hôm ấy, Đức Phật cùng chư Tỳ-khưu Tăng đang ngự vào thành *Rājagaha* (Thành Vương Xá), Thầy A-nan đi trước Đức Phật, thấy con voi chạy đến nhưng Thầy A-nan không né ra vì sợ Thế Tôn gặp nguy hiểm. Bấy giờ con voi có ỉn thì ỉn chết Thầy chứ Thầy không để cho nó làm hại Thế Tôn. Đức Phật nói “*Này Ānanda! Con né ra một bên!*”. Nhưng Thầy A-nan không né, Thầy không muốn cãi lời Đức Phật nhưng vì Thầy thương Ngài quá. Đức Phật lại nói lần thứ 2, lần thứ 3: “*Này Ānanda, con hãy lui ra!*” nhưng Thầy A-nan vẫn không lui. Lúc này Đức Phật đã dùng thần thông làm Thầy A-nan đứng sau Ngài trong khi con voi kia vẫn đang hung hăng lao đến. Với lòng từ của Đức Phật, tâm từ bi của Ngài thể hiện qua ánh mắt, Ngài nói: “*Này Nālāgiri, ta là Thầy của Trời người, con là chúa tể của các loài Voi, người ta đã*

*cho con uống 16 hũ rượu để con mê loạn tâm trí mà hại Như Lai – Con là Phật sẽ thành. Hãy đến đây với Như Lai”.* Voi Nālāgiri hung ác nghe tiếng phạm âm ngọt ngào, trêu mến của Đức Phật, nó liền mở mắt, ngẩng đầu nhìn thẳng thấy kim thân Đức Phật tỏa ra ánh từ bi, thì lập tức cơn say điên cuồng tan biến mất, tâm thức tỉnh lại.

Do nhờ oai lực tâm từ của Đức Thế Tôn, voi Nālāgiri hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến, quỳ xuống một cách cung kính dưới đôi bàn chân của Ngài. Từ đó về sau, voi Nālāgiri trở thành chú voi hiền lành dễ mến cho đến trọn đời của nó. Đức Phật nói: “*Con là Phật sẽ thành*” nghĩa là voi Nālāgiri tương lai sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác. Chú Voi *Pāveyyaka* hầu Phật vào mùa hạ thứ mười trong rừng *Pārileyyaka* thuộc thành Kosambi cùng với chú khỉ, cùng với Vua Ba-tư-nặc (*Pasenadi*) và Tỳ kheo *Ājita* cũng sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác trong tương lai. Tỳ kheo *Ājita* chính là tiền thân của Đức Phật Di Lặc (*Metteyya*).

Lúc này, Đức Phật mới kể lại tiền kiếp của Ngài vì sao bị con voi tấn công. Trong quá khứ, có một kiếp Ngài là người quản tượng (nài voi). Lúc đó Ngài thấy một vị Phật Độc Giác và Ngài làm cho con voi nổi điên rượt đuổi Đức Phật. Như quý Phật tử đã học, Đức Phật Độc Giác là một vị Thánh thanh tịnh, một vị đức độ nhất của đất trời trong thời kỳ không có Đức Phật

Chánh Đẳng Giác xuất hiện. Nếu ai có duyên được cúng dường, hộ độ cho vị này là phước đức vô cùng lớn.

Thời đó có hai cha con nghèo khổ trong rừng, xây vài cái cốc cho 7 vị Phật Độc Giác nhập hạ (*Vassā*), hộ trì, cúng dường cho các Ngài trong 8 mùa. Sau khi chết, hai cha con có nhiều kiếp làm Vua, nhiều kiếp sanh lên cõi Trời và nhiều kiếp làm Chuyển Luân Vương. Vì vậy trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác, nếu chúng ta gặp Đức Phật Độc Giác mà có duyên cúng dường, lễ bái, hộ độ cho vị đó là phước đức rất lớn. Thay vì vậy ông huấn luyện voi này gặp Ngài mà ông tôn kính, đánh lễ thì hay rồi! Nhưng với tâm sân, ông đã dọa cho con voi rượt đuổi Ngài. Người nài voi chính là tiền thân của Đức Phật. Sau khi chết, người nài voi phải trả quả báo nhiều kiếp đọa xuống Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Và ác nghiệp vẫn còn dư sót nên Ngài bị voi Nālāgiri tấn công ở kiếp hiện tại như vậy.

Chúng ta hay nghe câu “*Vị Thánh nhân nào cũng có một quá khứ, kẻ tội đồ nào cũng có một tương lai*”. Câu này có ý nghĩa là trước khi đắc quả vị Thánh, quả vị Phật thì các Ngài cũng đã từng trải qua giai đoạn làm lỗi. Và với người *tội đồ*, nếu gặp Thầy lành, bạn tốt, môi trường tốt thì người đó có thể sẽ trở thành con người tốt. Khi đại chúng nghe những bài Pháp này, Thầy mong quý Phật tử nghe để *thứ nhất* là hiểu

về Đức Phật, *thứ hai* là khi nghe Pháp xong chúng ta bắt đầu tránh giùm Thầy những điều bất thiện.

Tài sản của chúng ta chính là thiện và bất thiện, là phước và tội. Một người sống có ý nghĩa trên cuộc đời không phải là *người đó có gì*. Ví dụ người đó rất giàu, có nhà cửa, xe cộ... rồi họ ăn chơi, hưởng thụ, thì sống hết đời cũng không ý nghĩa gì. Nhưng nếu ta sống kiếp người mà biết đem lợi ích đến cho nhiều người khác, biết sống tốt, biết giúp người này, người kia thì đó mới là *sống ý nghĩa*. Chứ bây giờ mình giàu có, quyền hành, đầy đủ vô cùng mà sống kiếp người hưởng thụ thì có ý nghĩa gì? Chỉ biết tốt cho riêng bản thân mình thôi. Ý nghĩa kiếp người là mình giúp được bao nhiêu người, có nhiều cấp độ để giúp: giúp người ta biết Phật pháp, biết tu tập, biết thay đổi, giúp người về nẻo tốt, đó là công đức lớn lắm. Họ sống thiện thôi cũng là tốt rồi mà nếu họ biết Phật pháp, biết tu tập thì quá tuyệt vời.

Và đặc biệt như Thầy đã nói, chúng ta đang sống trong thời kỳ còn Phật Pháp, chúng ta cách Phật hơn 2.500 năm, không còn gặp Phật nhưng chúng ta vẫn còn có Pháp. Thầy rất mong đại chúng phải tận dụng cơ hội này để học Phật Pháp, những Phật tử có duyên tu học với Thầy, Thầy thường hay nhắc: "*Ráng nghe Pháp đi, có làm từ thiện thì cứ làm, nhưng có thời gian thì ráng nghe Pháp để nâng cao trí Văn, mở mang sự hiểu biết của mình ra.*" Thầy ví dụ như khi lạy Phật,

nếu hiểu Đạo thì lạy 1 lạy hơn là lạy 1.000 lạy đó. Nếu quý Phật tử không hiểu Đạo, mà lạy 1.000 lạy chỉ xin *"Phật ơi cho con cái này, cho con cái kia..."* thì cũng không có phước bằng 1 lạy với tấm lòng tôn kính Ngài. Đây là cách Thầy thường lạy Phật: *"Con xin kính lễ Đức Thế Tôn, ai Đức Phật cũng thương, điều gì Đức Phật cũng biết, công đức lành nào Đức Phật cũng có."*

Thầy tôn kính Đức Phật về hạnh từ bi của Ngài, ai Đức Phật cũng thương, đức lành nào Đức Phật cũng có, trí tuệ không ai làm khó được Đức Phật, điều gì Ngài cũng biết. Đại chúng phải học mới hiểu, không phải là mình chê 1.000 lạy, ở đây Thầy muốn nói quan trọng là mình tác ý như thế nào khi lạy Phật. Thầy lạy Phật với tác ý thế này: *"Kính lạy Đức Thế Tôn, Ngài không cho con những gì con muốn nhưng Ngài dạy cho con không muốn gì."*

Nhiều khi Thầy muốn mà Phật đâu có cho nhưng Phật dạy cho Thầy *không muốn gì*. Đạt đến chỗ *"không muốn gì"* là đạt đến chỗ nào không? Là chứng Thánh quả A-la-hán. Vì mình còn *tham* nên mình *muốn* nhiều thứ, nhưng Phật dạy đến chỗ *"không muốn gì"* - là không còn tham dục đó đại chúng. Ở đời có câu *"Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao"*, nghĩa là khi con người đến chỗ *"vô cầu"* thì tự nhiên phẩm hạnh sẽ thanh cao. Nhưng để đến được chỗ *"vô cầu"* đó là khó lắm! Lại còn câu này nữa: *"Kính lạy Đức Thế"*

---

*Tôn, Đức Thế Tôn không giúp cho con không chết nhưng Đức Thế Tôn dạy cho con không sợ chết.”*

Thầy ấn tượng lắm, mỗi khi lạy Phật, nhìn lên Đức Phật là Thầy cảm thấy bình an lắm. Quý Phật tử thấy có phải không? Đâu phải là Ngài giúp cho mình không chết đâu! Đức Phật sống 80 năm rồi Ngài cũng nhập Niết Bàn, theo cách nói ngoài đời là "*Ngài chết*". Ngài không giúp cho chúng ta *không chết* nhưng Ngài dạy cho chúng ta *không sợ chết*. Để *không sợ chết* thì đến bài NIỆM CHẾT Thầy sẽ dạy kỹ hơn. Cho nên khi mọi người hiểu Phật, mình lạy dù 1 lạy cũng sẽ khác. Từ đó chúng ta đi từ thiện, bố thí, cúng dường, tụng Kinh, nghe Pháp cũng vậy, chúng ta nghe bằng tâm nào, lạy Phật bằng tâm nào, chép Kinh bằng tâm nào... Vì vậy chúng ta hiểu rằng các công đức có trí tuệ mà làm thì công đức ấy sẽ gấp 100 lần so với khi chỉ bỏ công sức, thời gian ra làm mà không hiểu.

Thầy mong quý Phật tử biết một ngày trôi qua không quay lại được. Mà làm phước thiện, công đức không được lớn thì tiếc lắm. Vì vậy chúng ta nên cố gắng học Phật Pháp. Hiện giờ Thầy thấy Phật tử đang làm các việc từ thiện, vẫn cứ tiếp tục làm nhưng phải cố gắng học những tinh túy của Đức Phật đã dạy cho mình. Đại chúng có biết tại sao mọi người học lớp Giáo lý mà Thầy vui không? Nếu mình không có phước lớn, mình không có đủ duyên lành, ít ai nghĩ đến đời sống kiếp sau lắm. Đời này đủ rồi, chừng này

đủ ăn, đủ mặc là đủ sống kiếp này rồi. Khi có chút phước, có chút duyên lành thì mới nghĩ đến đời sống kiếp khác, chẳng hạn như đời sau mình đi đâu? Một kiếp người ý nghĩa ở chỗ nào?

Thầy vui khi quý Phật tử học Pháp vì khi đã hiểu Pháp rồi, chúng ta sẽ có sự suy tư để vượt qua những suy nghĩ tầm thường, sẽ có những tư duy đặc biệt. Khi học Pháp, đại chúng mới có cơ hội thân cận bậc thiện tri thức, làm những việc thiện lành. Người có phước sẽ ưu tư cho kiếp sống này, ưu tư cho kiếp sống đời sau, ưu tư cho những kiếp kế tiếp nữa. Người biết ưu tư như vậy phải hiểu là người đó có duyên lành gì đó, chứ không thì ít ưu tư lắm. Thường thì nếu đời sống của một người tạm gọi là *"khá một chút"* rồi thì cứ quanh quanh quẩn quẩn, không có ưu tư được đời sống tâm linh của mình đâu. Thầy vui là vậy đó, quý Phật tử học Phật pháp để biết thêm nhiều cái nữa, để đời sống của mình ngày càng đi lên.

### **10. Nghiệp nạn thứ 10: Đức Phật bị bệnh đau đầu (Sīsadukkha)**

Nạn kế tiếp của Đức Phật là lâu lâu Ngài bị đau đầu. Chắc bệnh này nhiều vị bị phải không? Mỗi lần đau đầu là: *"Thầy ơi, con bị đau đầu, chắc nghiệp trở!"*. Chưa chắc đâu nha đại chúng. Có nhiều người hỏi: *"Thầy ơi, con bị bệnh phải do nghiệp không?"*. Thầy nói là quý Phật tử từ từ, khoan hãy đổ cho nghiệp

đã. Đầu tiên khi bị bệnh là chúng ta phải coi mình có ăn uống đầy đủ chất không, có ngủ nghỉ, tập thể dục và ăn uống điều độ không. Có nhiều bệnh do cách sinh hoạt của mình chứ không phải do nghiệp, phải ưu tiên mấy cái đó trước rồi mới nói đến nghiệp.

Ở đây Đức Phật bị đau đầu, quý Phật tử nghe cái tiền nghiệp mới sợ. Thời quá khứ, tiền kiếp của Đức Phật sinh trong một gia đình đánh cá. Một hôm các ngư dân bắt được một con cá lớn và rất nhiều cá nhỏ. Đức Bồ Tát đã dùng cây gõ đầu cá lớn ba cái. Có chỗ thì nói Ngài không gõ mà Ngài chỉ hoan hỷ với việc người ta bắt cá đó. Nhóm ngư dân ăn hết cá, Đức Bồ Tát và họ cùng phát sinh tâm hoan hỷ về sự sát sanh này.

Sau khi chết, do nghiệp hoan hỷ trong sự sát sanh nên tiền thân của Đức Phật đọa 4 cõi ác giới: Địa Ngục, Atula, Nga Quỷ, Súc Sanh. Ở kiếp hiện tại, do quả của nghiệp ác cũ trong quá khứ còn dư sót nên thỉnh thoảng Đức Phật bị bệnh đau đầu. Đại chúng thấy kinh khủng khiếp không, đến bây giờ Ngài vẫn phải trả chứ đâu phải xong.

Còn tiền kiếp của các ngư dân trong quá khứ, nay kiếp hiện tại là thân quyến của Đức Phật trong dòng họ *Sakya* (Thích Ca) đều bị tiêu diệt bởi Đức vua *Viḍaḍḍha* (Tỳ Lưu Ly). Tiền thân của Đức Vua

chính là con cá lớn, đám quân lính là những con cá nhỏ năm xưa.

Nguyên nhân dòng tộc Sakya ở kiếp hiện tại bị diệt vong vì Mẹ của Đức vua *Viḍaḍḍubha* là bà *Vāsabhakhattiyā* sinh ra trong dòng dõi thấp kém nhưng gia tộc Sakya lại gả cho Vua *Pasenadi* - cha của *Viḍaḍḍubha*. Sau một chuyến về thăm quê Mẹ, tất cả anh chị, kể cả người hầu đều khinh bỉ vì ông thuộc thân phận thấp kém nên từ đó ông nuôi hận phục thù. Sau khi lên ngôi, Đức vua *Viḍaḍḍubha* đã cho quân chiếm trọn kinh thành Ca-tỳ-la-vệ (*Kapilavatthu*) và tiêu diệt cả 500 người thuộc dòng họ Sakya bất kể già trẻ, nam nữ, máu chảy thành sông. Đại chúng thấy vòng luân hồi sanh tử kinh khủng khiếp vậy đó. Có lần Thầy có nghe một vị Thầy khác kể lại câu chuyện như thế này:

"Vị Thầy này trước khi đi tu thì khỏe mạnh lắm nhưng từ ngày Thầy đi tu thì bị đau đầu một cách kỳ lạ mà không biết lý do. Thầy cũng giữ gìn sức khỏe, ăn uống mọi thứ đầy đủ. Thầy mới nghĩ là chắc do nghiệp xấu trở, đây là bệnh nghiệp nên vị Thầy này mới sám hối. Trong lúc sám hối thì Thầy mới sực nhớ lại lúc xưa chưa đi tu, Thầy hay nuôi mấy con chim cho nó hót và có nhiều giống chim quý lắm. Lần đó có một con mèo bắt mấy con chim quý này ăn. Lúc này, vừa tiếc của mà vừa giận nên Thầy bắt con mèo đó và với tâm sân thì Thầy đập đầu con mèo xuống

nền nhà làm nó vỡ đầu chết. Mọi chuyện coi như là xong, và chuyện trôi qua cũng lâu nên mình nghĩ là không có gì đúng không đại chúng? Nhưng khi đi tu thì Thầy mới thấy đau đầu hoài, mà khám bác sĩ không hết. Sau khi sám hối thì tự nhiên Thầy mới nhớ lại cái tiền nghiệp lúc xưa đã đập đầu con mèo chết."

Ở bài giảng sau thì Thầy sẽ giảng bài SÁM HỐI. Có những cái bệnh lạ lắm. Có những bệnh ở thân do ăn uống, ngủ nghỉ của mình không đúng và có những bệnh ở tâm nữa. "*Bệnh Tâm*" là sao đại chúng? Mình buồn quá thì thân mệt mỏi, ảnh hưởng tim, thận, hay suy nghĩ chuyện gì nhiều thì bị đau bao tử. Đó là "*bệnh Tâm*". Nhưng có những bệnh là do nghiệp, ác nghiệp nào đó trở khiến mình bị đau đầu, đau lưng, suy nghĩ không tập trung được, nó khiến cho mình không được thông minh, gặp đủ thứ chuyện hết. Có những ác nghiệp trở làm chúng ta làm ăn lục đục, trầy trật hoài. Thầy nói ví dụ vậy, có thể tiền nghiệp của quý Phật tử là cản trở người khác làm ăn nên hiện tại sự nghiệp của mình không khá nổi, chuẩn bị làm gì đó thì lại đổ vỡ. Quý Phật tử sẽ thấy có trường hợp người đó được cái gì đó nhưng mà phải đến lúc cuối, hết đường lui rồi thì mới được. Nghĩa là tưởng họ sẽ không làm được nhưng phải trầy trật đến lúc cuối cùng mới được. Chuyện này cũng liên quan đến vấn đề chậm trễ khi ta làm các thiện pháp nha đại chúng. Cũng là làm thiện, nhưng có người đợi đến phút cuối

mới làm, dù khả năng có thể làm sớm được. Vậy người này sẽ có quả lành, nhưng phải đến phút cuối cùng mới trở được. Ngược lại, với những người vừa thấy có thiện pháp mà đã phát tâm, nhanh nhẹn làm thì quả lành có cơ hội là trở rất nhanh chóng.

***\*Vị đệ tử đầu tiên và vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật:***

Quý Phật tử có nhớ người đệ tử đầu tiên của Đức Phật là ai không? Đó là Ngài Kiều Trần Như (*Kondañña*) và người đệ tử cuối cùng là Ngài Tu-Bạt-Đà-La (*Subhadda*). Tại sao lại có vị đệ tử đầu tiên và vị đệ tử cuối cùng? Là do trong tiền kiếp, hai vị này là hai anh em có trồng chung một ruộng lúa. Người anh thường dâng cúng vật thực đến Đức Phật Độc Giác, có lúa non sẽ cúng theo kiểu lúa non, lúa lớn hơn thì xay thành sữa, cứ lúa lớn bao nhiêu cũng xay ra sữa và dâng cúng đến Đức Phật Độc Giác bấy nhiêu. Còn người em là tiền thân của Ngài Tu-Bạt-Đà-La luôn đợi đến cuối cùng khi thu hoạch xong ruộng lúa mới cúng dường. Nên bây giờ Ngài là người đệ tử cuối cùng, còn người anh là tiền thân của Ngài Kiều-Trần-Như – vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Nghĩa là làm thiện nhanh hay chậm cũng đều có phước nhưng thời gian quả trở sẽ khác nhau. Cho nên đại chúng làm cái gì cũng chậm chạp thì sau này phần trí tuệ, tư duy của mình nó chậm chạp lắm.

Cho nên Thầy khuyến khích quý Phật tử, về cá nhân thì Thầy không nói, đó là chuyện riêng, tự ý thức của mỗi người. Còn việc gì liên quan đến hội chúng, số đông và đặc biệt nếu mình có ảnh hưởng đến hội chúng đó, thì quý Phật tử phải luôn luôn có mặt sớm, đừng đến trễ. Ở đây có vị nào từng có duyên đi giảng với Thầy thì biết dù chỗ xa hay chỗ gần thì Thầy đều đến sớm, thà đi sớm rồi dừng chỗ nào đó nghỉ ngơi chứ không nên đi trễ vì cả hội chúng sẽ ngồi chờ một mình Thầy, việc đến sớm là Thầy tôn trọng hội chúng. Vậy nên Thầy khuyến khích quý Phật tử có những việc mà sắp xếp được thì nên làm sớm để phước lành trở nhanh, sau này mình nhanh nhẹn, thông minh và có nhiều điều thuận duyên nữa.

Vậy ở đây tiền nghiệp của Đức Phật là Ngài đã từng hoan hỷ với việc đánh cá, có chỗ thì nói Ngài đập vào đầu con cá ba cái cho nên kiếp hiện tại Ngài bị đau đầu.

### **11. Đức Phật độ cơm gạo đỏ (*Yavakhādana*)**

Nói đến đây đại chúng mới thấy thương Đức Phật, quý Phật tử thấy Đức Thế Tôn và chư Tăng phước đức như vậy, cả chư Thiên còn xuống cúng dường vật thực, vậy mà có ba tháng Đức Phật và Tăng đoàn phải ăn thức ăn của ngựa ăn.

Một thuở nọ, Đức Phật Gotama cùng nhóm 500 Tỳ-kheo Tăng ngự đến xứ Verañjā. Ông Bà-la-

môn Verañja sau khi nghe Đức Phật thuyết Pháp đã chứng đắc quả Thánh Nhập Lưu. Ông Bà-la-môn thỉnh cầu Đức Phật cùng chư Tỳ-kheo an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa tại xứ Verañjā này. Có hai sự kiện xảy ra lúc này đó là: Ma Vương (Māra) làm dân chúng trong xứ Verañjā và ông Bà-la-môn mê muội và quên việc cúng dường hộ độ Đức Phật cùng Tăng chúng trong 3 tháng hạ. Sự kiện thứ hai là đồng thời khi ấy cả xứ Verañjā gặp phải hạn hán mất mùa, nạn đói phát sinh làm dân chúng chết rất đông. Vì vậy khi Đức Phật và Tăng đoàn đi khát thực thì không có một ai đặt bát cúng cả.

Trong khoảng thời gian này, có một đoàn người lái buôn từ xứ khác cùng với 500 cỗ xe ngựa đến xứ Verañjā trú lại. Khi họ nhìn thấy chư Tỳ-kheo đi khát thực nhưng không được gì, họ khởi sanh thiện tâm làm phước thiện bố thí cúng dường phần lúa đem theo làm vật thực cho ngựa, giã ra thành gạo đỏ nấu cơm. Chư Thiên bỏ thêm vào hương vị Trời, rồi cúng dường đặt bát đến Đức Phật cùng Tăng đoàn.

Như vậy, Đức Phật cùng Tăng đoàn đã ăn cơm gạo đỏ suốt 3 tháng trong mùa an cư nhập hạ năm ấy. Khi ra hạ, Ma Vương không làm dân chúng xứ *Verañjā* mê muội nữa. Lúc này ông Bà-la-môn mới nhớ lại trước đây 3 tháng có thỉnh mời Đức Phật cùng chư Tăng an cư nhập hạ tại xứ này mà ông đã quên hẳn.

Dĩ nhiên đây một phần là nghiệp của Đức Phật, một phần là do tác động hiện tại của Ma Vương phá Phật nữa nha. Mọi người nhớ giùm Thầy chỗ này, hôm trước Thầy có nói về Ma Vương, khi mình làm phước gặp chuyện trục trặc, đổ vỡ mà nói là Ma Vương phá là không có chuyện đó nha. Ma Vương không phá mấy chuyện lật vật đâu. Vị này rất có phước và thích mình có phước nữa nên không phải cản trở mình đâu. Nghĩa là khi chúng ta hành thiện Pháp mà không liên quan đến việc đắc đạo là Ma Vương không có phá. Vị này chỉ phá những người tu sắp đắc đạo hay đã đắc đạo rồi mà thôi, còn mình tu kiểu “*Tu lai rai Như Lai cũng độ, tu tà tà Di Đà cũng rước*” thì Ma Vương không thèm dòm ngó tới mình. Nếu được Ma Vương dòm tới nghĩa là mình sắp chứng Thánh rồi đó.

Ma Vương (*Māra*) là chủ quản cõi Trời thứ sáu – Tha Hóa Tự Tại Thiên (*Paranimmitavasavātī*). Có rất nhiều lần Ma Vương đến phá Đức Phật. Trước khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ đề, Ma Vương đã đến quấy phá nhằm chiếm ngôi Bồ đoàn quý báu, cản trở Ngài thành đạo. Sau đó Ma Vương đánh thua và hoảng sợ bỏ chạy về cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên mà bỏ quên cây đàn ngay trước cội Bồ đề. Có những lần không phá được Đức Phật nên vị này tìm cách phá Tăng chúng, hóa thành con bò hất tung mấy cái bát của quý Thầy đi khất thực.

Nói tóm lại Ma Vương chỉ phá những vị đắc đạo, còn chúng ta thì làm phước “tên tên”, phước Nhân Thiên thôi. Cho dù quý Phật tử có phước được làm vua hay vua các cõi Trời mà không liên quan đến chuyện giải thoát giác ngộ thì Ma Vương không quấy phá. Cho nên lâu lâu mình đi làm phước, làm mấy việc lật vật thì đừng đổ thừa là *Ma Vương cản trở*. Ở đây, Đức Phật và Tăng đoàn ăn cơm gạo đỏ một phần hiện tại là bị Ma Vương làm cho tâm ông Verañja quên việc cúng dường vật thực và một phần là do tiền nghiệp quá khứ của Đức Phật trở quả.

Trong tiền kiếp, Đức Phật đã xúc phạm Chư Tỷ-kheo thời quá khứ: “*Các Sa-môn đầu trọc này hãy dùng cơm gạo đỏ, đừng dùng cơm gạo sālī...*”. Vì vậy ở kiếp hiện tại, nghiệp ác cũ ấy cho quả không những một mình Đức Phật phải độ gạo đỏ suốt 3 tháng, mà nhóm 500 Tỷ-kheo Tăng đệ tử của Ngài cũng bị ảnh hưởng quả của nghiệp ác ấy.

Vì vậy nếu giận người nào đó quá thì cũng đừng chửi người ta, nhiều khi mình giận rồi chửi: “*đồ chó, ngu như bò, ăn ngủ như heo, lì như trâu...*”. Khi học về những kiếp nạn của Đức Phật thì phải tự sợ nha, mà quý Phật tử không sợ nữa là mức độ lì của mình *có đẳng cấp* lắm rồi đó! Ngay cả Đức Phật với biết bao công đức và hạnh lành từ vô thi kiếp quá khứ mà Ngài còn phải trả nghiệp hưởng chi là phạm phu chúng ta.

Cho nên khéo một chút, cuộc đời của mình sống đâu có bao lâu, một kiếp người chỉ có 70, 80 năm thôi. Thầy nói vậy là khuyên mãi lắm rồi chứ chưa chắc mình sống đến tuổi đó. Đôi lúc chúng ta thấy người ta làm chuyện gì đó là bắt đầu cái khẩu của mình nhảy vô chửi, nói xấu, đổ ky, xiên xỏ người ta... làm vậy thì có ích lợi gì? Chỉ cần mình khởi một tâm bất thiện, nói người đó một câu khó nghe hay dù người đó chưa nghe, thì mình cũng đã tạo nhân bất thiện, tạo thành khẩu nghiệp rồi. Trước khi nói lời bất thiện tạo thành khẩu nghiệp thì mình đã có ý nghiệp bất thiện rồi. Quý Phật tử thấy không, chỉ mỗi mình lãnh đủ hết thôi. Lời nói của mình mà làm người khác khổ, nhất là người có đạo đức, một vị càng đức độ bao nhiêu thì quả khổ của ác nghiệp đến với mình càng lớn. Điều thứ hai là nếu người đó đang làm việc thiện, đại chúng nói ác khẩu rồi ảnh hưởng đến việc thiện của người đó, rồi người ta dừng làm thiện luôn là nghiệp nặng lắm!

Trong các buổi học từ đầu Khóa đến giờ, đại chúng thấy rất nhiều những ác nghiệp cũng như thiện nghiệp liên quan đến "*Khẩu*" đúng không? Trong khi chúng ta có thể dùng lời nói để tạo nhiều thiện nghiệp. Đặc biệt là ở bài PHẬT TƯỚNG, quý Phật tử thấy Đức Phật được rất nhiều tướng tốt và quả lành nhờ vào thiện nghiệp từ lời nói.

Ở một bài giảng trước đây Thầy có kể, từ lúc Thầy đi tu đến hiện tại là hơn 20 năm, có một lần Thầy

nói từ “*mày - tao*”, lần đó là Thầy giận người em nên mới nói “*Sao mày ngu quá vậy?*”. Thầy nhớ Thầy mắng đũa em vào một buổi chiều, chỉ hôm đó là một lần duy nhất. Trong các bài Pháp thoại, khi giảng đến câu chuyện mà người ta có dùng chữ này là Thầy sẽ mượn từ khác để thay thế, vì cảm giác từ này “*thô*” nên Thầy không nói. Chính từ “*mày - tao*” mình còn không nên nói huống chi là những lời nói cay nghiệt dành cho người khác đúng không quý Phật tử?

Đại chúng thấy đôi lúc chúng ta đại đến cỡ này, thiện nghiệp thì của người ta mà mình nhảy vô nói gì đó rồi tạo thành điều bất thiện của mình. Bây giờ chúng ta phải khéo làm sao đó, khi thấy người khác làm thiện thì mình cũng làm sao để tạo thành thiện nghiệp cho mình luôn. Và thấy người đó cho dù làm điều bất thiện nhưng mình cũng làm gì đó để tạo thành thiện nghiệp của mình. Thầy nói ví dụ, khi thấy một người đang trả quả như mù, câm, điếc, tàn tật... đây là nghiệp ác mà người đó đang trả quả. Nếu mình thương họ và mong cho họ thoát được cái khổ đau, mong cho họ sớm qua được những bệnh tật thì đó là chúng ta đang sống bằng “*tâm Bi*”, nghĩa là quả khổ của người khác nhưng đối với mình là tâm thiện, tâm bi. Hoặc chúng ta thấy người đó như vậy thì mình mong cho thân tâm người đó được an lạc là quý Phật tử đang sống với “*tâm Từ*”. Người ta khổ do quả của

ác nghiệp nhưng mình tạo thành tâm thiện, và thiện nghiệp cho mình.

Vậy tại sao khi thấy người khác giàu có, làm thiện pháp mà chúng ta lại tạo thành cái tâm đồ kỵ, “*giàu nhìn cái mặt thấy ghét*”? Khi đã hiểu Phật Pháp rồi mình phải đặt câu hỏi, “*Đâu phải tự nhiên mà người đó giàu*”. Một người hiểu đạo thì không bao giờ đồ kỵ, người đó giàu là do họ có phước, có cố gắng làm ăn, còn mình nghèo, làm đầu tắt mặt tối mà không giàu nổi là do thiếu phước nên mình phải lo tạo phước.

Đức Phật có nói trong một bài Kinh, câu này Thầy thích lắm: “*Trên thế gian này không ai là không bị chê*”, đúng là không ai là không bị chê hết, không chê bằng cách này cũng chê bằng cách khác. Đẹp thì bị ghét, nghèo thì bị khinh, thông minh bị đồ kỵ... vậy giờ mình phải sống làm sao? Học câu này thì thấy Đức Phật cũng bị chê, bị nói xấu đủ thứ chuyện hưởng chi là mình. Quan trọng là con đường thiện nghiệp, quý Phật tử lo tranh thủ tu tập và tạo phước. Thân mạng của chúng ta mong manh lắm, mình phải tận dụng thời gian còn lại để tu học và tạo phước để tiếp tục tái sanh cảnh giới lành, cao hơn nữa là tu tập đắc đạo, đắc quả. Hiện tại ở cõi nhân loại này trong thời kỳ chưa là Mạt Pháp nhưng rồi giáo Pháp sẽ biến mất từ từ. Trong khi trên một số cõi Trời bây giờ còn là “*bình minh của*

*Chánh Pháp*", còn cõi mình là bắt đầu "*hoàng hôn*" rồi. Đại chúng ráng tu tập, tạo phước để sanh lên cõi Trời, trên ấy có Phật Pháp, có các vị Thánh nhân để chúng ta học đạo tiếp. Hoặc ít nhất là quay lại cõi Người với một thân thể, một điều kiện sống, một tâm lý như thế nào để được gặp Phật Pháp và Thầy lành bạn tốt. Ở đây quý Phật tử thấy tiền thân của Đức Phật đã xúc phạm chư Tỳ-kheo nên biết bao nhiêu kiếp bị đọa xuống cõi xấu, khi Ngài đã đắc đạo mà vẫn phải trả quả của ác nghiệp là ăn thức ăn của ngựa suốt ba tháng.

Cuộc đời này có nhiều người làm hoài mà vẫn không được một bữa cơm ngon cho đến cuối đời. Họ khổ khủng khiếp vậy đó quý Phật tử. Nhân đây Thầy kể sơ qua câu chuyện này, vào thời Đức Phật có một vị Tỳ-kheo tên *Losakatissa*. Khi Ngài vẫn còn trong bụng mẹ thì nguyên làng của Ngài bị lửa cháy, bị nước trôi, bị Vua quan phạt, bị đủ thứ chuyện xui rủi. Những người có kinh nghiệm trong làng nghĩ thế nào cũng có nhân vật nào đó xui xẻo lắm mới xuất hiện. Khi đó Ngài được sinh ra người ta mới chia làng ra làm hai, thì một bên thì phát triển bình thường, bên kia thì tiếp tục gặp những chuyện xui rủi. Họ mới tiếp tục chia tiếp, chia tiếp thì còn hai gia đình là gia đình của Ngài với gia đình gần đó. Sau đó dân làng thấy một nhà thì bình thường, còn nhà của Ngài thì đủ thứ chuyện xui. Khi biết như vậy thì người cha bỏ hai mẹ

con đi và dân chúng thì đuổi hai người ra khỏi làng. Họ cho Ngài là “người xúi quẩy” (*kālakarṇṇī*). Người mẹ ráng nuôi Ngài lớn chút xíu, cầm bát đi ăn xin được thì mẹ cũng bỏ Ngài luôn.

Ngài Losakatissa lang thang vất vưởng như vậy, không ăn được bữa cơm no. Ngày hôm đó Ngài gặp Thầy Xá-Lợi-Phất thì được Thầy đồng ý cho xuất gia. Kể đến đây quý Phật tử mới thấy quả của ác nghiệp kinh khủng đến cỡ nào. Từ ngày xuất gia, Ngài Losakatissa hằng ngày đồ vật thực không đủ no, khi Ngài đi khát thực ví dụ Tăng đoàn có 10 người, Ngài đi thứ năm thì thí chủ cúng đến người thứ tư xong thì đến người thứ sáu mà bỏ sót Ngài, hoặc khi đến lượt Ngài nhận vật thực thì chỉ còn chút đỉnh. Một là Ngài nhịn đói, hai là không có được ăn một bữa cơm đầy đủ no, mà quý Phật tử biết cả một đời Ngài cứ như vậy. Ngài không bao giờ ăn một bữa ăn đầy đủ dù là người xuất gia và Ngài đã chứng được Thánh quả A-La-Hán. Một bậc Thánh đó mà vẫn không có một bữa ăn đầy đủ nên thân thể của Ngài ngày một gầy yếu.

Đến cuối đời, Thầy Xá-Lợi-Phất biết đệ tử của mình sắp nhập Niết Bàn mà Ngài Losakatissa đi khát thực cũng không có đồ ăn. Thầy Xá-Lợi-Phất mới đi khát thực, khi khát thực xong thì nhờ một người đem về, điều lạ là người đem về quên hẳn, không còn nhớ phải đưa cho vị nào, thế là Ngài Losakatissa cũng không nhận được vật thực. Khi biết chuyện Ngài

Losakatissa vẫn chưa có vật thực, nhận thấy vẫn còn thời gian cho phép để thọ trai nên sau đó Thầy Xá-Lợi-Phát đi thẳng đến cung điện của Đức vua Pasenadi, Đức vua cúng dường bơ lỏng, mật ong, dầu mè, đường đến Thầy Xá-Lợi-Phát. Sau khi nhận vật thực thì Thầy trở về Tinh xá và nói Ngài Losakatissa ăn trực tiếp vật thực trong bát mà Thầy Xá-Lợi-Phát đang cầm, vì nếu buông bát ra thì không còn thứ gì để Ngài Losakatissa dùng được. Ngay ngày hôm ấy, Ngài Trưởng lão Losakatissa tịch diệt Niết Bàn và cũng là ngày duy nhất trong cuộc đời Ngài được ăn một bữa ăn đầy đủ.

Tiền kiếp của Ngài Losakatissa là một vị Sư trụ trì ngôi chùa. Một hôm có vị khách Tăng là bậc Thánh A-La-Hán khát thực trước nhà một vị thí chủ. Vị này hoan hỷ cúng dường lên vị khách Tăng nên vị trụ trì đồ kỵ. Sau khi mời vị khách Tăng về chùa nghỉ ngơi thì Sư trụ trì đối xử lạnh nhạt. Có một lần người thí chủ muốn cúng dường vật thực đến vị khách Tăng là bậc Thánh A-La-Hán và nhờ Sư trụ trì đem về chùa giùm. Vị Sư này đem tâm đồ kỵ đem đồ thức ăn vào đồng lửa. Sau khi chết, ác nghiệp ấy cho quả tái sinh nhiều kiếp ở Địa Ngục, có những kiếp làm Nga Quỷ đói. Có một lần Nga Quỷ đói ăn được một bào thai của người nạo phá thai, thì đây là bữa ăn gọi là no đủ nhất. Kiếp kế tiếp thì Ngài tái sanh làm chó, cũng 500 kiếp làm chó mà là con chó đói.

Chó có nhiều loại chó, có những con chó được chủ cưng chiều, ăn thức ăn ngon hơn cả người ăn nữa, và có những con chó đói. Tiền thân của Ngài là con chó đói, có một lần ăn được bữa no do mấy ông say xin nôn ra. Đại chúng thấy khủng khiếp không? Ở kiếp cuối cùng, Ngài Losakatissa xuất gia và chứng Thánh quả mà cả đời không được bữa cơm đàng hoàng.

Khi nghe đến đây đại chúng phải biết trân trọng. Chúng ta cố gắng bố thí, làm phước cho người gặp khó khăn trong khả năng của mình nha, cái của ăn nó cũng hết nhưng cái của cho thì còn. Dĩ nhiên trong điều kiện quý Phật tử giúp ai được cứ giúp trong khả năng của mình. Hôm nào Thầy sẽ giảng bài MUỖI CÁCH TẠO PHƯỚC, ngoài việc giúp về tài vật, về thức ăn thì còn nhiều cách để mình sinh phước.

## **12. Đức Phật bị đau lưng (*piṭṭhidukkha*)**

Một quả của ác nghiệp ở tiền kiếp mà Đức Phật phải trả là Ngài bị đau lưng. Bệnh đau lưng này kéo dài với Ngài một thời gian lâu rồi. Lớp học mình có ai hay bị đau lưng không? Khoan đồ lỗi do nghiệp nha đại chúng, bao giờ cũng phải xét do tư thế ngồi của mình như thế nào, do tập thể dục, cách ăn uống ngủ nghỉ... nếu mọi thứ đều tốt hết nhưng vẫn đau lưng thì lúc này chúng ta mới nghĩ đến nghiệp.

Ở đây, Đức Phật hay bị đau lưng, nhất là lúc Ngài về già. Khi kể về Đức Phật quý Phật tử nghe thương lắm, có những lúc đang thuyết Pháp mà Ngài đau lưng nên nhờ Thầy A-nan thị giả trải tấm y ở một bên cho Ngài nằm nghỉ, rồi dạy Thầy Xá-Lợi-Phất, Thầy Mục-Kiền-Liên hoặc Thầy Đại-Ca-Điếp thuyết Pháp thay Ngài. Có chi tiết cảm động thế này: Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật đi bộ về *Kusinārā*, đoạn đường chỉ còn 6 đến 7 cây số mà Đức Phật ngồi nghỉ đến 25 lần. Ngài đã hứa khả với Ma Vương sẽ nhập Niết Bàn cách đây 3 tháng. Trên đường đi đến *Kusinārā* thì Ngài tùy duyên hóa độ. Nơi Đức Phật chọn để tịch diệt Niết Bàn không phải là kinh thành hay phố thị phồn hoa, nơi mà có các vị đệ tử cư sĩ là Vua, quan, đại gia đã hộ độ Ngài mà Thế Tôn chọn khu rừng *Sāla* xứ *Kusinārā* xa xôi, hẻo lánh, đường xá khó đi. Có ba lý do Ngài chọn *Kusinārā* là nơi Ngài tịch diệt Niết Bàn:

1/ Đức Phật có cơ hội thuyết bài Kinh *Mahāḍassanasutta* (Kinh Thiền Kiến). Trước đây *Kusinārā* là kinh đô phồn hoa, tráng lệ, Thế Tôn thuyết về vô thường để khuyến khích dân chúng có đức tin trong sạch nơi Tam bảo và cố gắng hành thiện pháp.

2/ Đạo sĩ *Subhadda* là vị đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn đang trú tại *Kusinārā*. Đây là hạng đệ tử

mà chỉ có Ngài tế độ được, ngoài ra không có vị Thánh Thanh Văn đệ tử có khả năng tế độ vị đạo sĩ này.

3/ Chỉ có ông Bà-la-môn *Doṇa* đang ở *Kusinārā* mới có khả năng đứng ra làm trung gian phân chia Xá Lợi cho các nước lớn mà không gây ra tranh chấp, chiến tranh.

Thầy đọc đến đây mà Thầy khóc luôn đó quý Phật tử. Quãng đường chỉ gần 7 cây số mà Ngài nghỉ đến 25 lần, lúc này cơ thể của Đức Thế Tôn đã mệt mỏi, yếu ớt đến cỡ nào rồi. Thứ nhất là Ngài bị bệnh đau lưng, rồi cuối đời bị bệnh đại tiện ra máu (*kiết lỵ*) nữa. Trên đường đi đến *Kusinārā* thì Ngài bị khát nước. Hai bệnh này lát nữa Thầy sẽ giảng chi tiết hơn ở phần sau. Trước đó 3 tháng Đức Phật còn bị một cơn bạo bệnh, như mình nói hiện nay là bị đột quỵ đó đại chúng. Dù vậy nhưng Ngài vẫn dùng thần lực chú nguyện để tạm ổn trong 3 tháng đó để nhập Niết Bàn tại *Kusinārā*. Khi học những chi tiết này chúng ta mới thấy thương Thế Tôn vô cùng. Cho nên ở những bài giảng đầu tiên Thầy toàn giảng về Đức Phật để cho quý Phật tử hiểu về Phật, thương Phật, kính tin Phật.

Chỉ cần đại chúng tin Phật thôi là sau Khóa 1 này mình nghỉ cũng được rồi đó, đủ có phước rồi. Dĩ nhiên là Thầy muốn chúng ta hoàn thành hết nội dung của 4 Khóa, nhưng với Khóa 1 này mà đại chúng hiểu và thương Đức Phật là có phước lắm rồi. Sau này khi

phước trở nhớ quay lại coi lý do nào mà phước trở nha, biết đâu những giây phút mà chúng ta đang thương Phật, tin Phật rồi lạy Phật thì cái lạy nó cũng khác trước kia. Trước kia khi chưa hiểu, chưa tin và chưa thương Thế Tôn thì mọi người lạy cái nào là cầu cái đó, không xin thứ này cũng xin thứ khác. Còn bây giờ trong mỗi cái lạy của chúng ra là biết bao ý nghĩa, mình lạy xuống không xin Ngài bất cứ điều gì cả vì Ngài đã cho con rất nhiều rồi, Ngài đã cho chúng con giáo Pháp! Chỉ chừng đó thôi là vô số kiếp chúng con không thể trả hết ơn của Ngài rồi.

Bây giờ với tâm thân của Thế Tôn già như vậy mà vì Ngài thương một người đệ tử cuối cùng cần tế độ mà Ngài đi về một nơi xa, hẻo lánh. Trước khi tịch diệt Niết Bàn mà Ngài còn sắp xếp bao nhiêu việc làm lợi ích cho chúng sanh như vậy. Thầy đọc đến chỗ Đức Phật nghỉ 25 lần, giống như mình hình dung ra có một ông già làm thị giả cho một ông già, ông già đó là Thầy A-Nan đó quý Phật tử. Thầy A-Nan bằng tuổi với Đức Phật, Thầy sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm với Đức Phật. Có 7 người và vật đồng sinh với Ngài đó là:

1/ Thầy A-Nan (*Ānanda*).

2/ Công Chúa Da-Du-Đà-La (*Yasodharā*).

3/ Quan giữ ngựa Xa-Nặc (*Channa*).

4/ Vị quan đại thần *Kāludāyī*, vị quan này được vua Tịnh Phạn kêu đi thỉnh Đức Phật về cung nhưng sau đó đã đi tu luôn.

5/ Ngựa báu Kiên Trắc (*Kaṇḍaka*).

6/ Cây *Mahābodhirukkha* (cây Bồ Đề).

7/ Bốn hàm vàng, kho báu trong kinh thành *Kapilavatthu*.

Lúc này quý Phật tử thấy Thầy A-Nan cũng già như Đức Phật, Thầy cũng bệnh và ngồi nghỉ như vậy. Cho nên khi học xong bài này, đại chúng lay Phật với cái tâm hoàn toàn khác trước kia. *"Chúng con thương Thế Tôn đã hy sinh máu xương bao nhiêu kiếp, máu lệ của Ngài đã rơi xuống bao nhiêu, biết bao lần Ngài đã bố thí tứ chi và cả mạng sống để vì hạnh Ba-La-Mật đóng "con thuyền lớn" chở được chúng sanh. Thế Tôn đã tìm ra đạo lý không Thầy tự ngộ đó là Tứ Diệu Đế, là Bát Chánh Đạo rồi dạy lại cho chúng sanh đắc được quả Thánh để chấm dứt vòng luân hồi sanh tử."* Cái Ân đức này trả làm sao? Đức Phật đâu cần mình trả ơn gì, mình lay Ngài, dâng hoa trái cúng dường Ngài thì đó là phước của mình. Mình không cúng thì cũng không ai bắt buộc đúng không đại chúng? Tại sao Đức Phật dạy niệm nhớ đến Ngài, không phải giống như phàm phu mình nói: *"Anh rảnh hãy nhớ đến tôi"*. Ở đây Đức Phật biết bao nhiêu kiếp của Ngài với các công đức đã làm như vậy, mình nhớ

đến Ân đức của Ngài thì đó là phần phước của mình. Nói đến đây để quý Phật tử thương Phật, học xong ra lạy Phật 3 lạy mà cảm ơn Đức Phật đã tìm ra được con đường để dạy lại cho mình nha.

Thời quá khứ, tiền thân của Đức Phật Gotama sinh trong gia đình giàu sang, có vóc dáng lùn, nhưng sức mạnh phi thường. Thuở ấy, có một võ sĩ đô vật thân hình vạm vỡ chưa đấu thua ai bao giờ. Một hôm, võ sĩ này đến quê hương của Đức Bồ Tát, hấn ta tự đắc và kiêu ngạo cho mình là người vô địch. Đức Bồ Tát thấy vậy liền thách đấu với tên võ sĩ để hấn ta bớt thói huênh hoang tự đắc. Trong trận đấu ấy, tiền thân của Đức Phật là người thanh niên lùn nhưng có sức mạnh phi thường đã vồ đến ôm gọn thân hình vạm vỡ của tên võ sĩ, nhấc hông chân lên, đưa lên hư không, quay vòng tròn, rồi động vai mạnh xuống mặt đất làm hấn sụn cột xương sống, rồi Đức Bồ Tát để hấn nằm dài trên mặt đất, không còn cựa quậy được nữa. Sau đó Ngài hết lòng cứu chữa cho tên võ sĩ khỏi bệnh. Quả của ác nghiệp là mỗi kiếp được tái sinh làm người, nghiệp ác làm khổ võ sĩ đô vật ấy, nếu có cơ hội cho quả thì Ngài thường bị đau lưng, đau mình nhức mỏi.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát Siddhattha trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoàn toàn không còn khổ tâm do phiền não nữa, nhưng Ngài vẫn còn khổ thân tứ đại, thường mắc bệnh

đau lưng... Trong suốt cuộc đời hoằng Pháp của Ngài, đôi khi Đức Phật đang thuyết Pháp thì bệnh đau lưng phát sinh. Ngài truyền dạy Thầy Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) hoặc Thầy Mục-Kiền-Liên (*Mahāmoggallāna*) thay thế Ngài tiếp tục thuyết Pháp, còn Thế Tôn nằm nghỉ trên tám y để giảm bớt cơn đau lưng.

Khi đã thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, tuy Đức Phật không tạo nghiệp mới, không còn khổ tâm nữa nhưng nghiệp cũ nào còn dư sót vẫn cứ trở, đó là Nghiệp. Nói như vậy không phải để quý Phật tử có đau lưng thì đổ thừa là do nghiệp. Tập thể dục, ăn uống, ngủ nghỉ mọi cái đều tốt đẹp hết rồi mà vẫn đau lưng thì lúc đó hãy nghĩ đến việc lúc trước mình có làm ai đau không, mình có đập lưng cá hay con chó, con mèo đang bình thường vậy mà đập nó không. Nếu có những trường hợp như vậy thì này quả của ác nghiệp trở nên đại chúng lo đi sám hối.

### **13. Đức Phật bị bệnh đại tiện ra máu (*atisāra: bệnh kiết lỵ*)**

Sau khi trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vào năm 35 tuổi. Từ đó về sau, suốt 45 năm hoằng Pháp tế độ cho chúng sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Lúc Thế Tôn tròn 80 tuổi, đúng vào ngày Rằm tháng tư âm lịch, ngày cuối cùng Ngài tịch diệt Niết Bàn. Sau khi Ngài độ

món “nấm heo” (*sūkuramaddava*) - món cơm nấu bằng sữa bò tươi, sữa chua, bơ đặc, bơ lỏng. Đây là món ăn đặc biệt bổ dưỡng của ông cư sĩ Thuần Đà (*Cunda*) và có thêm mỹ vị chư Thiên để bồi bổ tăng thêm sức mạnh trong cơ thể của Đức Phật.

Trên đường đến khu rừng Kusinārā, Đức Phật bị lâm bệnh kiệt lực đi đại tiện ra máu, làm cho cơ thể mệt nhọc, lại thêm khát nước, Ngài phải ngừng lại nằm nghỉ ngơi một lúc, rồi mới tiếp tục ngự đến khu rừng Kusinārā. Đức Phật tịch diệt Niết Bàn vào canh chót đêm Rằm tháng tư (âm lịch).

Thầy nói thêm chỗ này, ông Cunda cúng dường Đức Phật món ăn rất bổ dưỡng, một số chỗ dịch đây là món cháo nấm, một số dịch là thịt heo rừng mà con heo rừng này nuôi rất đặc biệt. Món ăn lại được thêm mỹ vị chư Thiên nên đây là món ăn thượng vị rất bổ dưỡng. Sau khi Đức Phật độ bữa ăn đó xong thì phần còn dư Ngài mới dạy quý Thầy đồ đi và sau đó là Ngài đi đại tiện ra máu.

Đức Phật dạy Thầy A-Nan nói với đại chúng là:  
*“Hai lần vật thực cúng dường đến Như Lai có quả báu lớn bằng nhau. Quả báu hai lần này lớn hơn các lần cúng dường vật thực khác đến Như Lai: Lần thứ nhất là bát cháo sữa của Sujātā. Sau khi độ xong thì đêm hôm ấy Đức Bồ Tát trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Lần thứ hai là món ăn sūkuramaddava do*

*ông Cunda dâng cúng, sau đêm hôm ấy Như Lai tịch diệt Niết Bàn*”. Bởi vì Đức Phật lo là sau này sẽ có người cho rằng do ông Cunda cúng bữa ăn này nên Thế Tôn mới nhập Niết Bàn, vì vậy Ngài mới nói hai bữa ăn đều có phước lớn như nhau và hơn tất cả những lần cúng vật thực đến Ngài.

Chuyện Đức Phật bị bệnh rồi người ta nói do ông Cunda cúng bát cháo có độc, đây là một chi tiết để Thầy nói rõ chút. Sau này có đọc ở một số nguồn thì nói là do bát cháo có độc, thật ra đại chúng nhớ giùm Thầy là ông Cunda là người đệ tử cư sĩ chứng Sơ quả rồi, ông thương kính Phật lắm cho nên trong bát cháo đó không phải có độc. Và lý do vì sao Thế Tôn lại dặn quý Thầy bỏ phần cháo thừa đó đi? Món ăn này không hề có độc mà quý Phật tử nhớ giùm Thầy chi tiết này: hàng ngày riêng đồ ăn của Đức Phật, ngoài thức ăn của nhân loại cúng dường đến Ngài thì còn có chư Thiên dâng cúng thức ăn của họ gọi là “*mỹ vị chư Thiên*”. Với loại *Thiên vị* này chỉ có bậc Thánh và Đức Phật dùng mới tiêu hoá được, ngay cả người bình thường hoặc con voi to lớn ăn cũng không thể tiêu hóa được. Vì vậy lúc này Đức Phật đã già yếu nên khó thể tiêu nổi món cháo này và một phần là do quả của ác nghiệp kiếp quá khứ trở.

Tiền kiếp của Đức Phật sinh trong gia đình làm nghề thầy thuốc. Khi Đức Bồ Tát chữa bệnh cho con trai một phú hộ, người này đã trả tiền công hốt thuốc

---

không xứng đáng. Vì không hài lòng nên Đức Bồ Tát đã hốt thuốc xổ cho con trai phú hộ uống. Chính vì vậy, mỗi khi được tái sanh làm người, do nghiệp ác cho uống thuốc xổ ấy, nếu có cơ hội cho quả thì Đức Bồ Tát bị bệnh kiết lỵ, đi đại tiện ra máu. Và ở kiếp hiện tại trước khi nhập Niết Bàn, trên đường từ thành phố Pāvā đến khu rừng Kusinārā thì Đức Thế Tôn bị bệnh kiết lỵ rất nặng.

Khi Thầy giảng đến đây sẽ có người đặt câu hỏi vì sao Đức Phật cũng ăn thịt heo nữa? Chuyện ăn mặn - ăn chay bữa nào Thầy sẽ giảng ở một bài riêng. Thời Đức Phật đại chúng nhớ giùm Thầy là thí chủ cúng cái gì ăn cái nấy, ngay cả cúng thịt thì ăn thịt nhưng riêng về thịt thì Đức Phật dạy phải ăn *“Tam Tịnh Nhục”* và ăn mỗi ngày một buổi trước giờ Ngọ. *“Tam Tịnh Nhục”* là không nghe, không thấy và không nghĩ. *“Không thấy”* là như thế nào? Ví dụ hôm đó người ta cúng thịt gà thì vị Tỳ-kheo không thấy giết con gà. *Thứ hai là không nghe*. Lâu nay chúng ta nói *“không nghe”* nghĩa là không nghe tiếng con vật lúc mà bị giết đúng không? Nhưng ở đây thật ra là vị Tỳ-kheo không nghe tiếng con vật bị giết và không nghe bàn tán về vụ việc giết con vật đó để cúng dường cho mình. *“Không nghĩ”* nghĩa là vị Tỳ-kheo không có chút nghĩ ngờ gì về việc thí chủ giết con vật đó để cúng dường cho mình. Thí chủ cúng thịt thì vị Tỳ-kheo ăn thịt, nhưng là thịt Tam Tịnh Nhục và không

nhận 10 loại thịt sau: thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu.

Có một câu chuyện liên quan đến việc Đức Phật ra quy định không cho Tỳ-kheo ăn thịt người. Thời Đức Phật có cô đệ tử cư sĩ *Suppiyā* tu tập chứng Sơ quả. Cô là người săn sóc người bệnh rất chu đáo. Cô thường cúng dường cho chư Tăng thành tâm lắm. Một lần nọ, có một vị tỳ-kheo bị bệnh mà không còn vật thực để ăn nên với lòng tôn kính, cô *Suppiyā* đã cắt miếng thịt đùi của cô cúng dường lên cho vị Tỳ-kheo ấy ăn cho có sức khỏe. Mấy ngày sau, Đức Phật ghé thăm nhà hai vợ chồng nhưng cô *Suppiyā* không ra. Đức Phật hỏi thì mới biết chân của cô đang bị thương do vết mổ đùi của những ngày trước nên không thể ra đánh lễ Thế Tôn được. Và từ lần đó thì Ngài ra quy định cấm Tỳ-kheo ăn thịt người. Cho nên nói đến đây đại chúng cũng dừng ngạc nhiên khi nghe Đức Phật cũng ăn thịt. Thời Phật là thí chủ cúng gì ăn đó và phải đúng theo luật mà Đức Phật ban ra.

#### **14. Đức Phật bị khát nước**

Tiền thân của Đức Phật là người chăn bò. Khi dẫn đàn bò ra đồng ăn cỏ thì Ngài nhìn thấy bò mẹ đang uống nước đục, nên ngăn cấm không cho nó uống theo ý muốn. Ở đây là người chăn bò thương nên không cho bò mẹ uống nước, nhưng có một chút nhẫn tâm đó là Ngài cầm sợi dây giật cái mũi con bò ra.

Thầy ví dụ dễ hiểu, hành động đó giống như quý Phật tử đi đâu về mệt, có ai làm cho mình tô mì gói thơm ngon, khi vừa đưa lên miệng chuẩn bị ăn thì có người khác giật ngang tô mì và nói là "*thôi đừng ăn, lát nữa cho ăn phở*". Hành động đó là tốt chứ không phải là xấu, nhưng mà có chút gì đó hơi nhấn tâm. Tiền thân của Đức Phật là người chăn bò đã ngăn cản không cho bò mẹ uống nước dù nó đang bị khát nên kiếp hiện tại Ngài bị khát nước khi cơ thể mệt mỏi và đang bị bệnh kiết lỵ.

Do quả của nghiệp ác ấy, Đức Bồ Tát Siddhattha kiếp chót trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, trước khi Ngài tịch diệt Niết Bàn, trên đường từ thành phố Pāvā đến khu rừng Kusinārā, Đức Phật bị lâm bệnh kiết lỵ đi đại tiện ra máu, mệt nhọc và khát nước. Ngài truyền dạy Thầy A-nan đi lấy nước. Thầy A-nan mới đi đến con sông gần đó nhưng còn ít nước và vừa có 500 chiếc xe bò băng qua làm nước sông bị đục. Vì vậy Thầy A-nan không muốn lấy nước ấy dâng Đức Thế Tôn. Lúc này Thầy mới chứng Sơ quả Tu-Đà-Hoàn chứ chưa chứng Tứ quả A-La-Hán. Thầy thương kính Phật lắm, mà cái nghiệp cũ của Đức Phật đó quý Phật tử, nó khiến cho Thầy A-Nan không nhớ là với phước đức của Thế Tôn muốn uống nước chỗ nào thì cứ đến lấy múc là nước sẽ trong. Vậy là Thầy A-Nan không lấy nước ở dòng sông ấy mà đi tay không về. Khi trở về,

Đức Phật dạy Thầy A-nan cứ lấy nước ấy mang về cho Ngài. Thật phi thường, khi Thầy A-nan vừa lấy nước thì nước ở dòng sông đang đục liền trở nên trong xanh sạch sẽ. Sau đó, Thầy mới lấy nước ấy đem về dâng cho Đức Phật uống. Do quả của nghiệp ác cũ là ngăn cấm con bò mẹ đang uống nước trong tiền kiếp nên kiếp hiện tại, với sức khỏe suy kiệt nhưng Đức Phật vẫn bị khát nước trước khi Ngài đi đến Kusināra nhập Niết Bàn.

Đó là nghiệp mà Đức Phật phải trả trong kiếp cuối cùng của Ngài, nghĩa là có những kiếp Ngài phải trả quả dưới Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Hiện tại có những nghiệp còn sót lại một chút nên Ngài phải trả trong đời này. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, những nghiệp nào chưa có cơ hội trở quả thì sẽ không trở nữa. Cũng như các bậc Thánh A-La-Hán có rất nhiều ác nghiệp cũng như thiện nghiệp đã làm trong quá khứ. Ví dụ như vị này đắc A-La-Hán năm 30 tuổi, vị này sống đến năm 70 tuổi tức là trong 40 năm còn lại, có nghiệp nào đủ duyên thì nó trở. Và sau khi vị này 70 tuổi nhập Niết Bàn thì những nghiệp nào không trở coi như hết duyên để trở luôn, mình gọi là “*vô hiệu nghiệp*”. “*Vô hiệu nghiệp*” tức là nghiệp không còn tác dụng và cũng như là không còn trở được nữa.

Quý Phật tử sẽ đặt câu hỏi: “*Tại sao có những nghiệp không có cơ hội cho quả khi vị Thánh A-La-*

*Hán nhập Niết Bàn?* ”. Lý do là vì một vị Thánh A-La-Hán đã chắm dứt phiền não, thì không còn tái sinh trong ba cõi nên không còn cơ hội cho quả của nghiệp trở nữa.

Khi chúng ta còn hiện hữu với hình tướng nào đó trong cõi Dục, cõi Sắc hoặc cõi Vô Sắc, thì thiện nghiệp hay ác nghiệp nào đủ duyên sẽ cho quả. Kể từ khi một vị chứng Thánh quả A-La-Hán cho đến lúc nhập Niết Bàn, nghiệp nào có cơ hội thì trở quả trong khoảng thời gian vị ấy còn tại thế. Sau khi vị này nhập Niết Bàn thì các nghiệp còn dư sót chưa trở quả gọi là *“Vô hiệu nghiệp”*. Thầy hay nói quý Phật tử đây là *“cách xù nợ chính thống”* vậy đó. Cho nên mình lỡ xù thì xù cho tới luôn, khi tu đắc đạo và nhập Niết Bàn thì bao nhiêu thiện nghiệp hay ác nghiệp đều không trở quả được nữa.

Chúng ta học về các nạn của Đức Phật để mình biết sợ. Những điều gì mình đã nói, đã làm thì đâu có xong ngay lúc đó đâu. Thời gian thì chuyện đó cũng qua, một kiếp người rồi cũng hết. Nhưng khi nhắm mắt mình sẽ đi theo những thiện nghiệp và ác nghiệp của mình. Thầy rất mong đại chúng phải cẩn thận những điều này. Kiếp hiện tại này mình tạo rất nhiều thiện nghiệp để xóa mờ ác nghiệp, quý Phật tử cố gắng làm cho *“hồ nước công đức”* của mình nó lớn thật lớn để khi quả của ác nghiệp trở chẳng nữa cũng đỡ khổ đó. Tuy chúng ta còn luân hồi và đích đến cuối cùng

là tu tập chứng Thánh quả, nhưng từ bây giờ cho đến khi đắc Thánh quả đó, mình không biết sẽ phải trải qua bao nhiêu kiếp, mà nếu những kiếp đó thiếu phước là khổ lắm. Một người mà thiếu phước như là: có thân thể yếu ớt cũng khổ, bệnh tật cũng khổ, học hành mà thiếu trí tuệ cũng khổ, đời sống vật chất thiếu, nghèo khó cũng khổ, ... đủ thứ khổ hết. Cho nên nếu đại chúng có phước một chút, mặc dù là chưa đắc được Thánh quả thì trong vòng luân hồi, chúng ta có nhiều duyên lành để tiếp tục tạo những thiện nghiệp, cho đến khi đạt được ước nguyện cuối cùng là chứng được Thánh quả.

## SỞ HÀNH CỦA ĐỨC PHẬT



- 
- \* DẪN NHẬP
  - \* NĂM PHẬN SỰ THƯỜNG NHẬT CỦA ĐỨC PHẬT
  - \* HỌC CÁC SỞ HÀNH CỦA ĐỨC PHẬT TRONG BÀI KINH SỐ 91 – TRUNG BỘ KINH
- 

### I. DẪN NHẬP

Kính thưa quý Phật tử! Chúng ta tiếp tục học lớp Giáo lý cơ bản và bài học hôm nay với chủ đề **Sở Hành Của Đức Phật**. “*Sở hành của Đức Phật*” tức là đời sống hằng ngày của Ngài. Đức Phật đi, đứng, ngồi, nằm, ăn, nói, suy nghĩ, ... đại ý là thân - khẩu - ý thường nhật của Ngài ra sao. Qua bài Pháp này, đại chúng sẽ biết căn bản cuộc sống hằng ngày của Đức Phật - một con Người đức độ, từ bi, trí tuệ, một con Người với vô lượng công đức lành trong nhiều kiếp tu tập với tâm lành. Quý Phật tử học về Ngài và xem Ngài là tấm gương, là bài học, là hình ảnh mà chúng ta luôn hướng tới. Mình học để thấy được những điều cao đẹp nơi Đức Phật. Dù biết không làm được như Ngài nhưng những cách đi, đứng, nằm, ngồi, những cử động của Đức Phật sẽ là bài học cho bản thân mình

và hơn nữa là để chúng ta càng thêm tôn kính Đức Phật, có đức tin nơi Ngài hơn.

Bài giáo lý hôm nay Thầy chia làm hai phần chính. Phần thứ nhất nói về “*Năm phận sự thường nhật của Đức Phật - Buddhakicca*”. Tức là trong một ngày có 24 giờ thì Đức Phật làm gì trong khoảng thời gian đó. Hoạt động hằng ngày của Ngài chia làm năm giai đoạn: Buổi sáng; Buổi trưa; Canh đầu đêm; Canh giữa đêm; Canh cuối đêm.

Phần thứ hai Thầy trích trong **Kinh Trung Bộ, bài Kinh số 91** kể về ông Bà-la-môn già tên *Brahmayu* trú tại *Mithila* khi nghe danh tiếng của Đức Phật là “***Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn***”. Khi nghe những danh hiệu của Ngài tốt đẹp như vậy và ông còn nghe nói Ngài có 32 tướng tốt, cho nên ông Bà-la-môn già này mới cho vị đệ tử của mình là Bà-la-môn *Uttara* đi theo dõi Đức Phật, thử coi Đức Phật có đúng như tiếng đồn tốt đẹp và Ngài có 32 tướng tốt như vậy không. Quý Phật tử biết Bà-la-môn *Uttara* theo dõi Đức Phật 7 tháng thì ông chỉ thấy được có 30 tướng, có hai tướng ông không thấy cho nên ông mới nghi ngờ. Hai tướng mà ông *Uttara* không thể thấy, tướng thứ nhất đó là “*tướng mã âm tàng*”, vì tướng này được giấu kín trong người Đức Phật nên không ai thấy được. Tướng thứ hai là

“*tướng lưỡi rộng dài*”, vì cái lưỡi trong miệng Đức Phật nên ông đâu có thấy được. Đức Phật biết ông Uttara này là do Sư phụ phái đến để theo dõi nên Ngài đã dùng thần thông cho ông thấy được hai tướng được giấu kín đó để giải mối nghi trong lòng của ông. Sau đó ông Uttara mới về thưa lại với vị thầy của mình và vị thầy đó đến xin đánh lễ Đức Phật. Trong **bài Kinh số 91** này kể chi tiết về đời sống hằng ngày: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống của Đức Phật ra sao. Vậy hôm nay chúng ta sẽ học hai phần chính như vậy.

Trước khi vào bài Thầy sẽ kể cho quý Phật tử nghe không chỉ có ông Bà-la-môn Uttara theo dõi Đức Phật suốt 7 tháng mà còn có một vị nữa theo dõi Ngài đó là vua Ba-Tư-Nặc (*Pasenadi*) cai trị nước Kiền-tát-la (*Kosala*) rộng lớn, kinh đô là Xá-vê (*Savatthi*). Ông rất tôn kính Đức Thế Tôn. Trước khi quy y, ông đã cho người theo dõi trong suốt 7 năm để tìm hiểu về Ngài. Ông thắc mắc vì sao Đức Phật bằng tuổi ông, trước khi đi xuất gia Ngài cũng là Thái tử sắp lên ngôi vua nhưng Đức Phật lại được rất nhiều người cung kính như vậy. Sau khi theo dõi 7 năm, ông mới quy y nơi Đức Thế Tôn, ông nói: “*Kính bạch Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn là Thầy của con và con là đệ tử của Ngài, ở bên cạnh Ngài con thấy Ngài muốn an thì an, muốn yên thì yên, muốn thanh tịnh thì thanh tịnh. Còn con không được như vậy, con bất an, lo lắng và sợ hãi đủ thứ*”. Sau khi quy y nơi Đức Phật, có những ngày

ông đến thăm Phật 3 lần, có khi 5 lần và mỗi lần ông vào đánh lễ Đức Phật là ông hôn lên đôi chân của Ngài. Vua Ba-Tur-Nặc trong tương lai sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác.

Đầu tiên chúng ta học nội dung thứ nhất nói về “*Năm phận sự thường nhật của Đức Phật*”. Theo **Chú giải Tăng Chi Bộ Kinh** (*Anguttaranikāya Aṭṭhakathā, phần Ekakanipāta*) thì Đức Phật có năm phận sự như sau:

- Phận sự buổi sáng trước khi độ ngộ (*purebhattakicca*)
- Phận sự sau khi độ ngộ (*pacchābhattakicca*)
- Phận sự canh đầu đêm (*paṭhamayāma*)
- Phận sự canh giữa đêm (*majjhimayāma*)
- Phận sự canh cuối đêm (*pacchimayāma*)

## II. NĂM PHẬN SỰ THƯỜNG NHẬT CỦA ĐỨC PHẬT

### 1. Phận sự buổi sáng trước khi độ ngộ (*purebhattakicca*)

Thường ngày lúc còn tăng sáng sớm (trước 6 giờ), Đức Phật ngồi thiền quán chiếu nhân duyên, rải tâm từ đến chúng sanh. Ngài quán xét xem hôm nay ai là người có duyên với Ngài, nằm trong võng trí của

Ngài. Tức là bằng trí tuệ, Đức Phật biết là hôm nay có những người nếu Ngài không gặp thì người này sẽ chết và có thể đọa vào cõi xấu. Nhưng nếu Ngài gặp và nói Pháp cho người này nghe, một là họ chứng Thánh quả, hai là có thể không chứng Thánh quả nhưng nhờ duyên lành nghe Pháp này mà họ sẽ sanh vào cảnh giới an lành nào đó. Và có những người Đức Phật biết hôm nay, buổi sáng hay buổi trưa là hợp thời để Ngài tế độ họ.

Tùy ngày mà Đức Thế Tôn đến nhà một thí chủ nào đó. Ví dụ vị thí chủ thỉnh Ngài về nhà để họ đặt bát cúng dường trai Tăng. Có nhiều trường hợp Đức Phật đi một mình, có khi Ngài đi với Thầy thị giả Anan, và có lúc đi với Tăng đoàn 500 vị hay 1000 vị tùy vào lời thỉnh cầu của thí chủ. Nơi Đức Phật đi đến để thí chủ đặt bát cúng dường vật thực là không cố định. Vị thí chủ có khi thỉnh Ngài về tư gia, có khi Đức Vua ở xứ đó thỉnh Ngài vào cung điện, và có lúc vị thí chủ đi đến tận tinh xá để đặt bát cúng dường. Trong trường hợp nếu không có ai thỉnh cúng dường trai Tăng, Đức Phật - người mà các bậc vua chúa đều tôn sùng, kính nể và khấu đầu đánh lễ mỗi khi đến trước mặt, Ngài đi trì bình khát thực trên các nẻo đường, khi thì một mình, lúc thì với chúng Tăng. Ngài im lặng đứng trước cửa từng nhà, không thốt ra một lời. Ngài thọ lãnh vật thực với tâm trong sạch bố thí của thiện tín hoan hỷ rót vào bát, rồi trở về tinh xá.

Cho đến năm 80 tuổi, mặc dù đau ốm bất thường, Ngài vẫn đi trì bình trong thành Vesali.

Đó là phận sự buổi sáng của Đức Phật là tế độ những người hữu duyên. Thời Đức Phật, Tăng đoàn chỉ ăn mỗi ngày một bữa trưa, và ăn trước giờ ngọ (12 giờ). Vì vậy ai có duyên cúng dường vật thức đến Ngài và quý Thầy là phước duyên rất lớn. Thật ra tất cả đã nằm trong vòng trí của Ngài nên Ngài mới khát thực ở con đường này, trước căn nhà đó, ở cánh rừng đó,...Đức Phật đã dùng thiên nhãn để quan sát thế gian, xem có ai cần Ngài tế độ. Nếu thấy có người cần hỗ trợ tinh thần thì không đợi thỉnh cầu, Ngài tự ý đến để dẫn dắt người ấy vào chánh đạo. Đa phần là Đức Phật đi bộ, đôi khi ở vài trường hợp thì Ngài dùng thần thông bay trên không trung.

Sau khi nhận vật thực từ thí chủ, Đức Phật thọ thực và tụng Kinh chúc phúc, tùy hỷ với phước đức mà thí chủ dâng cúng. Có số dân chúng thỉnh Đức Phật thuyết Pháp, có số xin quy y Tam bảo, thọ trì Ngũ giới, có số xin phép được xuất gia...sau đó Đức Phật ngự trở về tinh xá.

## **2. Phận sự sau khi độ ngọ (*pacchābhattakicca*)**

Khi Đức Phật ngự trở về tinh xá, Ngài khuyên dạy chư Tỳ-kheo:

*“Này chư Tỳ kheo, các con hãy nên cố gắng hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh Đế, bằng pháp không để duôi, thực hành Tứ niệm xứ.*

*- Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó.*

*- Được sinh làm người là một điều khó.*

*- Có được cơ hội hành phạm hạnh cao thượng là một điều khó.*

*- Được xuất gia trở thành Tỳ kheo là một điều khó.*

*- Được nghe chánh Pháp là một điều khó”*

(Chú Giải Kinh Tăng Chi – Phần Ekakanipāta)

Đó là những điều khó có được. Do vậy, Đức Phật hằng ngày thường khuyên dạy chư Tỳ-kheo chớ nên để duôi, trân quý khoảng thời gian mà được gặp Phật Pháp, được làm thân người có đức tin, được nghe chánh Pháp, và được sống đời Sa-môn là những điều khó. Sau khi nghe bài Pháp ngắn, có một vài vị đến gần Ngài để xin đề mục hành thiền thích hợp. Sau đó, Đức Phật ngự vào cốc *Gandhakūṭi* (Hương thất), Ngài nằm nghiêng bên phải và định thần một lát. Còn các Tỳ-kheo mỗi vị ở một nơi để thực hành thiền Định, hoặc thực hành thiền Tuệ.

Có những Thầy nhận đề mục thiền xong thì đi về cốc riêng của mình. Có vị đi lên đồi, lên núi; có vị thì đi vào hang, vào rừng, ...để hành thiền. Và có

những vị sau khi thọ thực xong lên cung Trời nghỉ trưa, nghỉ xong chiều mát thì xuống. Đó là chuyện bình thường, các Thầy búng tay một cái là có thể lên trên cung Trời. Và có vị còn xuống Long cung nghỉ ngơi nữa. Hôm nào Thầy sẽ dạy bài chi tiết liên quan đến Ngài La-Hầu-La (*Rāhula*) về việc có kiếp Ngài đã xuống Long cung nghỉ trưa. Bây giờ Thầy chỉ kể sơ cho đại chúng nắm ý.

Trong tiền kiếp, Ngài La-Hầu-La có một người bạn, hai người chơi rất thân với nhau. Hai người bạn này có hai vị Sư phụ khác nhau. Sư phụ của Ngài La-Hầu-La trưa rảnh là xuống biển ngủ. Còn Sư phụ của người bạn cứ rảnh là lên cung Trời ngủ trưa. Cho nên sau đó hai vị Sư phụ về kể lại cho đệ tử của mình nghe. Thầy La-Hầu-La nghe xong thì thích Long cung cho nên có một kiếp Thầy La-Hầu-La là Long vương cai quản Long cung. Còn người bạn của Ngài sau đó tái sanh lên cung Trời.

Vào thời Đức Phật Thắng Liên Hoa (*Padumuttarā*), Đức Phật mới biết Thầy La-Hầu-La đang nghỉ ngơi ở dưới Long cung. Đức Phật mới đi với một vị xuống Long cung để thuyết Pháp. Vị này là con của Đức Phật khi Ngài chưa xuất gia thành đạo. Hôm đó Ngài không thuyết Pháp mà để cho người con thuyết. Khi nghe vị này thuyết Pháp hay quá, nhìn thấy tướng hảo quá nên tiền thân của Thầy La-Hầu-La mới hỏi đây là vị nào. Dân chúng dưới Long cung

mới nói vị này là con của Đức Phật Thắng Liên Hoa trước khi Ngài thành đạo. Và thế là Thầy La-Hầu-La cũng phát nguyện sau này sẽ làm “*con của một vị Phật Chánh Đẳng Giác*”. Kiếp phát nguyện đó là Thầy La-Hầu-La cùng với Sư phụ đang ở dưới Long cung ngủ trưa. Đối với các vị có thần thông thì những việc này là bình thường như bàn tay úp ra mở vào nhà quý Phật tử.

Thầy dạy tiếp về phận sự của Đức Phật sau khi độ ngộ. Vào buổi chiều, dân chúng đến tinh xá nghe Đức Phật thuyết Pháp. Do Phật nhãn, Ngài nhìn vào khuynh hướng tâm lý của từng người để thuyết Pháp khoảng một giờ. Vì vậy mỗi người nghe dù là tính tình khác nhau nhưng tất cả đều có cảm nghĩ đây là bài Pháp mà Đức Phật đang giảng cho riêng bản thân mình. Đó là phương pháp giảng dạy của Đức Phật. Đối với người có trí tuệ hạng trung bình, Ngài giảng về hạnh bố thí, giới luật và hạnh phúc ở các cảnh Trời. Đối với người tiến bộ hơn, Ngài đề cập đến những nguy hại của thú vui vật chất và hạnh phúc của sự buông xả, thoát ly. Và với các vị đạt đến trình độ cao, Ngài giảng về pháp Tứ Diệu Đế, Bát Thánh Đạo...

### **3. Phận sự canh đầu đêm (*paṭhamayāma*)**

Từ 18 giờ đến 22 giờ, ở canh đầu này Đức Phật dành riêng cho chúng xuất gia hỏi về những điều hoài nghi hay những điểm chưa hiểu trong giáo Pháp. Có

số Tỳ-kheo hỏi về Pháp và Luật, có một số vị xin thọ pháp hành thiền Định, pháp hành thiền Tuệ và lắng nghe Đức Phật thuyết giảng sau đó trở về chỗ ở của mình. Đại chúng lưu ý giùm Thầy là buổi chiều sau khi độ ngộ thì Đức Phật dành thời gian cho tứ chúng và ngoại đạo, còn canh đầu đêm này Ngài dành riêng cho các vị xuất gia.

#### **4. Phận sự canh giữa đêm (*majjhimayāma*)**

Từ 22 giờ đến 2 giờ sáng, vào khung giờ này Đức Phật cho phép chư Thiên, Phạm Thiên trong 10.000 thế giới đến hầu Ngài, đánh lễ xong đứng một nơi hợp lẽ, bạch hỏi Pháp. Đức Phật giảng giải những câu hỏi của chư Thiên, Phạm Thiên xong, hết canh giữa thì các vị này đánh lễ Đức Phật và trở về cảnh giới của mình.

Thường giờ này mình đang ngủ phải không? Đại chúng học những bài này mới thấy thương Đức Phật lắm. *“Kính lạy Đức Thế Tôn, con là một hạt cát, nhiều khi con chưa được phân nửa hạt cát nữa so với những gì Đức Thế Tôn đã làm, đã hy sinh bao nhiêu kiếp để tìm đạo cho chúng con”*. Càng học Phật Pháp là giống như lên núi càng cao để lấy châu báu vậy. Báu vật ở đây chính là Giáo Pháp, là những tinh túy mà Đức Phật đã để lại cho chúng ta. Trên đoạn đường leo núi để lấy báu vật đó, quý Phật tử sẽ rụng từ từ. Chúng ta rụng vì lý do này, lý do kia. Có khi *“tâm đạo”* của

mình đi được nửa đường thì bị bà hàng xóm hay nghe Pháp mà nói chuyện toàn đạo đức giả nên rưng “*tâm đạo*” luôn. Hôm nào mình vào chùa lễ Phật, rồi đừng chuyện cãi nhau với ông đó. Mình nghĩ đi chùa để tìm sự bình an mà thấy ông là không an, người gì đâu mà hằm hỏ. Vậy là mình thà bỏ chùa chứ nhất quyết không muốn gặp ông đó. Cuối cùng “*tâm đạo*” của mình bằng cái mặt của ông đó hay sao?

Thầy nói là tâm đạo của chúng ta dù sống chết thì cũng không bỏ. Mọi người hay gặp mấy chuyện lật vật, những chuyện đó chỉ là cái cành, cái nhánh thôi. Đừng vì những cành nhánh đó mà bỏ luôn con đường tu học và làm thiện pháp của mình. Thầy ví dụ hôm nào quý Phật tử bị bệnh nằm ngáp ngáp, rồi đọa xuống cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh với những ác nghiệp đã tạo ở quá khứ thì những người đó có xuống giúp mình không? Chính phước của chúng ta đã từng tạo mới có thể nâng đỡ mình đi lên được.

Trong Kinh nói thế này, Thầy xin tóm tắt lại: Đối với những người thường làm thiện pháp thì phước chờ đón người ấy như người đi xa có người thân chờ đón vậy. Còn với những người tạo ác nghiệp thì như đi ra ngoài mà có những người đứng chờ để hãm hại. Vì vậy Thầy nói đại chúng phải ráng thương bản thân mình, thương con đường tâm linh của mình mà cố gắng làm nhiều điều lành, cố gắng tu tập. Bây giờ quý Phật tử suy nghĩ thế này: “*Thôi kệ, bà hàng xóm*

*không ưa mình, kẻ thù không thương mình...nhưng mình phải thương bản thân. Chúng ta chịu trách nhiệm cho cuộc đời của chúng ta chứ không phải họ”.*

Vậy từ 22 giờ đến 2 giờ sáng là thời gian Đức Phật dành riêng cho chư Thiên, chư Phạm Thiên vấn đạo. Thừa quý thiện hữu, có một câu chuyện đặc biệt thể này. Thuở ấy, người dân nước Ma-kiệt-đà (*Magadha*) tại làng Am-bà-la (*Ambasanda*) thỉnh Đức Phật lên ngọn núi Tỳ-đà-son (*Vediya*). Quý Phật tử biết vì sao người dân làng thỉnh Đức Phật lên ngọn núi đó không? Lý do là vì trên núi *Vediya* này có một hang động rất đẹp, trước hang có một cây cổ thụ bóng mát, đầy đủ cảnh lá, sum suê bốn mùa. Hang động ấy tên là *Indasāla*. Trong khoảng thời gian Đức Phật ở đây thì cứ mỗi tối từ 22 giờ là chư Thiên xuống nghe Pháp. Mỗi lần chư Thiên xuống nghe Pháp là quý Phật tử đọc trong Kinh sẽ nghe đoạn thường được nhắc đi nhắc lại như sau: “*Lúc bảy giờ đêm đã khuya, một vị Trời có hào quang rực rỡ sáng rực cả vườn cây đến gần Đức Phật, cung kính đánh lễ và đứng lại một bên*”. Khi đọc đến đoạn này là đại chúng biết lúc đó là giờ chư Thiên xuống nghe Đức Phật thuyết Pháp. Có một chi tiết đặc biệt thể này: lúc chư Thiên xuống đông quá, với thần lực của các vị ấy thì ngọn núi *Vediya* sáng rực lên, sáng giống như bị lửa cháy. Người dân ở dưới làng nhìn lên thấy vậy nên tưởng là núi đang bị cháy nên kinh sợ. Thật ra trong hang động

trên núi ấy có Đức Phật đang thuyết Pháp và chư Thiên đang vân đạo.

Trong **Kinh Trường Bộ - Kinh Đế Thích Sở Vấn** nói thế này:

*“Một thời, Thế Tôn trú tại Magadha phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasanda trên ngọn núi Vediya phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasāla. Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka (Đế-thích) náo nức muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn.*

*Rồi Thiên chủ Sakka suy nghĩ: "Nay Thế Tôn ở tại chỗ nào, vị A La Hán, Chánh Đẳng Giác?" Thiên chủ Sakka thấy Thế Tôn trú tại Magadha... trong hang Indasāla. Thấy vậy, Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:*

*- Nay Quý Phật tử, Thế Tôn trú ngụ tại Magadha...trong hang núi Indasāla. Nay quý vị, chúng ta hãy đến chiêm ngưỡng Thế Tôn, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác.”*

*Rồi Thiên chủ Sakka, với chư Thiên ở Tam thập tam thiên tháp tùng xung quanh biến mất ở cõi Tam thập tam thiên, hiện ra ở Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Ambasanda và đứng trên núi Vediya, phía Bắc ngôi làng.*

*Lúc bấy giờ núi Vediya chói hào quang rực rỡ, ngôi làng Ambasanda cũng vậy, đều nhờ thần lực chư*

*Thiên. Và dân chúng ở những làng xung quanh nói rằng:*

*- Núi Vediya hôm nay thật sự bị cháy, núi Vediya hôm nay thật sự có lửa đỏ rực, núi Vediya lại chói hào quang rực rỡ, làng Bà-la-môn Ambasanda cũng vậy.*

*Và dân chúng lo âu, lông tóc dựng ngược..”*

Cũng trong **Kinh Trường Bộ**, bài **Kinh số 20: Kinh Đại Hội** (*Mahāsamaya Sutta*) có kể về một đại hội gọi là “*Đại Hội Chư Thiên*”. Trong đại hội này rất đặc biệt vì có chư Thiên ở mười phương thế giới tụ họp về:

*“Một thời, Thế Tôn trú tại bộ lạc Sakka (Thích-ca), thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm (Mahāvana), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.*

*Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhāvāsa) suy nghĩ như sau: “Thế Tôn nay trú tại bộ lạc Sakka, thành Kapilavatthu, ở Đại Lâm, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đến tại chỗ Thế Tôn*

*ở, khi đến xong mỗi chúng ta sẽ đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn".*

*Rồi chư Thiên ấy, nhanh như nhà lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co cánh tay duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Chư Thiên ấy đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị Thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:*

*“Đại hội tại Đại Lâm  
Chư Thiên đồng tụ tập.  
Chúng con đến Pháp hội  
Đảnh lễ chúng Bất Thắng.”*

*Rồi một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:*

*“Tại đây chúng Tỷ-kheo  
Thiền định, tâm chánh trực.  
Như chủ xe nắm cương,  
Bậc trí hộ các căn.”*

*Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:*

*“Như khóa gãy, chốt tháo,  
Cửa trụ bị đào lên.  
Sống thanh tịnh, có mắt  
Như voi khéo điều phục.”*

*Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:*

*“Những ai quy y Phật,  
Sẽ không đọa ác thú,  
Sau khi bỏ thân người,  
Sẽ sanh làm chư Thiên.”*

*Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:*

*- Nay các Tỷ-kheo, phần lớn chư Thiên mười phương thế giới tụ họp để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời quá khứ đã là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những vị này được một Thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh, như Ta hiện nay vậy. Nay các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời vị lai sẽ là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những vị này cũng sẽ được một Thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh, như Ta hiện nay vậy... ”*

Còn có một lần duy nhất trong cuộc đời hoằng pháp của Đức Phật, có một đại hội gọi là **Ngày Đại Hội Chư Thánh Tăng (Māgha Pūja)** vào ngày Rằm tháng Giêng. Thành phần tham dự gồm 1.250 vị Thánh A-la-hán lục thông đệ tử của Đức Phật tuy không hẹn trước mà cùng nhau về đánh lễ Ngài tại Trúc Lâm tịnh xá (*Veḷuvana*). Thầy cho quý Phật tử thêm một thông tin đó là cũng chính ngày này – Ngày Rằm tháng Giêng, Đức Phật hứa khả với Ma vương

(*Māra*) tại ngôi tháp *Cāpālacetiya* rằng ba tháng nữa Ngài sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Thầy xin nhắc lại là phận sự của Đức Phật vào canh giữa đêm tức là từ 22 giờ đến 2 giờ sáng là thời gian Ngài dành riêng cho Vua trời Đế Thích, chư Thiên Dục giới, chư Thiên Sắc giới và Phạm Thiên xuống nghe Pháp nơi Ngài. Với thần lực của các vị ấy tụ tập về ngọn núi *Vediya* làm cho cả ngọn núi sáng rực lên nên người dân làng *Ambasanda* tưởng là núi bị cháy.

### **5. Phận sự canh cuối đêm (*pacchimayāma*)**

Đức Phật phân chia canh cuối từ 2 giờ đến 6 giờ sáng làm ba thời, có chỗ chia làm bốn thời:

-Thời đầu từ 2 giờ đến 3 giờ là thời gian Đức Phật đi kinh hành.

-Thời giữa từ 3 giờ đến 4 giờ, Đức Phật ngự vào cốc *Gandhakuti* nghỉ ngơi, nằm nghiêng bên phải, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, định giờ tỉnh dậy.

-Thời cuối từ 4 giờ đến 5 giờ, Ngài nhập Đại Bi Định (*Mahākarunā-samapatti*), và rải tâm từ đến khắp mọi nơi.

-Sau đó, lúc trời tảng sáng sớm (trước 6 giờ), Ngài quan sát thế gian bằng Phật nhãn xem có chúng

sanh nào có duyên để tế độ, Ngài nên đi đến đâu, ở đoạn đường nào... dù ở gần hay ở xa.

Đại chúng đề ý giùm Thầy đó là Đức Phật chỉ nghỉ có hơn một tiếng một ngày. Quý Phật tử thấy thương Phật chưa? Mỗi ngày, mỗi đêm Đức Phật hành đầy đủ năm phạm sự rông rã suốt 45 năm cho đến phút giây cuối cùng tịch diệt Niết Bàn. Nơi Đức Phật chọn để tịch diệt Niết Bàn không phải là kinh thành hay phố thị phồn hoa mà Ngài chọn khu rừng *Sāla* xứ *Kusinārā* xa xôi, hẻo lánh, đường xá khó đi. Có ba lý do Đức Phật chọn *Kusinārā* là nơi Ngài tịch diệt Niết Bàn:

1/ Đức Phật có cơ hội thuyết bài Kinh *Mahādassanasutta*. Chúng sanh khi nghe bài Kinh này sẽ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo và cố gắng hành thiện pháp.

2/ Đạo sĩ *Subhadda* là vị đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn đang trú tại *Kusinārā*. Đây là hạng đệ tử mà chỉ có Ngài tế độ được, ngoài ra không có vị Thánh Thanh Văn đệ tử có khả năng tế độ vị đạo sĩ này.

3/ Chỉ có ông Bà-la-môn *Doṇa* đang ở *Kusinārā* mới có khả năng đứng ra làm trung gian phân chia Xá Lợi cho các nước lớn mà không gây ra tranh chấp, chiến tranh.

Quý Phật tử biết đoạn đường đến khu rừng *Sāla* xứ *Kusinārā* chỉ còn 6 đến 7 cây số mà Đức Phật ngồi nghỉ đến 25 lần. Đọc xong chi tiết cảm động này mà chúng ta càng thấy thương Ngài hơn. Vì vậy vào thời Đức Phật lại có nhiều chúng sanh đồng ý chết thay cho Đức Phật hoặc vì quá thương Ngài mà chết, đó là chuyện bình thường. Ví dụ như ngựa quý *Kien-Trắc* (*Kanthaka*) ra đời cùng ngày với Thái Tử Tất-Đạt-Đa. Sau khi chớ Thái Tử rời khỏi Kinh thành Ca-tỳ-la-vệ (*Kapilavatthu*) để Ngài đi xuất gia, ngựa *Kanthaka* cùng người giữ ngựa tên Xa-nặc (*Channa*) trở về hoàng cung. Vì quá nhớ thương Thái Tử mà ngựa bể tim chết.

Vào mùa hạ thứ 10, hai nhóm Tỳ-kheo xứ *Kosambi* cãi cọ nhau, Đức Phật khuyên giải nhưng họ không chịu nghe lời, nên Ngài ngự vào khu rừng *Pālileyyaka* an cư nhập hạ một mình, suốt 3 tháng mùa mưa. Tại đây Ngài được một con voi chúa *Pālileyyaka* cùng với một con khỉ đến chăm sóc, hộ độ Ngài. Một lần đó khi thấy Đức Phật đang dùng mật ong do mình dâng cúng, chú khỉ lòng đầy hoan hỷ và vui sướng nên nhảy chuyền từ cành cây này sang cành cây kia và rớt té chết. Với lòng tịnh tín và hoan hỷ trước khi chết, chú khỉ tái sanh lên cõi Trời 33 (*Tāvātimsa*) làm một vị Thiên khỉ (*Makkata deva*). Còn chú voi *Pālileyyaka* hết lòng hộ độ, chăm sóc, cúng dường Đức Phật suốt ba tháng an cư. Về sau, lúc

Thầy A-nan đi cùng với 500 vị Tỳ-kheo để thỉnh Đức Phật trở về *Sāvatthi*. Lúc Đức Thế Tôn ra về, Ngài đã nói với voi *Pālīyeyaka* thế này: *“Này Pālīyeyaka! Ở bên kia vùng này không phải là nơi đi lại, sinh sống của con, đó là chỗ trú ngụ của loài người nên sẽ nguy hiểm cho con. Con nên ở lại!”* Con voi sầu muộn nhìn về hướng Đức Phật đến khi không còn trông thấy Ngài nữa thì bể tim chết ngay tại bìa rừng và được sanh Thiên.

Còn chúng ta thì sao đại chúng? Mình chết cũng với tâm thương nhưng là thương cái áo đẹp, thương đôi dép đẹp, thương cái xe đẹp, ... chết mà lưu luyến những thứ này thì trong vòng sanh tử luân hồi cũng tái sanh xuống cõi xấu. Vì vậy, quý Phật tử học Phật Pháp thì phải ráng tranh thủ thời gian còn mấy chục năm trời của mình mà chuyển thành những phước báu. Khi chết đi thì chỉ có phước và tội đi với mình thôi. Vì vậy chúng ta phải ráng tu tập và làm thiện pháp để khi giây phút cận tử là tâm lành. Ngoài đời sống làm phước và tu tập ra thì mình sắp xếp làm sao để giây phút cận tử tốt đẹp mà có cảnh giới kế tiếp được gặp Phật Pháp, Minh Sư, Thầy lành bạn tốt và tiếp tục tu tập. Nghĩa là mình an vui ở hiện tại, an vui ở những kiếp sau. Chúng ta phải biết lo về đời sau kiếp khác, phải suy tư như vậy và xa hơn nữa là phải nghĩ về chuyen đac Đạo, đac Quả.

Như Thầy nói, nếu đại chúng không có phước thì mình ít nghĩ về những điều này lắm. Khi không có phước thì chúng ta chỉ lo ở hiện tại, ăn ngủ ra sao, một gia đình căn bản là hạnh phúc. Nhưng những thứ hạnh phúc này nhỏ lắm quý Phật tử, mình phải nghĩ về đời sau và những thứ xa hơn. Cho nên quý Phật tử có một duyên lành nào đó thì mới có những ưu tư về điều này chứ không đơn giản mà tự nhiên có những cái ưu tư này đâu.

### III. HỌC CÁC SỞ HÀNH CỦA ĐỨC PHẬT TRONG BÀI KINH SỐ 91 – TRUNG BỘ KINH

Tiếp theo đại chúng học nội dung thứ hai. Thầy sẽ đọc lướt qua, sau đó chúng ta cùng phân tích. Trong **Kinh Trung Bộ - Kinh số 91 - Brahmāyu Sutta** nói về ông Bà-la-môn già tên *Brahmāyu* khi nghe tướng tốt của Đức Phật nên không tin và cho người đệ tử là Bà-la-môn *Uttara* theo dõi Ngài suốt 7 tháng. Sau khi theo dõi, Bà-la-môn *Uttara* về thưa với Thầy của mình là quả thật Đức Phật có đầy đủ 32 tướng tốt và kể về Sở hành của Đức Phật như thế này:

*“...Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi*

*mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp về lên, không duỗi bắp về xuống, không đưa bắp về vào trong, không đưa bắp về ra ngoài. Khi đi Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không dùng toàn thân lực. Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân. Khi đi không có ngưỡng mặt lên, không cúi mặt xuống, không có ngó quanh, và chỉ ngó xuống khoảng một tầm (**yugamattam**, bề dài một cái cày). Xa hơn, tri kiến được mở rộng (**anavatam**: không bị che đậy).*

*Khi đi vào nhà, Tôn giả Gotama không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; vị ấy quay lưng không quá xa ghé ngò, không quá gần ghé ngò; ngò trên ghé, không nắm chặt thành ghé, không gieo thân ngò xuống ghé...”*

*“Đức Phật đi không quá nhanh cũng không quá chậm”, ở đây diễn tả Ngài đi không chậm cũng không nhanh, vì đi quá nhanh hay quá chậm cũng không đẹp. Cách Ngài đi không bước quá xa cũng không bước quá gần. Khi được học thì Thầy biết tại sao Đức Phật lại đi như vậy. Vì lý do khi Ngài đi đến một hội chúng nào đó, nếu Ngài đi nhanh thì họ nghĩ là Ngài muốn về, không muốn ở đó. Và ngược lại nếu Ngài đi chậm thì họ nghĩ là Ngài muốn ở lại. Chúng ta nên biết Đức Phật làm gì phải có ý nghĩa, đều có lý do cả.*

Nhờ có cuộc gặp gỡ với Ngài Đại Trưởng lão *Assaji* mà hai tu sĩ Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) và Mục-Kiền-Liên (*Mahāmoggalāna*) đã xuất gia với Đức Phật. Hai vị tu sĩ này là đôi bạn thân cùng tu học với vị Thầy Bà-la-môn *Saṅḍhaya*. Cả hai vị đã đi học nhiều nơi mà chưa thỏa mãn với sự học của mình nên hứa với nhau là nếu ai tìm được vị Thầy trước thì sẽ nói với người kia.

Duyên lành vào một sáng sớm trong thành Vương Xá (*Rājagaha*), Thầy Xá-Lợi-Phất đã gặp được Ngài *Assaji* - một trong năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên với Đức Phật tại vườn Nai (*Lộc Uyển – Isipatana, Varanasi*). Lúc này Ngài *Assaji* đang đi trì bình khát thực. Khi nhìn thấy Ngài *Assaji* có dáng đi rất đẹp, oai nghiêm, mắt nhìn về phía trước, bước đi chậm rãi nên Thầy Xá-Lợi-Phất có ngay niềm tin mãnh liệt nơi Ngài. Lúc này Thầy chưa chứng Thánh quả nên không biết Ngài *Assaji* đã chứng quả Thánh nào. Chờ đến khi Ngài khát thực xong thì Thầy Xá-Lợi-Phất cung kính hỏi:

*“Thưa đạo sĩ, phong thái của Ngài rất ung dung, đạo đức của Ngài biểu hiện ra từ dáng đi, từ cử chỉ cho đến nét mặt. Tôi xin mạn phép hỏi: Ngài đã xuất gia tu học với ai? Ai là thầy của Ngài? Và vị đạo sư ấy dạy giáo pháp gì?”*

Ngài Assaji trả lời: “*Tôi tu học dưới sự chỉ dẫn của vị đại sa-môn Gotama. Thầy của tôi xuất thân từ dòng họ Sakya. Chúng tôi gọi người là **Phật**. Người hiện đang ở nơi đền Suppatthita trong Rừng Kè. Tôi chỉ mới theo học với Thầy tôi gần đây thôi; giáo pháp của thầy tôi vi diệu lắm nên tôi chưa đủ sức tuyên giải đâu. Ngài nên tìm đến thầy tôi, Thầy sẽ chỉ dạy cho Ngài*”. Sau đó Ngài Assaji nói lên bốn câu kệ:

*“Muôn vật từ duyên sinh,  
Lại từ duyên mà diệt,  
Bậc giác ngộ tuyệt vời,  
Đã từng như vậy thuyết.”*

Khi mới đọc đến câu kệ thứ hai thì Thầy Xá-Lợi-Phất chứng Sơ quả. Sau khi xuất gia với Đức Phật một thời gian thì Thầy đắc Thánh quả A-la-hán và được Đức Thế Tôn tán thán là “*Bậc có Trí tuệ đệ nhất*” trong hàng đệ tử của Ngài. Thầy là tướng quân Chánh Pháp, là cánh tay phải của Đức Phật. Trên đất trời này nếu không tính Đức Phật thì Thầy Xá-Lợi-Phất đứng thứ nhất về trí tuệ.

Có một câu chuyện cảm động thế này.

Hằng ngày, trong tinh xá nếu có Đức Phật thì Thầy xá-Lợi-Phất đến đánh lễ Đức Phật, nếu không có Đức Phật thì Thầy hướng về nơi Đức Thế Tôn đang trú mà đánh lễ. Sau đó Thầy đến đánh lễ Ngài Assaji. Nếu Ngài Assaji không có trong tinh xá thì Thầy

hướng về nơi trú của Ngài Assaji mà đánh lễ. Lý do Thầy Xá-Lợi-Phất làm như vậy vì Thầy nhớ cái ơn của Ngài Assaji đã đưa Thầy vào đạo và đặc Sơ quả. Quý Phật tử biết lúc này Ngài Assaji đâu có trí tuệ như Thầy Xá-Lợi-Phất, Ngài đâu phải là cánh tay phải và là tướng quân Chánh Pháp, nhưng Thầy vẫn hằng ngày đánh lễ Ngài Assaji vì đây là vị Thầy đầu tiên đã đưa Thầy vào đạo. Bậc Thánh là như vậy đó đại chúng. Chúng ta học được bài học qua câu chuyện này đó là đạo đức, là tâm lòng biết ơn. Trong **Kinh Tăng Chi - Chương Hai Pháp - Phẩm Các Hy Vọng**, Đức Phật dạy:

*“Có hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thi ân trước và người biết nhớ ơn đã làm. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời”.*

Ở đây Đức Phật dạy về người biết ơn và người đền ơn là hai hạng người khó có mặt ở cuộc đời. Giữa những chúng sanh biết ơn và vô ơn thì Đức Phật nói chúng sanh vô ơn nhiều như đất ở trên quả Địa cầu, còn chúng sanh biết ơn và đền ơn thì ít như đất ở trong lòng bàn tay. Vì vậy đại chúng hay thắc mắc vì sao trên đời này lại có nhiều người vô ơn như vậy. Hôm nay quý Phật tử học Phật Pháp rồi thì thấy nhiều người vô ơn đó là chuyện bình thường. Nói không đâu xa, chúng ta nhìn lại bản thân mình nè. Quý Phật tử để ý thử xem, nếu mình không có đạo lý, không có người

hướng dẫn, dạy dỗ, không được thân cận Thầy lành bạn tốt, không có các bậc thiện tri thức dạy là chúng ta quên sạch ân nghĩa. Chính Cha Mẹ là người gần gũi với mình mà mình còn quên ân nữa. Vì vậy Thầy nói *“biết ơn và đền ơn”* là khó lắm thưa quý Phật tử.

Bữa giờ mọi người học lớp Giáo lý Thầy dạy. Rồi hôm nào mọi người có giận Thầy thì giận chứ không được giận Pháp nha. Mọi người có bỏ Thầy thì bỏ chứ đừng có bỏ Phật. Đại chúng nên nhớ: *“Ta đi với nghiệp của ta, thiện nghiệp và ác nghiệp là tài sản của mình, phước và tội là tài sản của mình, khổ đau và hạnh phúc là bản thân mình chịu trách nhiệm”*. Quý Phật tử phải hiểu như vậy nên khi mình có duyên với ai thì cố gắng tạo duyên lành, hướng dẫn họ tu tập, đến với Chánh Pháp. Còn mình không có duyên thì thôi, họ vô ơn thì chúng ta sống với *“tâm xả”*. Mỗi người có mỗi nghiệp riêng, mình cũng muốn giúp lắm mà tìm hết cách giúp không được thì mình vẫn thanh thản nhẹ nhàng đó là tâm xả.

Tiếp theo ta học thế ngồi của Đức Phật. Đại ý là dáng ngồi của Ngài rất đẹp và trang nghiêm. Trong Kinh nói thế này:

*“...Khi ngồi trong nhà. Ngài không rung tay, không rung chân, không ngồi tréo đầu gối với nhau, tréo mắt cá với nhau, không ngồi tay chống cằm. Khi ngồi trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy,*

*không có dao động, không có hoảng hốt. Như vậy Tôn giả Gotama ngồi, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, Thiền tịnh độc cư...”*

Chúng ta qua oai nghi kế tiếp của Đức Phật là Ngài nhận nước rửa bát. Quý Phật tử biết vào thời Đức Phật là Tăng chúng dùng bát đi khuấy thực. Các Ngài đi vào buổi sáng, nếu khát thực tới trưa quá giờ Ngọ mà không có thí chủ đặt bát cúng dường vật thực thì sao? Quý Thầy sẽ nhịn đói cả ngày hôm đó.

*“...Khi nhận nước để rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát, không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bát cũng rửa xong, khi bát rửa xong, tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát không quá xa, không quá gần, và không vẩy nước cùng khắp.*

*Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều. Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng thức ăn.*

*Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị. Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Nhu vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi lầm, sống được an ổn".*

*Ngài ăn xong lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong, khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp.*

*Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát..."*

---

Thời Đức Phật, chư Tăng buổi sáng đi khuất thực, có khi thí chủ thỉnh về nhà, có lúc Đức vua xức đồ thỉnh vào trong cung điện, có khi thí chủ đem vật thực đến tinh xá cúng dường. Đến hôm nay thừa đại chúng, có một số nước Phật giáo Nam Truyền vẫn còn giữ truyền thống đi bát, thí chủ cúng gì ăn đó. Vào thời Đức Phật cũng như vậy, thí chủ cúng thịt thì ăn thịt. Đức Phật ra quy định cho phép Tăng đoàn thọ nhận vật thực **Tam Tịnh Nhục – Không thấy, không nghe, không nghĩ vì mình mà giết** (*ba loại thịt thanh tịnh*). Tăng chúng ăn một ngày một buổi không ăn quá giờ Ngọ, không ăn 10 loại thịt sau đây: thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu.

Khi Tăng đoàn đi bát, thí chủ cúng rau ăn rau, cúng thịt ăn thịt, ăn không được chọn lựa. Có khi người ta cúng ba trái dưa là đầy bát, nghĩa là ngày đó uống nước dưa thay cơm, hoặc cúng mấy trái dưa hấu hay mấy trái sầu riêng thì cũng phải ăn cái đó đến ngày mai mới đi bát lại. Việc đi bát khát thực như vậy là hạnh của chư Phật. Đệ tử Phật ăn mục đích chính là để có sức khỏe tu tập. Việc đi khát thực rất khó nhọc quý Phật tử. Một vị Sư đầu trần chân đất, bữa nào người ta cho đồ ngon thì không nói nhưng hôm nào cho đồ thiu hay đồ không vệ sinh thì các Sư cũng không có lựa chọn. Việc quý Ngài đi khuất thực như vậy là để gieo duyên.

Khi Đức Phật đã già, Ngài Đại Trưởng Lão Đại-Ca-Diếp (*Mahā Kassapa*) – Bậc thực hành hạnh Đầu Đà đệ nhất trong Tăng đoàn của Đức Phật nay cũng già rồi. Có ngày hôm đó Ngài mới nói thế này với Thầy Đại-Ca-Diếp: “*Lâu nay con đã hành Hạnh Đầu Đà ở nơi rừng sâu núi thẳm rồi, bây giờ con về với Như Lai*”. Ngài Đại-Ca-Diếp mới nói như vậy: “*Kính bạch Đức Thế Tôn! Đôi chân của con còn khỏe và còn có thể đi được, việc khát thực của con còn đang lợi ích cho nhiều chúng sanh, nên con xin phép Đức Thế Tôn lúc này con không thể quay về bên cạnh Đức Thế Tôn được*”. Đại chúng thấy Ngài Đại-Ca-Diếp tuy đã lớn tuổi nhưng Ngài vẫn muốn gieo duyên với chúng sanh, nếu ai cúng dường được cho Ngài là phước rất lớn.

Có một lần, Vua trời Đế Thích (*Sakka*) làm chủ cõi Trời thứ 33 cảm thấy buồn tẻ vì không có hào quang chói lòa như chư Thiên khác nên tìm cơ hội tạo phước đến các vị Thánh. Ngài Đại Trưởng Lão Đại-Ca-Diếp sau khi nhập diệt thọ tướng 7 ngày đêm xong sáng hôm sau đi khát thực tế độ người nghèo. Đức vua Trời Sakka cùng hoàng hậu giả làm người thợ dệt nghèo khổ sống trong chòi lá cũ kỹ bên đường Ngài Đại trưởng lão đi qua. Khi nhìn thấy ông bà nghèo khổ nên Ngài dừng lại tế độ. Ông bà lão nhận bát và cung kính cúng dường thức ăn vào bát Ngài, nhận thấy đây là thức ăn cõi Trời nên Ngài biết là Vua trời Sakka và

hoàng hậu nên quở trách hai vị đã lấy mất cơ hội bố thí của người nghèo. Vua Trời buồn kể về thân phận nghèo nàn của mình. Sau đó, Đức Phật biết câu chuyện này nên dạy câu kệ rằng:

*“Tỳ-kheo sống bằng khát thực  
Tự mình nương tựa chính mình  
Tịch lặng, chú tâm, hằng giác  
Chư Thiên tôn kính hoan nghinh.*

*Hương chiên đàn, già la,  
Chưa phải là thơm phức,  
Hương người có giới đức,  
Xông ngát cả chư Thiên.”*

***(Kinh Pháp Cú – Phẩm Hoa)***

Xin thưa đại chúng, hạnh khát thực là gieo duyên với chúng sanh. Những vị chưa chứng Thánh quả đi khát thực là để thực hành hạnh vô ngã, khiêm tốn. Vì đi khát thực rồi còn gì nữa đâu mà kiêu mạn, luôn cuối đầu, hành hạnh kham nhẫn, không còn ngã mạn nữa. Thí chủ cúng gì thì ăn đó, ăn không được chọn lựa, đi dưới nắng dưới mưa... đó là thực hành hạnh kham nhẫn. Tuy nhiên Đức Phật có dạy trong Kinh Tăng Chi về Tám lỗi lầm của cư sĩ khiến Tăng chúng úp bát (Pattanikkujjana), không nhận sự cúng dường.

*"Này chư Tỳ-kheo, với người cư sĩ có một trong tám lỗi này, Tăng chúng có thể úp bát đối với người ấy, nếu muốn:*

*1- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo mất lợi lộc (Bhikkhūnaṃ alābhāya parisakkati), như là ngăn chặn người khác cúng dường các Tỳ-kheo...*

*2- Cố tình gây bất lợi cho chư Tỳ-kheo (Bhikkhūnaṃ anattthāya parisakkati), như là làm cho các Tỳ-kheo bị xáo trộn, lo sợ mà không tu tập được.*

*3- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo không chỗ ở (Bhikkhūnaṃ anāvāsāya parisakkati), như là đập phá tịnh thất của chư Tỳ-kheo, hoặc đuổi các Tỳ-kheo đi khỏi chùa mà họ có quyền hạn.*

*4- Mắng chửi nhiếc móc các Tỳ-kheo (Bhikkhū akkosati paribhāsati), như nói với Tỳ-kheo bằng lời kiếm nhả do sân tâm.*

*5- Chia rẽ Tỳ-kheo với Tỳ-kheo (Bhikkhū Bhikkhūhi vibhedeti), như là nói ly gián giữa các Tỳ-kheo, tạo sự bất hòa giữa các Tỳ-kheo, làm cho các Tỳ-kheo không hòa hợp.*

*6- Phỉ báng Phật (Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati), như là nói lời phạm thượng, nói xuyên tạc, nói lời bất kính với Đức Phật.*

7- *Phỉ báng Pháp (Dhammassa avañṇam bhāsatī), nói lời công kích, xuyên tạc, bất kính với Giáo Pháp.*

8- *Phỉ báng Tăng (Saṅghassa avañṇam bhāsatī), nói mạ lỵ, xuyên tạc, bất kính đối với Tăng chúng.”*

### **(Kinh Tăng Chi – Chương 8 Pháp)**

Chúng ta học tiếp tục sau khi ăn xong Đức Phật làm gì. “...*Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức). Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ...*”

Thường thí chủ thỉnh Đức Phật cúng dường, khi dùng xong thì Ngài nói lời tùy hỷ với công đức cúng dường ấy. Hay chúng ta nói như bây giờ là chia phước, chúc phúc, hồi hướng. Khi ăn xong thì Ngài ngồi chỉ một lát chứ không ngồi lâu. Ngài không chỉ trích bữa ăn ấy và cũng không mong bữa ăn khác, Ngài không nói: “*Bữa sau cúng tiếp nha!*”. Sau đó Đức Phật nói bài Pháp ngắn tùy căn cơ, duyên lành mỗi người mà Ngài nói bài Pháp cho thích hợp. Có khi Ngài nói về các công đức của bố thí, các công đức để sanh Thiên, các cõi Trời vui như thế nào cho người ta khởi tâm lành. Lại có những bài Pháp, Ngài nói về

công đức giữ giới, về sự nguy hiểm của Ngũ dục, về Bát Thánh Đạo, Tứ diệu đế, Giới Định Tuệ... để người đó đi xa hơn về con đường xuất ly làm Thánh. Đại ý là Đức Phật quán xét xem duyên người đó tới đâu, căn cơ của họ tới đâu mà Ngài hóa độ. Đó gọi là Ngài thuyết “*Tuần Tự Pháp*” nha đại chúng, nghĩa là tùy căn cơ mà Ngài nói.

*“...Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Ngài đi không quá mau, không quá chậm. Ngài đi không phải (như muốn) lánh xa hội chúng ấy...”*

Nghĩa là sau khi dùng cơm xong, Đức Phật chúc phúc, nói lời tùy hỷ rồi Ngài đứng dậy, đi không quá nhanh không quá chậm. Như lúc này Thầy có nói, Ngài đi không quá nhanh vì không muốn cho người ta hiểu lầm là Ngài muốn đi về sớm, Ngài đi không quá chậm vì không muốn người ta nghĩ Ngài muốn ở lại. Có một câu chuyện vui thế này, khi thực tập đi kinh hành, chánh niệm theo dõi từng bước chân, từng bước chân. Với mỗi bước chân đặt xuống thì quý Phật tử ý thức được bước chân đặt xuống, bàn chân chạm đất. Hôm đó có cô gái khi nghe dạy như vậy thì cô cũng đi từng bước trong chánh niệm. Trong lúc đi có nhiều lúc vọng tưởng nên cô quên hẳn và không tập trung vào bước chân nữa. Cô này mới nhớ lại lời dạy là: “*Làm lại từ đầu*”. Làm lại từ đầu nghĩa là nếu thất

niệm thì tiếp tục lấy lại chánh niệm, và bước từng bước chân có chánh niệm. Hôm đó đang đi buổi kinh hành thì người ta nhìn thấy cô đi lùi mấy mét rồi cô dừng lại và đi tới phía trước. Khi đi tới một hồi thì cô lại dừng lại và đi lui... Có một người hỏi cô vì sao đi kinh hành mà cô cứ đi tới đi lui hoài như vậy. Cô này trả lời là do đang đi một đoạn thì mất chánh niệm do vọng tưởng nên phải *“làm lại từ đầu”* nên cô đi lui lại đoạn đó. Không phải như vậy nha đại chúng! Thêm một câu chuyện vui thế này. Hôm đó có một anh đi trên chiếc thuyền, anh ngồi chỗ đầu mạn thuyền thì bị rớt cây kiếm xuống sông. Khi chiếc thuyền đi được một đoạn thì anh cứ nhìn ngay chỗ mạn thuyền để tìm cây kiếm đó. Anh tìm được không đại chúng? Thuyền đã đi được một đoạn rồi, dù kiếm rớt ngay đầu thuyền nhưng anh không thể tìm được vì cây kiếm đã ở tuốt phía sau rồi. Ở đây *“làm lại từ đầu”* có nghĩa là khi mình lỡ vọng tưởng, thất niệm thì lập tức thiết lập lại chánh niệm chứ không phải mất chánh niệm đoạn đường nào thì đi lui lại chỗ đó nha quý Phật tử.

Bây giờ mình học qua chỗ Đức Phật đáp y:  
*“...Tôn giả Gotama đắp y, không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp, không dính sát vào thân, không rơi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân. Tôn giả Gotama, bụi nhót không dính vào thân Tôn giả Gotama...”*

Thưa quý Phật tử, trong hàng ngũ xuất gia vào thời Đức Phật có đầy đủ các giai cấp: đại gia, tỳ phú, luận sư, vua, quan, người trí thức... Những người ấy từ bỏ tất cả vật chất, quyền hành để sống đời Sa-môn phạm hạnh. Vì duyên lành của các vị đã từ bao nhiêu kiếp nên nay như giọt nước tràn ly khi được sanh vào thời có Đức Phật xuất hiện và xuất gia làm đệ tử của Ngài.

Thời Đức Phật còn tại thế, có vị Tỳ-kheo Bạt-Đề (*Bhaddiya*). Khi chưa xuất gia, Thầy làm quan Tổng trấn miền Bắc vương quốc *Sakka*, và là người trong hoàng tộc *Sakya*. Sau khi quy y Phật, Thầy chuyên tu Hạnh Đầu Đà, chỉ ngủ dưới gốc cây và chuyên cần thực hành thiền Quán. Tỳ-kheo *Bhaddiya*, sau khi nắm đề mục từ Đức Thế Tôn, Thầy tinh cần tu tập. Đêm kia, ngồi dưới gốc cây, đi sâu vào định, cảm nhận một niềm phúc lạc vô biên chưa hề có ở trong đời, hoan hỷ quá, Thầy Bạt-Đề thốt lên:

- “*Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!*”

Khi Thầy thốt lên như vậy thì quý Thầy đang hành thiền gần đó mới nghe được nên nghĩ: “*Chắc là Thầy ấy nhớ lại ngày xưa khi chưa đi tu, còn ở ngoài đời có danh vọng, quyền hành, tiền bạc, gia đình đầy đủ hết nên Thầy nhớ lại giây phút đó trong lúc hành thiền*”. Sau đó quý Thầy tới bạch với Đức Thế Tôn.

Chiều hôm sau, sau buổi Pháp thoại, Đức Phật nói với Thầy Bhaddiya:

*“- Có phải thế không, này Bhaddiya! Đêm hôm qua, trong lúc thiền tọa, ông đã bất giác thốt lên: “Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!” Điều ấy là đúng sự thật hay không đúng sự thật?”*

Lúc này, Thầy Bhaddiya mới thưa: *“Kính bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài chứng minh cho con, con xin được sám hối cùng Ngài và Tăng chúng. Đúng là tối hôm qua khi đang hành thiền con có thốt lên: Ôi hạnh phúc quá! Ôi hạnh phúc quá!”. Đức Phật mới hỏi tại sao Thầy lại nói như vậy, Thầy Bhaddiya thưa:*

*“Kính bạch Đức Thế Tôn! Con thấy trước kia khi con ở ngoài đời, con không thiếu gì hết, đời sống gia đình, vợ đẹp con xinh, quyền hành, tài sản vật chất, người hầu kẻ hạ...dù có đầy đủ nhưng con vẫn cảm thấy tâm bất an. Bây giờ con được xuất gia làm đệ tử của Đức Thế Tôn, với đời sống “tam y nhất bát”, một đời sống giản đơn về tứ sự. Giờ phút đó con cảm thấy bình an và hạnh phúc, không có bất an, lo lắng, sợ hãi bất cứ điều gì dù trước kia con đầy đủ nhưng con luôn bất an. Trong lúc đó con mới thốt lên: Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá là như vậy”.*

Cho nên đại chúng thấy, đôi khi chúng ta giàu có, đầy đủ vật chất, có thể mua được một chiếc giường đẹp nhưng chưa chắc mua được giấc ngủ ngon. Quý

Phật tử có thể mua được căn nhà lớn nhưng chưa chắc mua được hạnh phúc trong gia đình. Chúng ta mua được đồng hồ đẹp, có thể nhìn thấy thời gian nhưng không mua được thời gian. Mình mua được loại thuốc bổ đất tiền nhưng không bao giờ mua được sức khỏe. Có gì đảm bảo là mình khi uống những thứ thuốc bổ đó, ăn nhưng món ăn ngon đó là mình khỏe và không bệnh hay không? Trong khi đó, nếu quý Phật tử có phước đức, có đời sống tâm linh, có tu tập thì chắc chắn sẽ có hạnh phúc.

*“...Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân. Ngài ngồi kiết già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai. Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thế giới...”*

Tâm của Đức Phật luôn nghĩ đến chúng sanh là tâm từ, Ngài không nghĩ điều bất thiện, nghĩ xấu ác đến mình và người. Còn chúng ta khi nghĩ đến người khác toàn là dao găm, lựu đạn. Khi ai đó làm gì không vừa ý là mình nói lại với những lời lẽ mà làm đôi bên đều tổn thương. *“Lời nói không là dao nhưng cắt lòng đau nhói. Lời nói không là khói nhưng nghe khóe mắt cay”*. Vì chúng ta là phàm phu, còn buồn phiền, giận hờn. Còn với Đức Phật, tâm tư của Ngài luôn luôn

nghĩ về chúng sanh với tâm từ, cả một đời Ngài đều như vậy. Đến giờ phút cuối cùng Ngài vẫn nghĩ cho nhiều người, nghĩ người đệ tử cuối cùng mà Ngài đi đoạn đường rất xa để nhập Niết Bàn tại Kusinārā dù lúc ấy cơ thể rất mệt mỏi.

*“...Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy, trái lại với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ...”*

Khi đi tới hội chúng nào, với trí tuệ của Đức Phật thì Ngài cũng xét căn cơ ở đây như thế nào, tùy căn cơ mà Ngài thuyết bài Pháp thích hợp. Trước nhất là nội dung thích hợp, thứ hai là nội dung ấy nói bao nhiêu câu: một câu, ba câu, năm câu hoặc một bài Pháp dài. Tức là với trí tuệ của Đức Phật, Ngài xét xem nội dung nào thích hợp, sau khi nội dung thích hợp rồi Ngài mới coi thuyết khoảng bao nhiêu lâu và thời gian nào nên thuyết. Còn chúng ta không biết thuyết khi nào, nội dung gì và bao lâu nên mình cứ nói vòng vòng mà cuối cùng lại không đúng. Vì vậy người nào có phước duyên được gặp Đức Phật có lợi lạc nhiều là như vậy đó. Cũng có nhiều trường hợp người đó chưa đủ duyên nên Đức Phật chưa cho gặp, hoặc hôm đó Ngài không đi con đường đó vì dù hôm ấy Ngài đi con đường đó thì người này cũng không có lợi ích vì họ chưa đủ duyên, chưa đến thời để Đức Phật hóa độ. Nhiều người thắc mắc thời Đức Phật có rất

nhieu vị đắc quả vị Thánh vậy. Không phải tự nhiên mà vì đã bao nhiêu kiếp các vị ấy làm bao nhiêu công đức lành rồi. Thời điểm được Đức Thế Tôn hóa độ như là một điểm hẹn, như giọt nước tràn ly.

*“...Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh; lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động...”*

Giọng nói của Đức Phật như tiếng Phạm Thiên, ngọt ngào như tiếng chim Ca-lăng-tần-già (*Karavika*). Đây là tướng tốt thứ 28 của Đức Phật mà đại chúng đã học ở bài **Phật Tướng**. Câu chuyện này hôm trước Thầy đã kể rồi, vào thời Vua A-Dục (*Asoka*), ông rất thương vị Hoàng hậu tên *Asandhamittā*. Hoàng hậu được tặng một con chim *Karavika*, khi chim cất tiếng hát thì dù con thú dữ hung hãn đang rượt con mồi nghe được tiếng hát thì cả con thú săn và con mồi đều quên mất sự sân hận và sợ hãi. Hoàng hậu rất muốn nghe con chim hát vì nghe nói giọng của Đức Phật ngọt ngào như tiếng chim vậy. Sau khi cho chim *Karavika* ăn xoài, rồi cho nhìn vào gương để nó tưởng có thêm một người bạn nữa thì con chim hát. Khi chim hát lên thì ngay lúc đó Hoàng hậu quay lại Thiền Quán, quán Danh Pháp – Sắc Pháp, Tam tướng: Khổ - Vô thường – Vô ngã và bà chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

*“...Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi hội chúng...”*

Thầy ví dụ căn phòng đó 100 mét thì Ngài nói làm sao mà tất cả những người trong phạm vi 100 mét đó ai cũng nghe được giọng của Ngài hết, và với căn phòng 1000 mét cũng vậy, người ở phía trên hay phía dưới đều nghe được giọng Đức Phật rất rõ ràng.

*“...Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ.*

*Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi. Chúng con thấy Tôn giả đứng. Chúng con thấy Tôn giả ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả ăn trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy Tôn giả sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ công đức. Chúng con thấy Tôn giả đi trở về tu viện. Chúng con thấy Tôn giả đi đến tu viện ngồi im lặng. Chúng con thấy Tôn giả đi đến tu viện thuyết Pháp cho hội chúng. Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.”*

Đó là nội dung về Sở hành của Đức Phật nguyên bản trong Kinh Trung Bộ, bài Kinh số 91 kể về oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, rửa bát, đắp y, nói năng...của Ngài. Bây giờ Thầy sẽ nói thêm để quý

Phật tử rõ một số chi tiết ở những bản Kinh khác mà Thầy đọc được. **Kinh Tăng Chi Bộ II - Chương 4 Pháp - Phẩm Sợ hãi phạm tội - Phần Cách nằm, Đức Phật dạy về Bốn cách nằm ngủ:**

*“Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, dạy các Tỳ-kheo:*

*-Này các Tỳ-kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn? Cách nằm của ngạ quỷ, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm của sư tử và cách nằm của Như Lai.*

*Thế nào là cách nằm của ngạ quỷ? Này các Tỳ-kheo, phần lớn các ngạ quỷ nằm ngửa.*

*Này các Tỳ-kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng? Phần lớn các người hưởng thọ các dục vọng nằm nghiêng phía bên trái.*

*Thế nào là cách nằm của sư tử? Này các Tỳ-kheo, sư tử - vua các loài thú nằm nghiêng về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau.*

*Và này các Tỳ-kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai? Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Tứ thiền, đây là cách nằm của Như Lai.*

*Này các Tỳ-kheo, có bốn cách nằm này.”*

Ở đây Đức Phật dạy cho chúng ta có Bốn cách nằm ngủ. Quý Phật tử nhớ đây là ý Kinh ẩn dụ, qua ý ẩn dụ về cách nằm dạy cho mình những bài học.

**1/ Thế nằm của ngạ quỷ:** là thế nằm ngửa, cái bụng nổi lên. Khi nhắc đến ngạ quỷ là nói đến sự tham muốn, thèm khát, luôn luôn không biết đủ. Vì vậy nhân để sanh vào cảnh giới ngạ quỷ đó là sự tham luyến, chấp trước, nhỏ bé, khao khát, không bao giờ biết đủ. Chính vì không biết đủ như vậy nên người nằm ngửa cảm giác cái bụng không bị rỗng. Đây là nói về thế nằm của ngạ quỷ.

**2/ Thế nằm của người hưởng dục:** là thế nằm nghiêng bên trái. Bên trái là nơi chứa trái tim - nơi tượng trưng cho cảm xúc, tình cảm.

**3/ Thế nằm của sư tử:** là thế nằm nghiêng bên phải. Ở đây mình phải hiểu tại sao thế sư tử là thế nằm nghiêng phải. Con sư tử nằm nghiêng về bên phải để nó luôn luôn sẵn sàng phóng về phía trước. Và đây là đang nói về con người của mình. Quý Phật tử có thấy sáng nào mình cũng chạy, chúng ta chạy cả ngày, trong giấc ngủ cũng chạy. Dù mình ngồi trong nhà nguyên ngày cũng luôn luôn chạy. Mình chạy đi tìm cái danh, cái lợi, ngũ dục, chạy đi tìm sự hưởng thụ ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nghĩa là cả một đời chúng ta luôn luôn chạy, chạy mãi. Nếu biết Phật Pháp thì đại chúng biết tiến đến chỗ nào, còn không biết tu thì

trong chợ đời khốc liệt như vậy, chúng ta cứ tiến tới những chỗ bất thiện là khổ khủng khiếp.

**4/ Thế nằm của Đức Phật.** Trong Kinh diễn tả thế nằm của Đức Phật là thế nằm cát tường. Quý Phật tử nhớ là Đức Phật cũng nằm thế sư tử nhưng tâm của Ngài không “*tiến tới*” như chúng ta. Tâm của Ngài đã vượt qua hết tất cả những điều bất thiện, tâm Ngài đã thanh tịnh và không còn phiền não nữa. Đức Phật nằm thế cát tường của sư tử.

Quý Phật tử vừa học trong bài Kinh số 91, Đức Phật không có kiểu nhìn nghiêng, nhìn xéo gì hết. Còn chúng ta khi đi ngang nơi nào đó hay liếc liếc nhìn, thấy nhóm 3 người đang tụm lại nói nhỏ nhỏ thì mình cũng liếc liếc và ráng nghe người ta có nói xấu mình không. Ở đây, Đức Phật đang đi về phía trước, nếu Ngài muốn nhìn gì phía sau thì Ngài quay hết toàn thân hướng về điểm đó để nhìn, nếu là chúng ta thì chỉ quay cái đầu lại nhìn hoặc liếc liếc thôi. Trong Kinh nói cái nhìn của Đức Thế Tôn là cái nhìn của con Voi chúa. Quý Phật tử để ý con voi khi đang đi, nếu muốn nhìn nơi nào đó thì nó quay lại toàn thân để nhìn.

Về giọng nói của Đức Phật là giọng Phạm âm và Ngài luôn nói bằng tâm từ. Đặc biệt ở đây quý Phật tử nhớ giùm Thầy, thế nào là lời nói thiện? Lời nói thiện không chỉ là nói đúng mà phải đủ 5 yếu tố. Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy về 5 yếu tố để có lời nói thiện:

*“Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm?”*

*Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm.*

*Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích.”*

***(Kinh Tăng Chi - Chương 5 Pháp – Phẩm Balamôn– Kinh Lời Nói)***

Nhiều khi chúng ta nói điều gì đó làm người khác buồn khổ hay sân hận, sau đó tự nhận là mình nói đúng, không nói sai sự thật. Vậy Thầy hỏi quý Phật tử, đây là lời nói thiện hay không? Muốn biết lời nói đó là thiện hay bất thiện thì phải đủ 5 yếu tố. Khẩu của chúng ta tạo thiện nghiệp và cũng tạo ác nghiệp rất nhiều.

1/ Lời nói phải hợp thời. Chỗ này quan trọng lắm. Gia đình người ta đang có chuyện buồn mà mình nói: *“Buồn gì mà buồn, cuộc đời là vô thường, được đó rồi mất đó...”*. Lời nói này đúng không? Đúng nhưng không hợp thời. Đại chúng phải canh lúc nào người ta tỉnh táo, yên ổn lại thì mình mới nói chuyện triết lý, còn trước đó là phải an ủi.

2/ Điều đó phải là sự thật.

3/ Nói với lời ái ngữ, nhu nhuyển, nhẹ nhàng.

4/ Điều đó nói ra phải có lợi ích. Anh nói sự thật mà nói ra làm người ta đau khổ, giận hơn...thì không có lợi ích.

5/ Nói bằng tâm từ bi.

Đại chúng học thêm chi tiết về cách Đức Phật cười mới thấy mắc cỡ nè! Đức Phật có cười nhưng không cười như mình là cười “*haha, hihi*”. Theo Thầy được học khi Đức Phật cười thì từ chóp răng của Ngài phóng ra một luồng hào quang màu trắng, lúc đó thì Thầy A-nan biết Phật cười. Ngài không như mình là gặp chuyện gì cũng cười. Đi đường gặp người đó dễ thương thì mình cười, xem phim hay, nghe bài nhạc hay cũng cười, ai đó khen cũng cười...rồi hôm nào kẻ thù của mình bị tai nạn thì mình cũng cười. Còn Đức Phật không phải tự nhiên mà Ngài cười. Cách để biết Ngài cười là hào quang màu trắng phóng ra từ chóp răng. Quý Phật tử nhớ chi tiết này: Đức Phật đã cười là phải có chuyện gì đó quan trọng thì Ngài mới cười.

Thầy kể câu chuyện về Hoàng hậu Mạt-Lợi (*Mallikā*) thời Đức Phật. Trước khi trở thành Hoàng hậu của vua Ba-Tư-Nặc (*Pasenadi*) thì cô là con của một người buôn bán bình thường, gia đình cô bán hoa. Hôm đó cô với một số người bạn đi vào rừng chơi và

có nấu cháo đem theo. Sáng hôm ấy Đức Phật và Thầy thị giả A-nan mới đi ngang qua khu rừng đó. Bằng tâm tôn kính cô đã cúng dường phần cháo đến Đức Phật. Sau khi cúng với tâm tôn kính và hoan hỷ, Đức Phật chúc phúc, tùy hỷ công đức cho cô gái thì Ngài cười có hào quang trắng ngay chớp rặng. Thầy A-nan thấy vậy thì biết là sẽ có chuyện gì đó quan trọng. Thầy A-nan thưa: “*Kính bạch Đức Thế Tôn, vì lý do gì mà Đức Thế Tôn cười?*”. Đức Phật mới nói: “*Trong ngày hôm nay, cô gái này sẽ làm Hoàng hậu*”. Ví dụ bây giờ mình tặng ai đó món quà và người đó nói: “*Trong hôm nay, anh sẽ làm Vua*”. Khi nghe vậy đại chúng có tin hay không? Tất nhiên là không tin rồi! Nhưng ở đây, Đức Phật xác nhận cô Mallika sẽ làm Hoàng hậu ngay trong ngày hôm ấy.

Quý Phật tử nhớ giùm Thầy, Đức Phật còn có danh hiệu là **Như Lai** (*Tathāgata*). Danh hiệu *Tathāgata* này có 8 ý nghĩa, trong đó có nghĩa là: người làm đúng như vậy, người mà hành động của họ tương hợp với lời nói và lời nói của họ tương hợp với hành động. Đây là một đức tính rất đáng khâm phục, một đức tính rất hiếm thấy nơi con người. Và Đức Phật có danh hiệu là **Như Lai** (*Tathāgata*) - nói như thế nào làm như thế ấy và làm như thế nào nói như thế ấy. Dù Ngài ở một mình hay ở trước hội chúng thì lời nói của Ngài vẫn như vậy, oai nghi cũng như vậy, không hề thay đổi.

Vào ngày hôm đó, Vua Ba-Tư-Nặc (*Pasenadi*) nước Kosala kéo quân đánh nhau với quân Vua A-Xà-Thế (*Ajātasattu*) nước Magadha. Vua A-Xà-Thế là cháu của Vua Ba-Tư-Nặc, thường thì ông đánh thắng nhưng trận đó ông lại đánh thua. Thay vì khi đánh thắng trận thì ông sẽ đường đường chính chính đi vào cung bằng đường đại lộ. Nay đánh thua nên ông lui thủ đi đường rừng về. Khi đang đi ngang đường rừng thì ông mới gặp Mạt-Lợi. Đây cũng là cái duyên, gặp cô Mạt-Lợi là ông thấy cảm mến liền. Sau đó do đánh trận mệt mỏi nên ông mới nghiêng vào đùi của cô gái và ngủ ngon lành. Khi tỉnh dậy, ông cảm thấy rất thương Mạt Lợi nên hỏi cô đã có chồng chưa. Quý Phật tử biết tại sao ông hỏi không? Mặc dù là vua một nước, muốn cưới ai thì cưới nhưng vì Vua Ba-Tư-Nặc là Phật tử thuần thành, ông theo dõi Đức Phật 7 năm. Sau đó ông quy y và rất thương Phật. Ngày nào rảnh là ông vào tỉnh xá thăm Đức Phật và quỳ gối hôn lên chân Phật. Lần cuối cùng ông được gặp Đức Phật, lúc này ông cũng đã già rồi. Khi đi thăm Đức Phật về thì trên đường ông và một tỳ nữ bị giết chết và bị chiếm ngôi vua. Sau khi chết, ông được tái sanh lên cung Trời vì lúc còn sống ông làm rất nhiều công đức và hộ trì Tam bảo. Tương lai Vua Ba-Tư-Nặc sẽ là một vị Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi vua ngủ dậy và hỏi Mạt-Lợi xong thì ông cho người hỏi cưới cô và phong làm Hoàng hậu ngay

trong ngày hôm đó luôn. Đức vua rất thương vị Hoàng hậu Mallikā này. Sau đó có một ngày khi đang đứng trên lầu cao của cung điện, ông hỏi: “*Hoàng hậu thương ai nhất?*”. Bà trả lời: “*Thiếp thương Đức Vua nhất! Nhưng Ngài cho thiếp trả lời sâu hơn thì thiếp thương bản thân mình nhất! Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương chăng?*”. Đức vua thấy lạ nên hôm sau đến tịnh xá hỏi Đức Phật về câu trả lời của Hoàng hậu Mallikā có đúng hay không. Đức Phật xác nhận câu trả lời này đúng và Ngài nói lên câu kệ:

*“Tâm ta đi cùng khắp,  
Tất cả mọi phương trời,  
Cũng không tìm thấy được,  
Ai thân hơn tự ngã.  
Tự ngã đối mọi người,  
Quá thân ái như vậy.  
Vậy ai yêu tự ngã,  
Chớ hại tự ngã người.”*

*(Tương Ứng Bộ Kinh – Chương Tương Ứng  
Kosala - Kinh Mallikā)*

Đại ý câu này nghĩa là ai cũng thương mình hết. Quý Phật tử có thương chồng, thương vợ, thương con cũng không bằng thương bản thân mình. Bởi vì thương mình nên người đó có làm gì cho mình thì

mình mới thương họ. Nghĩa thâm sâu là vậy đó đại chúng. Đó là Thầy kể câu chuyện Đức Phật cười là như vậy. Mỗi khi Ngài cười là có lý do hết, còn chúng ta cười thì sao? Ông bà ta có câu: *“Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”*. Nhưng quý Phật tử nhớ thêm câu này nữa: *“Cười không đúng chỗ thì lấy rổ đựng răng”*. Người đời có câu nói thế này:

*“Nụ cười là nước mắt khô không lệ  
Người ta cười khi quá chua cay”*

Có khi người ta cay đắng quá mà phải cười. Quý Phật tử có cái này không? Mình khổ quá mà vẫn cười, nhìn thấy người đó đối xử tệ bạc với mình, thay vì giận, bực rồi chửi thì mình chỉ cười. Đại chúng thấy có những trường hợp vì quý kính vị đó nên chúng ta cười, và cũng có khi khinh bỉ ai đó mà cười. Có cô này suốt ngày cười, hỏi vì sao thì cô trả lời: *“Không cười em biết giấu nỗi buồn vào đâu?”*. Vậy chúng ta học về oai nghi cười của Đức Phật là khi Ngài cười thì chớp răng phóng ra hào quang màu trắng, và Ngài cười là có lý do chứ không tự nhiên cười.

Thầy nói thêm về sự suy nghĩ của Đức Phật. Quý Phật tử đã học rồi, Ngài luôn nghĩ với tâm từ, nghĩ lợi ích không chỉ với gia đình, thân quyến, đệ tử mà với tất cả chúng sanh. Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) năm lần bảy lượt hãm hại nhưng Ngài không bao giờ giận Đề-Bà-Đạt-Ba. Ông lăn đá, thả voi say, thuê sát thủ

hại Ngài, đòi lãnh đạo Tăng đoàn nhưng không bao giờ Đức Phật giận, nặng lời hay nói những câu bất thiện với Đề-Bà-Đạt-Đa. Dù người đó như thế nào thì Đức Phật là: *“Thủy chung vẫn một niềm thương”*. Còn việc ai không thương được Ngài là do họ mà thôi. Khi học những điều này, chúng ta mới thấy Đức Thế Tôn vĩ đại như thế nào. Bài giảng trước Thầy có hướng dẫn cách lạy Phật. Khi Thầy lạy Phật thì câu đầu tiên của Thầy là: *“Con xin kính lạy Đức Thế Tôn, ai Đức Thế Tôn cũng thương”*. Ai Đức Phật cũng thương, còn chúng ta thì chỉ thương bản thân, người trong gia đình, thương Chùa, đệ tử, bạn bè, những người đối xử tốt với mình mà thôi. Và đặc biệt là kẻ thù thì mình không thể thương được. Đối với Đức Phật khi nghĩ về chúng sanh thì chỉ có một niềm thương không phân biệt.

Hôm nay Thầy nói cho quý Phật tử một số ý căn bản về *“Sở Hành Của Đức Phật”*. Ngài đi như thế nào, đứng, ngồi, nằm, suy nghĩ, nhận vật thực, ăn, nói, cười, nhìn, đáp y... làm sao. Đây là nội dung của bài **Kinh số 91: Brahmāyu thuộc Kinh Trung Bộ**. Nội dung chính tiếp theo là Thầy nói về *“Năm phận sự thường nhật của Đức Phật”* nghĩa là từ khi thành đạo rồi thì trong 24 giờ, Đức Thế Tôn chỉ nghỉ ngơi khoảng hơn 1 tiếng, thời gian còn lại trong ngày là Ngài dành cho việc *“độ sanh”*. Độ sanh tức là giúp đỡ chúng sanh, đưa chúng sanh về con đường thiện,

tùy duyên người đó mà thiện tới đâu. Có những người làm thiện để sanh cõi Trời, cõi người tốt đẹp. Có người làm thiện cấp cao hơn một chút là để đắc thiên. Và thiện cao nhất là Đức Phật tùy duyên hướng dẫn người đó để đắc Thánh. Mục đích tối hậu của người đệ tử Phật là tu tập để đoạn kiết sử, phiền não, đắc Thánh quả. Đó là mục đích cao nhất, thấp hơn một chút là đắc Thiên, thấp hơn nữa cũng là thiện nghĩa là mình biết bố thí, cúng dường, làm công quả...nhưng cái tâm của mình khi làm thiện là để được đẹp, giàu, khỏe, thông minh, được sanh cõi Trời...điều đó là tốt, là thiện nhưng cái thiện này là “*Thiện hữu lậu*” (thiện của Nhân Thiên). Sau khi tái sanh chúng ta có thể được những điều này nhưng mình vẫn có thể rớt xuống cõi xấu, không có gì đảm bảo hết. Như lúc này Thầy nói, sức khỏe của chúng ta không có gì bảo đảm sẽ luôn tốt, tuổi thọ không có gì bảo đảm. Hôm nay mình sống đây, chưa biết ngày mai nghiệp gì sẽ trở. Chỉ khi chúng ta tu tập chứng Thánh quả thì mới có những điều bảo đảm.

Khi học về Sở hành của Đức Phật, ngoài những oai nghi, lời nói rất tuyệt vời của Ngài thì Thầy rất cảm động chi tiết trong 24 giờ Đức Thế Tôn chỉ nghỉ ngơi hơn 1 tiếng, các giờ còn lại là dành cho việc độ sanh và rộng rãi như vậy suốt 45 năm từ lúc thành đạo là Ngài nghĩ đến việc tế độ hai vị thương gia cho đến

cuối đời trước khi Ngài nhập Niết Bàn tại *Kusinārā* là độ cho vị đệ tử cuối cùng *Subhadda*.

